

Người dịch : TRẦN VĂN KHÁ

VÒNG LUÂN HỒI

(The Wheel of Rebirth)

H. K. CHALLONER

Theosophical Publishing House London LTD
68 Great Russell Street London W. C. 1

VÒNG LUÂN HỒI

Tác phẩm của tác giả H. K. Challoner
(Janet Victoria Ailsa Mills, 1894-1987)

Regents of the seven spheres

The Path of Healing

The Sword and The Spirit

Invocation and Other Poems

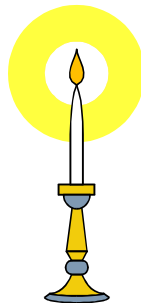
Viết chung với Roland Nothoven

Antidote to Fear

Out of Chaos

Nội dung

Chương	Trang	
	Anh	Việt
Ghi chú mở đầu cho Ấn Bản thứ 1	9	6
Dẫn nhập cho Ấn Bản thứ 2	11	8
Lời tựa	25	27
I- Châu Atlantis	45	51
II- Ai Cập	59	68
III- Ba Tư	124	159
IV- Hy Lạp	145	189
V- Đức	169	224
VI- Ý	206	274
VII- Anh	218	290
Phần Kết	252	337



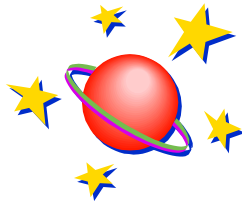
Chú giải mở đầu cho Ấn bản thứ nhất của Cyril Scott

Tôi cảm thấy tác giả của quyển Các Vị Cai Quản Bảy Cõi (Regents of the Seven Spheres) chỉ cần một ít lời giới thiệu của tôi; tuy nhiên, tôi được yêu cầu viết một vài nhận xét mở đầu về chủ đích chính của quyển sách mới này. Trong tác phẩm trước đây, các minh họa về tương lai được các Thiên Thần (Devas) tạo ấn tượng; còn “**Vòng Luân Hồi**” đặc biệt bàn nhiều về quá khứ, liên quan đến chân lý căn bản của huyền linh học, tức Thuyết Nghiệp Quả và Luân Hồi, mà chỉ có một mình thuyết đó mới giải thích được các bất bình đẳng về cá tính và số phận con người một cách hợp lý nhất. Tuy nhiên mặc dù là đạo sinh huyền linh học và thậm chí người thế tục đi nữa, cũng đều có thể chấp nhận các triết lý này như các sự kiện hiển nhiên, chúng thường gây bối rối về căn nguyên đối với các tác động của chúng. Thực ra các nguyên nhân đặc biệt gì đã tạo ra các hậu quả đặc biệt đó? Tại sao cái quả đặc biệt này lại xảy đến do cái nhân đặc biệt nọ? Các giải bày về vấn đề này sẽ được tìm thấy trong kho tàng minh triết thiêng liêng (theosophical literature). Hiện nay, lần đầu tiên, có nhiều điều bí ẩn và rắc rối luôn luôn nảy sinh liên quan với ý tưởng về sự luân hồi, gây hoang mang cho tâm trí của các tư tưởng gia đủ hạng, và được giải đáp một cách rõ ràng.

Nhờ được sự hướng dẫn thích hợp, tâm thức cao của tác giả được hồi cố trở lại qua một loạt các kiếp sống đã được mô

10 tả với sự sống động của kinh nghiệm hiện tại và được chỉ ra cho thấy mối liên hệ đích thực của chúng với nhau về nhân và quả. Một số trong các kiếp sống này, có thể nói đã diễn ra rất tàn khốc, hãi hùng, đáng để ý nhất là những kiếp sống nào được mô tả là có các thực hành về ma thuật (black magic). Nhưng ở đây tôi xin nhắc độc giả nhớ rằng nhiều nhà trước tác ở lĩnh vực huyền linh học thực ra có hàm ý cho thấy rằng lòng can đảm và sức mạnh của ý chí, dù theo các đường lối sai trái, cũng có thể có sức mạnh đáng kể đối với điều thiện khi được đổi thành việc phụng sự vị tha cho nhân loại dưới sự dẫn dắt của các Huấn sư. Còn những ai, qua suốt các kiếp sống của mình, do thiếu quyền biến (initiative) ngay cả đối với tội lỗi đi nữa, cũng có thể trở thành thiếu các tính chất đáp ứng, chính các tính chất này sẽ làm cho họ trở thành những kẻ đồng cộng tác (Co-workers) đồng cảm với các Đấng Cao Cả.

Tóm lại, đây là một quyển sách có thể được xem như sự sống của Từng Cá Nhân (Everyman), và nếu các tội lỗi cùng với các sai hỏng thuộc kiếp trước của cá nhân đó được tiết lộ một cách trung thực, thì tiềm năng mở ra từ lúc người đó đặt chân lên Thánh Đạo được chỉ rõ bởi nhân vật có thẩm quyền về kinh nghiệm cá nhân đã nói ra.



Phần giới thiệu cho ấn bản lần thứ hai

Từ thuở con người có đủ thông minh để biết lý luận, có thể có chút nghi ngờ là con người tự đặt cho mình câu hỏi: “Tại sao điều này lại xảy đến cho tôi?”, “Tại sao bệnh tật, tai họa, thảm kịch lại đổ ập xuống gia đình hoặc bạn bè tôi?”, “Tôi đã làm những gì để đáng phải chịu các ngón đòn nghiệt ngã của số phận như vậy?”

Cuộc sống của con người càng trở nên phức tạp, thì năng lực lý luận của trí tuệ con người càng phát triển nhiều hơn, con người càng khó tìm được các câu trả lời làm thỏa mãn được cả tâm lẫn trí.

Việc đánh tan các cấm kỵ hay là con giận của các vị thần có thể làm thỏa mãn được các dân tộc sơ khai, trong khi niềm tin vào sự may mắn hoặc là số phận có thể là đủ cho kẻ thiếu suy tư và kẻ duy vật; nhưng chúng lại không đủ đối với những người đang cố gắng khám phá chân lý. Câu trả lời của Giáo Hội: đó chính là Ý Chúa cũng không còn có sức thuyết phục nữa. Con người hiện đại hoàn toàn hữu lý khi bác bỏ cái ý niệm về một Thượng Đế có tính thất thường và phi lý, vì trong khi được gán cho là một vị Thượng Đế đầy tình thương, một người cha hết lòng lo lắng cho con mình, Thượng Đế này lại để cho người vô tội chịu đau khổ không phải vì lỗi lầm nào của riêng họ, trong khi kẻ gian tà và kẻ bất hảo lại cực kỳ sung sướng. Trước sự bất công lớn lao như thế,

chúng ta, mặc dầu hãy còn bất toàn vẫn không đồng tình được một may mắn.

Nhưng hầu hết các tôn giáo Đông Phương, cũng như một vài hệ phái triết học Tây Phương có đưa ra cho chúng ta một giả thuyết khác có tính thuyết phục hơn đối với các bất bình đẳng, các thảm kịch khủng khiếp và bề ngoài có vẻ ngẫu nhiên trên thế giới, cũng như đối với mọi cái mỹ lệ và cái thánh thiện mà chúng ta có thể nhận thấy chung quanh ta, kể cả “vận may” (“a good fortune”) của cá nhân chúng ta.

12 Các tôn giáo và các triết hệ đó nhấn mạnh rằng, về căn bản, con người là tạo vật của số phận riêng của mình, dù tốt đẹp hoặc xấu xa. Bao giờ còn liên quan đến số phận, thì con người còn là nạn nhân của sự thiếu hiểu biết của mình về các định luật thiêng liêng đang cai quản vũ trụ. Khi vi phạm các định luật đó, thì con người phải hứng chịu hậu quả. Cho tay vào lửa, bạn sẽ bị bỏng; đó không phải vì một “thượng đế” nào đó trừng phạt bạn, mà vì lửa đốt cháy đó thôi. Sự việc chỉ đơn giản như thế đó. Chúng ta được dạy rằng định luật vĩ đại nhất là luật bác ái. Thế nên các lỗi lầm của chúng ta, các tội ác gây ra cho kẻ khác và đi ngược lại với chính sự sống đều bị phạm phải chỉ vì thiếu lòng bác ái, chúng ta không thể thấy rằng khi gây hại cho bất cứ vật gì hoặc bất cứ ai tức là chúng ta làm hại chính chúng ta và rằng tất nhiên sớm hay muộn gì chúng ta cũng sẽ phải lập lại sự cân bằng mà chúng ta đã làm đảo lộn và trả giá cho những gì mà chúng ta đã tạo ra. Ở mỗi mức độ, quả đều theo sát với nhân, như đêm theo sau ngày vậy. Những gì xảy đến cho ta ngày nay, hoặc là về mặt cá nhân, với tư cách một nhóm, hoặc với tư cách một nước, dù tốt hoặc xấu, đều phải là quả của các nhân trước, xuất phát từ các hành động được làm thường là cách đây nhiều năm, các hạt giống của nó đã nằm trong cái nôi thời

gian (womb of time), đang chờ các điều kiện thích hợp để nảy mầm.

Điều hiển nhiên là, bao giờ mà cá nhân còn có liên quan đến (mặc dù điều này có thể áp dụng đồng đều cho các nhóm, lớn hoặc nhỏ), thì hậu quả của các lỗi lầm và các hành vi sai trái có lẽ tất cả đều không thể được chuộc lại hoặc được nhận biết chỉ trong một kiếp sống hoặc thời gian ngắn ngủi; mà chỉ bằng cách quay trở lại cõi trần chúng ta mới có thể thanh toán các nợ nần của chúng ta, hoàn thiện các mối liên hệ của chúng ta và kết thúc những gì mà chúng ta bắt đầu nơi mà chuỗi nhân duyên được khởi đầu.

Quan tâm vào thuyết luân hồi, hay là sự tái hiện (re-embodiment) của tâm thức, sự chuyển cư (migration) xuyên thời gian của con người cá biệt (individual) trong nhiều thân xác khác nhau và các tập hợp điều kiện qua các thời kỳ ở những năm gần đây, đã khơi dậy sự quan tâm chú ý ngày càng nhiều. Điều này dường như trở thành hiển nhiên, bởi vì con người ngày nay đang bắt đầu đặt nghi vấn và bác bỏ các giáo điều và tín điều lỗi thời vốn không còn làm thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu các nguyên nhân sâu xa đối với tình trạng con người nữa.

13 Nhưng thật ra các quan niệm được tìm thấy ở dưới hình thức này hoặc hình thức khác trong mọi tôn giáo lớn và mọi hệ thống triết lý thiêng liêng vẫn chưa được nhận biết một cách rộng rãi.

Điều phải được xem là đương nhiên vào thời của Chúa Jesus, khi Ngài hỏi các môn đồ của Ngài: “Người ta cho rằng ta là ai?” và các môn đồ trả lời: “Elijah hoặc là một trong các tiên tri”. Lần khác, người ta hỏi Chúa Jesus: “Có phải người này phạm tội hoặc cha mẹ của y phạm tội mà y bị mù từ lúc

mới được sinh ra?” – điều này hàm ý một cách rõ ràng rằng người đó đã phạm tội trước kiếp sống hiện tại của y.

Đức Jesus cũng nhắc bảo những người đang lắng nghe Ngài là “hãy hoàn thiện giống như Cha của các ngươi ở trên trời hoàn thiện vậy”. Ngài không phải là kẻ đòi hỏi điều không thể làm được. Thế thì có hợp lý chẳng khi đòi hỏi làm sao mà một người bình thường có thể trở nên hoàn thiện chỉ trong một kiếp sống ngắn ngủi? Chính người tốt lành nhất, thậm chí các vị đại thánh đi nữa, cũng vẫn còn có các điều bất toàn kia mà. Câu nói này không có chút ý nghĩa nào trừ phi chúng ta tin chắc rằng còn có cơ hội để phát triển thêm sau này. Nhưng bản chất của sự phát triển lại kéo dài và luôn luôn chậm chạp, còn sự thức tỉnh, ra khỏi bóng tối của vô minh, đi đến sự hiểu biết đích thực về ý nghĩa và mục đích kiếp sống, cùng với việc thắng phục các sai lầm và yếu đuối trong tất cả chúng ta, có thể khó xảy ra, ngoại trừ bằng một chuỗi dài các kinh nghiệm trong kiếp sống vốn sẽ từ từ mang lại một sự mở rộng tâm thức đồng thời phát triển tinh thần Christ bên trong chúng ta, tức các đặc điểm có tính chất cứu chuộc như bác ái, từ bi và minh triết.

Chính là để minh họa bằng ví dụ (exemplify) và để giải thích ý nghĩa của thuyết luân hồi và nghiệp quả – đây là thuật ngữ Đông Phương chi luật nhân quả – mà quyển sách này được “ban tặng” (“given”) cho tác giả từ một cảnh giới tâm thức cao siêu, như được giải thích ở Phần Mở đầu (Prologue).

Sách này minh họa cuộc du hành dài xuyên qua thời gian của một nhóm người – và đặc biệt của một người – cho thấy luật Karma tác động như thế nào trong hết kiếp này đến kiếp khác và các quả đó thể hiện ra sao từ các nhân trước kia. Về cơ bản, đó là câu chuyện về sự tương tác của các mối liên

hệ mà lúc khởi đầu đã mang tính chất phá hoại và đầy thù hận, nhưng sau cùng, qua nhiều đau khổ, đã được chuyển hóa thành các liên hệ về tình thương và cảm thông.

14 Về mặt cá nhân, tôi có khuynh hướng tin rằng bản trần thuật (account) này thật là chính xác theo nghĩa đen, ít nhất ở phần có liên quan đến tôi. Nhưng nếu điều khẳng định này được độc giả xem như là không chắc có thực (too improbable) hoặc có tính cách hoang tưởng không thể chấp nhận được, thì bấy giờ loạt các kiếp sống này có thể vẫn được xem như là tượng trưng cho các kiếp sống của Mọi Người (Everyman) và sự tiến hóa vô cùng chậm chạp của người ấy khi y đi lên từ các đám khí độc (miasmas) của chính cái vô minh của mình. Nó chứng minh cho y khi vượt qua thử thách và sai lầm thường hơn, qua các tai họa và các thất bại, các thành công và các giai đoạn tương đối an phận; tuy luôn luôn sở đắc được tri thức, dù còn mơ hồ và thoáng qua, với một sự hoàn thiện chỉ vừa vượt quá tầm của y; vào những lúc thậm chí thoáng thấy được gương mặt sáng chói của nó qua lòng từ bi và bác ái trong đôi mắt của một khách lữ hành khác. Thế là y được lôi cuốn từ bóng tối đến tia sáng cứu chuộc đầu tiên, đồng thời hiểu được mục tiêu thực sự của mình.

Không một ai là độc nhất vô nhị. Nhân loại là một; cuộc hành trình là một; và mục tiêu là thế đó – giải thoát khỏi các ảo tưởng của chúng ta về bản chất đích thực của sự sống và sự chết.

Mặc dầu hầu hết các câu hỏi và các phản bác liên quan đến ý tưởng tái sinh này (mà các độc giả chắc chắn sẽ nêu ra) đều được bàn đến trong phần nội dung, tôi cảm thấy rằng một số các bình giải đều cần thiết, cũng như một phác thảo chung rộng lớn về các nguyên tắc căn bản có liên quan, vì có nhiều người có thể không bao giờ xem xét các giả thuyết một

cách nghiêm túc trước, còn những người khác, vì thiếu hiểu biết về các hàm ý sâu xa và rộng lớn hơn, nên có khuynh hướng bác bỏ ngay lập tức.

Giống như điều đáng tiếc đang xảy ra với mọi hệ thống tôn giáo và triết học dựa vào niềm tin, các xuyên tạc và các hiểu lầm đã len lỏi vào và quan niệm này đã trở nên giảm giá trị hơn bởi mọi thứ khái niệm cuồng tín và lãng mạn, cũng như các giải thích hời hợt về các chân lý căn bản ẩn đằng sau.

Nhưng trước hết là có hai đề xuất (propositions) ít nhất cần được tạm thời chấp nhận nếu kiến giải (account) sau đây đem lại được chút ý nghĩa nào.

15 Đề xuất thứ nhất là con người vốn có thể trở nên hoàn thiện (perfectible). Đề xuất thứ hai là có một trạng thái hiện tồn của chúng ta mà bình thường chúng ta không hề nhận biết, được Jung ⁽¹⁾ gọi là siêu thức (the superconscious) và được các huấn điều tôn giáo gọi là Thượng Ngã (Higher Self, Chân Ngã) hay Linh Hồn (Soul).

Đáng tiếc thay giáo lý của Giáo Hội Cơ Đốc không bao giờ đem lại cho chúng ta một ý niệm rõ ràng, đó là bản chất của linh hồn thực sự là gì. Chúng ta chỉ được dạy rằng linh hồn của chúng ta có thể được “cứu rỗi” (“saved”) hoặc bị “mất” (“lost”) nếu chúng ta tin hoặc không tin vào một nhóm tín điều (creeds) và giáo điều (dogmas), hoặc là nếu chúng ta phạm các Thiên Luật (laws of God). Nhưng đó vẫn chỉ là một loại đồ vật phụ (appendage) mơ hồ và tối tăm của cá tính (personality) chúng ta mà thôi.

Đây là nguyên nhân của một trong các tà niệm (misconceptions) sơ khai về luân hồi. Chúng ta trở nên lẫn

¹ Carl Gustave Jung (1875-1961): nhà tâm lý học và bác sĩ tâm thần học người Thụy Sĩ (Swiss psychologist and psychiatrist)–ND.

lộn một cách vô vọng đối với trạng thái nào của những gì mà chúng ta nghĩ đến khi chính chúng ta chọn cuộc du hành dài xuyên qua thời gian, đi từ kiếp này đến kiếp khác.

Bình thường khi chúng ta nói “Tôi” (“I”), ấy là chúng ta liên kết thuật ngữ đó với cá tính chúng ta, những gì vốn có sẵn (goes) do danh xưng của chúng ta, nó chịu đau khổ và hưởng vui sướng, nó tạo ra các khoen nối đối với tình thương hoặc oán thù, nó trải qua mọi xúc cảm và các biến cố, mà đây là một phần của kiếp sống “của chúng ta”; vậy thì chính cái phạm ngã này (personal self), mà một cách tự động, chúng ta nghĩ đến khi trở lại cõi trần trong các thân xác khác và vào các thời điểm khác nhau.

Nhưng cá tính (personality) này không thể trở lại; thực ra nó không thể làm thế, giống như một tư tưởng của một khoảnh khắc ngăn ngủi chẳng bao lâu sẽ trở nên sáng tỏ.

Chữ personality xuất phát từ *persona* – tức cái mạng che mặt (a mask), và những gì mà chúng ta biết về chính chúng ta ở đây theo sát nghĩa là cái mặt nạ đối với chân ngã (real self) chúng ta, Linh Hồn “của chúng ta”, một trung tâm của tâm thức chúng ta ở một mức độ cao, nhờ Linh Hồn đó chúng ta có thể học cách tiếp xúc nếu chúng ta sẵn sàng có sự nỗ lực cần thiết.

Nhưng chính cách diễn tả linh hồn “của tôi” (“my”) vốn là nguyên nhân đích thực của rất nhiều hiểu lầm (misunderstanding). Thực ra, mỗi chúng ta đều là *một* linh hồn, linh hồn này làm chủ một phạm ngã (personality) tập trung vào cõi vật chất để cho linh hồn tạm thời sử dụng. Ngay trong hoàn cảnh thuận lợi nhất đi nữa, linh hồn này cũng không bao giờ hơn được một hình ảnh bất toàn của toàn thể bản thể (nature) của chúng ta, được tung ra trong một thời gian ngắn, vào trong một lớp vỏ vật chất, sao cho một

16 vài tiến trình phát triển có thể xảy ra, một vài món nợ được thanh toán, một vài chân thức (realizations, chứng ngộ) được đạt tới. Trạng thái này của bản ngã chúng ta cũng đang phát triển giống như mọi vật đang biểu lộ khác vậy.

Linh hồn có thể được hình dung ra như là kho chứa (depository) tất cả các ký ức thuộc về kinh nghiệm quá khứ trên cõi trần có giá trị và đủ quan trọng để tạo được một đóng góp thường xuyên vào sự phát triển của nó: một trạm năng lượng trung ương, trong đó các phẩm tính và các chân thức hoạch đắc được trong các thời kỳ lưu trú tạm thời (partial sojourns) trên cõi trần, được chuyển đổi thành các quyền năng (powers). Đối với chúng ta, nơi đây không một điều gì có giá trị mà bị mất bao giờ, mọi sự việc đều được vận dụng với nỗ lực để sau rốt tạo ra được một hiện thể (vehicle) bằng chất trọng trực mà qua đó, chúng ta – tức linh hồn và thân xác – cuối cùng được hợp nhất trong tâm thức có thể hoạt động như một vận hà (channel) để truyền chuyển năng lượng từ các cảnh giới tinh thần cao siêu đến cho nhân loại. Vì, theo sự giảng dạy của người Hy-Lạp, linh hồn là một cầu nối giữa cõi trời (heaven) – đó là các lĩnh vực tâm linh cao siêu – với cõi vật chất; một khí cụ (instrument) dùng để thúc đẩy tiến trình mà Teilhard de Chardin ⁽¹⁾ gọi là “thiênêng liêng hóa” (“divinization”) vật chất.

Nhưng vì tâm thức của chúng ta bị chìm quá sâu vào cuộc sống vật chất và vì thế hoàn toàn đồng nhất hóa với phàm ngã chúng ta, cho nên, dường như thật là cực kỳ khó khăn cho chúng ta khi thay đổi tiêu điểm (focus) của chúng ta và đồng nhất hóa bản ngã con người chúng ta với cái ngã cao

¹ Teilhard de Chardin (1881-1955): nhà cổ sinh vật học (paleontologist) và là nhà thám hiểm người Pháp. (ND)

siêu này, và, ở mức độ còn chưa được hiểu rõ, đồng hóa với bản thể chúng ta. Và thậm chí còn khó hơn nữa khi chấp nhận sự thật rằng chúng ta (theo như chúng ta biết chính chúng ta ở đây, tức “Cái Tôi” thuộc nhân loại chúng ta) chắc là sẽ không mong thoát khỏi cái chết và rằng chính chúng ta sẽ rời bỏ nó, giống như một con bướm rời bỏ cái kén khi cái kén đó đã đáp ứng xong mục đích của con bướm.

Nó cũng hữu dụng nếu đôi khi chúng ta nỗ lực để đứng đằng sau cách xa khỏi phạm ngã chúng ta và xem xét những gì của phạm ngã này mà chúng ta muốn kéo dài phía bên kia cửa tử và quay lại để tiếp tục công việc mà chúng ta đã bắt đầu; để hoàn tất những gì mà chúng ta đã bỏ dở ở đây, để tái hóa hiện (re-embody) thành các quyền năng, các phẩm hạnh, các tài năng mà chúng ta đã phát triển được một cách có chủ tâm hoặc một cách không cố ý trong dòng chảy của kiếp người. Bài học này cũng có thể mang lại cho chúng ta một hiểu biết thấu đáo hơn về khía cạnh nào của bản thể chúng ta đang chứa đựng mầm mống của tính liên tục (continuity) và có thể tác động đến sự chuyển kiếp (transmigration) từ một trạng thái hay thể này đến thể khác; nghĩa là, trong đó có tồn tại cái nhân của tâm thức mang cá tính của chúng ta, cái phần bất diệt đó vốn sẽ tiếp tục tiến tới sau cuộc tạm ngừng để ấp ủ hoài bão (pause for gestation) được gọi là sự chết dành cho một kinh nghiệm khác trong kiếp sống, thậm chí giống như một lữ khách đang vượt biển khơi đến xứ khác, tuy vậy không phải vì đó mà mất đi thực tướng (identity, tung tích) của mình. Thật vất vả cho cái ngã còn non trẻ (child self) – một tạo vật với các bản năng, một động vật nhỏ bé vừa mở mắt ra với thế giới bên ngoài...

Có phải đó là những gì mà chúng ta nghĩ đến như là cái ngã trưởng thành (adult self), vẫn còn trong giai đoạn phát

triển một nửa và thường thường quá bận rộn, quá vương mắc sâu vào các hoạt động chính yếu của thế giới vật chất không thể có được thời gian đồng hóa hết các kinh nghiệm của mình?

Hay là người già lão, đang tranh đấu với các khó khăn và các thất bại vì sức yếu và thường buồn phiền vì sự mất mát của họ và vì sự bất lực ngày càng tăng khi đối phó với sự sống?

Mỗi người đều cho “Cái Tôi” của chúng ta là quan trọng nhất, trong một phạm vi nào đó, mỗi người là chính chúng ta, được liên kết với “Cái Tôi” hiện tại của chúng ta bằng ký ức; tuy thế chúng ta đều không nhiều hơn tất cả chúng gộp chung lại phải không?

Một khó khăn khác cần phải hiểu rõ là khái niệm về tính liên tục của nghiệp quả, nhân dẫn đến quả, quả lại dẫn đến nhân, tác động xuyên qua các giai đoạn bao la của thời gian, vì lẽ hiển nhiên là chúng ta thấy các kiếp sống của chúng ta bị gián đoạn bởi cái chết thành các phân đoạn riêng biệt. Tuy nhiên, trong thực tế không hề có gián đoạn. Cuộc hành trình dài này có thể được cho là tương tự như một dòng sông, một dòng tâm thức đơn độc đang chảy từ bóng tối của cội nguồn nguyên sơ của nó, bao giờ cũng hướng lên cho đến khi nó đạt đến đại dương ánh sáng và biết rõ chính nó, thực sự nó luôn luôn có một cái gì đó, một trạng thái tâm thức của cái Vô Hạn (the Infinite).

18 Như vậy, sự hiện hữu của linh hồn nơi đây trên cõi trần hay trong kiếp sau (afterlife) chỉ là một hoạt động không hề gián đoạn; môi trường chung quanh và phẩm tính của linh hồn bao giờ cũng thay đổi, tuy thế về bản chất bao giờ cũng vẫn là chính nó, mỗi hành động, mỗi chọn lựa đều góp phần

vào tổng khối (volume) và phẩm tính của dòng chảy, tạo ra thực tướng của nó.

Một minh họa như thế đưa đến phát biểu: “Gieo gì gặt nấy” (“As ye sow, so also shall ye reap”), một thực tại mới mẻ. Không một phần nào bị tách khỏi bất luận phần nào khác; toàn bộ dòng sông là một, thế nên điều gì mà thế nhân tin đó là cơ may (chance) hoặc là một sự đột hiện (precipitation) của Karma, hóa ra chỉ là một phần của tiến trình không thể tránh khỏi của dòng cuốn về phía trước này của “linh hồn hằng sống” (“living soul”) hướng về sự phát triển các tiềm năng thiêngliêng của riêng nó.

Đàng sau giáo lý này có các hàm ý sâu sắc hơn; vì về mặt bản thể, tất cả các “dòng chảy” (“streams”) tách biệt nhau theo bề ngoài, thực ra đều hợp nhất trong sự thuần nhất căn bản của Sự Sống, mỗi dòng chảy đang đóng góp cho dòng chảy khác, và tất cả các dòng đều đang đóng góp cho Tổng Thể (the All). Nhưng đến đây, chúng ta lại đi vào lãnh vực siêu hình học (metaphysics).

Điều hiển nhiên là tầm nhìn và sự hiểu biết của chúng ta đều bị hạn chế bởi các ý niệm hoàn toàn của con người đối với thời gian và không gian, nên chúng ta không thể có được khả năng khám phá ra cách nào hoặc khi nào con người phát triển được tia sáng đầu tiên của cá tính. Sự sống biểu lộ theo chu kỳ; do đó những gì mà chúng ta nghĩ đến như là các điểm khởi đầu, về cơ bản chỉ là điểm kết thúc của một chu kỳ dẫn đến sự xuất lộ của một chu kỳ khác, một lần nữa, không có sự gián đoạn thực sự nào ở giữa, không hề có lúc khởi đầu và lúc kết thúc.

Trong khi mọi tôn giáo và truyền thuyết đều có lịch sử sáng tạo của riêng nó, thì không một cái nào trong số các truyền thuyết lẫn tôn giáo đó có thể tiêu biểu nhiều hơn là

một minh họa có tính cách tượng trưng cho Thực Tại vì sẽ không có bất luận lời lẽ nào trong ngôn ngữ con người dùng để chỉ việc đó. Tuy nhiên, nhiều vị dạy rằng vào một “sát-na” (“moment”) trong chu kỳ tiêu trường ⁽¹⁾ của Đấng Duy Nhất (One Life), một tia lửa thiêng (divine spark) của ngã thức (self-consciousness) được gieo xuống giống như một hạt giống trong người thú (animal man) trên cõi trần này, và từ đó sự xuất hiện đầu tiên của “linh hồn hằng sống” (“living soul”) được khai sinh, được phú cho tiềm năng để trở thành một thực thể giống như Thượng Đế biểu lộ trên cõi trần các phẩm hạnh thiêng liêng giống như Đức Jesus và Đức Phật đã từng biểu lộ.

Trên đây tôi có nhắc đến các lệch lạc, vốn đã len lỏi vào toàn bộ quan niệm về luân hồi và nó đã khiến cho nhiều người bài bác quan niệm này ngay tức thì.

19 Các lệch lạc này phần lớn phát sinh từ khuynh hướng rất thông thường, đó là xem xét các quan niệm siêu hình học hoặc tôn giáo theo nghĩa đen, coi chúng như là các thực tại tuyệt đối, thay vì nhận thức các thực tại đó, nói chung, chỉ có thể được diễn tả bằng các hình thức tượng trưng, bằng sự tương đồng hoặc là bằng phép ẩn dụ. Điều này cũng đúng với nhiều giáo lý Thiên Chúa giáo, cũng như với các giáo lý khác.

Một sự lệch lạc như thế đối với ý tưởng về sự luân hồi lại được một trường phái nổi tiếng của cái được gọi một cách lỏng lẻo, thiếu chính xác là “huyền bí học” (“occultism”) dạy ra.

¹ Chu-kỳ tiêu-trường hay chu-kỳ tiêu-tức: The cyclic ebb and flow. (tiêu: giảm xuống, hao mòn, tiêu tán; trường/ tức: tăng lên)

Thuật ngữ “huyền bí” (“occult”) vốn không thích hợp (unfortunate) và có thể tạo ra sự hiểu lầm, vì trong thời đại chúng ta, nó có hàm ý hầu như hoàn toàn xấu, vì gần như luôn luôn bị nối kết với các Đẳng Cấp (Orders) mơ hồ, các tuyên xưng đối trá trong các quảng bá và cách thực hành của các hình thức huyền thuật thuở ban đầu.

Từ ngữ “huyền bí” (“occult”) có nghĩa là “những gì còn ẩn giấu hoặc không biết rõ”, do đó “nhà huyền bí học” (“occultist”) cần phải là kẻ tìm hiểu các chân lý hay các sự thật cho đến nay chưa được khám phá bởi các phương pháp khoa học liên quan với các định luật vật chất của vũ trụ, hoặc bởi việc nghiên cứu và thực hành các kỹ thuật được tìm thấy trong các giáo huấn nội môn của tất cả các tôn giáo lớn (các tôn giáo này tiết lộ ý nghĩa tâm linh của cùng các định luật này và việc sử dụng các quyền năng ẩn tàng của các định luật đó trong việc phụng sự Thượng Đế và con người). Chỗ nào từ ngữ “huyền bí” được dùng trong sách này, thì nó luôn luôn liên kết với đường lối khảo cứu này.

Đại để, ý tưởng do trường phái đặc biệt nói trên đưa ra là nếu trong một kiếp sống, chúng ta không tạo được bất cứ một tiếp xúc thực sự nào với linh hồn, không đáp ứng được với các bốn phận hoặc thanh toán xong các nợ nần, thì chúng ta sẽ phải sống lại (re-live) kiếp sống đó lặp đi lặp lại nhiều lần, một cách thật đúng, trong mọi chi tiết, ngay đến việc gặp lại cùng một người và cùng các vấn đề trong các hoàn cảnh tương tự, cho tới khi chúng ta thành công trong việc chọn được bước thiết yếu vốn sẽ giải thoát chúng ta tiến tới.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi một kẻ thường nhân bác bỏ điều đó vì xem như là quá khủng khiếp, hoặc là quá thê lương khi ngẫm nghĩ tới. Nhưng làm thế nào mà một số phận như thế có thể xảy ra được? Theo nghĩa đen, làm thế

20 nào chúng ta có thể đi ngược vào thời gian, tiến vào một khung cảnh lịch sử thuộc quá khứ vốn không còn hiện hữu nữa và đi vào các tình trạng xã hội hoàn toàn thay đổi? Hơn thế nữa làm sao chúng ta có thể gặp trở lại (re-meet) cùng những người mà hầu như chắc chắn là chính họ đã thay đổi trong thời gian chuyển tiếp và trở nên hoàn toàn khác với các phản ứng khác hẳn? Ngay cả những người trong chúng ta – và họ hẳn phải là số ít thôi – những kẻ đã không có được lợi nhờ các kinh nghiệm của họ một chút nào, vẫn phải học hỏi một điều gì đó, thu nhận các ấn tượng mới mặc dù chỉ ở các mức độ tiềm thức, vốn sẽ thay đổi tư tưởng và các mô hình tình cảm của họ đến một mức nào đó; thế nên bởi điều này mà họ sẽ thay đổi.

Nhưng vì không thể có việc tránh né các món nợ đã mắc phải khi kết hợp với những người khác hoặc tránh né hậu quả của các hành động do vi phạm các luật luân lý, chúng ta sẽ hầu như không thể tránh khỏi thấy chính chúng ta ở vào các hoàn cảnh tương tự, mặc dù *không* y hệt như thế, đồng thời phải hứng chịu cùng loại khó khăn cho đến khi chúng ta nhất định thành công trong việc đối phó với chúng từ mức độ cao.

Một trong các châm ngôn tâm linh cổ xưa có dạy rằng: *“Trong như thế nào; ngoài như thế ấy”* (*As it is in the inner, so it is in the outer*). Nếu chúng ta tỉnh tế, chúng ta có thể phát hiện ngay rằng đúng thực là chúng ta tạo ra “thế giới” của chúng ta bằng những gì chúng ta có được trong chính chúng ta. Các bác sĩ tâm thần đã chứng minh điều đó cho chúng ta một cách quá rõ ràng bằng câu nói:

Thế trí ở nơi cương vị riêng của nó

Và với những gì mà chính nó đang làm,

Đang biến thiên đàng thành địa ngục, địa ngục ra thiên đàng.

Toàn bộ khái niệm về Nghiệp Quả, tức ý tưởng vốn gây ra từ các kiếp trước, kết thành quả trong những kiếp xa xăm khác theo dòng thời gian, hẳn tiếp tục còn tạo ra nhiều khó khăn đối với người biết suy tư, vì hiển nhiên là điều đó rất sâu xa, rất tinh vi và vô cùng phức tạp đến nỗi chúng ta chỉ có thể hy vọng nhận biết các ảnh hưởng để phân biệt và rõ ràng hơn mà thôi. Thế nên điều lúc nào cũng quan trọng là chính chúng ta phải nhớ rằng chúng ta đang tìm cách hiểu được các định luật thiêng liêng và những gì mà chúng ta nhận thức được nơi đây chỉ là các hình ảnh mờ nhạt của các Thực Tại bên trong.

Điều này được minh họa bằng một quan niệm sai lầm khác liên quan đến luân hồi và nghiệp quả. Một số người cho rằng ý tưởng “mắt đổi mắt, răng đổi răng” ⁽¹⁾ phải được hiểu theo nghĩa đen. Ở đây, lại một lần nữa, chúng ta phán đoán ²¹ định luật thiêng liêng nói trên theo trình độ con người, đồng thời đang nghĩ đến luật Karma hoặc là theo hình thức trừng phạt dành cho hành động sai trái, người nào đúng theo tội nấy, hoặc là dưới hình thức phần thưởng dành cho đức hạnh. Cả hai đều không phải. Không hề có điều gì gọi là hình phạt thiêng liêng cả (divine punishment). Đây là một trong các giáo điều khủng khiếp nhất và độc hại nhất nằm trong bất luận tôn giáo nào. Cũng không hề có bất cứ tưởng thưởng nào. Và chúng ta sẽ chỉ có một phán đoán – Chân Ngã của chính chúng ta.

Được biết rằng, sau cái chết sẽ đến một giai đoạn trong đó chúng ta thấy mọi chi tiết bị quên lãng của các kiếp sống của chúng ta, mọi hành vi, tư tưởng và nguyên động lực

¹ Nguyên văn: “An eye for an eye, and a tooth for a tooth”, cũng có nghĩa là “ăn miếng trả miếng” hoặc “lấy oán báo oán” – (ND)

(motive), được phóng thích ra khỏi các ảo giác (delusions), vì các ảo giác này mà chúng ta phải cảnh giác và ngăn cách với sự tự nhận biết mình (self-knowledge, tự tri). Đây là giây phút phán quyết; “giây phút quan trọng” thực sự (real “moment of truth”).

Ở đây chúng ta có thể tự trừng phạt, như chúng ta thường làm, do bởi một ý thức cường điệu về sự phạm tội hoặc trừng phạt những kẻ khác ngay cả đối với các nguyên do kém thuyết phục. Theo sát nghĩa, đức hạnh là phần thưởng của riêng nó vì nó đưa vào con người chúng ta các phẩm tính và các hiểu biết sâu rộng vốn sẽ trở thành tài sản của chúng ta vào mọi lúc.

Cuộc sống là ngôi trường của chúng ta. Chúng ta luân hồi cốt để học hỏi rằng tình thương cộng với minh triết – không may là đối với chúng ta, cả hai không phải luôn luôn đồng nghĩa – chỉ là các bí quyết để mở cánh cửa đi đến một tương lai có hạnh phúc đích thực và an bình nội tâm. Tất cả các Đại huân sư đều lặp lại điều này nhiều lần, nhưng chỉ có một số ít người chịu lắng nghe.

Có một sự hiểu lầm đang làm cho con người ghê tởm – và quả đúng vậy. Đây chính là chuyện tin rằng chúng ta có thể bị đầu thai trong hình hài con vật. Lẽ tất nhiên đó là điều vô nghĩa. Một khi tia sáng của thánh linh (divinity) đã được thắp lên trong bóng tối của con vật chưa có ngã thức (unself-conscious animal), nó đã trở thành Con Người, tức là kẻ có thể chọn cái thiện hoặc cái ác; tức là kẻ có thể nói “Tôi hiện hữu” (“I am”) và không giống như con vật, con người biết rằng mình có tri thức. Thế thì làm sao có thể có bất luận sự thoái bộ nào? Dù cho việc đó có thể dài đến đâu đi nữa, từ đây về sau con người có định mệnh là trở thành kẻ có bản chất là một đứa con của Thượng Đế, một kẻ mang Ánh Sáng,

một linh hồn hằng sống, theo ý nghĩa sâu xa nhất. Con người có thể thường tỏ ra giữ được tỉnh tại, thậm chí đôi khi thoát hóa nữa, nhưng con người sẽ cứ mở rộng thêm tâm thức cao siêu của mình vào mọi khởi điểm, dù cho trong phạm ngã của mình, con người có biết điều đó hay không.

- 22 Nhưng dù với nhiều hiểu lầm như thế, điều này vẫn có thể diễn tả chính xác một chân lý có tính chất tượng trưng. Con người vẫn là một con vật xét về mặt thể xác con người và các chức năng của thể xác đó, đồng thời ở một giai đoạn ban đầu, con người vẫn có một số thuộc tính của con vật. Sau rốt các thuộc tính này phải được chuyển đổi thành các đối phần (counterpart, phần tương ứng) cao hơn của chúng. Thí dụ bản năng đổi thành trực giác; sự thôi thúc của tính dục (sex urge) đổi thành tình thương thuần khiết biểu lộ thành lòng từ bi (compassion) và đức hy sinh (sacrifice). Trong chừng mực nào đó, các mãnh lực thấp này kiểm soát và chi phối phạm ngã rất lâu. Nhưng người nào cho phép và thậm chí khuyến khích chúng, người ấy ắt sẽ ngày càng trở thành nô lệ cho phạm ngã của mình hết kiếp này đến kiếp khác. Chúng ta đều biết rằng có những người, cả nam lẫn nữ, lộ rõ các hình thức xấu xa nhất của các tính chất thoát hóa như thế mà, khi được liên kết với một mức độ trí tuệ nào đó, có thể làm cho chúng thành một nguy cơ trầm trọng thuộc loại của chúng mặc dù hầu như tất cả đối với chính họ. Theo ý nghĩa này thì con người chỉ có thể rơi vào các trình độ hầu như dưới nhân loại. Nhưng tia lửa thiêng, tuy còn bị che khuất, vẫn là một phần của bản thể con người; đó là cội nguồn của nhân loại. Một ngày kia, một điều gì đó có thể xảy ra. Có thể đó là một thức tỉnh vì tình thương đối với một con chim hoặc một con vật vốn sẽ làm lay động bên trong cái mai cứng mà tính ích kỷ và sự u tối đã giam nhốt và làm chai cứng ngọn lửa vĩnh

cửu bên trong. Một điểm rõ sẽ được đạt đến và quyền năng của nó sẽ bắt đầu tác động. Tia sáng bé nhỏ sẽ từ từ trở thành một tia sáng hướng dẫn với sức mạnh ngày càng tăng hết kiếp sống này sang kiếp sống khác, kéo con người ra khỏi bóng tối và bùn lầy, thoát khỏi nơi “bần thiêu”, hướng về sự giải thoát, huy hoàng và tình thương trong ngôi nhà của Đấng Cha Lành.

23 Một trở ngại lớn khi chấp nhận thuyết luân hồi, đặc biệt là đối với người có trí óc thiên về khoa học, đó là việc đòi hỏi bằng chứng không dễ gì được làm thỏa mãn. Dĩ nhiên rất khó có được bằng chứng và có thể có nhiều cách giải thích khác cho các đòi hỏi được đưa ra bởi các cá nhân, tức kẻ tin rằng họ nhớ được các kiếp đã qua: mặc dầu sự xuất hiện nơi các trẻ con còn rất trẻ về những gì được thu lượm một cách bình thường, đó là các kỹ năng hoặc thậm chí là các siêu tài, như là với Mozart và rất nhiều người khác, hầu như không thể giải thích bằng những cách khác.

Nhưng trong những năm gần đây, nhiều tìm tòi khảo cứu đã được tiến hành bởi một số người không có thành kiến nhưng có được sự luyện tập theo khoa học và có tính chính trực với cố gắng chứng minh hoặc bác bỏ đề xuất này. Họ đã khảo sát hàng trăm trường hợp, lọc lựa tất cả các bằng chứng có được, đặc biệt là khi các manh mối liên quan tới lịch sử dưới hình thức các sự kiện đương thời ít được biết đến đã được đưa ra. Nhưng hầu hết các bằng chứng thuyết phục nhất đều đến từ một số ít người, họ tuyên bố là nhớ ra một kiếp sống rất gần, rõ ràng là đã trở lại một thân xác mới chẳng bao lâu sau khi đã rời bỏ thân xác cũ. Ở đây, các chi tiết của kiếp sống trước trong một xứ hoặc khu vực đặc biệt mà đứa trẻ – vì hầu như luôn luôn là một người còn trẻ – có thể “nhớ lại” (“remember”), có thể được phối kiểm và đã tìm

thấy trong một số trường hợp vốn đã được thẩm tra một cách khắt khe về mức độ lừa dối, cố tình hoặc vô tình, quả thật đều chính xác trong mọi chi tiết. Ở đây không còn giải thích nào khác ngoại trừ hiện tượng luân hồi có vẻ xảy ra.

Ngày càng có một số sách khảo sát toàn bộ trường hợp về thuyết tái sinh và nghiệp quả đang xuất hiện ngày nay, nhiều sách trong số đó đi rất sâu vào chủ đề dưới mọi khía cạnh của nó.

Phần dẫn nhập này không có gì hơn là một xem xét ngoài mặt của chủ đề rộng lớn, nhưng bất cứ độc giả nào muốn biết nhiều hơn về toàn bộ lãnh vực rộng lớn mà đề tài này mở ra, thì độc giả đó sẽ tìm được một danh sách các tác giả và các đề tài trong phần thư tịch ở cuối sách này.



PHẦN MỞ ĐẦU

Mùa hè năm ấy, trời nóng khác thường. Hết ngày này sang ngày khác, mặt trời mọc lên trong một bầu trời không một vẩn mây, trên mặt bể yên tĩnh và chìm trong đám sương mù hồng đậm phía sau màu xanh biếc của những dãy đồi xa. Ngày lại ngày, sức nóng càng tăng. Ao đầm nơi mà trâu bò tụ tập trong bóng râm thừa thớt cạnh các rãnh nước đều nhuốm cùng màu vàng như vùng cát sỏi hoang vu, một nửa bị che bởi điệu múa lung linh của các tia lửa nóng bỏng.

Một khi kia có một ảo ảnh hiện ra trên mõm đất xa; các hình dáng kỳ lạ giống như các chàng khổng lồ thời xa xưa đang bước đi trên mặt biển; những chiếc tàu treo trong khoảng không, một cảm giác giả tạo và sự hăm dọa chập chờn trên vùng đất trống.

Căn nhà một tầng của chúng tôi đứng sừng sững trên một đỉnh đồi có đá cuội, giữa đầm nước với mặt biển. Đây là nơi mà xưa kia vốn nổi tiếng là bị ma ám, đó là một thủy thủ người Pháp, ông ta thường hay hiện ra trước khi có một cuộc khủng hoảng nào đó. Một người trong bộ ba chúng tôi đã thấy được người thủy thủ đó hai lần vào năm ấy, nhưng việc này không gây phiền hà gì cho chúng tôi, có lẽ do sinh lực lạ thường của không khí, chúng tôi bị tràn ngập bằng một sự tự do phóng khoáng hầu như không ai để ý trước các mãnh lực của thiên nhiên, và không bận tâm về cái gì có thể đe dọa chúng tôi. Thực ra, chúng tôi dường như càng lúc càng tham dự vào

chính các sức mạnh của thiên nhiên (the elements), được thu hút lại gần hơn bao giờ hết, ngày nối tiếp ngày trong cái huy hoàng không gián đoạn, tiến vào chính cái cốt lõi của các sức mạnh đó. Đêm đến, chúng tôi bơi ra xa hơn vào trong mặt biển huyền bí và đen ngòm, sau đó chạy bằng chân không dọc theo chiều dài của bãi cát vắng người. Chúng tôi cảm thấy như thể chúng tôi thực sự nhận được một lần nữa cái huy hoàng vật chất của một lần đầu thai ở Hy Lạp; nơi đây thế giới hiện đại trở nên xa xăm và sự căng thẳng của đời sống hầu như bị quên lãng.

Tôi đến nơi đây với ý định khởi sự công việc viết một quyển truyện dài mới một cách nghiêm túc, nhưng cuộc phiếm du (drive) lôi cuốn đến nỗi tôi không thể làm được gì cả. Khi trăng tròn dần, thì cảm giác bất an kỳ lạ này tăng lên; dường như chịu ảnh hưởng bởi một sức mạnh thiên nhiên nào đó.

Thời đó, tôi hoàn toàn dốt về chiêm tinh học (astrology), mặt khác tôi có thể hiểu ra rằng tôi đang tiến đến một cuộc khủng hoảng không bình thường trong đời tôi. Sau đó chúng tôi khám phá ra một biến cố tương tự cũng đã được phản chiếu trong các lá số tử vi của các bạn đồng hành với tôi.

Nhưng chúng tôi không biết gì cả về việc này; chỉ vì mấy ngày nay chúng tôi bị quấy rối bởi một yếu tố mới, yếu tố này đã bắt đầu tác động lên cuộc sống chúng tôi. Hiện tượng khởi sự biểu lộ khắp trên ngôi nhà nhỏ một tầng (bungalow), và chẳng bao lâu chúng tôi nhận ra rằng mãnh lực huyền bí này đang trở nên mạnh đến nỗi hầu như có hại.

Giờ đây hiện tượng nói trên, theo đúng nghĩa, không bao giờ làm cho chúng tôi thích thú. Theo tôi, dường như bây giờ – cũng như nó đang xảy ra ngày nay – chỉ là một sự phí phạm năng lượng quý báu nên được chuyển đổi thành một tính toán

hiệu quả hơn. Không một ai trong chúng ta đã bao giờ từng “ngồi chờ phát triển” (“sat for development”) còn tôi, sau cùng, tôi hoàn toàn tin chắc rằng tôi không có được năng lực làm đồng tử, do chỗ chú tâm rất nhiều vào đường lối phát triển, mà nhờ tham thiền và tự kiềm chế, sẽ mang lại năng lực phân biện và làm tăng trực giác, hơn là cái thường được gọi một cách lỏng lẻo là năng lực tâm thông (psychic powers). Vì theo tôi, việc nghiên cứu huyền linh học, phải có được tính chất thực dụng nào đó trong thời hiện đại, phải giúp người nam và nữ có khả năng đối phó với hàng hà sa số các vấn đề của cuộc sống hiện đại theo một quan điểm thiêng liêng, đúng hơn là khiến cho con người rời khỏi trên các chuyến bay huyền bí, mang theo một ít hay không có mối liên hệ nào với các hoạt động của cõi trần mà họ đã đặt mình vào đó.

Trước khi nói thêm về các biến cố xảy ra chung quanh việc viết ra sách này, tôi phải giải thích về sự liên quan của bốn người trong nhóm chúng tôi.

27 Một người trong nhóm đã từ trần trước đây vài năm. Tất cả chúng tôi đều có mối ràng buộc chặt chẽ với người phụ nữ này, nhưng chúng tôi không bao giờ cố tìm cách giao tiếp với bà qua các đồng tử, vì không một ai trong chúng tôi chú tâm đến cách giao tiếp này.

Trong số những người còn lại, một người là chủ căn nhà nhỏ một tầng này và đã cùng nghiên cứu huyền học với tôi từ lâu, còn người thứ ba là nhà doanh nghiệp thực tiễn, ông này, mặc dù hiểu biết rất ít các vấn đề huyền học vào giai đoạn đó, lại là người có khả năng tâm thông tự nhiên, đôi khi ông ấy ra khỏi xác thân với ý thức đầy đủ vào ban đêm. Ông này thường gặp lại người bạn đã chết của chúng tôi vào những lúc đó và đã mang về các thông điệp và các chỉ dẫn. Thật ra, một phần do sự hướng dẫn của người phụ nữ đã mất này mà

căn nhà chúng tôi đang ở đã được xây trong một địa điểm xa xôi hẻo lánh với một dự kiến dùng vào việc khảo cứu tâm linh, vì đó là nơi mà các năng lượng cõi cao có thể được tiếp nhận, không bị làm loãng đi, dường như là do quá nhiều tiếp xúc với con người.

Không một ai trong chúng tôi thuộc mẫu người có thói quen tưởng tượng cuồng loạn, chúng tôi luôn luôn cảnh giác chống lại sự tự dối mình (self-deception). Tuy nhiên, giờ đây, chúng tôi thấy rõ chính chúng tôi đang chống lại một điều gì đó mà chúng tôi không thể kềm chế cũng như không thể giải thích cặn kẽ được.

Khi trăng trở nên tròn đầy, thì hiện tượng nói trên càng tăng thêm.

Dùng sự hiểu biết hiện nay của tôi để xem xét lại, tôi hiểu ra rằng các thần lực đang tác động tại đây phải rất khủng khiếp. Ngay lúc ấy, cho dù chúng tôi là những kẻ sơ cơ (beginners), chúng tôi cũng có thể cảm nhận được các Quyền Lực đang uy nghiêm di chuyển phía trên vùng trải dài rộng khắp đồng lầy, bao trùm cả ngôi nhà, lấp đầy không trung bằng các tiếng vô thanh (soundless voices) của chúng. Từ lúc đó, tôi có thể hình dung ra hình dạng của chúng,, nhìn thoáng qua, dù là không đầy đủ, một bóng đen yếu ớt cũng có sức mạnh và minh triết của chúng. Kể đó tôi chỉ có thể mơ hồ cảm thấy sự hiện hữu của chúng. Thực ra chúng đang tụ tập gần sát chung quanh chúng tôi, tạo ra một xoáy năng lượng phía trên trung tâm nhỏ bé này, đó là các Mạnh Lực của không khí, biển và đất; trong tinh hoa của chúng có bản chất thiện hơn là ác; nhưng đối với bất cứ người nào, giống như chính chúng tôi, đã gọi ra chúng một cách sai lầm trong các kiếp sống đã qua, thông qua sự thôi thúc huyền bí của

Thiên Luật, về việc thanh toán một số các nợ cũ, chúng có thể tiêu biểu cho một sự đe dọa rất thực.

Đồng thời khi xoáy lốc tăng lên, phần dư ra của năng lượng tâm thông bắt đầu tạo được hiệu quả trong chất liệu hồng trần. Các biểu lộ hiện thời của nó thì không đáng kể, nhưng vì tất cả chúng tôi vào lúc này đều vô tình giống như các máy phát điện nhỏ đang phát ra điện năng, nên các đối tượng ở ngay chung quanh chúng tôi đều trở nên bị nó tác động vào.

Mền gối, tấm trải giường bị kéo giật khỏi giường. Mực viết bắn tung vào tường. Các thông điệp cũng được thấy viết nguệch ngoạc trên bất cứ mảnh giấy nào bị bỏ nằm đây đó. Có một lần, một câu nói đe dọa được viết trong lớp bụi nằm trên tấm gương ở trong căn phòng không còn xài nữa.

Thực ra cái phòng đó chẳng bao lâu đã trở thành một điểm tập trung của dòng lưu nhập xa lạ này của sự sống. Con chó nhất quyết không chịu đặt chân vào căn phòng đó và đi lăm lét một cách khổ sở quanh đó, bối rối và sợ hãi.

Thành viên duy nhất có nhãn thông trong nhóm của chúng tôi thỉnh thoảng thoáng thấy các hoạt động này; có một lần ông ta thấy các hình người sắc phục trắng đi lại chung quanh căn phòng nhỏ vốn luôn luôn được dành riêng để tham thiền. Một lần khác ông thấy một thủy thủ. Ông thấy khu vườn nhỏ đầy ánh sáng linh động và, điều càng làm sợ hãi hơn là vào một buổi tối, ông báo cho chúng tôi biết rằng có một con cóc khổng lồ ngồi trên lưng ghế.

Nhưng thành thật mà nói, chúng tôi không thực sự lo lắng chút nào; chúng tôi bàn bạc chuyện đó, tốt hơn là tất cả chỉ nên xem như trò đùa, chỉ hơi bức tức một ít bởi những điều có vẻ không liên quan với các sự kiện này, nhưng tuyệt nhiên không hay biết gì về ý nghĩa thực sự của chúng.

Rồi một đêm trăng gần tròn, tôi có một giấc mơ; kể từ đó, giấc mơ đánh dấu việc khởi đầu những gì chắc chắn là bước ngoặt (turning-point) của đời tôi.

Giờ đây tôi đã tìm thấy – và điều này đã được những người khác xác nhận cho tôi, ngay cả bởi một bác sĩ chuyên về tâm lý thực hành – rằng có hai loại giấc mơ rõ rệt. Một loại là sự pha trộn thông thường của các biểu tượng và các hình ảnh, hầu như tất cả đều xuất phát từ các hoạt động của tiềm thức (subconscious mind), được thôi thúc bởi các ham muốn, các ức chế (repressions), các ý tưởng được khơi dậy và các 29 kinh nghiệm của phạm ngã. Thật ra, khu vực thám hiểm hạnh phúc đó, nơi mà trong đó đệ tử của bất cứ một trong vô số trường phái tâm lý trị liệu nào đang tiêu khiển mà không nhận ra rằng y đang dò dẫm vào trong lãnh vực dễ nhầm lẫn nhất trong tất cả các lãnh vực, tức là cõi tình cảm hay cõi “cảm dục” (“astral” plane).

Loại giấc mộng kia mà cho đến nay tôi tin rằng rất ít khi xảy ra với đa số nhân loại, thì khác hơn đối với người đã trải qua loại mộng đó mà không thể nảy sinh sự lầm lẫn nào.

Chẳng những các giấc mộng như thế có được tính chất hết sức rõ ràng (vividness), trình tự hữu lý và có tính hiện thực (actuality) vốn không hề có ngay cả trong loại giấc mộng hữu lý nhất của những người khác, mà chúng còn có được một tính chất khác, mà do chỗ tính chất rất tế nhị của nó, gần như không thể giải thích được – giống như không thể nào giải thích về màu sắc cho một người mù hiểu được, giải thích về âm thanh cho một người điếc biết được, hoặc về tình yêu cho một người chưa bao giờ trải qua kinh nghiệm yêu đương. Tất nhiên các giấc mơ này có một tác động mạnh mẽ lên sự sống tinh thức của con người và lấp đầy sự sống với ý nghĩa mới mẻ, vì các giấc mơ đó thực ra là ký ức của các hoạt động bên

ngoài xác thân hơn là bất cứ điều gì liên quan với xác thân trong trạng thái hữu thức.

Đó là giấc mơ mà tôi có được đêm hôm ấy. Tôi thấy chính mình ở châu Atlantis ⁽¹⁾. Tôi đi bộ suốt qua các đường phố của Kinh Thành bị bỏ quên, thành Kim Môn (Golden Gate), chú tâm vào việc xem xét một vấn đề cấp thiết cho chính sự sinh tồn của tôi, vì tôi đang vướng phải một cuộc khủng hoảng vốn rõ ràng và riêng biệt cho tôi giống như cuộc sống ở thế kỷ hai mươi của tôi trong lúc tôi tỉnh thức. Tôi tỉnh dậy trước khi vấn đề đó được giải quyết, và rồi khi ngủ thiếp lại; tôi thấy chính tôi thêm một lần nữa cũng là con người đó. Nhưng giờ đây cảnh trí đã thay đổi, toàn bộ số mệnh tôi đã biến đổi. Tôi đã tham dự vào việc thực hành nghi thức ma thuật (magical rite), nghi thức đó gây ra sự khủng khiếp đến nỗi tôi choàng tỉnh dậy như thể sợ bị ép buộc diễn lại giai đoạn gây chết chóc đó tuy vẫn là giai đoạn sống động trong quá khứ.

Sáng hôm sau, tôi lôi chiếc máy đánh chữ bị bỏ xó từ lâu của tôi ra, và cố gắng viết lại kinh nghiệm dưới hình thức vở kịch. Ngôn từ tuôn chảy dễ dàng một cách đáng kinh ngạc. Mọi nhà văn đều biết rõ rằng khi nguồn hứng cảm đổ xô đến, thì nó đưa nhà văn ra khỏi bản ngã bình thường của mình, thường làm cho y sững sốt, điều khiển y trong khi y tưởng tượng một cách chất phác rằng y đang vận dụng được nguồn cảm hứng đó. Nhưng vào sáng hôm đó không có chút nghi ngờ đối với kẻ ghi chép. Tôi cảm thấy chính tôi không khác gì một dụng cụ.

¹ Atlantis: lục địa bị nhận chìm trong vùng biển nằm giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương theo các giáo lý nội môn và theo Plato. (Trích The Theosophical Glossary của bà H.P.Blavatsky).

Các màn cảnh được tự động dựng lên một cách kỳ diệu, thậm chí ngôn ngữ cũng không phải là ngôn ngữ của chính tôi. Thế rồi tôi mãi mê viết trong nhiều giờ, kể đó dòng tư tưởng đột ngột ngưng lại giống như một dòng sông bất ngờ bị con đập chặn lại, và tôi bị bỏ lại với một câu chuyện chỉ xong được một nửa. Điều gọi nên sự tò mò của tôi trong chuyện này là giai đoạn liên quan với tà thuật trong giấc mơ của tôi đã không hiện ra để ăn khớp với bất cứ chỗ nào ở đây, mà rõ ràng là thuộc về một thời kỳ muộn hơn trong kiếp sống của người nam này, vào những giờ phút hiếm hoi, ông ấy vì lý do nào đó đã trở nên rất thân thiết với chính tôi đến nỗi tôi hầu như có thể cảm thấy tâm trí ông ấy hòa nhập vào tâm trí hiện nay của tôi.

Tôi tưởng rằng sẽ nhận được phần còn lại của câu chuyện vào đêm đó khi đi ngủ, nhưng không có gì giống như vậy xảy ra. Lúc đó bạn tôi chợt nảy sinh ý kiến là tôi thử dùng phương pháp giáng bút (automatic writing, cơ bút). Tôi không hy vọng lắm vào việc đó. Tôi đã từng thử phương pháp đó một, hai lần rồi, nhưng cây viết chì vẫn luôn luôn bất động. Mặc dầu tôi hiện đang chống lại bất cứ phương cách giao tiếp nào giống như thế, giờ đây tôi lại cảm thấy có một sức thôi thúc mạnh mẽ thử xem có thể làm được gì không.

Một người trong nhóm chúng tôi đã đi xa trong vài ngày vì công việc kinh doanh, thế nên chỉ còn lại hai người trong nhóm chúng tôi đi vào phòng khách lớn có nhiều cửa sổ (sun-room) vào tối hôm ấy, vì phòng tham thiền được dành lại. Chúng tôi mở máy quay đĩa (gramophone) – tôi còn nhớ đó là Bản Giao Hưởng của César Franck, cung Ré thứ (D Minor) – tôi ngồi xuống với cây bút chì và xấp giấy, lòng vô cùng hoài nghi.

Nhưng trước sự kinh ngạc của tôi, trong vòng vài phút bút chì bắt đầu chuyển động. Giống như một vật gì được cầm vào tay, cây bút chì chạy nhanh trên mặt giấy. Tôi đã cố không để cho tôi quá thụ động, và bây giờ tôi cố gắng tuân theo hoạt động của nó bằng trí của tôi, vì căn phòng đang chìm trong bóng tối. Sau độ nửa giờ, tôi ngưng mọi việc.

Tôi lên tiếng nói: “Không có gì cả, toàn là chữ viết nguệch ngoạc - chỉ phí thì giờ quý báu mà thôi”.

31 Tuy nhiên, tôi nghĩ là tôi nên thử thêm một lần nữa, nên đêm kế đó màn giáng bút được lặp lại, có điều là lần này theo tôi, dường như cây viết chì đã vẽ ra tên của người bạn đã qua đời của chúng tôi dù hầy còn sơ sài.

Điều này được thấy là chính xác. Buổi tối kế tiếp, một thông điệp rời rạc lại đến. Trong vòng bốn ngày tôi đã viết trôi chảy; nhưng khác với người sử dụng cơ bút thông thường, tôi luôn luôn biết rõ những gì được viết ra – tay và óc nhận được điều truyền đạt (message) cùng một lúc.

Tôi biết rất rõ rằng đối với nhiều người, phương pháp này sẽ bị gạt ra vì được xem là đáng nghi ngờ, chỉ là một sự truyền đạt (projection, phóng chiếu) từ tiềm thức (subconscious mind) hoặc một cái gì đại loại như thế. Sự thật là không một ai có thể có nhiều hoài nghi hơn là chính tôi. Từ lâu, tôi đã nghiên cứu khoa tâm lý học nên không thể chấp nhận bất cứ ý tưởng hiện ra (manifestations) nào mà có vẻ mù mờ như thế. Trong bất cứ trường hợp nào tôi cũng luôn luôn xem phương pháp cơ bút như là dễ dàng tiếp nhận sự gian trá cố ý hoặc vô tình nhiều hơn là các hình thức truyền thông khác, và tôi vẫn còn nghĩ như thế. Mặc dù thế tôi không thể chứng minh rằng những gì tôi nhận được lúc bấy giờ đã không đến từ tiềm thức của tôi – tôi chỉ có thể nói rằng, xét về các diễn biến gần đây, thì nhiều công cuộc điều

ngiên thận trọng và các bằng chứng đã làm hài lòng tôi và những người khác một cách hoàn toàn, do đó tôi tin chúng là các điều truyền đạt chính xác.

Một điểm quan trọng cần cứu xét, đó là các điều truyền đạt đó không do một loại mong muốn cần được đáp ứng nào cả. Không hề có các xúc cảm cũng như không có điều ham muốn nào của tôi có dính dáng trong đó. Như tôi có nói, tôi không bao giờ mong muốn giao tiếp với người bạn đã mất của chúng tôi. Tôi đã bắt đầu viết và được cổ vũ bằng cách thức lạ thường mà trong đó kiếp sống ở châu Atlantis của tôi đã diễn ra, và hy vọng có được thêm một ít hiểu biết về lần luân hồi đó hay các lần luân hồi khác; song tôi không thu thập được gì thuộc loại đó. Câu chuyện của tôi vẫn chưa hoàn tất, nhưng thay vào đó, giờ đây, vào bất cứ lúc nào, ngày hoặc đêm, dù là chỉ có một mình hay là có mặt các bạn đồng đạo, thông tin đủ loại tuôn xuống; một số thông tin đó 32 hiển nhiên là rất quan trọng cho sự phát triển của chúng tôi, một số chỉ là việc thể hiện sự lưu tâm và tình thương của người bạn quá cố dành cho tất cả chúng tôi.

Khoảng một tuần sau đó, người bạn nữ đã quá cố này cho chúng tôi hay rằng, cùng với nữ huynh hữu đó, có một Đức Thầy bên cỗi đó muốn tiếp xúc với chúng tôi. Nếu đúng như thế thì điều này rõ ràng là càng thêm lý thú. Dĩ nhiên là chúng tôi không có phương pháp nào để trắc nghiệm tính xác thực của phát biểu này, ngoại trừ bằng cách cảm thấy mơ hồ tới mức tối đa đối với năng lực của chúng tôi các diễn đạt mà vị được gọi là Đức Thầy có thể nghĩ là thích hợp khi dạy ra; trong trường hợp bất trắc như thế, việc phán đoán cây bằng quả của nó, theo ý tôi, vẫn là phương pháp an toàn nhất và là phương pháp bảo vệ duy nhất mở ra đối với các thực thể hầy còn chịu nhiều giới hạn như chính chúng tôi.

Đức Thầy đưa ra thông điệp của Ngài, và ngay khi tôi ghi lại thông điệp đó, tôi cảm thấy có một thay đổi trong các rung động đang tuôn chảy qua tay tôi. Có một sức mạnh vô biên nơi đây, nhưng cũng còn một cái gì đó hơn thế nữa, một cái gì đó mà tôi không thể diễn đạt bằng lời được.

Tôi chỉ có thể giải thích điều đó bằng cách nói rằng tôi có một cảm giác không chống lại được, đó là được đắm mình vào sự an tĩnh có tính cách che chở, vào sự yêu thương, pha lẫn với sự nghiêm khắc (austerity) và xa cách (remoteness). Không một bóng ma giả hình nào, không một tà lực của ảo tưởng nào có thể gọi được sự thay đổi này.

Đức Thầy nói vắn tắt và đi vào trọng tâm vấn đề, vì các huấn sư chân chính bao giờ cũng làm thế. Các Ngài biết giá trị của việc tiết kiệm thần lực. Các Ngài tuân giữ một định luật, luật này ấn định rằng không một nguyên tử năng lượng nào có thể bị phung phí trên bất cứ cõi nào, không một lời nói được thốt ra, không một hành động được tạo thành nào mà không tỷ lệ trực tiếp với giá trị của kết quả muốn đạt được. Các Đức Thầy hoạt động để dạy dỗ nhân loại sẽ huấn luyện đệ tử của các Ngài cũng nghiêm túc như vậy pha lẫn với sự cảm thông bằng tình thương mà một người thầy có năng lực trên cõi hồng trần mang lại cho con trẻ ở dưới sự phụ trách của người này. Các Đức Thầy không có thì giờ dành cho câu chuyện vô bổ và có tính chất vượt ve. Các Ngài chỉ tìm kiếm kết quả. Nếu các kết quả này không đến vào thời điểm ấn định, tất nhiên các Ngài sẽ để mặc cho vị đệ tử giải quyết vấn đề của mình, cho đến khi đệ tử này sẵn sàng khép mình vào kỷ luật vốn cần thiết cho mọi tiến bộ, cả tinh thần lẫn vật chất.

Ở đây không thể đưa ra giải thích cặn kẽ về tất cả những điều Đức Thầy dạy chúng tôi vào lúc đó, chỉ cần nói rằng

Ngài cho chúng tôi biết là nhờ các nỗ lực của chúng tôi trong kiếp này và nhiều kiếp khác, chúng tôi đã đạt đến một trình độ có thể hồi thúc sự phát triển của chúng tôi, kế tiếp, Ngài chỉ cho chúng tôi một ý tưởng rất rõ ràng về các khó khăn, các nguy cơ và các hy sinh có thể xảy ra mà, với tư cách là các đệ tử, chúng tôi tất nhiên bị lôi cuốn vào để đối phó. Chúng tôi có được tự do ý chí trong vấn đề này. Chúng tôi cần lựa chọn, nhưng khi lựa chọn rồi, không thể thoái lui được, vì nếu trở lui, chính chúng tôi phải chịu sự mất mát lớn. Đúng ra tốt hơn hết là phấn đấu một cách từ tốn theo từng bước một, và hoãn lại bất cứ cố gắng hồi thúc tiến tới nào cho đến lần luân hồi khác. Ngài để cho chúng tôi có thì giờ xem xét vấn đề trước khi Ngài chấp thuận bất luận quyết định nào của chúng tôi.

Sau khi Ngài ra đi, người bạn chúng tôi nói lại câu chuyện với chúng tôi và mô tả cho chúng tôi biết về Đức Thầy. Tôi ngạc nhiên biết bao khi thấy lời mô tả đó phù hợp với điều mô tả về một nhân vật (guide) mà trước kia một đồng tử đôi khi thấy vị này đứng sau lưng tôi. Người đồng tử này có cho tôi biết rằng nhân vật đặc biệt này chú ý đến công việc của tôi và hy vọng có thể gây ấn tượng lên tôi trong tương lai gần về các mục tiêu khác nhau. Vì không nghĩ là tôi có khả năng đồng cốt, tôi hoàn toàn không tin toàn bộ câu chuyện và đã quên bẵng đi mãi cho đến bây giờ.

Hai ngày sau, người thứ ba trong bộ ba chúng tôi từ thành phố trở về. Người này rất chú ý đến tất cả những gì đã xảy ra. Bằng các phương pháp riêng của mình, người này cũng hoàn toàn truy ra một giai đoạn rất khác thường một cách riêng biệt, trong giai đoạn đó, bốn người trong chúng tôi đã lại tham dự vào một số thực hành huyền thuật ở Atlantis; và sau khi bàn thảo vấn đề, chúng tôi đi đến chỗ đồng ý rằng: giai

34 đoạn này phải là các mảnh rời rạc khác của một lần luân hồi ở châu Atlantis, trong đó, chúng tôi đã gặp nhau và được phóng chiếu lại (reprojected) vào tâm thức chúng tôi. Nhưng hiện nay nó giống như một trò chơi ghép hình mà trong đó nhiều phần quan trọng nhất lại đang thiếu. Vì một lý do nào đó mà tôi không thể xác định được vào lúc đó, tôi cảm thấy rằng đối với chúng tôi điều thiết yếu là hiểu được toàn bộ câu chuyện – mà bằng một phương thức lạ lùng nào đó những gì mà chúng tôi đã làm lúc đó đã mang một liên hệ trực tiếp với những gì mà chúng tôi đang cố gắng làm hiện nay, và rất có thể chỉ đến khi nào cái quá khứ này được giải quyết xong, chúng tôi mới có thể có được tiến bộ theo ý muốn, nguyên tắc giống như trong cách tâm lý trị liệu (psychotherapy), đó là các ức chế và các khát vọng bị dồn nén (repressions) của người bệnh phải được đưa hết vào trong cái trí thức thức (conscious mind) trước khi có thể có được bất cứ hy vọng nào đối với cách chữa trị lâu bền.

Do đó chúng tôi quyết định ngồi lại với nhau trong phòng khách và xem xem chúng tôi có thể cố ý tự phóng chiếu chính chúng tôi trở về lại cái quá khứ này hay không? Giờ đây tôi mới nhận thức được mọi nguy cơ nằm trong một cuộc thực nghiệm như thế. Có lẽ điều không may là không một ai trong chúng tôi có được ý niệm sơ lược nhất về các quyền năng mà chúng tôi sắp kêu gọi đến một cách thiếu suy nghĩ. Tuy nhiên chúng tôi cũng cảm nhận chính chúng tôi được che chở ở một mức độ nào đó và đang ở dưới sự dẫn dắt – như thật sự chúng tôi đã có.

Đêm đó, trăng tròn. Mặt biển được soi sáng như có lân tinh (phosphorescent). Khi cánh tay chúng tôi rẽ dòng nước đen, các viên nhỏ màu sáng bạc lặn ra khỏi tay chúng tôi và chảy quanh đầu chúng tôi. Đêm tối ấm áp bao bọc chúng tôi –

Biển, trời và đất hoà nhập trong cái thâm sâu xanh thẫm, chỉ có ánh sáng màu vàng từ ngôi nhà chúng tôi hắt vào khoảng không, đánh dấu cho chúng tôi biết các lần ranh của đất. Tôi bơi ra xa, noi theo con đường của mặt trăng – nữ thần huyền ảo xa xưa; làn nước dường như hoà quyện vào chính bản thể (substance) của tôi, ướp lạnh các cấu tử nóng bỏng của mặt trời vốn đã đem lại sinh khí cho tứ chi của tôi trong những ngày dài của tháng tám.

35 Sau buổi tắm, tôi nhớ ra là chúng tôi đã mở máy quay đĩa và ngồi một lúc trên bậc thềm trông về hướng mặt biển vô hình ngang qua ngôi vườn nhỏ nơi có các loài hoa rực rỡ, lò mờ ánh bạc. Mặt đất yên tĩnh đến nỗi các luồng thủy triều của sự sống có thể tất cả đã lùi xa, để lại chúng tôi trong một khoảng không tăm tối đầy tiếng nhạc. Tôi nghĩ mỗi người chúng tôi đều phải trải qua kinh nghiệm có cùng cảm giác mong đợi các biến cố lớn lao chờ giải quyết, nhưng thật là âm thầm bởi một yên lặng kỳ lạ, như thể một điều gì đó được an bài rồi và không thể tránh khỏi.

Ngay lúc đó chúng tôi đi vào phòng khách và tắt hết đèn. Tất cả các cửa sổ đều được mở rộng. Sự tĩnh lặng lên đến cực độ, đến nỗi người ta có thể nghe được, dường như từ các khoảng xa vô tận, tiếng rì rào của các lượn sóng nhỏ va vào sỏi cuội ven bờ. Và khi chúng tôi ngồi ở đó, sự im lặng tăng lên. Nó trở nên rung động với mãnh lực vô hình. Mãnh lực này ngày càng lên cho đến khi dường như là mọi cấu tử trong bầu không khí, trong thân thể của chúng tôi, thậm chí trong tư tưởng của chúng tôi nữa, trở nên tích điện quá nhiều (supercharged), tăng tốc lên đến một thể điện hầu như không thể chịu nổi.

Thình lình, dường như một tiến trình luyện kim đan nào đó đã phát triển đầy đủ từ lâu, trong thời điểm đó bỗng trở

nên hoàn tất, từ một giây đến giây kế tiếp, tiến trình thời gian được đảo ngược và chúng tôi lùi vào thời kỳ đã chết cách đây nhiều ngàn năm.

Tôi có thể nói đến những gì tiếp theo nhưng không được chính xác, và chỉ theo quan điểm cá nhân của tôi mà thôi. Mỗi người chính là nhà kiến trúc đối với ngôi nhà riêng của mình, không có hai người có kiến tạo giống nhau, cho dù hành vi của họ có thể có bản chất giống nhau. Tôi không thông hiểu được những gì mà các đạo hữu của tôi cảm nhận được; các điều này có thể ít khi được mô tả vì chúng xảy ra theo một chiều đo (dimension) mà đến nay nhân loại không có tên gọi; nhưng ở đây tôi thử cố gắng tả lại bởi vì không có một lý giải nào tiếp theo sẽ là vô nghĩa.

Không nghi ngờ gì tất cả bốn người chúng tôi – vì người bạn quá cố của chúng tôi được tính vào trong số đó – mỗi người theo một cách đặc biệt cho chính mình và mức phát triển của mình, lúc đó đều có tham gia vào, qua một tiến trình hồi ức của chân ngã (egoic memory) mà tôi không có tham vọng sẽ hiểu được khi hồi tưởng về các diễn biến xa xưa này.

36 Thế là quá khứ được tái tạo trở lại. Chúng tôi trở lại trong ngôi đền ở châu Atlantis, tham dự vào một nghi lễ huyền thuật (magical rite) mà tôi có ghi lại đầy đủ hơn ở sau trong sách này.

Về phần tôi, lúc đó tôi trở thành hai người. Một nửa của tôi đi trở lại quá khứ và có tâm thức của thời châu Atlantis, mang tên là Cheor; còn một nửa kia, cái tôi hiện tại, vẫn đứng vững trong suốt thời gian đó, và xem xét cảnh tượng với một sự quan tâm khách quan, hầu như mang tính chất khoa học.

Tuy nhiên, tôi muốn mọi người hiểu rõ rằng tôi – vì tôi đồng nhất hoá chính cái tôi duy nhất với cái phần đang có thái độ đứng vững – không bao giờ mất sự kiểm soát của cá

nhân vốn đã tái hiện thành (re-become) Cheor, mà cũng không xem xét qua bất cứ nỗ lực nào của ý chí để trốn tránh kinh nghiệm đó. Tôi biết phải đối mặt với nó, hơn nữa đó là điều cần thiết và không thể trốn tránh được. Thậm chí, tôi cũng không hãi sợ nó, vì suốt thời gian đó tôi cảm thấy cũng có một rung động tuyệt diệu và an bình bao bọc chúng tôi vào cái ngày mà Đức Thầy được nói đến. Đây là nơi bám víu (anchorage) của tôi, bất chấp sự kiện là trên cõi hồng trần và cõi tình cảm, nơi mà thân xác tôi hoạt động, xáo trộn tâm linh tăng lên theo mỗi lúc và từ từ thay đổi, cho nên sau cùng nó trở thành chính tâm điểm (very quintessence) của tà lực (evil), tương ứng với bản chất của những con người thời Atlantis mà chúng tôi đã từng là những con người ấy. Nó lớn lên; giờ đây nó khoắc lấy hình hài. Căn phòng tràn đầy Các Bóng Ma (Presences) mà nghi lễ hắc thuật, tà đạo xưa kia đã có lần trực triệu đến. Chúng tụ tập chung quanh chúng tôi, các mãnh lực được nhân cách hoá (personified) của thèm muốn, của hận thù, của kiêu căng quỷ quyết, sau cùng được thoát ra khỏi nơi giam nhốt, nơi mà chúng bị quản thúc cho đến khi chúng tôi trở nên đủ mạnh để tiếp xúc với chúng một cách hữu thức. Chính chúng lao vào chúng tôi, tìm kiếm trong các thể (bodies) hiện có của chúng tôi bất cứ rung động nào hãy còn đáp ứng với các rung động của chúng, giúp cho chúng tiến nhập vào và đem lại cho chúng cơ hội để ám nhập (possession).

Vào lúc đó, may thay, tôi không hiểu rõ những gì đang xảy ra; tôi chỉ biết cuộc xung đột khủng khiếp, vô hình nhưng đem lại biết bao kinh nghiệm và biết rằng tôi phải giữ được quyền kiểm soát với bất cứ giá nào. Nhưng sau cùng, khi sự khủng khiếp của kinh nghiệm lên tới tột đỉnh, khi các mãnh lực hội tụ bị đổ vỡ với một rung động kinh hoàng ngang qua

đầu chúng tôi, đến mức tột cùng, tôi cầu khẩn Đức Thầy. Hầu như ngay tức khắc, sự căng thẳng hạ xuống liền, giống như ngọn sóng lui ra xa ở chỗ rẽ của thủy triều, các lực tâm thông (psychic forces) trở nên yếu đi, dần dần giảm nhẹ cho đến khi tàn lụi hẳn, rồi căn phòng trở nên giống như một cái vỏ rỗng không.

Chúng tôi bật đèn lên. Tất cả mọi người chúng tôi đều bàng hoàng rúng động. Tôi nhớ lại vầng trán của tôi ướt đầm những giọt mồ hôi lạnh, còn răng thì va vào nhau lập cập, tôi cố hết sức mà vẫn không thể kiềm chế được những cơn rung mình thỉnh thoảng bùng lên, chạy khắp người tôi giống như những tia nước buốt lạnh bắn vào. Tôi muốn có được một cốc rượu mạnh không pha (stiff whisky) vào lúc đó, nhưng rượu, thuốc hút, thịt đã bị chúng tôi loại ra theo chế độ ăn kiêng nghiêm ngặt, thế nên, tốt nhất đối với chúng tôi là không có gì thích hợp bằng một tách trà.

Tôi hình dung ra rằng đêm đó tôi sẽ bị kiệt sức vì các cơn mộng và hình ảnh gây sợ hãi, nhưng tôi đã ngủ rất say và thức dậy hoàn toàn đúng giờ, chuẩn bị sẵn sàng cho các biến cố gây ngạc nhiên khác có thể đang chờ chúng tôi.

Nhưng kinh nghiệm phi thường đó dường như trong lúc này đã làm cạn hết các sức mạnh tâm thông có liên quan.

Buổi họp mặt cuối cùng này xảy ra chỉ có mười ngày trước khi buổi liên hoan của chúng tôi được dự kiến chấm dứt, vì tôi đã quay trở lại với công việc của tôi ở Luân Đôn và một người bạn khác xuống đây ở lại ngôi nhà thay thế tôi. Như vậy, có một cuộc chuyển tiếp ngắn để điều chỉnh, và nhìn lại các diễn biến này, người ta thán phục trước việc định thời điểm hoàn hảo (perfect timing) cho các hoạt động của họ bởi những người ở phía bên kia. Mười ngày này thật vô cùng thiết yếu ngõ hầu chúng tôi có thể trở nên lắng dịu xuống và

tự chuẩn bị cho các tiếp xúc mới với thế giới bên ngoài, vì lẽ tất nhiên chúng tôi còn hoang mang và bị sốc (shaken) bởi ấn tượng bất ngờ của các sự cố này và vẫn còn bối rối bởi việc tiếp xúc với chiều đo mới này mà tất cả chúng tôi đều bị ném vào đó.

38 Vì, như tôi đã nói, chính các nền tảng của các kiếp sống chúng ta đều chịu ảnh hưởng. Không một ai trong chúng tôi còn có thể mãi mãi hoàn toàn giống như từ trước đến giờ được nữa: và không phải là một vấn đề dễ dàng khi bắt đầu cuộc sống thường ngày của một người từ một bầu không khí quá tích điện khác thường như thế. Thực sự là có một thời gian rất dài trước khi bất cứ người nào trong chúng tôi bắt đầu xem xét giai đoạn này với tâm trí không thiên kiến và hoàn toàn khách quan.

Trong vòng mười ngày nói trên các mãnh lực tâm thông từ từ giảm xuống. Tuy nhiên, tôi vẫn còn nhận được các thông điệp (messages) bằng cơ bút, nhưng các thông điệp này còn tiếp nối trong nhiều tháng sắp đến.

Không có lời giải thích nào được đưa ra vào lúc đó, nhưng từ đó tôi mới nhận thức được cái nguy hại của cuộc thí nghiệm. Thực ra việc thăm dò vào các kiếp sống trước như thế đừng bao giờ nên làm, trừ phi có sự giám sát của một Đức Thầy như Thầy của chúng tôi. Ngài có thể thấy mọi nhược điểm và mọi điểm hiểm nguy tiềm tàng trong bản chất (the make-up) của các đệ tử thuộc phần trách nhiệm của Ngài, đồng thời Ngài có thể đánh giá sức chịu đựng của các đệ tử này đến đâu, vì rất có thể là các mãnh lực tình cảm này vốn chắc chắn lan nhanh qua chỗ hở của các cánh cửa mà, trong hầu hết các trường hợp, tốt hơn là nên giữ khép chặt lại. Vì các mãnh lực này hiện nay đang có bản chất huỷ diệt người tham gia thí nghiệm liều lĩnh (rash experimenter).

Thậm chí dưới sự giám sát như chúng tôi nhận được nơi đây, vẫn còn có một yếu tố nguy hại mạnh mẽ; nhưng vì không một phát triển mau lẹ nào mà lại không tạo ra rủi ro, nên sự chăm sóc và che chở của một Đức Thầy minh triết có thể làm giảm nhẹ các rủi ro và giữ cho chúng nằm trong các 39 giới hạn của luật về Nghiệp quả *quá khứ* (law of *past* Karma), sao cho không sinh ra các nhân quả mới do thiếu hiểu biết.

Thí dụ, trong trường hợp của chính chúng tôi, nếu có một người trong nhóm chúng tôi, nếu chỉ trong một giây, vâng, vì thiếu một thuật ngữ chính xác hơn, tôi phải gọi là một sự chập mạch (short-circuit), cho nên Chân Ngã (Higher Self) hay Linh Hồn không còn tiếp xúc với hiện thể tâm thức (vehicle of consciousness) của nó nữa, thì các thực thể này mà cái quá khứ bất hảo của chúng ta đã tạo ra, có thể xông vào, nắm lấy thân xác (body), và một khi chiếm hữu được, có thể không bao giờ lại bị đánh bật ra, với hậu quả là người đang được nói đến cần phải trải qua phần còn lại của kiếp luân hồi ở trong bệnh viện tâm thần (mental home). Lại nữa, nếu có một yếu tố nào đó không được biết trước đây hoặc yếu tố độc ác bị ức chế trong các tính chất của chúng ta đang có một sức thu hút (affinity) chặt chẽ với tần số rung động bất hảo của các thực thể này, thì một khi có được chỗ bám như thế, sau rốt, chúng có thể đi đến chỗ chế ngự con người bằng cách lợi dụng và kích hoạt chỗ yếu ớt đó. Loại ám nhập (possession) này không thường xảy ra, nơi các chỗ cầu đồng (seances), trong đó các đồng tử tuy có hảo ý, nhưng thiếu hiểu biết, do sự nhượng bộ cho việc mạnh thêm này của một chỗ yếu ớt cá nhân nào đó, trở nên chìm đắm ngày càng sâu, đôi khi kết thúc bằng sự mất trí.

Sau đó, tôi được giải thích cho biết rằng, vì công việc đặc biệt mà mỗi người trong nhóm chúng tôi phải đảm trách, nên

chúng tôi rất cần có được sự tiếp xúc chặt chẽ với lần luân hồi ở châu Atlantis của chúng tôi. Hơn nữa, nhờ để cho chúng tôi có được kinh nghiệm sống động và hầu như kinh hoàng như thế, các Đức Thầy của chúng tôi mới có thể trải nghiệm năng lực của chúng tôi về mặt tình cảm, trí tuệ và thể chất, ngõ hầu các Ngài có thể liên kết việc luyện tập sau này của chúng tôi với kết quả của việc thử nghiệm trên các thể khác nhau của chúng tôi, vì lẽ không có hai người phản ứng trước một biến cố giống nhau theo cùng một cách, thế nên không thể dùng cùng phương pháp huấn luyện giống nhau cho hai người được.

40 Chính vì lý do này mà sẽ không có giá trị bao nhiêu nếu tôi nói rõ chi tiết về việc luyện tập riêng của tôi, việc luyện tập này được bắt đầu ngay khi tôi trở về Luân Đôn và sống cuộc sống tương đối ẩn dật trong căn hộ riêng của tôi. Dĩ nhiên tôi được chỉ dẫn để đạt đến một mức bén nhạy nào đó cần thiết cho công việc đặc biệt mà tôi phải làm. Hầu như ngay tức khắc, một loạt các hình ảnh bắt đầu truyền tới, một số là các hình ảnh của thời Atlantis và các nghi lễ của chúng, một số mô tả các tinh linh thiên nhiên (nature spirits) và các thiên thần (devas), còn một số khác là các hình ảnh biểu tượng (symbolical figures) mà tôi, một kẻ không được huấn luyện về nghệ thuật, không thể tự tay tôi vẽ được. Nhưng chẳng mấy chốc tôi đã học được điều này, dù chỉ có tính cách sơ lược. Dần dần loại kèm chế tự động mạnh mẽ hơn giảm đi và được thay thế bằng loại nhãn thông trí tuệ (mental clairaudience) dùng kết hợp với các rung động khác nhau, thế nên chẳng sớm thì muộn tôi có thể phân biệt giữa các Huấn sư (teachers) của tôi với việc có thể nghe được trong nội tâm những gì mà tôi phải làm hoặc viết ra. Chính là lúc bấy giờ tôi được dạy rằng nhiệm vụ đầu tiên của tôi là phải

nêu ra một vài kiếp sống trong quá khứ để có thể viết ra một cuốn sách có khả năng minh họa và giải thích được định luật Karma căn bản vĩ đại – định luật nhân quả – luật này đang chi phối các kiếp sống của con người và định đoạt vận mệnh của họ trong bất cứ lần đi đầu thai nào.

Về sau, các kiếp sống này được diễn lại cho tôi, và vì tôi đã tiếp nhận được, thế nên tôi viết ra đây, với một vài giải thích mà thầy tôi cũng dạy tôi vào lúc đó.

Không may là, tất nhiên do thiếu chỗ, nên phải cắt bớt một hoặc hai kiếp sống không có liên quan chặt chẽ với việc luyện pháp thuật ở Atlantis và các hậu quả của nó, mà chỉ đưa ra phác thảo sơ lược về một số kiếp khác.

Năng lực đọc được quá khứ hay nhận biết được tương lai vốn tiềm tàng trong tất cả mọi người, vì tất cả mọi chúng sinh đều tất phải chia sẻ trong mỗi tế bào của con người của mình, cái Đại Trí thẩm thấu vạn vật (all-pervading Mind) từ đó xuất phát sự biểu lộ.

41 Quả thật là cho đến nay ít người có thể nhớ lại hoặc là thấy trước quá một vài giới hạn do bởi sự kiện là họ chưa biết được một cách có ý thức về sự đồng nhất của họ với Tổng Thể, do đó, họ không cố gắng phát triển các tiềm năng của họ. Nhưng chắc chắn là năng lực hành sử này mở ra một cách to tát các năng lực có được nhân quang và linh thị tinh tế hơn đang tăng lên và một ngày kia sẽ trở nên phổ cập.

Có thể nói rằng mọi sự việc đều “chỉ là các tư tưởng trong Thiên trí của Thượng Đế (Mind of God)”. Nếu điều này là đúng thì điều tiếp theo phải là toàn bộ quá khứ hẳn vẫn tồn tại dưới một số trạng thái của cái trí thiêng liêng (divine mind). Bấy giờ vấn đề trở thành là biết làm thế nào để điều hợp (tune) vào bề đo (dimension) nơi mà ký ức này có thể nói là hoạt động được. Chúng tôi cho đó là điều đương nhiên

một khi xem xét đến các kỳ diệu của phim ảnh và máy thu thanh (cinema and radio). Có lẽ một ngày kia chúng ta sẽ thừa nhận là đúng sự hiện hữu của bề đo khác lạ này của tâm thức, nó đang chứa, hoặc ghi lại – cả hai thuật ngữ này đều hoàn toàn thiếu chính xác và đưa tới các quan niệm sai lầm – mọi biến cố, tư tưởng và hành động từ lúc bắt đầu công cuộc sáng tạo cho đến kết thúc chu kỳ biểu lộ.

Đối với người nào đang học cách làm hoàn thiện bộ máy đáp ứng của chính mình sao cho y có thể khêu gợi từ, hoặc điều hợp với các trạng thái của ký ảnh vũ trụ này, nơi đây có hàm chứa mọi câu trả lời cho các câu hỏi và các vấn đề mà con người đang miệt mài tìm tòi trong nhiều ngành sưu khảo khoa học để khám phá cái mới lạ trong thiên nhiên. Nơi đây trong cái quá khứ vốn có thể được gọi là ký ức của Thượng Đế và cái tương lai vốn đang che giấu ý định của Ngài, chúng đang chờ sự khám phá của con người. Nhưng năng lực của con người là kém cỏi biết bao khi làm chuyện này. Đối với đa số, đôi khi đây đó người ta thấy được những người, nhờ phát triển được trực giác và các quyền năng tưởng tượng có tính sáng tạo, nên có khả năng tiếp nhận được các tia chớp của nội nhãn thông (flashes of insight) từ lãnh vực này. Nhờ đọc trong các sách của quá khứ và tương lai, họ đưa ra các khám phá hoặc các công bố chính xác trong khi vẫn không biết gì về nguồn cội đích thực của linh hứng của họ.

42 Nhưng không có bất cứ lối vào nào đưa tới các ký ảnh này, thì một người nghiên cứu nếu cần có thể được chỉ dẫn một cách gián tiếp, dường như là các biến cố thích hợp mà y muốn biết bởi một người mà, nhờ trình độ tâm thức cao hơn, người này hoàn toàn có khả năng đạt được thông tin từ cội nguồn này một cách tùy ý.

Rõ ràng là với tôi, trường hợp này đã xảy ra. Dĩ nhiên, Thầy của tôi tự sửa đổi cho thích hợp với các giới hạn nơi tôi và sử dụng bất luận phương pháp nào mà Ngài xem là thích hợp nhất cho cơ hội đó. Như thế một số giai đoạn được tiết lộ cho tôi trong các giấc mơ, một số được cho thấy trong quả cầu pha lê của một người bạn, một số được đưa ra bằng nhĩ thông, trong khi một số khác nữa đổ xô đến bằng cách viết theo nguồn cảm hứng (inspirational writing). Nhưng mọi việc được trình bày vắn tắt cho tôi trong một phác thảo ngắn gọn vốn được đưa ra bởi cùng loại cơ bút mà tôi đã nói đến.

Trong mọi trường hợp vào lúc ghi lại giai đoạn đã qua, trí tôi trở nên thích nghi với giai đoạn đó đến nỗi kiếp sống hiện tại của tôi trở nên hầu như xa thực tế, và tôi sống qua các nguy nan khốn khổ ngày xưa này, đồng thời các cảm xúc cũng diễn ra một cách sống động như thể chúng xảy ra hiện nay trong ký ức hiện tại của tôi. Chính vì lý do này mà chúng hiện ra ở đây dưới một hình thức rất kịch tính và sinh động. Quá khứ tạm thời trở thành hiện tại của tôi, thế nên tôi có thể viết lại các kiếp sống này đầy đủ như một người viết tự truyện của mình vậy; đối với tôi kỳ thực là thế. Dầu sao, một số lớn sự kiện vì các lý do hiển nhiên đó đã bị bỏ qua; chỉ có biến cố chính hay các biến cố của mỗi kiếp sống – trong một chừng mực nào đó, biến cố này đánh dấu một bước ngoặt (crisis) trong chặng đường tiến hoá của tôi – được gọi nhớ lại; chỉ có nhân vật nào có liên quan chặt chẽ với biến cố đó mới được mô tả lại.

Đối với các bạn đồng hành của tôi trong lần du ngoạn này, tôi không thể nói một cách chắc chắn điều gì. Tôi tin rằng tôi và cả ba người kia đều gặp gỡ nhau vào thời Atlantis rất nhiều lần, thường là do thù hận, nhưng sau rốt, như ngày nay chẳng hạn, do tình thương và tình huynh đệ; nhưng tôi

không quả quyết là có thể tìm ra tung tích họ suốt trong đám các nhân vật đang vây quanh các linh ảnh do hồi ức này. Tôi chỉ biết rằng qua suốt các kiếp sống đặc biệt mà tôi được thấy, tôi đang chiến đấu với các mãnh lực hành khí (elemental forces) mà tôi đã kêu gọi vào thời Atlantis, và quả
43 nhiên dưới hình thức này hoặc hình thức khác, chúng sẽ tiếp tục quay trở lại với tôi cho đến khi chúng hoàn toàn bị tiêu hủy – hay đúng hơn được chuyển đổi thành các thực thể ánh sáng.

Dĩ nhiên có các sai lầm không thể tránh khỏi trong bất cứ cố gắng nào như là cố gắng này để tái tạo lại quá khứ, đặc biệt là khi dụng cụ chuyển đổi tất nhiên vẫn còn bất toàn. Do đó, nếu có các lỗi lầm, thì các lỗi lầm đó không phải do Thầy tôi mà là do sự thiếu chính xác của tôi trong việc tường thuật lại các lời của Ngài và việc ghi nhận các biến cố mà tôi được cho thấy.

May thay vì các biến cố này xảy ra cách đây khoảng bốn mươi năm ⁽¹⁾, tôi đã tiếp xúc được với một số người đang sở đắc được các năng khiếu huyền linh khác thường. Một người là một đạo sinh tiến hóa, tên P. G. Bowen, đọc quyển sách trước khi chúng tôi gặp và trải nghiệm sách đó theo cách riêng của ông ấy để xét xem nó có thật hay không. Ông ta đi đến kết luận rằng nó có thật như những sách khác.

Đối với ông ấy và tất cả những ai đã giúp đỡ tôi bằng cách “chỉ ra con đường” (“pointing the way”), tôi xin chân thành tri ân.



¹ Sách này được xuất bản năm 1969.(ND)

Chương I

Châu Atlantis

Từ nhiều thế kỷ qua luôn có một niềm tin rằng xưa kia đã từng có một châu lục hùng mạnh, châu này đã bị nhận chìm xuống biển. Niềm tin này vẫn còn trong ký ức nhân loại chỉ dưới hình thức một truyền thuyết và một giấc mơ, được biểu hiện trong kho tàng văn học dân gian (folklore) và trong các bí pháp nội môn của các Đền Thờ ở Ai Cập và Hy Lạp. Chỉ mới gần đây, các tìm tòi khoa học của Donnelly, Lewis Spencer và nhiều người khác mới chứng minh được sự thỏa đáng của mọi tin tưởng ngoại trừ phần đáng hoài nghi rõ rệt nhất là sự hiện hữu của một lục địa như thế, tức cái nôi của nền văn minh của chính chúng ta.

Khoa học không thể đi xa hơn nữa theo con đường tìm kiếm này bằng các phương pháp thông thường của nó, vì chúng ta chỉ có được chút ít dấu vết về mảnh đất huyền bí được gọi là Atlantis đó mà thôi. Nhưng có những phương pháp khác mà một số trong đó đã được tôi cố gắng giải thích. Theo các phương pháp này, thì có những người nam và nữ được cho phép gọi nhớ lại quá khứ, nhờ thế, chúng ta đã học hỏi được nhiều điều về cái vĩ đại và kỳ diệu của nền văn minh đã bị mai một này, mà ở một số khía cạnh, nền văn minh này đã sở đắc được những tri thức mà hiện nay đã biến mất đối với chúng ta. Ngày nay, điều này được minh chứng

bởi các công trình kỷ niệm (monuments) đồ sộ, các Kim tự tháp hùng vĩ ở Ai Cập và ở Nam Mỹ – có lẽ, ngay cả các tượng khổng lồ (colossi) huyền bí ở Đảo Phục Sinh (Easter Island) nữa – các công trình này được gán cho là do các làn sóng người định cư khác nhau xây nên, những người này đã rời lục địa đó vào lúc xảy ra các tai biến lớn lao mà sau rốt đã huỷ diệt lục địa này.

Lúc bấy giờ, tâm thức của nhóm nhỏ chúng tôi được phóng chiếu vào vùng đất thất tung này, đi vào các kinh nghiệm mà tôi đã mô tả. Các biến cố của kiếp sống được tiết lộ ra cho chúng tôi, trước tiên một phần ở tại ngôi nhà nhỏ, sau đó được tôi đưa thêm vào nhiều chi tiết hơn, có lẽ xảy ra 46 trong các giai đoạn sau của nền văn minh Atlantis, khi các tà lực chiếm ưu thế và quyết định phá hoại ngầm (undermine) ảnh hưởng của những người hoạt động cho sự tiến bộ.

Tài liệu được ghi lại trong giai đoạn này rất giống với loại cơ bút thông thường được viết ra trong vô thức hơn là bất cứ tài liệu nào mà tôi đã viết sau đó. Các tính danh được đưa ra mà tôi có thể không biết hay tưởng tượng được – trí tôi không quen chạy theo sự tưởng tượng. Văn phong (style) rất xa lạ với văn phong của tôi, và, điều chắc chắn là, tôi, một kẻ không bao giờ rở tới bất cứ quyển sách huyền thuật nào trong kiếp sống này, và có ác cảm tự nhiên với loại sách đó, thì không thể nào phát minh ra các nghi thức và nghi lễ như thế được.

Có một số lý do giải thích tại sao không thích hợp để công bố đoạn văn mô tả tỉ mỉ kiếp sống này. Nhưng cần đưa ra một tóm lược về những gì đã xảy đến với chúng tôi lúc đó, vì tôi tin rằng việc tụ họp các bạn bè có vẻ tình cờ này trong ngôi nhà nhỏ trên bờ biển nước Anh – hoang tưởng mặc dù điều đó có thể hợp lý – chắc chắn là kết quả trực tiếp của một

cuộc tụ họp khác của cùng các con người này cách nay nhiều ngàn năm, và chính vì các ảnh hưởng của nó lên trên các con người đó qua các thời đại mà tôi thấy cần ghi lại nơi đây.

Như có nói đến trong giấc mơ đầu tiên của tôi – và trong nhiều giấc mơ sau đó nữa – tôi thấy chính tôi trên đường phố của một thành phố lớn, thành phố huyền thoại, tức thành Kim Môn (the fabled City of the Golden Gates, thành phố có các Cổng Bằng Vàng). Tôi đi bách bộ giữa các toà nhà quá lạ thường, tuy thế được thiết trí một cách tráng lệ và được trang trí một cách tuyệt mỹ đến nỗi khi so với chúng thì các công trình tiến bộ nhất của chúng ta ngày nay dường như không đáng kể.

Nhưng đối với một con người đang sống ở thời hiện đại có dịp viếng thăm lại nền văn minh đã bị mai một này, thì không phải là quá nhiều công trình kiến trúc nguy nga, cũng không phải vóc dáng to lớn và vẻ thanh lịch của nam nữ thời ấy làm cho người thời hiện đại này cảm thấy mình trở nên xa lạ, lạc lõng (unfamilies), mà vì tính chất trí tuệ (mentality, tâm tình) của giống dân này hầu như không thể hiểu được.

47 Bởi vì tâm thức của họ tương tự với tâm thức của người rất sơ khai (very primitive folk) ngày nay. Họ không lý luận, đúng hơn họ *cảm thấy* (felt) và *"thấy"* ("saw"). Những gì mà ngày nay chúng ta gọi là tri giác ngoại cảm (extrasensory perception) thì hầu như thúc đẩy mọi đáp ứng của họ, vì cái trí lý luận (reasoning mind) như chúng ta biết, nó chỉ mới bắt đầu phát triển nơi một ít người thôi. Do đó toàn bộ qui tắc xử thế của họ, cứu cánh và mục tiêu của họ, hoàn toàn khác với những điều nói trên nơi con người văn minh hiện nay; nói chung, con người hiện nay đang nỗ lực kiểm chế khía cạnh tình cảm của bản chất mình và đặt nó lệ thuộc vào trí tuệ.

Lẽ dĩ nhiên những người tiến bộ thời Atlantis – các tầng lớp cai trị, tất cả đều là các thành viên của giai cấp giáo sĩ (priesthood) – đều được dạy để trở nên ngày càng an trú vào trí tuệ (mentally polarized), trong khi các Tu Sĩ Điểm Đạo (Initiate Priests) và Vua Chúa đã đạt đến giai đoạn của những người tiến hóa hơn của mọi thời đại, tức những người kiểm soát được các tiến trình trí tuệ bằng tâm thức cao hay linh thức (higher or spiritual consciousness).

Giới Tăng Lữ của Đền Thái Dương (Priesthood of the Sun) này, như họ được gọi thế, đã được thành lập từ lâu. Mục đích của họ là dạy dỗ và dẫn dắt con người từ giai đoạn bản năng tình cảm đến việc phát triển trí năng, ngõ hầu có thể tự mình suy tưởng, vì nếu không có được tự do này, con người không bao giờ có thể đạt đến tầm mức phát triển đầy đủ được. Mục đích cuối cùng của người Atlantis, với tư cách là một chủng tộc, là phải tự mình trở thành các nhà lãnh đạo tinh thần và văn hoá và các huấn sư của các quốc gia sau này.

Tôi là một trong các con trai thứ của Nhà Cai Trị (Ruler) ở Atlantis, và với tư cách đó, tôi cũng là một tăng lữ kế thừa, theo thông lệ, được dưỡng dục trong Đền Thờ lớn và được dạy cho các bí pháp mật nhiệm vốn bị cấm tiết lộ cho bất cứ ai ở bên ngoài giai cấp chúng tôi. Có liên hệ khăng khít với tôi là người anh song sinh tên Shahballazz. Người này đã dành cho tôi một tình thương sâu xa mà cho dầu tôi có bị hủ hóa và ích kỷ đến đâu đi nữa, tôi cũng phải đền đáp lại một mức nào đó.

Với cương vị là con trai thứ, địa vị của tôi không mấy quan trọng, nhưng tôi lại kiêu hãnh, có tham vọng quá mức, và để nâng cao địa vị, tôi lập tức bắt đầu âm mưu với một nhóm người bất mãn do một người bạn tên Arion-Zat cầm đầu và một nữ tăng lữ phản loạn nguyên là nữ chủ của hần

ta, bà này lại bí mật thông đồng với một kẻ phản bội với Hoàng Gia (Royal House) là Nazzaru. Là một người có tham vọng to tát và quyền lực rộng lớn, có lần hắn làm Tăng Lữ cấp cao của Đền Thái Dương trong một kinh thành ở bên kia dãy núi lớn. Vài năm trước đây hắn trở thành kẻ đối địch với Đức Vua và quay sang tôn thờ Thlac-Shelaptha, Nữ Thần của phái Black Moon (Hắc Nguyệt), kẻ cai quản các mãnh lực tử vong và huỷ diệt.

Hắn đã nhập bọn với số đông các Giáo sĩ nhiều tham vọng trên khắp châu Atlantis, vì họ cho rằng một khi mục đích dạy dỗ quần chúng đã đạt được và họ bắt đầu nghĩ về chính họ, tất nhiên họ muốn tự do tách ra khỏi sự dẫn dắt và chi phối của Giai Cấp cai trị (ruling Hierarchy). Đối với những người nói trên, điều này có nghĩa là chấm dứt quyền hành tuyệt đối do giai cấp tăng lữ tạo ra, mà họ nhất quyết không chịu từ bỏ.

Khi tiến trình giáo dục này bắt đầu tác động vào thái độ của các tầng lớp trung lưu, tức những kẻ đang bắt đầu biểu lộ một mức độ độc lập ngày càng nhiều, họ biết rằng họ phải hành động nhanh chóng nếu họ muốn ngăn chặn điều đó. Bằng cách này hay cách khác con người phải bị bắt buộc trở lại giai đoạn sinh vật thiếu trí khôn (mindless beings), hoàn toàn qui phục và tuân theo mọi mệnh lệnh của kẻ cai trị họ, điều mà họ đã có từ lâu.

Thật ra Nazzaru là nguyên mẫu của tất cả những kẻ độc tài lớn, tức là những kẻ muốn gây tai họa, lừa gạt và bắt nhân loại làm nô lệ, thậm chí có thể nói là lúc bấy giờ y đã khởi động các mãnh lực huỷ diệt và thoái hóa ngõ hầu đạt được mục tiêu của mình, theo một ý nghĩa, các ý tưởng vốn dĩ đã trở thành các thực thể sinh động, tức là các ác quỷ của thần học thời Trung Cổ, vẫn còn đang làm linh hoạt những người

điều hợp được với độ dài sóng (wavelength, bước sóng) của chúng.

49 Tuy nhiên, âm mưu của tôi với tà phái (faction) này đã bị phát giác mau chóng, vì trừ phi người ta sở đắc được các quyền năng rất cao và có thể bảo vệ các tư tưởng của mình, nếu không họ có thể bị các thành viên cao cấp của giới tăng lữ hiểu được dễ dàng. Tôi bị tước đi tất cả mọi quyền hành và phải chịu giáng cấp, bị kết án là suốt đời phải giữ chức vụ tầm thường ở một trong các đền thờ.

Thế là khi tôi bước đi trong giấc mộng đầu tiên này giữa những tòa nhà lộng lẫy, vấn đề mà tôi đang cố gắng giải quyết bất cứ thế nào đi nữa, dù cho có lời van xin và cảnh báo của Shahballazz, tôi quyết cùng chung số phận với Arion-Zat và Nazzaru. Tôi tự do đưa ra quyết định của tôi, nhận hoặc bác bỏ hình phạt mà tôi đã tự gây ra. Sỡ dĩ tôi quyết định như thế là vì không có sự cưỡng chế của các nhà cai trị phía chúng tôi áp đặt lên những ai đã phát triển đủ trí tuệ (mentality) để tự mình quyết định lấy.

Sau đó, theo một bản văn được giao tận tay tôi, cuối cùng tôi đứng về phe Nazzaru. Tôi vượt qua dãy núi, đến cung điện ông ta và được kết nạp vào các nghi thức khủng khiếp và ghê rợn nhất thậm chí đối với tôi lúc đó, để nhập vào Huynh Đệ Đoàn của Tả Đạo (Brotherhood of the Left Hand Path) theo cách gọi của họ. Đó là con đường tiến hoá giáng hạ (path of involution), vì mục đích của nó là lôi kéo nhân loại đi lùi trở lại vào quá khứ đen tối. Bước đầu tiên là tiêu diệt các Tăng Lữ của Đền Thái Dương đã cai trị từ trước đến giờ.

Quả thật là lúc bấy giờ không khó như ngày nay, khi đặt ảnh hưởng lên toàn thể nhân loại, một nhân loại dễ dàng chịu ám thị bằng trí (mental suggestion). Do đó, mục tiêu đầu tiên của chúng tôi là kích thích mọi tình cảm và dục vọng thấp

kém nhất bằng cách hướng vào quần chúng các luồng tư tưởng mạnh mẽ, nguyên sơ và thoái hóa – một hình thức huyền thuật mà thậm chí ngày nay còn tạo ra công dụng đầy đủ.

Không bao lâu sau tôi biết được rằng tham vọng mãnh liệt của Nazzaru không dừng lại ở việc cai trị Atlantis. Việc chế ngự con người chưa đủ. Còn phải tiếp tục kiểm chế toàn thể nhân loại ở dưới sự phục tùng trong nhiều kỷ nguyên sắp đến nữa.

Nhưng làm cách nào để thắng được cái chết vì nó cắt đứt tuyến ký ức và hệ quả sẽ là cắt đứt luôn sự liên tục và cắt đứt cả quyền lực? Làm cách nào nhảy qua vực thẳm giữa sự sống này và sự sống kế tiếp, để cho Nazzaru và những người theo ông ta sẽ quay lại với cái kho bao la tri thức bí nhiệm còn nguyên vẹn và như thế có thể tiếp tục công việc mà họ đã bắt đầu?

50 Đây là cái mà chúng tôi đã tìm cách khám phá được trong các hang động âm u bên dưới các dãy núi lớn. Đối với chúng tôi dường như đây là con đường duy nhất có thể đạt được. Mặc dầu thân xác chúng tôi phải chết đi, nếu chúng tôi có thể tạo ra các thực thể (beings) trên một cõi vật chất khác tinh anh hơn, không bị hạn chế vào quăng đời ngắn ngủi của con người, thì các thực thể này có thể được biến thành các kho chứa kiến thức của chúng tôi và chờ sự trở lại của chúng tôi, tức là các chủ nhân của chúng. Vì chúng tôi đã học đầy đủ để hiểu được rằng, nếu được phóng ra đủ mạnh, tư tưởng sẽ không bị lệ thuộc vào các định luật vật chất và có thể vẫn cứ tồn tại trong các thời kỳ mê mông trong bầu khí trí tuệ của địa cầu. Nếu lúc này chúng tôi có thể tạo ra các thực thể như thế và ràng buộc chúng vào chính chúng tôi, ngay cả ở tình trạng sau khi chết đi, thì bấy giờ hết kiếp sống này đến kiếp

sống khác, chúng tôi sẽ giữ lại được các quyền năng của chúng tôi và như thế trở nên những nhà cai trị thế giới vào mọi thời đại.

Đó là giấc mộng; phải chi chúng tôi biết được điều đó, chỉ dựa trên sự thiếu hiểu biết hoàn toàn về định luật tâm linh mà các nhà cai trị chân chính ở Atlantis có thể dạy ra cho chúng tôi nếu chúng tôi không quá kiêu căng và chịu tuân theo các giới luật của các đền thờ của họ đủ lâu.

Chúng tôi bắt đầu làm việc. Phải qua nhiều cố gắng, nhiều thất bại, mỗi người và tất cả mọi người chúng tôi đều gây nên nhiều đau khổ không xiết kể, cũng như đưa tới cái chết đầy đau đớn cho nhiều con vật lẫn con người. Vì chỉ bằng cách gây đổ máu, thì các hình thù hắc ám như thế mới có thể được tạo ra; chỉ bằng cách làm phóng ra (release) lực-sống (life-force), họ mới có thể được tích nạp trở lại (charged) với hình thức ban sơ này của sự sống (primitive form of life).

Nhìn qua một chốc về cái nỗ lực cuối cùng, tột đỉnh của nghi thức khủng khiếp nhất được đem thử nghiệm từ trước đến giờ, được kèm theo bằng các hy sinh vượt quá mức, được tiết lộ cho chúng tôi, làm hiện thành tinh thể và đi vào tâm thức chúng tôi vào cái đêm khó quên đó trong căn nhà nhỏ cạnh bờ biển.

Đây là thời điểm khi Nazzaru, Arion-Zat và tôi cùng với nữ tu sĩ (priestess) người bỏ trốn khỏi đền với chúng tôi, nhận ra được các hình hài tinh linh nhân tạo này đang hiện lên từ các bàn thờ bốc khói, lấp đầy cái hang to lớn bằng các hình thù kinh khiếp. Khi xướng lên các Quyền Lực Từ bị cấm (forbidden Words of Power), chúng tôi buộc chặt chúng vào chúng tôi đòi đòi.

51 Cái nhìn thoáng qua như thế đã đủ. Chắc chắn chúng tôi không thể chịu đựng một tiết lộ nhiều hơn về các điều ghê

tôm này. Các nghi thức cổ này thật là hoàn toàn xa lạ với khí cụ tinh thần của thế kỷ hai mươi của chúng ta. Nhiều điều chúng tôi thấy được mà không thể tả ra được. Tuy nhiên, như tôi giải thích trước đây, chúng tôi đã được bảo vệ chống lại ảnh hưởng mạnh mẽ của chúng. Nếu không được bảo vệ thì điều được kinh qua đó có thể đưa chúng tôi đến chỗ phát cuồng.

Câu chuyện mà tôi được giảng bút để viết ra sau này đã cho thấy hậu quả của hành động đánh đổi lấy tà lực đó.

Khi bốn chúng tôi đã hoàn thành được kế hoạch và hài lòng với các quyền lực mà chúng tôi đã khiến dụng được (harnessed) một cách an toàn, chúng tôi tập hợp những người ủng hộ chúng tôi lại và tiến đến Thành Cửa Vàng (Kim Môn Thành). Chiến tranh xảy ra đầy gian khổ và kéo dài. Chúng tôi cầu viện đến chính các sức mạnh thiên nhiên (elements), các năng lực của lửa bên trong địa cầu, năng lực của nước, của các trận cuồng phong và của địa chấn để giúp cho chúng tôi, giống như con người ngày nay sử dụng đến một thứ không khác gì một hình thức khác của “huyền thuật” (“magic”), mà cơ bản chỉ là hiểu biết về cách làm thế nào điều khiển và sử dụng sức mạnh của thiên nhiên.

Sau cùng, thành phố vĩ đại đó, bị đầu độc bởi hơi lưu huỳnh, bị các lượn sóng lớn và các cơn lốc xoáy tấn công, bị rung động bởi các cơn địa chấn, đã sụp đổ.

Trong cảnh đổ nát của Ngôi Đền Thái Dương, tôi gặp lại Shahballazz. Tình thương sâu đậm của anh ấy đối với tôi đã làm lay động trong tôi một tiếng vọng yếu ớt của thiện tâm. Tôi cố gắng cứu sự sống của anh ấy, nhưng thất bại. Anh ấy bị tiêu diệt cùng với Quốc Vương và tất cả các Tăng Lữ của anh ấy.

Nhưng việc chiến thắng đó chỉ là phù du. Nó mang theo nó mầm mống của chính sự rối loạn của nó. Các quyền lực của các sức mạnh thiên nhiên mà chúng tôi đã cầu viện đến để giúp chúng tôi không thể dễ dàng bị trục xuất (banished) và bình định (pacified). Trong các cuộc tranh đấu của chúng tôi để kiềm chế loài ma quái (demons), chúng tôi đã phóng ra trên mặt đất các cuộc tranh chấp ác liệt bùng ra giữa chúng tôi, và ngay sau đó mỗi người trong chúng tôi cố gắng dùng tới tới đa các khả năng huyền thuật của chúng tôi để người này chống lại người kia.

52 Arion-Zat hy sinh người phụ nữ trong nhóm để đánh lừa giết tôi; nhưng tôi đã giết hắn, còn lại Nazzaru và tôi trong cuộc tranh đua tàn khốc đầy hận thù. Sau cùng hắn trở thành kẻ chiến thắng, còn tôi cũng bị giết chết. Nhưng chiến thắng của hắn không được lâu, vì chỉ có một mình nên hắn không đủ sức mạnh để trấn áp (quell) các mãnh lực hủy diệt mà chúng tôi đã để thoát ra (unleashed) nên hắn bị cuốn đi bởi một Quyền Năng mà không một ai trong chúng tôi có bao giờ bắt đầu tìm hiểu cái sức mạnh bất khả chinh phục đó.

Và kết quả cuối cùng là gì? Chúng tôi chỉ có thể phỏng đoán. Có thể nước biển sôi sục lên, còn lửa thì phóng lên tới trời khi mặt đất mở hoác miệng ra trong cuộc bùng nổ dường như làm lung lay quả địa cầu đó, đất bị chìm xuống biển. Tất phải xảy ra như thế thôi. Con người không thể kiềm chế và điều khiển các năng lượng mà bản chất tối hậu của chúng là thiêng liêng, cho lợi lộc hay vinh quang cá nhân, hoặc cho mục đích hủy diệt, mà không hứng chịu nguy hiểm.

Nhưng về phần chúng tôi và những người làm việc với chúng tôi trong nỗ lực rõ ràng đó để chiếm được quyền lực tối hậu, mục đích của chúng tôi chỉ có tầm quan trọng thứ yếu thôi. Còn chính cái nghi lễ trong đền thờ dưới mặt đất, đền

Thac-Shelaptha, tức Black Moon (Hắc Nguyệt), mới là hành động có tính cách quyết định số phận chúng tôi trong hàng ngàn rồi hàng ngàn năm sau này. Trong nỗi ngạo mạn của ma vương (satanic pride), bị mù quáng vì tham vọng, và bị hoang mang bởi việc giao du với các Thế Lực Hảo Huyền (Powers of Illusion) vốn đã đánh lừa nhân loại suốt bao thời đại, chúng tôi tưởng rằng có thể quay lại hết lần này đến lần khác với vai trò là người cai trị thế giới, nhưng thực ra, các thực thể bất hảo (beings of evil) mà chính chúng tôi đã tạo ra, chính chúng lại trở thành các ông chủ của chúng tôi và hẳn phải cai trị lại chúng tôi, sử dụng ý muốn và thân thể của chúng tôi làm mục tiêu riêng của chúng, kéo chúng tôi xuống đến các hố sâu thoái hóa hết kiếp này đến kiếp khác, và chỉ buông chúng tôi ra khỏi sự kềm chế của chúng khi mà, sau cùng chúng tôi đã lấy lại sức mạnh và minh triết qua bao đau khổ và kinh nghiệm để xua đuổi chúng bằng tác động của ý chí quyết tâm.

Quyển sách này đề cập đến các cố gắng của riêng tôi, các đấu tranh và các trở ngại của tôi suốt nhiều thế kỷ, nhưng đầu cho câu chuyện có vẻ mang tính chất thuần là riêng tư, nó lại không phải vậy. Chắc chắn là mỗi người tự tạo ra số mệnh riêng biệt của mình theo cách riêng của mình, nhưng 53 đối với những ai tìm cách chia rẽ, những ai do sự kiêu căng và ngạo mạn, mà tự liên kết một cách có chủ tâm với các thế lực hủy diệt, thì con đường trở về luôn luôn như nhau. Một số ít người được cho là không bao giờ chọn con đường trở về. Họ đi ngược lại cho đến khi tiến trình tiến hóa giáng hạ (involutionary process) hoàn toàn hấp thu (absorbs) lấy họ, nhưng những người này không liên quan đến chúng ta. Họ đã lựa chọn và đã chọn – ít nhất một lần – với ý thức rõ ràng. Đến một lúc nào đó, mọi người đều phải chọn hình thức này

hoặc hình thức khác, và vận mệnh cuối cùng của người ấy tùy thuộc vào sự lựa chọn đó.

Đó là trường hợp của tôi nhiều ngàn năm sau ở Ai Cập, vì kết quả của các hành vi của tôi ở thời Atlantis, tôi phải trải qua nhiều kiếp sống sa sút không thể tả và đau khổ không thể nói được.

Tuy nhiên tôi không biết gì về các kiếp sống sau này cho đến vài tháng sau khi tôi nhận được các tiết lộ này về kiếp sống ở Atlantis. Khi bản viết bằng cơ bút làm sáng tỏ và liên kết các tiết lộ rải rác này được hoàn tất, trong một thời gian khá lâu tôi không có thêm được giải thích nào.

Các kinh nghiệm kể từ lúc có giấc mơ đầu tiên, đang làm tôi hoảng sợ, đó là điều không cần nói ra. Tôi không biết chúng đưa tôi đến đâu hoặc mục tiêu thật sự của chúng là gì. Dường như tôi bị bỏ lại một mình với hình ảnh về các độc ác bất công (iniquities) của tôi diễn ra trước mắt, với vết hằn sâu về các trọng tội của tôi không thể tẩy xóa được đã ăn vào tâm trí tôi.

Tôi không tưởng tượng được: loại thưởng phạt nào nên có đối với bất cứ sai trái nào đã cố ý gieo và thực hành trong quá khứ? Các ý tưởng này hành hạ tôi. Trong những ngày đen tối này, nhờ linh tính tôi mới hiểu ra rằng tại sao mỗi lần quay trở lại cõi trần, chúng ta nên quên đi tiền kiếp ⁽¹⁾. Chúng ta sẽ đi đến chỗ cuồng trí nếu chúng ta biết trong các tiền kiếp chúng ta đã làm gì. Trí óc đang run sợ của chúng ta sẽ trở nên bị tê liệt bởi sức nặng của các hành động độc ác xưa kia,

¹ Nguyên văn: “On each return to earth we drink of the precious waters of Lethe”: Mỗi lần trở lại cõi trần, chúng ta uống một ít nước quý báu của sông Lethe. Theo thần thoại Hy Lạp, Lethe là một con sông ở Địa Ngục (Hades), khi uống phải nước sông này sẽ quên đi quá khứ. (ND).

chúng đã trở thành xa lạ và không thể hiểu được. Chúng ta sẽ mãi mãi bị ray rứt về cái quá khứ đó và không còn can đảm cũng như không còn ham muốn đối phó với các khó khăn trước tình trạng hiện tại của chúng ta, thay vào đó mắt chúng ta phải được gắn chặt vào một mục tiêu của tương lai còn tim chúng ta nên điều hợp với nốt của thời đại chúng ta.

Một ngày kia, trong khi tôi còn đang xem xét các viễn cảnh đe dọa có thể xảy ra mà các ký ức dai dẳng này ở thời Atlantis đã hiện ra bất ngờ từ quá khứ, tôi chợt cảm nhận được một loại rung động tuyệt diệu báo trước sự xuất hiện của một nhân vật mà Ngài tự gọi là Thầy của tôi. Tôi có cảm giác Ngài đứng cạnh tôi và dường như đang cười với tôi, một cách hóm hỉnh tuy không kém phần dịu dàng, giống như một người cha đang mỉm cười trước nỗi sợ hãi của đứa con.

55 – “Thế nào rồi hồi Cheor, có phải ý tưởng trừng phạt là tất cả những gì mà con có thể rút ra được từ các điều được thấy ở tiền kiếp không?”, Ngài thốt ra câu ấy, nhưng giờ đây cái tên gọi đáng bị nguyên rủa ở thời Atlantis lại mang theo cái âm hưởng quái lạ đến nỗi dường như hiện giờ nó đã được thanh tẩy và ban phúc vậy.

– “Dường như đối với con tất cả đều không oan uổng chút nào”.

– “Vậy thì con hãy bắt đầu bằng cách nhận thức rằng thực ra không có điều gì gọi là sự trừng phạt cả. Đó là một thuật ngữ do con người đặt ra để chỉ điều mà đúng ra là một luật bác ái sâu xa nhất, để nhờ đó, qua kinh nghiệm, nhân loại học được cách kết hợp quả với nhân.

Chừng nào chưa làm được như thế, các kinh nghiệm của chúng ta dường như có vẻ xâm phạm vào phạm ngã chúng ta, nhưng thực ra các kinh nghiệm đó đang đem lại lợi ích cho phạm ngã, vì chúng dạy cho con người biết rằng vi phạm

các định luật của thiên nhiên là một việc khờ dại, và sau rốt đưa chúng ta đến nhận thức rằng, nhờ áp dụng triết lý nhân quả (doctrine of causation) vào mọi hoạt động của đời sống, chúng ta có thể đi đến chỗ loại bỏ được bất cứ điều gì có thể có các hậu quả nguy hại và làm chậm trễ bước tiến của chúng ta hướng về việc nhận thức chân ngã đầy đủ (complete self-realization)".

– “Nhưng các nhân như thế này...", tôi ngập ngừng vì không thể diễn đạt tư tưởng tôi một cách suông sẻ.

– “Đã đưa con, qua các hậu quả của chúng, đến các phẩm cách của con (your personalities) như ngày hôm nay".

– “Ngài muốn nói rằng con đã thanh toán được hết cái sai trái liên quan đến quá khứ đó phải không? Lẽ nào có thể xảy ra như thế?".

– “Chỉ một phần thôi; những gì còn lại con có thể đảm trách được chỉ bằng một nỗ lực của ý chí có cân nhắc và có thực tâm, được củng cố thêm bằng việc trở lại của một số loại quyền năng mà xưa kia con đã có dịp phát triển, rồi kể đó lạm dụng, còn bây giờ con phải điều hợp đến một bát độ cao hơn (the higher octave) đó là đưa vào phụng sự".

Tôi hỏi lại một cách hăm hở:

– “Làm cách nào con có thể có lại tri thức đó, làm thế nào con có thể bắt đầu thanh toán được các món nợ này?". Hỏi như thế bởi vì tôi vẫn còn bị đè nặng bởi ý tưởng về những gì mà các món nợ này phải đưa tới.

Ngài mỉm cười cảnh báo tôi:

– “Hãy cẩn thận đấy. Người ta rất nhanh miệng lúc nói đến việc mong muốn trả nợ, nhưng khi có dịp trả nợ, vì nợ tất phải trả thôi, khi một người mời gọi (challenges) nghiệp quả của mình như thế, họ sẽ khám phá ra rằng việc thanh toán nợ lại khác hẳn với những gì mà họ tiên đoán và hoàn toàn thiếu

mất mọi thích thú gây ấn tượng sâu sắc. Một lần nữa ta nhắc con nhớ rằng mỗi nguyên tử năng lượng (atom of energy) mà con đã phí phạm hoặc làm lệch khỏi con đường biểu lộ thích hợp của nó, con phải đặt trở lại chỗ cũ (replace) bằng nỗ lực của chính con, và vì lẽ tư tưởng vừa là một lực vừa là một hành động, suy ra, mọi ý tưởng gây hại, mọi lời nói vô bổ, có tính cách phá hoại đối với một người khác, cần phải được sửa lại cho trở nên tốt lành. Chỉ có một cách và là cách duy nhất, đó là những gì mà con đã lấy mất của Sự Sống, phải được trả lại, đồng thời các tổn thương mà con đã gây ra cho Chất Liệu vũ trụ (universal Substance) qua việc hủy diệt hoặc làm tan rã bất luận phần nào của nó, cần phải được cứu chữa. Phương cách đó là thông qua việc khiêm tốn phụng sự nhân loại, đồng thời có một nỗ lực quên mình và một tình thương không vị kỷ mà thế nhân ít khi sẵn sàng thực hiện”.

Ngài nói tiếp:

– “Con đừng nghĩ rằng vì ta được phép tiếp xúc và dạy dỗ con, mà con sẽ được chỉ cho đường tắt nhờ đó con có thể thoát khỏi việc phải làm này. Không một ai thoát khỏi cả. Thực ra, vì trên các nội cảnh giới (inner planes, cõi cao) con đã nài xin cho được tiến tới mau chóng hơn, để trở nên tự ý thức về nghiệp quả, tất nhiên là trong kiếp sống này con sẽ bị đòi hỏi thanh toán nhiều nghiệp hơn là trường hợp thông thường. Một trong các lý do, ấy là con được bố trí để tiếp xúc với nhiều kiếp sống đã qua của con, và ngay lập tức điều xảy ra là một số năng lượng vốn đã được giữ ở trạng thái treo (held in suspension), giờ đây dường như gặp cơ hội thuận tiện, sẽ được phóng thích ra.

Các năng lượng này sẽ cuốn vào cuộc sống của con bất cứ khoen nối nào từ cái quá khứ đó những ai có thể đầu thai hiện giờ. Bảng cân đối (balance sheet) sẽ được đưa ra, và nếu

phần nợ nần nghiêng về phía con, lập tức con sẽ bị đòi hỏi phải thanh toán số nợ. Điều đó có nghĩa là con phải hy sinh nhiều thời gian và năng lực của con, nhưng nếu con sẵn sàng hứng chịu rủi ro (risk), con sẽ không bị khước từ cơ hội”.

– “Nhưng giả dụ con thất bại thì sẽ ra sao?”

Tôi hỏi với chút lo âu.

Ngài đáp:

57 – “Nếu bị thất bại, con sẽ bị gia thêm gánh nặng, khiến cho lần tới nó sẽ nặng hơn, vì các hoàn cảnh có thể không được thuận tiện nữa. Một nhà hiền triết có lần nói đến con thủy triều trong đời người, bắt được thủy triều tức là bắt được cơ hội vậy...Hãy đón lấy con nước lớn và hành động ngay mà không nghĩ đến thất bại; ý tưởng thất bại chỉ làm yếu đi sức mạnh của con mà thôi. Hơn thế nữa, tại sao việc thanh toán nợ nần lại là một công việc không thích thú? Tự nguyện thanh toán nợ với lòng thương yêu, việc đó có thể mang lại niềm vui to tát nhất, vì đối với người nào có đầy đủ lòng nhân ái thì hầu như không có nhiệm vụ nào là khó khăn hoặc không thể làm được. Nhưng nếu con chưa biết thế nào là từ ái, tốt hơn hết con hãy bắt đầu tự luyện tập khả năng thương người. Hãy tin nơi ta, lòng từ ái sẽ giúp hoàn thành dễ dàng mọi việc mà con được yêu cầu thi hành. Con sẽ cần đến một lực thúc đẩy lớn lao mà chỉ có lòng từ ái (love) mới có thể mang lại được nếu trong kiếp sống này con muốn đạt đến mục tiêu mà con đề ra.

Bây giờ con hãy suy gẫm lại những gì con được cho thấy, vì nhiều điều có thể được hé mở cho con người hiện đại biết về thế giới của mình nhờ nghiên cứu về đời sống thời Atlantis, vì trong một chừng mực nào đó, kỷ nguyên này là một âm họa lại (overtone) của thời Atlantis mà thôi. Nhiều tình huống (conditions) của hai thời tương tự nhau, vì rằng

cũng ở vào cuối một giai đoạn phát triển và khởi đầu của giai đoạn kế tiếp, mặc dù lúc đó chúng hoạt động qua các trung tâm lực khác nhau và qua một hệ thống phát triển khác hẳn. Đây là một lý do giải thích tại sao nhiều linh hồn thời Atlantis đang đầu thai ngày nay. Theo sự kiện này, ta muốn nói rằng, các linh hồn đó quay trở lại đây với cái mà, vì thiếu một thuật ngữ thích đáng hơn, ta tạm gọi là các dòng hay là các nguyên tử mang quả báo xưa (ancient Karmic currents or atoms) được gắn vào các hiện thể biểu lộ mới của họ. Các nguyên tử này, do bị nhiễm trược ở cội nguồn của chúng, giờ đây chúng phải được thanh tẩy và chuyển hóa.

Chi khi mà một tỉ lệ nào đó của nhân loại đã hoàn tất được công việc thanh tẩy và chuyển hóa này, lúc đó việc nhớ lại nhiều tri thức và quyền năng bị bỏ quên mới trở nên an toàn cho thế giới. Người nào nhớ lại (recalled) – hay là, theo như con thường nói, tìm ra (discovered) – kiến thức và quyền năng bị bỏ quên đó là đủ gây hại cho đời. Nếu nhiều bí pháp hơn nữa được lôi ra khỏi quá khứ trước khi nhân loại đã phát triển tính chất tâm linh đầy đủ để sử dụng đúng các bí pháp đó, thì hỏa tai và thủy tai vốn đã hủy diệt châu Atlantis xưa kia, có thể lại tái diễn với một mức độ lớn hơn nữa.

Các lực thiên nhiên dũng mãnh (power elements) đã lan tràn trên địa cầu rồi, chúng đang gây nên nhiều biến động và nhiều tai họa. Hãy xem xét kỹ thời đại của con dưới ánh sáng của tri thức huyền linh học thì con sẽ hiểu ta muốn nói điều gì. Chính là dành cho những ai có thể hiểu được các hậu quả khủng khiếp của việc lạm dụng các sức mạnh thiên nhiên để cảnh cáo thế giới về những gì nằm trước mắt, nếu một lần nữa thế giới lại xoay các sức mạnh sáng tạo của Thượng Đế vào các mục đích hủy diệt”.



Chương II

Ai – Cập

Sau đó ít lâu, một ngày nọ tôi chợt chú ý đến chiếc nhẫn khắc hình bọ hung (scarab ring) ⁽¹⁾ mà tôi đã đeo từ nhiều năm rồi. Tôi thấy có nhiều loại nhẫn và đã chọn chiếc nhẫn này do một sức thôi thúc dường như không thể hiểu được, vì lẽ bên ngoài chiếc nhẫn có trầy xước đôi chút, nó lại còn là chiếc nhẫn đơn sơ nhất. Trên nhẫn có ghi dòng chữ: “Xin Thần Ra ⁽²⁾ che chở cuộc đời bạn”. Về sau tôi tìm thấy trên mặt sau chiếc nhẫn có khắc rất tinh xảo một con chim ưng nhỏ, biểu tượng của Thần Horus, Thần Con, thuộc nhóm Ba Thần Tối Cao Ai Cập (Egyptian Trinity)⁽³⁾, một cách ngẫu nhiên, đôi cánh chim là một phần của huy hiệu hoàng tộc.

¹ Con bọ hung được người Ai Cập cổ xem là thiêng liêng. Chiếc nhẫn khắc hình bọ hung được đeo để làm đồ trang sức hoặc để làm bùa. (ND)

² Ra : Thần Mặt Trời của Cổ Ai Cập.

³ Ba Thần Tối Cao Ai Cập : Osiris, Isis và Horus.

Osiris, nam thần, Isis, nữ thần, là hai trong số năm người con của thần Geb và nữ thần Nout. Osiris lấy Isis sinh ra nam thần Horus.

Osiris là con trưởng lên làm vua xứ Ai Cập cổ, là vị vua sáng suốt, biết cách cai trị nước nên bị em ruột là nam thần Seth ghen ghét tìm cách sát hại để chiếm vương quốc. Sau khi giết Osiris, Seth chặt anh mình làm 14 mảnh, đem bỏ mỗi nơi một mảnh khắp Ai Cập. Nhưng nữ thần Isis dùng phép, tái tạo lại nguyên vẹn thân thể của chồng. Từ đó, Osiris trở thành chúa tể của thế giới bên kia.

Giờ đây tôi được Thầy tôi cho biết rằng, thuở xưa, chiếc nhẫn này đã thuộc về tôi, lúc đó nó được luyện từ điển một cách đặc biệt nhờ một tiến trình huyền thuật (magical process), một rung động dựa theo linh hồn (vibration from the soul) được phóng vào nhẫn. Nhẫn được luyện theo cách đó để khi nhẫn lại thuộc về tôi – có như thế thì một mệnh phù huyền thuật (magical amulet, bùa hộ mệnh được luyện theo huyền thuật) mới được ràng buộc để phát huy tác dụng theo Định Luật Thu Hút (Law of Attraction), luật này lôi kéo các sự vật đồng mức rung động đến với nhau – một vài khuynh hướng tiềm tàng (latent currents) của kiếp sống trước đó dường như sẽ được tái kích hoạt qua sự tiếp xúc. Đức Thầy dạy tôi, đây là lý do giải thích tại sao việc đeo mệnh phù cổ xưa đối với người không được hướng dẫn (để đeo loại nào–ND) sẽ dễ gặp nguy hiểm, vì các huyền lực (powers) bị nhốt giữ bên trong có thể trở nên có hại cho họ.

Ngài nói:

– “Một ngày kia con sẽ trở lại Ai Cập. Một số công việc đang đợi con thi hành có liên quan với nước ấy. Nên nhớ rằng việc ra đời trong một quốc gia nào mang ý nghĩa là nhận lãnh một số trách nhiệm đối với quốc gia đó. Quốc gia là các Thực Thể thiêng liêng (spiritual Entities), và khi con trở thành một thành phần của thực thể hợp nhất đó – một tế bào trong thân thể nó – con thu hút vào một số mãnh lực và các sắc thái (aspects) về sự sống của nó mà chỉ một mình quốc gia đó mới có thể mang lại cho con, do đó con mắc nợ quốc gia đó một nghĩa vụ, và phải trả lại những gì mà con đã nhận được nơi

Còn Seth bị Horus thách đấu. Cuối cùng thần Seth bị thần Horus giết, nhưng Horus cũng bị Seth khoét mất một con mắt, nhưng về sau được thần Thot đền bù lại. (ND)

nó vào một lúc nào đó. Chính vì lẽ đó mà con người thường cảm thấy ước muốn nồng nhiệt là hoạt động trong mọi trường hợp, thậm chí hy sinh cho một quốc gia đặc biệt nào đó. Đến một lúc nào đó, khi nhiều Karma hiện nay về tính chia rẽ (separativeness) được trang trải xong và sự phát triển trở nên quân bình hơn của con người sẽ khiến cho các phân hóa như thế không còn cần đến nữa, các đặc tính quốc gia sẽ trở nên ít nổi bật và con người sẽ được thu hút lại gần nhau hơn cho đến khi cuối cùng các vách ngăn hiện đang phân cách quốc gia này với quốc gia khác biến mất. Đã có những con người tiến hóa cao, họ đã đầu thai ở nhiều nơi, đồng thời những người này cũng tỏ ra quảng đại với tất cả mọi người – họ thoát khỏi ranh giới của mọi quốc gia. Hãy tìm cách phát triển qua sự cảm thông triệt để cái cảm giác đồng cảm này với tất cả mọi người, trong khi vẫn phụng sự quốc gia mà hiện giờ con đang bị ràng buộc vào đó bởi nhu cầu nghiệp quả của con với mức độ minh triết tối đa mà con có thể có được.

Đối với món nợ mắc phải ở Ai Cập, con sẽ gặp nhiều mắt xích (links) của quá khứ đó trong kiếp này và có được cơ hội thanh toán các món nợ của con dành cho các mắt xích đó. Trước đây, con chưa đủ sức để đảm nhận công việc này (việc trả nợ – ND), vì việc đó đòi hỏi phải có một số tri thức mà từ trước đến giờ bị gián đoạn với tâm thức của con, nhưng chẳng bao lâu nữa nó được tiết lộ lại cho con. Nhưng phải mất nhiều năm mới hoàn tất được việc này”.

Ngài nhìn tôi, mỉm cười :

– “Con không tin ta sao?”

Tôi thú nhận :

– “Con không hiểu được làm thế nào con có thể làm được việc đó với mọi khó khăn mà con thấy hiện nay trên đường đi của con”.

– “Con sẽ thấy có nhiều cách hơn là cách quay trở lại các vùng đất xưa kia của con”.

Ngài đáp một cách khó hiểu như thế. Và tôi bất đắc dĩ bằng lòng với câu trả lời đó.

61 Ít lâu sau, một đêm nọ, trong giấc ngủ, tôi thấy chính mình đứng trước hai đại kim tự tháp. Trước mắt tôi là chiếc nhẫn chạm hình bọ hung, và khi tôi nhìn kỹ nó, thì con chim ưng dường như tách ra khỏi nhẫn, trở nên lớn đến nỗi chẳng bao lâu nó che lấp cả bầu trời. Nó bay lượn trên đầu tôi, đôi cánh giương ra bên trên tôi. Tôi dường như nghe tiếng nói :

– “Chim ưng là kẻ bảo vệ con.”

Lúc đó trí tôi nhớ lại một đoạn cổ thư :

– “Và cái bóng của đôi cánh ngài phía bên trên con chính là tình thương....”



Tuy nhiên, cuối cùng khi tôi thấy chính mình hồi cố trở lại vào quá khứ thì không có chiếc nhẫn bọ hung nằm trên ngón tay, mà cũng không có tình thương nào trong tim tôi, còn sự che chở duy nhất mà tôi có được chính là ý chí bất khuất của chính tôi. Tôi đứng ở một cửa sổ nằm trên cao, chăm chú nhìn suốt các mái bằng phẳng của một lâu đài hướng tới một đường nét mờ mờ vốn đánh dấu chỗ bắt đầu của sa mạc . Vầng trăng tròn treo lơ lửng trong bầu trời xanh thẫm sáng vàng vạc, trông như một cái chén khổng lồ có nạm ngọc úp ngược xuống. Trước ánh trăng sáng vàng vạc đó, các vì sao trở thành mờ nhạt đi. Tôi nhìn mọi vật. Ôi, ước chi con người có thể với đến các vì sao... nhưng tôi đã bị buộc chặt vào quả đất mất rồi, một quả đất mà dường như không còn gì hứa hẹn nữa đối với tôi, vì tôi không thể tìm thêm được gì nữa

trên đó để theo đó tôi có thể vận dụng được các quyền năng ý chí của tôi một cách có lợi và một cách thích thú.

Dù đích thực là Pharaoh ⁽¹⁾, tôi cảm thấy một nỗi chán chường sâu xa đến nỗi không thể tả được. Vào giây phút này, bất cứ điều gì đến với cái tinh thần dửng dưng của tôi, kể cả cái chết nữa, tôi cũng sẵn sàng đón nhận. Ồ không, không được chết – vì chết có nghĩa là từ bỏ quyền lực. Chết là thất bại; chết là hủy bỏ những gì của chính tôi. Quyền lực, vinh quang và ý thức về chính tôi (sense of myself) với tư cách là chính cội nguồn của Ý Chí, của Bản Thể (Being) – vì thực ra hầu như một vị thần (a god), các điều này không thể bị từ bỏ.

Tôi đưa tay vuốt chà qua trán. Đầu tôi đau nhức không chịu nổi. Có lẽ tôi muốn sớm đón nhận cả đến sự hủy diệt – có những điều còn tệ hơn thế nữa.... tôi bỗng rùng mình.

62 Từ bên dưới, tiếng đàn hát và cười đùa bay bổng lên trên bầu không khí tỏa mùi hương. Tôi đã rời khỏi phòng đại tiệc vài giờ trước đó, để lại những người dự tiệc tiếp tục cuộc vui của họ. Gần đây tôi thấy tự mình chán ngấy các cuộc tiêu khiển đó, cũng như thực sự chán mọi cảm giác do nhục dục, do chiến trận và do hoàn toàn vui thích với trò độc ác đem lại mà lúc bắt đầu sự nghiệp tôi đã điên cuồng lẫn xả vào.

Bản chất người Ai Cập không tàn bạo, nhưng mẹ tôi vốn là một người nô lệ của một trong các bộ lạc bán khai, thờ một vị thần được gọi là Javeh, thần này ưa thích tế lễ bằng máu và các vị tư tế của thần này khắc sâu tính độc ác và sự báo thù vào trí người dân của họ. Như thế trong mạch máu của tôi có dòng máu hiền hòa của người dân ưa trồng trọt của vùng

¹ Pharaoh (Pháp ngữ : Pharaon): tước vị của các vua cai trị Ai Cập thời cổ. (ND)

châu thổ trộn lẫn với sự tàn bạo và sự căng thẳng sôi nổi của một người đàn bà Do Thái cổ (Hebrew woman).

Có lẽ chính điều này đã giúp tôi lên ngôi vua. Trong khi các Vương Tử còn lại của Pharaoh đều yếu hèn, nhu nhược, dễ dàng chịu thua trước âm mưu, thì tôi lại cứng như thép. Chẳng mấy chốc tôi vượt lên để trở thành một trong các tướng lĩnh được tin cậy nhất của cha tôi. Vào thời đó, Ai Cập đang trải qua một trong các thời kỳ tạm thời u ám. Nhưng tôi mơ tới một đất nước thống nhất và vinh quang do chính tôi lãnh đạo. Tôi không âm mưu chống lại Pharaoh, tôi đủ thấy xa để nhận thức rằng không cần chuốc lấy các nguy cơ như thế vì nhà vua là kẻ đối địch dữ dội nhất đối với tôi. Cuối cùng, lúc nhà vua bị một trong các hoàng tử lớn của ngài ám sát, tôi kéo đạo binh trung thành vào, bắt được kẻ tiếm vị (usurper), đem ra xử tử và đưa kẻ kế thừa hợp pháp lên ngôi vua. Số phận đã hành động có lợi cho tôi theo chỗ tôi biết trước. Trong vòng ba tháng, kẻ kế thừa kia từ trần do một chứng bệnh mắc phải từ lâu. Do đã nhìn thấy trong tôi một nhân vật có thể cứu đất nước ra khỏi đám kẻ thù bao quanh, Đại Tăng Lữ Besiurt thúc đẩy nhân dân Ai Cập nài xin tôi lên ngôi. Thế là tôi đã đạt được đỉnh cao tham vọng.

Tôi trị vì được bảy năm. Sau rốt Ai Cập được thái bình, biên cương trở nên vững chắc, kẻ thù khiếp sợ kiêng dè. Nhưng tôi lại bị các kẻ thù tinh tế hơn bao vây tấn công (beset). Từ lúc chiến thắng, tôi không thể thoát khỏi cuộc sống tương đối kém hoạt động, nên kẻ thù đó đã trở nên mạnh mẽ và xảo quyệt hơn. Từ thuở bé, tôi thường trải qua những cơn thất thường, nổi lên những cơn giận không thể kiềm chế, trải qua những thời kỳ trầm cảm dài, nặng đến nỗi tôi dường như bị đắm chìm vào các lượn sóng đen ngòm, ngăn cách tôi với ánh dương quang, không để cho tôi tiếp xúc

được với thứ gì cả. Vào những năm sau này, các triệu chứng đã tăng lên đến mức đáng báo động. Giờ đây, ít khi tôi ngủ yên; còn khi ngủ được thì bao nhiêu giấc mộng tràn đầy các hình ảnh khủng khiếp đến nỗi tôi phải tạ ơn khi tỉnh lại. Tôi đã nhờ đến các tăng lữ và ngự y chữa trị nhưng vẫn vô ích; không một mưu mẹo hay một huyền thuật nào của họ tỏ ra có ích cho tôi.

Tuy nhiên, tôi không thể tin là chính tôi không thể tránh khỏi bị phó mặc cho điên cuồng và chết chóc mà không được cứu giúp. Rõ ràng là cái phần huyền bí trong tôi (part of me) đã giúp tôi vượt qua hàng ngàn khó khăn, phần này biết được rằng không thể có thất bại nào đối với người không nghi ngờ chính mình hoặc số phận mình. Nếu đây là loài quý mị tấn công tôi, thì bấy giờ chúng có thể bị trục ra. Nếu căn bệnh của tôi do Chư Thần (The Gods) gây ra, thì Chư Thần cũng phải biết cách chữa trị. Nếu ở Ai Cập không có một tăng lữ nào có đủ hiểu biết để tìm ra căn bệnh và biết chữa trị, thì tôi phải tìm nơi khác, cầu xin sự trợ giúp của các đấng vĩ đại và minh triết hơn. Tôi nghĩ, có lẽ giải pháp đối với vấn đề của tôi biết đâu cũng lại trở thành bí quyết cho ý nghĩa của chính Sự Sống – một ý nghĩa mà tôi luôn tìm kiếm nhưng vô ích. Còn bây giờ, đối mặt với sự đe dọa khủng khiếp, tôi bị bắt buộc tin chắc rằng tôi rất cần tìm ra câu trả lời cho nan đề (enigma) của tôi, nếu không tôi sẽ bị hủy diệt (perish).

Tay tôi bấu chặt vào thành cửa sổ mạnh đến nỗi các đốt ngón tay trở nên trắng bệch dưới ánh trăng, tôi nhào người ra trước, phát ra một tiếng hét không thành âm (wordless cry) vào bóng đêm nơi mà thần Nut bắc ngang qua bầu trời với thân hình chói sáng.

Chỉ có tiếng nhạc và tiếng cười bùng lên đáp lại tiếng hét của tôi. Con giận của tôi bốc lên nhanh như ngọn lửa. Tôi

64 quay bật trở lại, bước gấp tới lối ra cửa, bằng một cái giật mạnh, bút lila tấm màn rơi ra. Kinh hoàng, tên lính gác phủ phục xuống trước mặt tôi. Tôi thét lớn:

– “Chạy xuống bảo bọn cuồng kia ngưng lại tức khắc, dẹp hết bàn tiệc, tổng cổ tất cả đi. Bảo với chúng rằng, thể có mọi thần linh Ai Cập, nếu ta còn nghe một tiếng động nào của bất cứ ai, họ sẽ bị ném hết vào hầm sư tử”.

Tên lính gác phủ phục xuống, run rẩy:

– “Tuân lệnh Đức Vua”.

Hắn lí nhí được mấy lời đó, rồi chạy vút xuống hành lang, thi hành lệnh tôi.

Tôi quay trở lại cửa sổ. Dần dần tiếng ồn ào chấm dứt, tôi còn lại một mình với bóng đêm yên tĩnh.

Tôi vẫn còn bàng hoàng rung động, nhưng giờ đây vì sợ hơn là vì giận. Tôi cảm thấy như có nhiều lưỡi guom nóng đỏ chạy xuyên qua đầu tôi, điểm báo trước một cuộc tấn công mới của các kẻ thù bí mật. Hỡi ơi, có phải chẳng mọi chiến công của tôi để đi đến thế này sao ? Cuộc tranh đấu lâu dài của tôi để có quyền hành có ích gì đâu nếu phải đi đến tình trạng cuồng trí và chán ngán này ?

Giờ đây, sự im lặng làm cho tôi khổ sở hơn là tiếng nhạc, tiếng cười nữa. Không thể chịu đựng thêm nữa, tôi rời khỏi phòng và đi nhanh xuống hành lang nối liền Cung Điện với Đền Thờ, cuối cùng đến phòng riêng của Đại Tư Tế Besiurt.

Đêm nay ông ấy đang làm việc trên nóc vòm (roof) của Đền Thờ trong một căn phòng nhỏ được xây thành mười hai ô, mỗi ô dành riêng cho một Cung Hoàng Đạo, qua các cửa sổ của căn phòng, người ta đồn đãi rằng ông ta có khả năng điều khiển các bức xạ (emanations) từ các Cung tuôn ra.

Besiurt đứng lên đón tiếp tôi, cúi chào một cách trịnh trọng, nhưng đôi mắt có vẻ nghiêm khắc và gương mặt gây gò đờm vẻ lạnh lùng.

Ông ta lên tiếng :

– “Tôi đang nghiên cứu chuyển động của các hành tinh, nhưng nếu Pharaoh muốn nói chuyện với tôi, tôi sẵn sàng lắng nghe”.

Sự ngạo mạn của ông ta làm tôi phát cáu.

65 – “Chắc gì các hành tinh có thể trả lời câu hỏi của ta vì lẽ các Thần linh vẫn yên lặng – hay là có phải các tư tế không còn có thể giải đoán được các chữ tượng hình của trời hay chăng ?”

Tôi tiến đến một trong các ô cửa sổ rồi nhìn ngang qua thành phố đang say ngủ.

Tiếng nói nhẹ nhàng của Besiurt nổi lên phía sau tôi :

– “Pharaoh đang đứng dưới cung Song Ngư (Sign of the Fish). Đó là biểu tượng của một kỷ nguyên thuộc về tương lai xa xăm. Pharaoh có muốn tôi nói với ngài làm thế nào mà ngài sẽ lâm phạm lúc đó chăng? Nhưng có lẽ tốt hơn là không nên biết, ngài có thể là một kẻ rất nghèo (beggar) – hoặc là một phụ nữ....”

Tôi quay ngoắt lại, hất mặt lên, một gương mặt sa sầm và nghiêm nghị y như gương mặt của Besiurt, tiến lại sát hẳn :

– “Ta không phải đến đây để nghe những lời đoán mò vô căn cứ, mà muốn biết sự thật, người có thể mang sự thật đến cho ta chăng ?”

– “Sự thật ư ? Tôi đã từng biết có người bị giết chỉ vì nói sự thật trước mặt một ông vua.”

Tôi chỉ những cuộn chỉ thảo (rolls of papyrus) trên bàn :

– “Người thích chết hơn nếu người giữ nó lại. Người đã từng nghiên cứu biểu đồ về các Sao Tướng Mệnh (Stars) của ta. Chúng không có nói gì về ta hay sao?”

Besiurt do dự, rồi mắt ông ta rời khỏi mắt tôi. Ông ta trầm giọng xuống, lên tiếng nói :

– “Từ lâu tôi đã trầm tư về việc đó, nhưng bí ẩn vẫn hoàn bí ẩn. Có các khía cạnh kỳ lạ ở đó, tôi không rõ chúng sẽ đem lại những gì. Chúng tạo thành từ các cung tử vi (houses) của thượng trí và hạ trí”.

– “Trí ư ? Nói đi, ta không hề sợ. Điều đó có thể hàm ý là điên cuồng chẳng?”

– “Thần không rõ. Với một số người, nó có thể lộ ra như một bùng phát, một sự tuôn đổ xuống mãnh lực thiêng liêng. Nhưng với vua – đến đây, trong giọng nói của hắn có hơi che giấu một vẻ khinh miệt – làm sao điều đó có thể hàm ý đó với vua được, ngài không phải là kẻ duy nhất trong chúng tôi sao?”

Lời lẽ của ông ta làm kích động tôi một cách sâu xa đến nỗi tôi khó mà biết được sự ngạo mạn của ông ta. Tôi ngồi sụp xuống chiếc ghế và thờ người ra nghĩ ngợi một lúc. Vậy thì điều đó có thể hàm ý rằng tôi sẽ nhận được một soi sáng nào đó qua những gì mà tôi có thể làm để chống trả với chứng bệnh ác liệt của tôi chẳng ? Hoặc hiểu rõ hoặc chịu điên cuồng – các điều này dường như là các lựa chọn trong lúc này.

Liên đó, tôi ngừng nhìn lên, nói :

66 – “Besiurt, đêm nay ta muốn mở hết nỗi lòng của ta với người, không phải với tư cách Pharaoh nói với nhà tư tế, mà với tư cách con người nói với con người. Ta biết rằng người vẫn coi ta như kẻ mới lên ngôi (upstart, vua mới), nhưng ta muốn nhắc nhở người rằng, nếu không (sợ) có cánh tay phải

của ta, Ai Cập sẽ nhanh chóng rơi vào tình trạng hỗn loạn ngay. Nếu bây giờ ta mất đi, thì không một viên tướng, không một ông hoàng nào trong hoàng tộc có thể bảo vệ được lãnh thổ. Tuy nhiên, ta đang chết dần, ta đang bị chôn vùi, bị hủy diệt đây. Ông biết được việc này nhưng chưa biết hết đâu. Trong ba năm gần đây, hằng ngày ta lại trở nên hãi sợ vô có hơn, ta, một kẻ không bao giờ biết sợ là gì. Lúc này đây, dường như trong ta có hai người, y như là có một kẻ thù khủng khiếp nào đó cư trú trong thân xác ta, kẻ thù này ngày càng trở nên mạnh bạo hơn, dần dần kềm chế ý chí ta.”

Tôi nhóm dậy, bắt đầu bước tới lui trong phòng.

– “Ông chỉ đắm mình trong nghi thức huyền bí của ông, suy tư về các hành tinh và các phép tính của ông, không biết đến các nung nấu của dục vọng, các ray rứt của tham vọng chưa được thỏa mãn, các đam mê nồng nhiệt của trận chiến và của cuộc rượt đuổi. Ông cũng không biết được sự cô độc của nỗi chán chường, các uế oải của sự thiếu hoạt động, cái kinh hoàng khi nhận ra rằng ý chí của mình trở nên yếu đi và rằng con người cũng sẽ không còn là chủ nhân của tất cả các biểu lộ này của sự sống nữa. Nay hãy nhìn tới trước mà xem...”

Tôi ngưng nói và rùng mình ngồi vào ghế.

– “Trở thành Pharaoh để được lợi gì ? Trở thành kẻ có quyền uy nhất trên mặt đất có ích gì nếu người ta không cai quản được chính mình ? Tuy nhiên làm thế nào con người phát hiện được quyền lực này? Cốt lõi của quyền lực là gì vậy?”

Tôi bước tới Besiurt, giờ nắm tay trên đầu tôi.

– “Besiurt, ta bảo cho ông biết, trong việc này không phải chỉ có đời ta có can hệ đến mà thôi – phải đấy không hẳn chỉ có sự lành mạnh tâm thần của ta mà thôi đâu. Vì ta linh cảm

67 có một sự đe dọa còn lớn hơn là sự đe dọa chỉ ở nơi sự hủy diệt của thân xác thôi. Ta không thể nói hết với ông những gì ta muốn nói, vì chính ta cũng không hiểu được nó. Thật là giống như ta phải đối mặt, chẳng phải với cái chết – điều đó không quan trọng bao nhiêu vì chúng ta sẽ sống trở lại – mà là với cái chết to lớn hơn – đó là sự hủy diệt (annihilation) – nếu điều đó có thể xảy ra – của toàn bộ bản ngã (self) của ta, tức là chính linh hồn ta. Một điều như thế có thể xảy ra không, hỡi Besiurt ? Phải bị hủy diệt (destroyed) hoàn toàn, không một chút hy vọng, để rồi không một tài liệu huyền thuật nào, không một tảng lữ tài ba nào và không cả một tay ướp xác khéo léo nào, không ai cả có thể đánh bại được. Ta có linh cảm như thế đó. Ta đã làm gì để đáng bị một số phận như thế?”

Sắc mặt Besiurt đổi ra tái mét, dường như hắn ta cũng cảm thấy hơi thở của tử thần đâu đây. Cặp mắt của hắn cố tránh cặp mắt tôi. Nhìn vào hắn, một lần nữa tôi có cảm giác thất vọng vô cùng. Điều đó có nghĩa là gì? Tôi cố kìm lại cảm giác sợ hãi ghê gớm đang dâng lên của tôi, một cảm giác có cơ đê bẹp tôi, và nói tiếp với một giọng ôn tồn hơn :

– “Ngươi nói đến các kỷ nguyên sau này – chính vì cái tương lai này mà ta cảm thấy phải đạt cho được. Hiện giờ ta đang có quyền lực, nhưng ta phải biết cái bí mật của một quyền lực sẽ kéo dài suốt tất cả các kiếp sống của ta – việc đó sẽ mang lại cho ta một quyền lực vĩnh viễn. Ai Cập là gì ? Hiện tại là gì ? Một dải đất nhỏ – một vài năm ngắn ngủi. Có những miền đất bao la hơn – có một tương lai không xiết kể và không tưởng tượng được ! Đó là tất cả những cái mà ta phải làm chủ; ta phải nắm giữ mọi điều, không phải trong đôi tay để rồi sẽ tan ra thành bụi, mà là bằng một mãnh lực nối kết nào khác, sức mạnh của ý chí ta sẽ phải bất diệt. Có một

số bí ẩn – ta biết điều đó, một bí mật của sự sống vĩnh cửu – bí mật của Thần Ra, Thần Thái Dương Vĩnh Cửu : ta tin rằng ta có thể được cứu chữa, không những khỏi bệnh tật của ta, không những khỏi sự đe dọa của điên loạn, mà còn điều này – nỗi sợ hãi, ta chỉ có thể vén sang một bên bức màn đang che khuất nó bằng sự hiểu biết của ta”.

Tôi đưa tay lên vuốt qua mắt.

– “Bất lực ... không thể làm được gì hết....Tuy nó ở ngay trong ta, trong chính tim ta mà bệnh thối mục che giấu, mầm mống của chết chóc – tác nhân hủy-diệt (destroyer) nơi ta – và ta phải chết mất nếu ta không thể loại được nó ra ngoài! Phải có một lối thoát nào đó chứ. Trong số mọi người, tại sao ta lại không được biết đến điều này ? Có Thần Thánh nào sẽ xuống đây và đưa cho ta chìa khóa để giải được cái bí hiểm của đời ta không?”

Tôi ngưng lại. Tôi thấy mình bị rung động từ đầu đến chân. Khắp mình đau nhức, đầu tôi như bị lửa châm vào, nhưng tôi không đau hàng. Tôi tiến lại gần Besiurt và thấy hấn lùi lại trước ánh mắt điên cuồng của tôi. Tôi thét lên :

– “Ta, Pharaoh, ta hạ lệnh rằng ngươi phải cho ta biết sự thật, rằng ngươi phải tiết lộ cho ta các điều bí mật. Ta cần phải biết các điều bí mật đó.”

68 Besiurt đứng bất động, đôi mắt lạnh giống như mắt con rắn khép lại một nửa. Ở giữa chúng tôi là chiếc bàn, trên có các cuộn chỉ thảo, các dụng cụ kỳ lạ và các khối có khắc chữ Chaldes cổ xưa. Tôi lơ đãng nhìn vào chúng nhưng tâm trí tôi đang dò dẫm vào tâm trí ông ta. Ngay sau đó tôi thấy đôi môi ông ta động đậy, dường như ông ta không biết rằng ông ta đang lăm bằm các ý nghĩ của ông ta to hơn.

Tôi nghe thấy :

– “Người không cho phép điều đó ...Người sẽ không tiết lộ bất cứ gì cho nhà vua.....”

Tôi hỏi một cách gay gắt :

– “Ông nói chuyện với ai đó?”

Sửng sốt, như một người bị lôi ra khỏi cơn xuất thần, ông ta mở mắt ra, miệng lắp bắp :

– “Không có ai cả, tôi đang giao tiếp (communing) với các thần linh.”

Tôi cười một cách khinh thị :

– “Thần nào ? Không, không thần nào cả. Ông nói đến “người” (“him”). Hẳn là ai mà dám từ chối đòi hỏi của ta?”

– “Tôi nói đến Thần Ra, Đấng Tối Cao (Most High)”

– “Người nói đến một người ! Người đó là ai mà chống lại ta ? Có phải người là kẻ phản nghịch không ?”

Tôi rút dao găm và tiến lại gần; gần bước lui với vẻ hốt hoảng. Hẳn là to:

– “Pharaoh, tôi xin thề tôi không phải là kẻ bội phản. Chẳng phải tôi đưa Ngài lên ngôi vua sao ? Lẽ đâu tôi lại tìm cách kéo ngài xuống ?”

Tôi cương quyết nói:

– “Người không có cơ hội đâu, vì nếu người không nói cho ta biết người này là ai, trước thần Set, hai thần và bốn mươi thần của Âm Ty (Underworld) ta thề rằng người sẽ chết cùng với tất cả các tu sĩ của người”.

Hiện giờ, tôi cảm thấy bên trong tôi đang dâng trào cơn thủy triều đỏ của đam mê, đang lao vào tôi với bao cuồng nộ. Tôi hét lên :

– “Được rồi, ta sẽ san bằng mọi đền thờ ở Ai Cập đến viên ngói cuối cùng, ta sẽ hành hạ bọn tu sĩ từng tên một, cho đến khi ta tìm ra kẻ mà người nói đến như là Chúa Tể ở Ai Cập chứ không phải là ta.”

Hắn bước lùi vào một trong mười hai ô cửa trước mặt tôi, tôi chộp vào cổ hắn và đẩy hắn đứng dựa lưng vào bệ cửa.

69 – “Vậy thì ta sẽ đúc khuôn (cast) người vào đây”-Tôi vừa nói vừa cười vào mặt hắn. “Người nghĩ xem ta sợ tu sĩ hay thần thánh hay ma quỷ? Ta sẽ hủy diệt bất cứ cái gì hiện đến giữa ta với ý chí của ta.”

Tôi ấn hắn sâu hơn vào chỗ trống, cho đến khi giọng nói nghẹt thở của hắn vang bên tai tôi:

– “Xin buông ra, tôi sẽ nói.”

Tôi thả hắn ra và khi hắn định đặt bước về phía bàn, tôi thấy ánh mắt hắn tràn đầy thù hận cau có, tôi biết mình đã tạo ra một kẻ thù nguy hiểm, nhưng điều này không làm tôi bận tâm nhiều lắm, vì tôi biết rõ rằng hắn cần tôi nhiều, có lẽ thế, hơn là tôi cần hắn.

Sau một lúc lâu, hắn mới nói:

– “Thưa Pharaoh, sở dĩ tôi nói, không phải vì tôi sợ chết, mà đúng hơn vì tôi sợ cái mà trong con điên loạn do cuồng nộ, Ngài có thể gây ra cho đất nước mà tôi yêu thương. Quả thật tôi đã nói đến một nhân vật, mà là nhân vật vượt xa tôi và Ngài, giống như chúng ta vượt lên trên một đám dân quê đang làm việc ngoài ruộng đồng vậy. Chỉ có các Thánh Vương được điểm đạo (Initiate Kings) và các Tăng Lữ cao cấp (Priests) mới có thể biết đến sự hiện hữu của nhân vật này. Nhà vua không thuộc vào một trong những người này, do đó không được xem là thích hợp để được phép tiếp cận với Nguồn (Fount) minh triết của Ai Cập. Nhân vật này chính là Đấng Cai Trị đích thực (true Ruler) của Ai Cập, tức là Bậc Đại Cao Tăng (Great High Priest) mà tôi chỉ là một cái bóng của Người, chính Đấng này chỉ tự hiển lộ ra cho Các Con tinh khiết, kế thừa của Đền Thái Dương thôi – các vị sau này đã được điểm hoá (intiated, khai tâm) vào các Bí Pháp Thiêng

Liêng nhất do bởi quyền uy thiêng liêng đó. Nếu không có ý muốn của Đấng này, vua sẽ không ở địa vị ngày nay. Vì, nhà vua nên biết rằng, chính vì vâng theo lệnh của Đấng này mà chúng tôi mới chọn nhà vua lên ngôi đây. Đấng ấy biết rằng vào lúc này, trừ nhà vua ra, không một ai có thể mang lại hoà bình cho mảnh đất bị quấy rối triền miên này. Khi Vương Miện Đôi (Double crown) được đặt lên đầu vua và vua được chuẩn nhận ở ngôi cao, thì Đấng này (vô hình đối với vua) đứng bên cạnh vua và ban phép lành cho vua. Đấng ấy nói với linh hồn của vua và giao cho vua trách nhiệm cai trị xứ Ai Cập một cách có hiệu quả và một cách sáng suốt cho đến lúc thích hợp cho một người có dòng máu hoàng tộc đích thực, một tăng lữ và Đạo Đồ, bước vào vị trí của nhà vua. Vua đã chấp nhận sự uỷ thác (trust) ấy. Sẽ có phiền toái cho vua, nếu vua phá vỡ niềm tin với Người.”

70 Tôi ngồi lặng thinh một lúc. Tôi biết Besiurt nói thật và tôi cũng bình tĩnh lại khi biết được câu chuyện. Con cuồng nộ đã làm tôi yếu đi và kiệt sức nữa.

Ngay tức khắc tôi hỏi:

– “Đấng ấy có thể cho ta biết cái bí mật của chính ta không?”

Besiurt đáp:

– “Không có cái gì mà Đấng ấy không thể nói cho vua biết được.”

Tôi chồm dậy:

– “Vậy hãy cho ta biết chỗ ngụ của Ngài, ta sẽ đến với Ngài lập tức.”

Besiurt lộ vẻ sừng sốt:

– “Ồ, thưa Pharaoh, không thể được.”

Tôi mỉm cười và đặt bàn tay lên con dao găm:

– “Không thể được ư? Ta không biết lời đó. Phải, ta lặp lại ý của ta được chứ?”

Besiurt đưa tay lên trời:

– “Vô ích thôi. Tôi không biết chỗ đó. Không một ai biết cả. Ngài đến rồi đi tùy ý, chỉ vào những lúc cần thiết Ngài mới lộ hình tích qua các tầng lũy và các nhà tiên tri (oracles). Nếu nhà vua có san thành bình địa mọi đền thờ và chỗ ở trong xứ Ai Cập, nếu vua có tiêu huỷ mọi tảng đá và nắm mồ đi nữa, vua cũng không tìm được Ngài nếu Ngài không muốn cho gặp.”

Lại một lần nữa tôi thừa nhận lời nói đó là thật. Nhưng các lời lẽ của Besiurt đã mang lại cho tôi một hứng cảm. Tôi giả vờ ưng thuận :

– “Thôi thì đành vậy, nhưng hãy nhớ là ta không thể được mọi người kỳ vọng ta làm tròn lời hứa nếu ta trở nên cuồng trí hoặc chết đi, một lần nữa ta bảo cho người biết ta không thể chịu đựng lâu hơn nữa được. Ta vẫn là con người, mặc dầu ta được tôn xưng là thần nhân (a god). Ta cần ăn ngủ, ta cần tránh đau đớn, cần tránh xa ngọn lửa muốn nuốt sống ta. Ta có ý chí, giá mà ta biết làm cách nào vận dụng được ý chí đó vào chính ta. Ta có thể trở nên hữu ích hơn cho tất cả mọi người kể cả người nếu người có thể thuyết phục được Ngài chỉ cho ta con đường nên đi.

Tôi quay lưng ra về, đi qua khu sân chính của Đền Thờ. Tôi cảm thấy phải đi một mình để suy tư về tiết lộ đáng kinh ngạc này. Tôi không gọi vệ sĩ. Tôi không cần đến họ. Tôi chả sợ cướp hoặc kẻ ám sát nào cả, vì tôi cao hơn đa số các thần dân của tôi nguyên cả cái đầu và mạnh đến nỗi có lần khi bị nói khích (roused), tôi đã giết một con sư tử bằng tay không.

71 Hơn nữa, tôi lại ăn mặc giản dị, chỉ có dải băng hẹp bằng

vàng bao quanh bởi hình linh xà (uraeus, rắn thiêng) ở trên trán cho thấy đẳng cấp của tôi mà thôi.

Tôi băng qua vườn hoa. Trời sắp rạng đông. Một vài tiếng chim yếu ớt kêu vút trên không. Chẳng bao lâu chiếc thuyền của thần Ra (boat of Ra) mọc lên trên chân trời làm chan hòa thế giới dưới ánh sáng huy hoàng. Tôi đi ra bờ sông Nile. Nơi đây nhiều thuyền bè đậu lại, chúng đã được dùng để chuyên chở một pho tượng khổng lồ của chính tôi từ các mỏ đá về đây. Giờ đây bức tượng được đặt vào các thanh trượt (runners), và khi ánh sáng lan tràn khắp nơi, thì ánh hồng rực rỡ được phản chiếu trên gương mặt tĩnh lặng. Tôi dựa vào tượng, ngược nhìn lên. Đây là chính tôi. Đối với bao thế hệ chưa ra đời, tượng này tiêu biểu cho những gì của chính tôi. Tôi đã ra lệnh tạc tượng như sống thật, và bây giờ cái gương mặt khắc khổ có lỗ mũi giống như chim ưng, đôi môi mỏng, mi mắt sụp xuống, nhìn đăm đăm vào cõi xa xăm. Tượng sẽ tồn tại, nhưng còn tôi, linh hồn tôi sẽ trở thành gì? Thêm một lần nữa nỗi sợ hãi không thể chịu đựng và nỗi chán chường đè ập xuống, bóp nghẹt tư tưởng, hy vọng và sức sống của tôi.

Tôi ngoảnh mặt nhìn sang chỗ khác, các bước chân chậm chạp quay về cung điện.

Khi mọi công việc cấp bách của buổi sáng đã được giải quyết xong, tôi lui về phòng riêng và cho gọi Hoàng Hậu đến.

Để hợp thức hóa quyền lên ngôi khi tôi được làm Vua, tôi đã cưới em gái cùng cha khác mẹ của tôi (half-sister), con gái của Pharaoh và bà Hoàng phi, nhưng không lâu sau đó người con gái này chết, tôi cưới Re-shep-sut, con gái của mẹ tôi, phong làm Hoàng Hậu, bất chấp biết bao phản đối của giới tăng lữ và dân chúng, vì họ tin bà là nữ phù thủy. Hoàng

Hậu là người duy nhất mà tôi cảm thấy có thể tin tưởng, vì ngoài việc có ích cho tôi qua khả năng huyền thuật của bà, giữa chúng tôi luôn luôn có được mối liên hệ dựa trên sự thân phục.

Tôi thuật lại vắn tắt những gì đã xảy ra và phác họa kế hoạch của tôi cho Hoàng Hậu biết. Hoàng Hậu ngồi suy nghĩ một lúc, còn tôi ngắm bà với lòng thích thú, vì bà mỹ miều và dũng mãnh giống như con báo mới thuần hóa được một nửa.

72 Hoàng Hậu thú nhận :

– “Không biết sao thần thiếp cứ lo sợ. Thần thiếp cảm thấy cho dù có am hiểu huyền thuật đi nữa, chúng ta cũng không đủ mạnh để làm xong việc này.

Tôi mỉm cười :

– “Không phải một mình đâu”. Tôi hạ thấp giọng xuống. “Đêm nay trăng tròn, hãy nắm lấy cơ hội đến chỗ ở của Net-ka, đánh thuốc các vệ sĩ của cô ấy và đưa cô đến gặp ta”.

Net-ka là một đứa con gái khác của cha tôi. Giữa nàng với Re-shep-sut luôn luôn có mối ràng buộc lạ thường về tình thương, bất chấp sự dị biệt về tính tình của hai người. Từ lúc mới ra đời, Net-ka đã được chọn làm kẻ phát ngôn (mouthpiece) của các thần linh, Nhà Tiên Tri và Thấu Thị (Oracle and Seen) của thần linh. Được nuôi dưỡng trong Đền Thờ, được một toán các nữ tăng lữ đồng trình hầu hạ và canh giữ. Cô này chỉ được dùng vào các dịp long trọng khi một thông điệp quan trọng nào đó được ban ra cho hàng Tăng Lữ Cao Cấp, và vào các ngày hội (feast days) đặc biệt khi có được các nhà cai trị và nhà lãnh đạo quốc gia tham khảo ý kiến. Thân hình thanh nhã, tâm trí trong sáng như trẻ con và tốt bụng, cô quấn quýt với Re-shep-sut bằng một tình cảm nồng nhiệt (passion) đến nỗi vì muốn cho cô được hạnh phúc và để làm thỏa mãn mọi cơn bốc đồng (whim) của cô, hai

người thường được phép đến thăm nhau. Thế nên, có một hoặc hai lần tôi cũng đã được tranh thủ cơ hội dùng khả năng đồng cốt độc đáo của cô cho các mục đích của riêng tôi, vì qua các kỹ xảo bí mật của chúng tôi, không có một khó khăn nào cả khi lén đưa cô ta ra khỏi chỗ ở của cô đến một ngôi nhà nhỏ dùng cho mùa hè nơi căn phòng mà chúng tôi dùng cho việc kêu gọi huyền thuật của chúng tôi. Ngoại trừ các tầng lầu được chấp thuận, không một ai được phép ở đó khi có mặt Net-ka vào những lúc thông thường, nhưng vì tình thương mù quáng của cô đối với Re-shep-Sut, mà cô đã sẵn sàng chấp nhận các hình phạt thảm khốc xảy đến cho cô nếu việc cô tham dự vào các nghi thức huyền bí của chúng bị lộ ra ngoài.

Bấy giờ tôi thấy Re-shep-sut do dự và cau mày :

– “Nào có gì là bất ổn đâu ?” Tôi nói một cách gay gắt.

– “Mới đây Net-ka bị ốm; thần thiếp tin rằng lần vừa qua, chúng ta bắt cô nàng làm quá năng lực của cô, chúng ta dùng cô làm phát ngôn của thần Set”.

73

Tôi bác bỏ:

– “Việc đó cách nay một năm rồi”.

– “Thần thiếp biết chứ, tuy nhiên có lời đồn đãi rằng kể từ ngày đó Net-Ka không bao giờ trở lại như cũ. Các tu sĩ đang trở nên nghi ngờ. Nếu việc đó bị phát giác, cô ta sẽ bị giết. Họ đang canh chừng cô ta. Nep-Heb đã cho tôi biết điều đó.

– “Nep-Heb ư ?” Tôi nhào mình qua và nắm lấy cổ tay Hoàng Hậu. “Ta nghe quá nhiều chuyện về Nep-Heb, có phải hẳn là người tình của Hoàng Hậu không?”

Hoàng Hậu nhìn tôi với cặp mắt nhú lại :

– “Không đâu, nhưng thần thiếp lợi dụng hẳn”.

– “Nên nhớ rằng nàng là vợ ta; Hoàng Hậu của Ai Cập phải là người có đức hạnh đấy nhé”.

Bà hất đầu ra sau, có vẻ cho thấy nét của hàm răng sắc nhọn :

– “Đừng đòi hỏi quá nhiều nơi tôi, hỡi ông anh”.

Hoàng Hậu muốn rút tay lại, nhưng tôi siết chặt tay tôi trên cổ tay Hoàng Hậu, cào móng tay vào thịt bà cho đến khi bà thét lên vì đau.

– “Hậu phải trung thành với ta, trung thành với ngôi vua của ta và với Ai Cập. Nếu nhờ quyền năng của Net-Ka ta có thể tìm ra người đàn ông này ở nơi đâu, thì ta buộc phải đưa Hậu ra thử nghiệm. Hậu có nhiều tham vọng; Hậu có muốn ngồi một mình trên ngai vàng của Pharaoh trong một thời gian không ?”

Hoàng Hậu lộ một vẻ thèm muốn :

– “Nhà vua muốn để cho tôi ở vị trí của Ngài sao?”

– “Không có một ai khác mà ta có thể tin cậy được. Nếu ta có thể tìm được người nào như thế thì hay biết chừng nào; nhưng ta không muốn lòng trung thành của hậu bị phân tán”.

Hoàng Hậu mỉm cười :

– “Đừng bao giờ sợ như thế. Thần thiếp sẽ trung thành với bệ hạ mãi mãi.”

Tôi ban cho Hoàng Hậu một cái nhìn thích thú và tháo một chiếc nhẫn từ tay tôi.

– “Được; hãy cầm chiếc nhẫn này trao cho Mer-Hetsu, viên đại úy cận vệ của ta và ra lệnh cho hắn tức tốc bắt Nep-Heb quăng vào hầm sư tử.”

Hoàng Hậu trở nên trắng bệch như xác chết và phát ra một tiếng kêu ghen ngào.

– “Ồ không, hồi ông anh. Tôi van xin vua.” Hoàng Hậu cố gắng tự kềm chế. Bà nài nỉ bằng một giọng dịu hơn. “Làm thế có khôn ngoan chẳng, Nep-Heb rất hữu ích cho chúng ta. Hẳn ta hành động như là gián điệp cho chúng ta ở Đền Thờ thần Ra, ngoài ra hẳn cũng là một đạo đồ (initiate) thuộc Bí giáo của Set.”

74

– “Lý do của ta là ở chỗ đó. Ta không muốn những người chung quanh chúng ta lại là những kẻ bội phản với Chúa (God) của họ. Ta có thể ngưỡng mộ (worship) kẻ mà ta làm hài lòng, nhưng không phải chỉ là một cha cố (priestling) như thế. Hơn nữa ta muốn giữ mối giao hảo với nhóm tăng lữ của thần Ra; chắc chắn là họ biết rõ thực chất của hẳn và làm hài lòng họ bằng cái chết của hẳn sẽ là thượng sách (good policy).”

Vì Hoàng Hậu vẫn còn quỳ dưới chân tôi, giả vờ đóng kịch trước mặt nàng, tôi nghiêng xuống và nâng cằm nàng lên, vừa mỉm cười vào mắt nàng :

– “Hồi ái thê của ta, nàng có chịu đi chẳng, nếu không ta phải đặt một người khác lên ngôi nếu ta chọn cách tạm rời khỏi ngôi vua ?”

Hoàng Hậu liếc xéo tôi, rồi từ từ đứng dậy, đi ra khỏi phòng.

Đêm đó Re-Shep-Sut đưa Net-Ka vào căn phòng mà chúng tôi dùng vào các mục tiêu huyền thuật.

Cô gái rú xuống một cách mệt nhọc trên ghế tựa dài và khi cô ta bỏ mạng che mặt xuống, một gương mặt xanh xao và phiến muộn hiện ra, với cặp mắt trũng sâu xuống, tôi biết Re-Shep-Sut đã nói thật. Đây là một người ốm, hầu như sắp chết.

Net-Ka giang tay ra đón chào và nói bằng một giọng yếu ớt :

– “Hồi vương huynh, tôi đã đến theo lệnh ngài; nhưng tôi ngày càng mệt mỏi. Tôi gặp những giấc mơ lạ lùng. Tôi cảm thấy như là có một cái gì khủng khiếp đang xảy ra. Có phải chẳng ngài dùng tôi theo cách mà tôi biết là bị cấm? Tôi không hiểu những gì ngài đang làm – tôi không nhớ được gì khi trở lại nhập xác tôi, nhưng”, đôi môi Net-Ka run rẩy, “lần vừa qua tôi có nói trong Thánh Địa (Holy Place) của Ngôi Đền rằng tôi không thể làm được nữa. Thần Linh (God) không chịu nhập xác tôi; họ nói rằng tôi đã bập bẹ những lời nói kỳ lạ. Có phải đó là do đến gặp vua ở đây mà tôi làm phật lòng các Thần Linh Cao Cấp hay không?” Net-Ka che gương mặt lại bằng những bàn tay nhỏ nhắn có gân máu xanh, “tôi không dám nghĩ đến một sự việc như thế có thể xảy ra. Cuộc đời tôi là cuộc đời của họ. Với tất cả lòng yêu thương mà tôi dành cho ngài, tôi xin vua ra lệnh cho tôi không làm điều gì trái với các thánh nguyện (holy vows) của tôi”.

Tôi an ủi Net-Ka với những lời lẽ vu vơ, nhưng tôi không có ý định miễn thứ cho nàng, cũng như không chú ý xem ai là kẻ đã nói xuyên qua nàng, hoặc điều gì xảy ra cho nàng sau đó, chừng nào mà tôi biết được cái bí mật mà hiện giờ tôi đang tìm hiểu.

75 Tôi nói :

– “Cô em thân mến, đừng sợ gì cả, cô sẽ không được sử dụng quá khả năng của cô đâu. Chính vì muốn cho Ai Cập được tốt lành mà ta muốn kêu cầu các Thần Linh đó thôi”.

Ngoan ngoãn, Net-Ka duỗi dài ra trên chiếc trường kỷ (couch). Lập tức chúng tôi vẽ các dấu hiệu huyền thuật và lột trang phục của chúng tôi ra, thoa khắp thân thể chúng tôi bằng các thuốc cao (unguents) và đặt lên chúng các biểu tượng (symbols) của thần Set. Kế đó chúng tôi bắt đầu tụng đọc ma thuật (charms) lên trên thân thể bất động của Net-Ka

với một giọng ngân nga nhịp nhàng, chậm chạp. Căn phòng trở nên từ từ bị bao phủ bởi luồng khói ngày càng dày lên từ cái lò than lớn và bây giờ chung quanh tôi, tôi cảm thấy các hình thù to lớn (great forms) với sức mạnh thu hút ngày càng chặt hơn. Tôi gọi chúng bằng các tên gọi bí mật của chúng. Ánh sáng chập chờn giống như một con bướm đêm hấp hối và tắt lịm. Net-Ka cử động, thân hình cô bắt đầu lay chuyển. Cô quay nghiêng, miệng sùi bọt; nét mặt vặn vẹo, co rúm lại. Re-Shep-Sut, với các cánh tay giơ cao, cứng rắn, ngân nga, di chuyển theo một điệu vũ thần bí trên các hình vẽ được kéo lê trên sàn nhà. Thành linh Net-Ka vốn bị cứng đờ, ngồi bật dậy, mắt mở to. Một giọng nói trầm trầm cất lên từ miệng cô :

– “Xin chào, các bạn ! Tôi đến đây, tôi – Mắt, Tai, Tiếng Nói. Xin chào. Các người muốn gì?”

Tôi đứng phía trên Net-Ka. Tôi đã trui luyện ý chí của tôi. Bầu không khí rung động nhịp nhàng dường như linh hoạt theo cùng với các đám lửa. Re-Shep-Sut ngã sấp xuống và bất động.

– “Tôi muốn biết được nơi đâu là trú sở của Đấng Cai Quản Huyền Bí của xứ Ai Cập này. Tôi muốn được chỉ bảo tôi có thể tìm được Ngài ở nơi đâu. Tôi muốn được diện đối diện với chỉ một mình Ngài”.

Một cơn rung mình làm co giật cô gái đang ở trạng thái xuất thần. Cuối cùng khi tiếng nói đáp lại, nó trở nên yếu đi, vì nó bị phá tan bằng một lực nào đó to hơn chính nó.

– “Đừng hỏi ta. Ta cảnh cáo các ngươi, để cho người này một mình; ông ta sẽ là nguyên nhân tàn phá (destruction) của ngươi đó”.

– “Tôi không quan tâm tới đâu; tôi muốn thà bị huỷ diệt còn hơn là tiếp tục sống trong sự tăm tối và lo sợ. Tôi phải biết cái bí mật của ông ta. Mọi quyền năng, mọi hiểu biết đều

76 ần giấu nơi đó đối với những ai có thể tạo ra được đúng các sức mạnh bí ẩn này. Tôi đã thường khi khẩn gọi người bằng các tên gọi huyền bí, nhưng không bao giờ người ban cho tôi được như ý muốn, cũng không bao giờ người tiết lộ cho tôi sự hiện hữu của người này cả. Giờ đây tôi cầu xin"

– “Hãy im đi !” giọng nói vang lên. Và bây giờ không khí trở nên dày đặc quanh tôi, sức ép trở nên khủng khiếp dường như là một ý muốn thoát xác (disembodied will) đang chống lại sự quyết tâm của tôi

– “Tôi sẽ không im tiếng ! Nếu người thực sự là Set, Đấng Đại Hùng, có kiến thức và quyền năng to tát, nếu người là một Thần Linh, thì bây giờ người phải biết. Tôi đòi hỏi biết cái bí mật này ! Tôi tha thiết yêu cầu người, hỡi Thần Linh, ma, quỷ, bất luận người là ai, hãy cho tôi biết được sự thật. Xin đừng từ chối lời yêu cầu của tôi, và bằng sự say mê của tôi, tôi sẽ làm lay động chính mặt đất, vực người chết ra khỏi nấm mồ. Tôi muốn biết làm cách nào tôi có thể tự chữa trị. Tôi muốn trở thành Đấng cai quản sự sống và sự chết.”

Tôi đứng bên trên Ngôi Đền (Oracle) giơ cánh tay lên trời. Dùng toàn lực của bản thân, tôi đưa ra với tới phần xa thẳm nhất của địa cầu, đến các giới hạn của bầu trời, đến tận các ngôi sao xa tít. Với mọi sức lực và hiểu biết của tôi, tôi phóng chiếu ra năng lực của tôi để đấu tranh với cái chưa biết này, cái trí đối kháng dường như đấu tranh với tôi, dường như tìm cách tách tôi ra khỏi cái tri thức mà tôi muốn có. Tôi có thể chết đi nhưng tôi muốn chinh phục được nó. Chắc chắn đây là kẻ thù của tôi mà cuối cùng diện đối diện.

Tứ chi tôi trở nên nóng lên; sức mạnh chạy vào chúng; thêm sức mạnh, hàng triệu phần tử rung động theo ý chí của tôi. Chỉ có một điều nữa mà hiện giờ được cần đến để hoàn tất lời thỉnh nguyện, Ngôn Từ cấm kỵ vĩ đại, mà nó có thể

đưa đến tử vong khi nói đến – có thể do bởi âm điệu (note) của nó làm tan rã xác thân của người nào dám thốt ra các vần (syllables) thánh thiện đó. Tôi đã học được điều đó; nhưng cho dầu tôi từ trước đến giờ không bao giờ dám phóng xuất cái rung động gây đổ vỡ của nó vào không khí. Giờ đây, tôi ngưng lại, toàn thể con người tôi căng thẳng vì hành động cuối cùng này. Tôi hít vào một hơi mạnh mẽ; Linh Từ (word) chờ sẵn; nó trở nên – bao la, lan rộng; một cách chậm chạp, mọi thần kinh căng ra, với hơi thở được kềm chế, tôi đưa nó ra....

Sự vang dội vĩ đại tắt ngấm. Theo sau là một tĩnh lặng khủng khiếp đến nỗi dường như mọi vật đều không tồn tại nữa.

Tôi chờ đợi như người chết có thể chờ – cạn kiệt, trống rỗng.

77 Tôi nhìn lại và thấy Net-Ka đang quần quai, vật vã, co quắp khủng khiếp. Dường như cô ta bị giằng xé giữa các lực đối kháng. Bất ngờ một thay đổi xảy đến. Cô ta đứng thẳng lên cho đến khi cô ta đứng một cách nhẹ nhàng giống như người giữ thăng bằng để bay vậy. Mắt mở to, gương mặt trở nên rạng rỡ với nụ cười tỏa chiếu.

Net-Ka nói lớn :

– “Ngài đến rồi, Ngài, Đức Thầy (Master), Đấng Cao Cả của chúng con (our Lord)”.

Cùng với một hơi thở dài, cô ta ngã vật xuống chiếc trường kỷ và nằm bất động.

Bấy giờ tôi mới biết sợ hãi. Từ trước đến giờ trong các thực hành huyền thuật, tôi luôn luôn cảm thấy làm chủ được mình. Còn giờ đây, một mãnh lực từ từ tập hợp chung quanh tôi mà tôi không biết chút gì – tôi cố đem hết sức mình chống lại lực đó, nhưng vô ích. Lực đó tăng dần lên; nó ngấm ngấm

xâm chiếm cấu trúc của xác thân tôi, làm yếu đi ý chí của tôi. Nó giống như một nốt nhạc trong trẻo, không bị pha tạp, tuy thế lại là một nốt gây tan rã, giống như một ngọn lửa màu trắng, tuy nhiên lại là ngọn lửa băng giá (icy flame). Về thực chất, nó đẹp thật, nhưng theo tôi, nó thiếu hài hòa và đem lại sự chết chóc. Tứ chi tôi mềm nhũn ra trong nỗi đau đớn, mỗi tế bào, mỗi dây thần kinh rung lên và tan rã. Tôi ngã khụyu chân xuống và úp mặt, nhưng trong cơn đau khổ rã rời này, tôi vẫn cố giữ vững chính tôi, giữ cho ý muốn không lay chuyển.

Kế đó, trong khi tôi chiến đấu một cách yếu ớt, tôi chợt nghe một giọng nói dịu dàng, có uy lực và mang vẻ thanh lịch đến nỗi tôi xúc động trước giọng nói đó và nằm vật ra như một người chết.

Giọng nói đó lên tiếng :

– “Vua gọi đến tôi, vua khẩn cầu tôi. Cách mà vua dùng đến là sai lầm và vì đó, vua sẽ phải trả giá, còn tôi, kẻ có thể hiểu được lòng người, nên tôi biết được cội nguồn sinh ra ước muốn đã thúc đẩy vua đến hành động này, thế nên, tôi đến đây.”

Tôi không thể lên tiếng nói, nhưng một cái gì đó nằm sâu trong tôi, có lẽ cái phần tử linh hoạt cuối cùng, phải được đáp ứng .

Giọng nói cất lên :

– “Được rồi. Vì vua đã chọn, vua không thể bị chối từ. Khi thời cơ đến, tôi sẽ ra lệnh cho vua đến với tôi.”

Kế đó giọng nói ngưng lại và bóng tối bao phủ tinh thần tôi. Khi tỉnh lại, tôi thấy Re-Shep-Sut đang quỳ cạnh tôi.

Hoàng Hậu hỏi :

– “Chuyện gì đã xảy ra thế? Thần thiếp không nhớ gì hết. Bệ hạ đã biết được điều bí ẩn chưa ?

Tôi chậm chạp đứng lên, tay chân nặng như chì, đầu óc choáng váng.

– “Ta chưa biết”. Tôi chỉ vào Net-Ka. “Xem con bé kia. Chúng ta phải trả cô ta trở lại đền thờ thôi”. Net-Ka vẫn còn hôn mê. Chúng tôi không thể làm cô ta tỉnh dậy. Nhưng tôi cho rằng có một Đấng nào đó có uy lực hơn chúng tôi, đêm hôm đó đã đưa bùa mê vào những kẻ phục dịch (servants) trong Đền Thờ, vì mặc dầu chúng tôi phải xốc dỡ Net-Ka giữa hai chúng tôi, không một ai bắt gặp chúng tôi trên đường đi, cũng như không một người vệ sĩ nào của cô ta thoát ra được giấc ngủ do thuốc mê gây ra.

Hai ngày sau đó, Re-shep-sut đến chỗ tôi nơi mà tôi đang ngồi trong khu vườn với các học giả của tôi.

– “Thần thiếp được báo rằng Net-ka đang ốm đến sắp chết”, hoàng hậu thì thầm khi chỉ còn lại có chúng tôi. “Cô ta nằm lì bì mà không biết gì hết, và khi thức tỉnh thì la hét như người bị ma nhập”. Cặp mắt hoàng hậu mở lớn với nỗi sợ hãi. “Chính thần thiếp đã gây ra việc này”, hoàng hậu nói bằng một giọng nghẹn ngào, “nếu cô ta chết, thì chính chúng ta là kẻ giết cô ta”.

Nhưng ý tưởng tôi đi xa hơn. Từ khi nhận được thông điệp kỳ lạ đó, tôi đã bận rộn cả ngày lẫn đêm để sắp xếp kế hoạch phòng vệ quốc gia trong trường hợp tôi bắt buộc ra đi rời khỏi ngai vàng trong thời gian dài. Những kẻ mà lòng trung thành chưa được vững chắc phải được thay thế nơi biên cương bằng những viên tướng mà tôi có thể tin tưởng được. Các đơn vị đồn trú phải được củng cố. Các kế hoạch và các thương thảo mật phải được hoàn tất. Tôi không còn thì giờ để nghĩ về chuyện của Net-ka. Tôi nhìn vào hoàng hậu một cách lạnh lùng:

– “Gì thế? Ta sẽ không cần cô ta nữa đâu.”

Hoàng hậu nắm chặt tay lại:

– “Vua không thông cảm sao? Bệ hạ trở thành đá rồi sao? Thần thiếp thương mến cô ta. Cô ấy là người duy nhất mà thần thiếp bao giờ cũng yêu thương”.

Tôi nhếch mép:

– “Thế thì tốt hơn hết hậu hãy tìm cách nào để nhanh chóng chữa trị bệnh cho cô ta đi. Nếu hậu phải đảm trách ngai vàng của ta, dầu trong thời gian ngắn, ta phải biết hậu có khả năng vượt lên trên những yếu đuối như thế. Hãy học một lần cuối rằng tất cả những ai không còn cần cho các mục đích của chúng ta, tốt hơn hết là nên ở ngoài con đường của chúng ta – họ có thể không còn thích hợp để thả mình vào cách ăn nói nguy hại và vô tích sự.

Hãy để cho Net-ka đi và không còn trở thành người khờ khạo (fool) nữa. Ta đã từng tuyên bố là hoàng hậu đi theo cùng với trẻ con. Mặc dầu điều chưa hẳn đúng là người Ai Cập đều có thể đối đãi với hoàng hậu bằng niềm tôn kính và vẫn trung thành nếu họ hình dung ra rằng hoàng hậu cư mang vị Pharaoh tương lai trong dạ con của hoàng hậu. Ta có nhiều điều quan trọng cần bàn với hoàng hậu. Một điều ta ra lệnh:

– “Hãy tránh xa chỗ ở của Net-ka; không đi thăm cô ta ngay cả lúc cô ấy khẩn cầu hoàng hậu. Ta không muốn bị xem như thể chúng ta có dính líu đến công việc của cô ta. Điều thiết yếu là hoàng hậu nên giữ mối quan hệ tốt đẹp với Besiurt. Hoàng hậu phải tuân theo ông ta trong mọi việc đặc biệt, vì ông ta sẽ là kẻ đứng đầu hiện nay của quốc gia trong khi ta đi vắng. Besiurt sẽ hướng dẫn các hành động và lời nói của hoàng hậu. Sẽ có rắc rối cho hoàng hậu nếu ta biết được hoàng hậu không trung thành, hoặc là nếu do sự thiếu khôn

ngoan, hoàng hậu để lơ mất phương tiện kiểm soát quyền lực”.

Một vẻ u ám, buồn bã hiện lên trên mặt, hoàng hậu lên tiếng:

– “Nếu Net-ka đang hấp hối và khẩn cầu thần thiếp thì thần thiếp sẽ đến”.

Tôi nghiêng mình ra phía trước và nhìn chăm chú vào hoàng hậu bằng những con mắt nheo lại.

– “Re-shep-sut, nếu nhà ngươi không chịu lắng nghe lời ta, nếu ngươi không chịu thề trên cái biểu tượng thiêng liêng của thần Set mà ta đã đeo vào tay ngươi, có nghĩa là ngươi sẽ trung thành, nghĩa là ngươi sẽ tuân theo ám chỉ nhỏ nhất của ta, ta thề với ngươi rằng ta sẽ giáng ngươi xuống và đưa một người khác thế chỗ vào ngươi, bàn tay ngươi sẽ không nắm được vương trượng, cũng như không bao giờ xác thân ngươi sinh ra một đứa con có dòng dõi thần linh.”

Trước những lời của tôi, hoàng hậu lật đật quỳ xuống, hai tay nắm chặt lấy chân tôi:

– “Hỡi Pharaoh, hỡi Thần Linh vĩ đại, ngài không có lòng thương hại sao? Theo lời ngài, tôi đã đưa Nep-heb đến cái chết; giờ đây ngài lại muốn tôi hy sinh chị em của tôi sao? Vì tôi biết rằng chỉ một mình tôi mới có thể chữa trị cho bệnh nàng. Nếu tôi từ chối lời cầu xin của nàng chắc chắn nàng sẽ chết vì phiền muộn.”

Tôi dùng chân đá vào hoàng hậu:

– “Gớm! Ngươi quả là giống như mọi kẻ khác, bị xúc cảm và tình cảm yếu đuối lèo lái đi.” Tôi dựa lưng vào ghế, nhẹ nhàng mỉm cười. “Re-shep-sut, ngươi có quyền chọn lựa. Một bên là ngai vàng ở Ai Cập với quyền lực vô hạn, vinh quang cùng vinh dự to lớn— và lời thề này; một bên là một cô gái

ngây ngô, cô ta nên chết là hơn – và sự quên lãng, tầm tối, có lẽ chết chóc nữa. Nên chọn cái nào hơn?”

Trong một hồi lâu, hoàng hậu bất động, đầu cúi xuống, tay đan vào nhau; rồi bà ngừng lên chậm chạp nói:

– “Tôi sẽ chọn lời thề,” rồi bà thở dài.

Tôi đẩy cánh tay phải nắm chặt của tôi vào hoàng hậu. Bà cúi về phía trước, ép sát vầng trán của bà vào chiếc nhẫn to và thì thầm đọc theo tôi công thức huyền thuật thuộc loại khủng khiếp và bó buộc nhất trong số các thỉnh nguyện.

Trong khi đưa tay làm hiệu cho các viên thư lại của tôi đến gần, tôi lên tiếng:

– “Giờ đây hãy nhớ cái hình phạt nếu lời thề bị vi phạm. Người sẽ không có được sự an bình trong thế giới này cũng như trong thế giới sắp tới, trong kiếp sống này cũng như trong bất luận kiếp sống nào khác. Người đã kêu gọi đến quyền năng nằm trong chiếc nhẫn này, vị thần của tham vọng và của ý chí. Khi thuận theo ta, nó sẽ là nô lệ của người; khi chống lại ta nó sẽ trở thành chủ nhân của người. Hãy ghi nhớ điều đó và đừng bao giờ quên hồi cô em và là hoàng hậu của ta.”

Vì đêm đó ở trong ngôi nhà hóng mát (summer-house), âm thanh và lời nói mà tôi đã nghe, ít khi nằm ngoài trí tôi. Thái độ của chính tôi làm cho tôi ngạc nhiên, vì tôi thấy mình luôn luôn khao khát nghe lại tiếng nói và tiếp xúc với người nói ra lời ấy. Tôi không thể nhớ lại từ bao giờ trong đời, tôi được trải qua kinh nghiệm có được cảm giác như thế như là các âm điệu này đã nổi lên trong tôi; cái kinh nghiệm gần nhất có lẽ là cảm giác thèm muốn mà đôi khi tôi cảm thấy đối với một người nữ nào đó, khi tôi không thể ăn ngon ngủ yên lúc chưa chiếm đoạt được người nữ đó. Tuy nhiên cảm giác đó chỉ nhất thời thôi, còn cảm giác này kéo dài. Đường như

81

nó cũng tác động đến tôi theo những cách khác nữa, vì giờ đây, lần đầu tiên trong nhiều năm qua, tôi ngủ yên suốt đêm, chứng bệnh của tôi cũng không còn tái phát, mãi cho đến chiều tối của cái ngày mà Re-Shep-Sut đến gặp tôi cùng với điều khẩn cầu của nàng. Đêm đó tôi rơi vào một cuộc tấn công còn dữ dội hơn là bất cứ cuộc tấn công nào mà tôi từng trải qua, nó tiếp tục trong hai ngày ở mức độ đến điên người, sau rốt làm cho tôi hoàn toàn kiệt sức. Đến tối thứ ba, trong khi đang nằm nửa tỉnh nửa mê trên giường, thành linh tôi nhận ra rằng không phải chỉ có mình tôi, quay đầu lại, tôi chợt thấy gương mặt của một người mặc áo khoác đang đứng bên cạnh tôi, đồng thời tôi nghe lại được giọng nói mà tâm hồn tôi khao khát từ bấy lâu. Người ấy nói :

– “Này Pharaoh, nhà vua vẫn còn quyết định đương đầu với các bí mật của số phận vua chẳng ? Trong ba ngày qua, nhà vua đã sống trong sự ray rứt, nhưng ta cảnh báo cho vua rằng, nếu muốn biết được Sự Thật, vua sẽ phải đối mặt với sự việc còn tệ hại hơn nữa đấy”.

Tôi đáp :

– “Tôi đã quyết định rồi.”

– “Được rồi. Ngày mai vào lúc giữa đêm, nhà vua sẽ thấy một người ăn xin ngồi cạnh cổng ngoài của Đền Thờ. Hãy đi theo hắn”.

Ngày hôm sau, tôi cho đòi Besiurt và tiếp một mình ông ta trong lúc nằm trên trường kỷ, vì tôi vẫn còn yếu.

Besiurt nói với một giọng ngấm che đầy lời của hắn :

– “Hạ thần vui mừng khi thấy Bệ Hạ được phục hồi, người ta bảo với thần rằng, vẻ mặt Bệ Hạ không được tươi sáng và Bệ Hạ đang ốm nặng lắm. Do đó, thần và các tu sĩ của thần tìm cách chữa trị cho Bệ Hạ bằng cách đưa chứng bệnh của vua vào các thân xác hèn mọn của bọn hạ thần”.

Tôi mỉm cười nghiêm nghị :

– “Này ông bạn, ta không thể thấy dấu hiệu nào của điều đó nơi người cả, và ta xin quả quyết với người rằng không phải nhờ các bùa chú và các cách chữa trị của người mà ta được bình phục. Đợi ân các thần linh, trong tương lai ta sẽ không tùy thuộc vào Nhóm Ngự Y (College of Physicians) của tầng lũ để lo cho sức khỏe ta nữa, về thể chất lẫn tinh thần”.

Besiurt trở mặt kinh ngạc.

Thích thú trước vẻ lúng túng của hắn, tôi nói tiếp :

– “Ta đã tìm ra một thầy thuốc khác, còn vĩ đại hơn tất cả bọn người. Tối nay, ta sẽ đi đến gặp người đây.”

Hắn lên tiếng :

– “Không có một ai ở tại Ai Cập...”

– “Có chứ.” Tôi nhắc lại chính lời của hắn để nói với hắn.

“Bọn người chỉ là cái bóng của người đó thôi....”

Cuối cùng, Besiurt rung động :

– “Bệ Hạ sẽ không bao giờ tìm thấy Người ! Đây thật là sự điên rồ”

Tôi cười nhẹ nhàng :

82 – “Không đâu, đây là sự tỉnh táo lắm đấy. Này ông bạn, có lẽ ông mới là điên, điên vì lòng kiêu ngạo của ông. Ta muốn nhắc cho ông nhớ rằng, khi mới lên ngôi, ta đã tới và nhún mình nài xin ông chỉ dẫn ta về các Bí Pháp (Mysteries). Ta tin rằng nhờ chúng, ta có thể đạt đến sự hiểu biết mà ta vẫn tìm kiếm. Thậm chí ta chịu sẵn sàng để trở thành kẻ sơ tu (novice), ngồi dưới chân ông để ông giảng dạy ta nữa. Ông đã từ chối. Ông ngăn cản, không để ta bước vào cổng chân lý. Ông còn bảo ta rằng ta không xứng đáng, rằng dòng máu của ta không thuần khiết (impure), rằng ta đã tiếp xúc với hắc thuật (black arts) và bị ô uế (befouled). Ta tự hỏi, với sự kiêu

hạnh và trong sạch của ông, ông có thỉnh ý Thầy ông, tức là nhân vật đã đặt ta lên ngai vàng hay không ? Ta không nghĩ là ông có hỏi.” Tôi nghiêng tới trước, hất mặt sát vào hắn. “Hỡi Besiurt, ông muốn giữ uy quyền tối thượng trong chính tay ông; ông muốn ta vẫn ngu dốt để cho ông và bọn tu sĩ của ông có thể lên mặt với ta. Nhưng ông không hiểu ta. Ta không bị chùn bước đâu. Nếu Ra-Hermachis không muốn để cho ta làm ô nhiễm đến ông ấy, thì ở đó vẫn còn lại Set, vị này không đến nổi tin mù quáng. Ta học được từ nơi các tu sĩ của ông ấy, ta được điểm hóa vào các Bí Pháp với nghi thức thờ cúng (cult) của ông ấy, nhưng ta sẽ thừa nhận rằng chẳng bao lâu sau, ta nhận thấy rằng chúng không thể mang lại cho ta cái mà ta mong muốn, không có cái đó ta không thể tìm được an tĩnh cũng như hạnh phúc. Ta không biết đó là gì, ta chưa biết nó thật đấy – nhưng ta sẽ biết – và khi ngày giờ đến, ta sẽ làm cho tri thức này mãi mãi thuộc về ta. Không phải người, mà cũng không phải bất cứ tu sĩ nào trên địa cầu, có thể chặn đứng ta được”.

Hắn muốn nói, nhưng tôi đưa tay chặn lại :

– “Besiurt, không, ngay cả ông cũng không làm gì được. Ta không nghĩ rằng người ta cứ kêu cầu mãi với các Thần Linh là vô ích, cho dù các tu sĩ của họ muốn làm cho thần linh im lặng nếu họ có thể. Ta tin ta thật là may mắn khi tình cờ nghe được các lời mà ông tiết lộ cho ta về sự hiện hữu của một Đấng Cao Cả ở Ai Cập cao trọng hơn là người. Ta đã xin với Ngài và Ngài đã đáp ứng.”

Viên tu sĩ cao cấp đứng bật dậy :

– “Nhà vua bị lừa rồi, điều đó không thể xảy ra đâu. Đấng đó không bao giờ nói chuyện với ai cả ngoại trừ chúng tôi”.

83 – “Có lẽ ta bị lừa, chẳng bao lâu ta sẽ khám phá ra điều đó, vì tối nay ta đi gặp Ngài đây.”

– “Gặp Ngài ư ? Nhưng vua không biết...”

– “Ta sẽ được chỉ cho biết chỗ của Ngài. Ta sẽ tìm ra chỗ đó, dấu cho có phải đi khắp thế gian này”.

– “Vua không thể đi được, vì là Pharaoh. Vua không có quyền rời Ai Cập !”

– “Hãy ngồi xuống”, tôi nóng nảy nói, vì Besiurt vẫn đang bước quanh phòng, đưa các cánh tay của hắn lên trời. “Ta còn đang ốm. Giọng ngươi to quá. Hạ thấp giọng xuống đi.”

Không cần gây thêm phiền toái nữa, tôi cho hắn biết về các dự tính của tôi. Hắn phản đối, la to lên rằng tôi là kẻ phản bội; rằng ngài vàng là một niềm tin thiêng liêng, tôi không có quyền từ bỏ; rồi hắn lần lượt gọi lên cho tôi cái tham vọng, cái kiêu hãnh, tình thương Ai Cập của tôi, nhưng không có chút hiệu quả. Trí tôi đã quyết, không gì có thể tác động đến tôi được nữa, vì cuộc sống đã mang lại cho tôi đủ mọi điều rồi và tôi đã thấy là món quà quý nhất của kiếp sống giờ cũng chỉ là đám tro nhạt trong mồm mà thôi. Ý muốn của tôi là luật lệ duy nhất, và cuối cùng, trước ý muốn đó, Besiurt bắt buộc phải khuất phục.

Tôi để lại cho hắn cái vương ấn (royal signet). Tôi cũng để lại cho hắn các chỉ dẫn để giải thích việc vắng mặt thỉnh linh của tôi theo ý hắn, tôi không bận tâm chuyện này lắm.

Đêm đó, giả trang thành một nông dân với một cái áo choàng thô che mặt và một cây gậy trong tay, tôi đi đến cổng ngoài của Đền Thờ Thần Ra. Một người đàn ông trong bộ quần áo sòn rách đứng dậy khi tôi tới gần, và, không một lời chào hỏi gì tôi, quay ra đường, đi về hướng sông Nile. Tôi theo sau hắn. Chúng tôi bước đi không gây một tiếng động

trên cát. Chúng tôi giống như những cái bóng chuyển động trong bóng đêm không trăng sao. Đến sáng, chúng tôi đã vào sa mạc. Suốt ngày dưới ánh nắng như thiêu, chúng tôi bước đi không ngưng nghỉ. Dù cho có sức khỏe dồi dào, đôi chân tôi cũng bắt đầu đi loạn choạng. Người kia dường như không mệt mỏi. Một lần đi ngang qua giếng nước, ông ta dừng lại để cho tôi uống nước, nhưng không nói một lời. Vào chiều tối, đầu tôi quay cuồng đến nỗi tôi hầu như không thể thấy được hình người bước đi giống như một cái bóng khẳng khiu trước mặt tôi. Có lẽ tôi đã trở nên bạc nhược do cách sống nơi cung đình, hoặc là có lẽ cơn bệnh đã làm mòn mỏi sức khỏe của tôi nhiều hơn tôi tưởng, nhưng đến bình minh tôi khụy xuống, không thể kéo lê thân xác xa hơn được. Người đàn ông quay trở lại đứng cạnh tôi. Hắn nói :

– “Nhà vua đi giỏi lắm đấy.”

Tôi đáp :

– “Cho ta nghỉ chỉ một giờ thôi rồi sẽ đi tiếp.”

– “Không cần nghỉ, chúng ta gần đến đích rồi.”

Cúi xuống, hắn nhắc tôi lên dường như tôi là một đứa trẻ và bước đi một cách nhẹ nhàng, mặc tôi phản kháng. Không rõ chúng tôi đã đi được bao xa, vì tôi nghĩ là tôi đã ngất đi. Khi tỉnh dậy tôi thấy mình nằm dài trên giường trong một căn phòng yên tĩnh, soi sáng bằng ngọn đèn dầu.

Tôi ở đó ba ngày đêm, thức ăn và thức uống đều có người mang đến, sau đó tôi được đưa vào gặp Ngài, Đấng Cai Quản Ai Cập (Egypt's Ruler).

Ngài đang ngồi ở bàn, nghiên cứu các cuộn chỉ thảo cổ xưa. Mặc dầu chỉ vận có chiếc áo dài trắng đơn giản, không hề có dấu hiệu đẳng cấp gì, khi Ngài ngược đầu lên và nhìn tôi, tôi biết chính tôi đang đứng trước một Đấng mà ngay đến Pharaoh của Ai Cập cũng không đáng kể. Có một sức thôi

thức không cưỡng lại được bắt tôi phủ phục xuống, nhưng tôi cố gắng trấn áp lại.

Ngài ra dấu bảo tôi đến gần. Tôi đứng phía bên kia bàn. Một cảm giác vô cùng êm dịu từ Ngài tỏa ra.

– “Tại sao nhà vua đến với ta ?” Ngài hỏi.

– “Để học cách làm thế nào mà con người có thể chi phối được mọi vật.”

– “Điều này được tiết lộ trong các Thánh Thư Bí Nhiệm (Holy Mysteries) của Ra-Hermachis.”

– “Các tu sĩ ở đó không chịu dạy con; họ bảo con không xứng đáng. Thế nên con quay sang Thần Set.”

Ngài nhướn đôi mày:

– “Vua không sợ à ?”

– “Con không sợ gì cả.”

– “Vua nói đúng. Chính cái không gì cả (nothing) là cái mà vua sợ nhất.”

Tôi giật nảy mình. Ngài đã điếm đúng chỗ nhược của tôi. Ngài tiếp

– “Vua sợ các mãnh lực hủy diệt (forces of annihilation) mà vua cảm thấy ở trong chính mình.”

85 Tôi rùng mình trước các lời của Ngài. Tôi không thể phủ nhận chúng. Tôi ngẩng đầu lên nhìn vào mặt Ngài :

– “Chính thế. Chính nỗi sợ hãi này thực sự đã đưa con đến với Ngài.” Tôi chồm tới trước, chìa nắm tay siết chặt của tôi trên bàn. “Con sẽ không bị hủy diệt ! Con sẽ tồn tại – tồn tại! (live!)”. Sau một khoảnh khắc ngắn, tôi nói thêm cho chính tôi hơn là cho Ngài nghe, “Con không dám chết – chết có nghĩa là thất bại...”

– “Nhưng tất cả đều phải chết”, giọng nói điềm đạm của Ngài cất lên. Tôi lắc đầu :

– “Không, đó không phải là cái chết mà hiện giờ con đang sợ. Con đã đối mặt với cái chết này biết bao lần mà đâu hỡi sợ nó. Có một cái gì đó rộng lớn hơn, chậm chạp hơn... Phải chăng đó là sự tan rã (disintegration)? Tuy nhiên đó là cái gì?” Tôi vung tay về phía Ngài trong nỗi thất vọng đột ngột. “Ngài là Đấng minh triết hơn biết bao người, Ngài có thể nói cho con biết cái gì có thể làm dịu được nỗi bất mãn vô tận này, sự khao khát bồn chồn này, nỗi thất vọng, cái độc hại ngấm ngấm này, chúng đang làm cạn sức mạnh của con, làm lụn bại sự thành đạt của con và gây trở ngại cho các thành công của con hay chăng ? Ngài có thể chỉ cho con cách nào để con có thể thoát khỏi nỗi khổ đau này, căn bệnh tâm trí và thể xác mà con biết sẽ trở thành điểm báo trước của bệnh điên, các tâm trạng sầu muộn buồn thảm tột cùng này làm cho mọi sự việc hiện ra như là cái bóng vô tích sự chăng ? Tại sao trong số bao nhiêu người mà chỉ có một mình con mắc phải như thế ? Tại sao con vương phải chuyện như thế? Còn bao nhiêu người khác không hề biết đến các thống khổ này, cái đe dọa thường xuyên này, cái nỗi sợ sự trống không này – còn tệ hại hơn là sự chết nữa. Con là Pharaoh: Ai Cập và mọi tài nguyên của xứ này đều thuộc về con – nhưng thật ra những kẻ khờ khạo và đám nô lệ còn hạnh phúc hơn con.”

– “Họ có được tình thương”, Ngài đáp lại.

– “Tình thương ư ? Hỡi ôi, con đã mệt mỏi với đàn bà và các kiểu cách của họ rồi.”

– “Nhà vua có biết tình thương là gì không?” Ngài hỏi một cách từ tốn.

– “Con biết đó là điểm yếu chứ không phải là điểm mạnh”, tôi trả lời một cách cao ngạo. “Con biết rằng, đối với hầu hết con người, nó mang lại tai họa, chứ không phải sự thỏa mãn. Con không cần tình thương, mà chỉ cần sự hiểu

biết, sức mạnh, bí mật của Sự Sống, vì con biết rất rõ rằng chỉ khi nào con có được các điều này, con mới chữa trị được bệnh của con. Ở đây, tình thương không thể giúp con được gì cả.”

– “Không đâu, tình thương chỉ giúp được cho con chỉ khi nào con giúp nó trước, ông bạn ạ”.

86 Đôi mắt Ngài nheo lại cho đến khi chúng chiếu vào tôi giống như các đốm lửa. “Thế ra nhà vua đến với ta chỉ vì muốn có quyền năng, muốn học các bí nhiệm của sự sống phải không ? Câu trả lời của ta là chúng ta không thể dạy cho vua bất cứ điều gì cho đến khi vua học được bài học yêu thương trước nhất. Trao cho vua các món quà vô giá của chúng tôi có ích gì đâu, trong khi vua vẫn không có khả năng hiểu được bản chất đích thực của chúng, chớ đừng nói là vận dụng được chúng? Một hạt giống, khi chưa được thúc cho nảy mầm, vẫn chỉ là hạt không có quả. Tri thức (knowledge) mà vua đang tìm cũng thế : chỉ khi nào nó được thấm nhuần bằng năng lượng được làm sinh động bằng tình thương, thì nó mới hữu dụng cho vua hoặc cho bất cứ người nào.”

Tôi lắng nghe Ngài nói, mảy cau lại với sự bức dọc và một đôi chút hoang mang. Câu hỏi của tôi chỉ được trả lời rằng tôi nên biết yêu thương, dường như là quá đáng; tuy nhiên một chút bản năng đoán chắc với tôi rằng nhà tu này (priest) biết rõ những gì Ngài đã nói. Tôi cảm thấy bị thu hút về phía Ngài và tôn trọng trí năng của Ngài, vì hiển nhiên là Ngài có thể làm được nhiều điều mà tôi, với mọi hiểu biết về huyền thuật, không thể làm được. Có một cái gì huyền bí ở đây mà tôi phải thăm dò, bằng thủ đoạn chẳng hạn nếu tôi không thể thăm dò bằng các cách khác.

– “Được lắm, được lắm,” tôi nói với một nụ cười, giả vờ có một thái độ nhún nhường, “nếu Ngài có thể thuyết phục con rằng những gì Ngài nói là đúng và yêu thương là bí

quyết đưa tới Đền Minh Triết, thì bây giờ con sẵn sàng làm thứ. Con cần phải làm thêm điều gì trước khi con được phép học hỏi các Bí Pháp nội môn ?”

– “Nhà vua phải phá đổ cái hàng rào mà chính tội lỗi của vua đã dựng lên giữa vua với cánh cửa thánh thiện, vua sẽ phải thương yêu và phụng sự nhân loại, thanh toán các món nợ mà vua mắc phải do hận thù và vô minh.”

– “Ngài nói có vẻ khó hiểu quá”, tôi trả lời có ý khinh thường, “nhưng con nhận các điều kiện của Ngài. Con sẽ làm điều đó. Ngài hãy chỉ cho con các rào cản mà Ngài nói đến đó để con có thể phá đổ xuống và các nợ nần có thể được thanh toán đầy đủ. Năng lực của con rất lớn, kho tàng của con đầy ắp, ý muốn của con là Luật ở Ai Cập”.

Ngài đứng lên; tôi đã cao mà Ngài dường như còn cao hơn hẳn tôi.

87 – “Hỡi con người tự phụ kia”, Ngài nói to lên, “ngươi không biết mình đang nói gì, chính những lời của nhà vua chứng tỏ vua hoàn toàn không thích hợp, thậm chí với việc thử làm công việc này. Tâm trí nhà vua chỉ ở trên mặt đất. Vua nói đến sức mạnh ư, sức mạnh của vua còn kém hơn sức mạnh của một đứa bé nữa. Có phải vua thừa nhận rằng vua không thể xua được con điên đại ra khỏi vua khi nó giáng xuống như một đám mây đó sao ? Vua có thể chinh phục được tính khí của chính mình, các thất vọng của chính mình chẳng ? Về cái ý chí mà vua khoa trương, vua còn bị chế ngự bởi tính kiêu căng, tự đại và tính ích kỷ nữa – vua là một nô lệ, chớ không phải là chủ.” Ngài quay lại, bước về cửa, ra lệnh: “Đi theo ta”.

Chúng tôi vượt qua nhiều hành lang, sau cùng bước vào một phòng nhỏ hình tròn, giữa phòng có một quả cầu bằng thủy tinh lớn đang phát ra một màu sáng dịu. Ngoài cái ánh

sáng mờ màu lục này, cả căn phòng đều chìm ngập trong bóng tối. Ngài bảo tôi đứng trước quả cầu, rồi đến sau lưng tôi, đặt hai tay lên trán tôi.

– “Hãy nhìn vào trong sâu và chú ý”, Ngài bảo.

Tôi nhìn vào; thoát đầu giống như chú mực vào sông Nile trong xanh, sâu thẳm tuy đầy ánh sáng, kể đó ánh sáng bắt lấy tôi, kéo xuống. Tôi quên mất hiện tại, tôi trở lại quá khứ, dừng trở lại ở Atlantis. Một lần nữa tôi trở thành Cheor. Những gì tôi đã làm lại hiện ra với tôi từ đầu đến cuối. Sau cùng tôi thấy mình lại đứng trước quả cầu trống rỗng.

Tiếng nói của Ngài đưa tôi trở lại thực tại.

– “Hãy cho ta biết nhà vua cảm thấy được gì về kiếp sống đã qua này?”

Tôi nhú mày, ngập ngừng tìm cách ra khỏi cái sợi chỉ rối nùi của ký ức. Sau cùng tôi nói một cách chậm chạp :

– “Con nghĩ rằng điều đó đã giúp con hiểu được rằng con không phải vĩ đại như con đã tưởng tượng hiện giờ. Con luôn luôn xem chính mình như là đầy quyền lực, một cao đồ trong pháp thuật, nhưng thứ pháp thuật mà chúng con thực hành ở đây thì giống như đồ chơi của trẻ con so với pháp thuật thời Atlantis. Chao ôi, con đã không quên được gì sao ? Tại sao lúc đó chúng con nắm giữ được các bí mật đích thực của các hành tố (elements), giống như chúng con là thần thánh; không phải chỉ một mình trái đất này là đồ chơi (play thing) của chúng con, mà các nhóm ở cõi trời và các quyền năng cũng thuộc về chúng con. Trí óc của chúng con thực sự trở 88 thành giống như trí óc của những người lùn. Thời đó, mọi việc đều vĩ đại, đối với chúng con, Ai Cập có vẻ là một lãnh địa hùng mạnh, còn giờ thì con thấy rằng nó chỉ là một hạt bụi trên bề mặt của một thế giới nhỏ bé. Con còn phải học biết bao nhiêu điều.”

Tôi nhìn lên vừa kịp thấy đôi mắt Ngài đang xuyên qua tôi dường như dò tìm tận trong thâm tâm tôi và có một biểu lộ kinh ngạc và hối tiếc trên gương mặt Ngài .

– “Thế ra vua không cảm thấy gì trừ nỗi hối tiếc này sao – không xấu hổ về những gì vua đã làm, không sợ hãi sao ?”

Tôi cười lên, cảm thấy phấn khởi về những gì tôi đã thấy đến nỗi trong phút chốc, mọi tiên báo (forebodings) của tôi đều bị quên hết.

– “Tại sao con phải cảm thấy xấu hổ, có lẽ ngoại trừ việc hiện giờ con đang trở thành một con người và bị gọi sai là một vị thần chẳng ? Phải rồi, ước gì con có thể biết lại những gì con đã biết lúc đó...”

– “Việc đó không để lại một ấn tượng nào nơi vua trừ việc ham muốn có thêm hiểu biết sao ?”

Tôi giữ im lặng trong chốc lát, cố gắng hòa mình thậm chí còn chặt chẽ hơn nữa với cái quá khứ đó. Khi các hình ảnh trở lại với tôi, một gương mặt nổi bật lên rõ rệt hơn những người khác, khơi dậy bên trong tôi một cảm xúc không thể xác định được. Cuối cùng tôi lên tiếng:

– “Còn Shahballazz, hiện nay anh ấy có đang sống hay không ?”

– “Tại sao vua muốn biết ?”

– “Con cảm thấy bị thu hút đến anh ấy, ước gì có thể tìm được anh ấy, con muốn đưa anh ấy vào các hội đồng cai trị của con, anh ấy là người mà con có thể tin tưởng...” Tôi ngập ngừng nói tiếp, “có lẽ ngớ ngẩn đấy, nhưng khi nhớ đến anh ấy, trong lòng con dấy lên một mong mỏi kỳ lạ, một ước muốn...” Tôi nhún vai tỏ dấu bất lực, không thể diễn tả những gì tôi cảm nhận được.

Trong khi tôi nói chuyện, Ngài ngồi trên ghế dài bằng đá bao vòng quanh phòng và chìm vào con trầm tư trong một

lúc. Tuy nhiên trong cơn yên lặng kỳ lạ và sâu xa ấy, tôi cảm thấy dường như trí Ngài thăm dò vào trí tôi theo một cách thức huyền bí nào đó.

Đột nhiên, Ngài ngẩng lên và từ đôi môi nghiêm nghị hé ra một nụ cười.

– “Có lẽ đây là tình thương mà vua cảm thấy chăng ? Ngài gọi ý.

89 – “Có lẽ là thế”, tôi thừa nhận; “chắc chắn không bao giờ trong đời con cảm thấy cần một người nào nhiều đến thế.” Thành linh tôi băng qua căn phòng và đứng trước Ngài. “Hôm nay Ngài đã nói nhiều về tình thương. Ngài dạy con rằng con chỉ có thể đạt đến mục tiêu bằng cách phụng sự mọi người và yêu thương mọi người. Đối với con điều này có vẻ vô lý. Làm sao con có thể yêu thương tất cả mọi người? Yêu mọi kẻ ngu ngốc mà con khinh miệt và mọi kẻ thù mà con căm ghét? Giờ đây, có lẽ con có thể yêu thương người này, thậm chí phụng sự y nếu có dịp, vâng, và Ngài cũng thế, nhưng còn những người khác....Trong bất cứ trường hợp nào, con không thấy làm sao mà tình thương lại có thể có bất cứ mối liên hệ nào với các quyền lực mà con muốn có, trừ phi Ngài dùng từ ngữ “thương yêu” (“love”) để tượng trưng cho một cái gì khác, một mãnh lực sáng tạo mạnh mẽ nào đó ẩn giấu và không được biết đến. Những gì mà người đời gọi là tình thương thì không dùng được cho con. Cái bí mật mà Ngài che giấu này là gì ?”

Ngài ngược đầu lên nhìn tôi.

Lúc bấy giờ có một cái gì đó xảy đến mà tôi không biết gọi là gì. Nó giống như một ánh sáng làm mờ mắt, từ Ngài phóng ra và bao bọc lấy tôi, trong một khoảnh khắc thoáng qua, thu hút tôi vào tận tâm thức Ngài.

Chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi – kể đó cảm giác thiêng liêng trôi qua. Nó mất hẳn. Tôi đứng đó choáng váng, cảm thấy trống rỗng (empty), hụt hẫng (defeated) giống như một tù nhân vừa thoát vào ánh sáng thanh thiên bạch nhật, lại bị ném xuống hầm sâu (dungeon) còn tối hơn nữa.

Hoang mang, tôi quay sang Đấng đã ban cho tôi cái nhìn khó quên, dẫn vào một trạng thái hiện tồn mà tôi không bao giờ có thể nhận ra và nó đã lùi xa, trở thành hư ảo – không thể hiểu được.

Tôi thấy chính mình rung động, tôi tựa vào tường để lấy lại thăng bằng.

– “Đây là pháp thuật (magic) gì thế? Ngài đã làm gì cho con vậy?” Tôi chậm chạp hỏi.

Ngài không trả lời ngay, mà ngồi tập trung nhãn lực vào tôi. Sau rốt, dường như Ngài hài lòng với sự cẩn thận của Ngài.

Cuối cùng Ngài đáp lời tôi.

90 – “Nhà vua tưởng rằng có thể đến đây, học các bí mật của chúng tôi, rồi sau đó dùng chúng vào các mục đích riêng của vua. Quả thật không thể làm thế đâu, nhưng điều đó vua không thể biết được. Tuy nhiên, vì ý tưởng như thế đã xâm nhập vào trí vua rồi, do đó chúng ta cần tìm hiểu xem cái đam mê bề ngoài này đối với chân lý và sự hiểu biết xuất phát từ sự thèm khát quyền lực hay là từ một mình sự sợ mà thôi, hoặc có hay không có động lực sâu xa nào nữa ẩn bên dưới các vẻ bề ngoài này. Do đó ta thử nhà vua bằng cách gọi lại cho vua nhớ lại Shahballazz. Ngay lập tức, vua bị thu hút đến hẳn, đáp ứng với nốt (note) yêu thương mà ký ức gây ra rung động trở lại trong tim vua. Nhưng như thế chưa đủ, vì tình thương của vua có thể là biểu lộ của ham muốn ích kỷ mà thôi, do đó ta làm tràn ngập vua trong một lúc

bằng ngọn lửa trắng của tình thương cao thượng mà trong ngọn lửa này tất cả những gì xấu xa tà vạy sau rốt sẽ bị chuyển hóa. Vì nhà vua không bị tan rã (shattered) bởi nốt trong sáng đang vang lên qua hào quang của nhà vua, vì nhà vua không chùn lại trước ta với nỗi kinh hoàng và phản kháng, thí nghiệm này đã cho ta thấy là bên trong vua, tia lửa tình thương vẫn đang cháy, mặc dầu bề ngoài không thể nhận ra được. Do đó, ta được phép tiết lộ cho vua một vài vấn đề mà trong trường hợp khác phải được giữ lại trong nhiều kiếp sống. Vì nên biết rằng nếu vua không nhận hấn và ta, ta sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc gửi nhà vua trở về và chẳng bao lâu vua sẽ bị các tà lực (evil forces) mà hiện giờ vẫn đang giam nhốt vua áp đảo.”

Tôi đáp :

– “Giờ đây con sẵn sàng tin rằng năng lực huyền thuật mạnh mẽ này mà Ngài gọi là “tình thương” có thể thực sự tạo được các điều huyền diệu và thậm chí có thể chữa trị cho con nữa. Nhưng con vẫn không hiểu được vai trò gì mà người đàn ông này (tức Shahballazz- ND) đóng trong đó, trừ phi để giúp cho con có được cái nhìn sáng suốt (insight) vào các điều huyền bí này. Giờ đây, hơn lúc nào hết, con nhất quyết học hỏi cách nào để đạt được năng lực đó.”

Ngài đáp:

– “Hắn sẽ dạy cho vua, nhưng có lẽ không phải theo cách mà vua nghĩ. Hãy cho ta biết, cuộc đời của vua có trở nên hạnh phúc hơn nếu hắn ở bên cạnh vua ?”

Trong một phút chốc im lặng, tôi cân nhắc các lời của Ngài. Điều thực lạ lùng là tại sao hình ảnh của người này đã chiếm lĩnh trí tưởng tượng của tôi, tại sao nó cho tôi thấy một sự thiếu thốn trong cuộc đời tôi mà từ trước đến giờ tôi không hay biết. Tôi không bao giờ có một người bạn, không

bao giờ yêu thương hoặc tin tưởng bất cứ ai. Có lẽ Re-Shep-Sut là con người thân cận với tôi nhất – các phụ nữ khác chẳng có nghĩa gì, chỉ là sự khao khát bùng lên và sự lãng quên thế thôi – tuy thế tôi không bao giờ tin cậy Re-Shep-Sut. Tôi luôn luôn cô độc, ở thế phòng thủ, giữ cho kẻ khác trung thành bằng sự sợ hãi, bằng bạo lực, do biết quá rõ rằng chúng sẽ bỏ mặc tôi khi tôi yếu thế, hoặc khi chúng nhận thấy rằng ở nơi khác chúng có lợi hơn. Nhiều nỗi lo sợ của tôi đều bắt nguồn từ việc nhận thức này. Nếu có được chỉ một người thôi, người mà tôi tin là vẫn giữ được lòng trung thành khi tôi gặp con đau ngặt nghèo; người mà trong các thời kỳ bất lực ngày càng dâng cao này, có thể che chở cho tôi tránh được các kẻ thù ở ngay chính trong tôi; người mà tôi có thể thổ lộ tất cả nỗi lòng của tôi... tức là người sẽ thương yêu tôi hết lòng. Đúng rồi, đó là cái mà tôi đang cần, tôi thấy được điều đó chỉ bằng một tia chớp – thế là yên tâm (security). Yên tâm ư? Ở đâu cũng có sự mâu thuẫn (conflict) bên trong lẫn bên ngoài, ở đâu cũng có sự bất trắc (uncertainty), bây giờ lẫn sau này. Tôi muốn một điều gì đó hoặc một ai đó bền vững hơn, lâu dài hơn, vĩ đại hơn chính tôi. Sự yên tâm... sự thương yêu... có phải đây là câu trả lời cho vấn đề của tôi hay không? Phải chăng hai cái này đồng nghĩa nhau?

Tôi ngược đầu lên. Đối với tôi, muốn một điều gì bao giờ cũng có nghĩa là lập tức theo đuổi để đạt được điều đó. Tôi lên tiếng:

– “Đúng rồi, con cần người này như là một bạn đồng minh (ally). Con phải tìm ra hắn.”

– “Cái gì cũng có thể được tìm thấy nếu biết tìm đúng cách.” Ngài lặng lẽ nhận xét.

Đang bước nhanh, tôi liền dừng lại:

– “Thế nào là đúng cách?”

Ngài vẫn im lặng. Tôi chau mày :

– “Ngài không nói ra sao ? Ngài có biết hắn ở đâu không? Xin chỉ cho con cách gặp hắn !”

– “Ta đã bảo với vua rồi: con đường đó là con đường tình thương.”

Tôi để lộ cử chỉ nóng nảy :

– “Nhưng cái mà con cảm thấy là tình thương, nó sẽ là cái gì khác nữa đây ? Con cần hắn; con cảm thấy rằng con không thể sống mà không có hắn. Nếu Ngài không nói cho con biết hắn ở đâu, con sẽ hủy diệt thế giới để tìm hắn.”

Ngài lặp lại và cười một cách cay đắng :

92 – “Tình thương ư ? Con ơi, con chưa biết tình thương thật sự là gì, nhưng tình thương của con là loại tình thương tốt đẹp nhất mà con có thể nghĩ ra, do đó không đáng lên án hoàn toàn.” Ngài lắc đầu. “Này Pharaoh, lòng kiêu hãnh và tự phụ của con khiến cho con thành kẻ mù quáng, tự phụ biết bao! Nếu không phải vì trình độ phát triển nơi con mà ta có thể thấy và có thể biết nơi cái tia sáng yếu ớt của điểm linh quang nhỏ bé mà ta đã nói đó là mầm hy vọng cho tương lai con, thì có lẽ ta đã trả con trở về rồi.”

Vì tôi nhìn chăm chăm vào Ngài một cách giận dữ và có vẻ khó hiểu, Ngài chỉ vào chiếc băng bên cạnh :

– “Đến đây, ta sẽ cố gắng soi tỏ chỗ tối tăm trong cách hiểu của con bằng cách chỉ cho con thấy tình thương nghĩa là gì và hố ngăn cách nào đang nằm giữa con với kết quả đạt được của nó.”

Tôi bước lại, có cảm tưởng giống như một đứa trẻ bị trách mắng. Sự chán nản đã đi theo sau sự phấn khởi của vài phút trước. Tôi bắt đầu cảm thấy lại các cơn đau mãnh liệt cũ xuyên qua đầu, điểm báo trước một cơn đau dữ dội, nhưng lần đầu tiên tôi không hãi sợ. Ở đây, tôi biết không có một kẻ

thù nào dám lợi dụng sự yếu đuối của tôi cả. Tôi tựa đầu vào tường và khép mắt lại. Từ từ cơn đau nhẹ dần và chẳng mấy chốc tôi được bao bọc trong sự an bình mà trước đây tôi chưa bao giờ trải qua.

Ngài bắt đầu nói :

– “Suốt các kiếp sống đã qua, con có cái đam mê về quyền lực; bị mù quáng do lòng tự phụ quá mức. Con đã dồn hết nỗ lực vào việc tóm thu về cho mình (self-aggrandizement) bằng mọi giá và với bất cứ giá nào. Như con thấy, muốn đạt được các mục đích này, con liên kết với các ma lực (demoniac powers) trong thời Atlantis, bản chất các lực ma quái này là chia rẽ, do đó cốt yếu là thù địch với con người. Kẻ nào vẫn cứ kiên trì sử dụng các năng lực có tính cách hủy diệt như thế là – phải chi y biết được điều đó – từ từ tiêu diệt dòng Sinh lực vũ trụ bên trong chính mình, thay vì bốn phận đích thực của y là làm cho chính mình ngày càng mở ra với dòng sinh lực đó ở các mức độ ngày càng cao. Do đó, với mỗi lần luân hồi, sinh lực của y cũng như khả năng đáp ứng với các rung động cao của y cũng kém đi, thường thường sức mạnh của y trở nên yếu đi, còn khả năng phát triển trí tuệ và đáp ứng về mặt tình cảm trở thành xa xăm.

93 Chỉ có kẻ mù – vì những người như thế, tất nhiên do hoang tưởng và các hy vọng hão huyền mà các tiếp xúc này tạo ra – mới không nhận thấy điều đó, nếu cứ tiếp tục theo con đường bàng môn tả đạo này, thì sau rốt, y sẽ vương vào đau khổ và bị thoái hóa (degradation) hết kiếp này đến kiếp khác trong không biết bao nhiêu là kỷ nguyên (untold ages).”

Tôi ngời dậy với một hơi thở gấp hít vào.

Nhìn tôi, Ngài nói :

– “Phải, nỗi sợ hãi đã ám ảnh con suốt đời là một ký ức. Điều may cho con là ký ức này vốn nằm trong số kết quả của

giáo huấn của con trong buổi đầu ở Đền Thái Dương, đã tồn tại mặc cho con cố gắng nghiền nát nó. May cho con – nếu không con có thể không bao giờ có được kinh nghiệm, thậm chí một ước muốn yếu ớt để thoát ra khỏi tình trạng nô lệ cho sự mù quáng do con tự gây ra, có thể con cũng không hay biết được cái nguy hiểm của con nữa. Vì nếu không có cái mầm chân lý này do những người thương yêu con gieo xuống, ta cho con biết rằng, trong kiếp sống này con sẽ không cảm thấy sự lay động của cái ý thức về mối nguy hiểm nội tại đó và sự bồn chồn lo lắng (unease) đó vốn là tiếng thì thầm yếu ớt đầu tiên của tiếng nói bên trong của linh hồn con và nó mang lại cho con sự an tĩnh, bất chấp mọi việc mà con đã làm, sau rốt là một hy vọng để đạt tới đỉnh cao nơi mà cội nguồn đích thực của sức mạnh có thể được thấu triệt, tức là mãnh lực sáng tạo, hợp nhất của tình thương. Con luôn luôn coi thường tình thương, tuy nhiên trong một kiếp sống nó đã cứu được con, đưa con trở lại, cách xa khỏi miệng hố đấy.

Ngài dừng lại lâu đến nỗi cuối cùng tôi buộc phải lên tiếng :

– “Làm thế nào nó cứu được con ?” Tôi hỏi “Kỷ niệm này ra sao ? Chuyện gì đã xảy ra trong các kiếp sống giữa lúc đó với bây giờ ?”

Ngài đáp :

– “Ta có thể chỉ lại cho con, nhưng có lợi gì cho con khi thấy lại các kiếp sống hư hỏng và bị lãng phí này ? Đó là các kiếp sống nô lệ và đê tiện, những kiếp sống mà do bị ám ảnh bởi việc tôn sùng chính con (worship of yourself) và bị mù quáng bởi sự cao ngạo đối với tình trạng đích thực của con, con chìm xuống ngày càng thấp cho đến khi, đầu thai vào các hình hài luôn luôn thấp kém và dã man hơn, cuối cùng con trở nên không hơn gì một hiện thân thiếu trí khôn (mindless

personification) của tất cả các thềm muốn xấu xa và mang tính chất huỷ diệt mà con đã tạo ra vào thời Atlantis.

94 “Do bởi một vài dây liên kết mà con chưa hiểu được, có nhiều người được ràng buộc với con và vẫn yêu thương con, nhìn thấy con trượt vào hố thẳm nhưng chịu bất lực không giúp được con, vì không có gì nơi con có thể đáp ứng với các rung động của tình thương và chân lý mà họ tuôn đổ vào con. Nhưng không một ai bị bỏ rơi mãi cho đến khi mọi hy vọng mất hết, nên cuối cùng, Shahballazz, người mà con đã có lần yêu thương thực sự trong một quá khứ còn xa hơn là kiếp sống ở Atlantis này, được phép thực hiện sự hy sinh cao cả và tự nguyện chịu sinh ra trong một thân xác thô trực đến nỗi Shahballazz có thể tiếp xúc được với con dựa trên chính trình độ của con. Thế rồi Shahballazz đi vào chốn bùn lầy với con và từ từ qua suốt một lần luân hồi dài và mệt mỏi, từ cái lớp vỏ (shell, thân xác) của người bị ruồng bỏ khốn khổ mà y đã chọn, y triển miên phóng rọi vào con một dòng suối bác ái, như vậy là y đang tìm cách chọc thủng lớp vỏ vật chất trọng trực đó (lớp vỏ này đã bao bọc con) để cho ánh sáng có thể tuôn vào. Khi người ta thối vào đồng lửa sắp tắt, thì cuối cùng làm cho ngọn lửa bùng lên, cũng thế hắn đã cố thối vào hòn than mà tất cả những ai không nhìn bằng con mắt của tình thương sẽ gọi là đã lụi tàn. Và hắn đã thành công, vì trong kiếp sống đó, nhờ vâng theo một bản năng hầu như mù quáng, mà con đã hy sinh sự sống của con cho sự sống của hắn và nếu con biết truy ra thì đó chính là cho sự sống của con. Vì hành động độc đáo đó mà khi con từ trần, thay vì chìm lập tức vào cảnh giới thấp nhất như số phận con được định trước để lưu trú tại đó giữa những hình thù góm ghềnh mà chính con đã tạo ra bằng tư tưởng của con, con lại được nâng lên cảnh giới cao hơn. Con trở lại cõi trần với một ít ký

95 ỨC về một trạng thái tinh anh hơn. Ký ức này thường hiện ra (haunted) với con ngay cả trong thân xác của một người nô lệ da đen bán khai. Cuộc tranh đấu hướng thượng đã bắt đầu. Hết lần này đến lần khác con được tái sinh để tìm kiếm sự hiểu biết mới cho đến khi sau cùng con đạt đến một trình độ (stage) mà một lần nữa con có thể được dành cho một phạm vi trách nhiệm nào đó. Các quyền lực từ trước đến giờ bị cắt đứt, nhờ đó được giao lại cho con để thử thách con và xem coi con đã học hỏi được bao nhiêu. Thế là con tái luân hồi vào dòng dõi Pharaoh, nhưng qua một bà mẹ sao cho bà mẹ này truyền lại cho con tính chất hùng liệt (fierce) và kém lòng trắc 95 ẫn (ruthless), hai tính chất này vẫn là một phần của bản chất con, vì con người luôn luôn là những gì mình tự tạo cho mình.

“Nhưng có một nguy cơ lớn ở đây, vì Thiên Luật ấn định rằng khi người nào có cơ hội sử dụng các quyền năng cũ xưa, thì đồng thời bất cứ lực báo phục nào (forces of retribution) có liên quan với quyền năng đó từ quá khứ cũng được phóng thích theo. Do đó tất cả các năng lượng hủy diệt mà con đã cố tình gắn chặt vào chính con (trong thời Atlantis- ND) đã thừa cơ hội này để tác oai tác quái (for power). Đây là các kẻ thù đang tấn công con ngày nay và chúng đang đi gần đến chỗ phá hủy thể xác và trí não con. Đây là những cái sẽ đứng giữa con với tất cả các ước muốn của linh hồn con như là tình thương, hạnh phúc, sự yên tâm (security), bất cứ hy vọng nào về sự tiến bộ, về năng lực trở thành hữu dụng trong cõi đời, cho đến khi con kiểm soát và thanh toán (redeem) được chúng, vì chỉ khi nào một người có thể chế ngự được chính mình và các đam mê của mình thì y mới thích hợp để làm bất cứ điều gì ngoài việc là một người phụng sự (servant)”.

Khi Ngài dứt lời, tôi ngồi bất động hồi lâu, tay bóp trán, tìm cách thoát ra hố sâu đen tối mà các tiết lộ của Ngài đã thấy tôi vào đó. Giờ đây tôi mới hiểu ra các nỗi sợ hãi mà từ trước đến giờ tôi không thể lý giải được, nhưng hiểu biết đó chỉ làm tăng các nỗi sợ lên gấp trăm lần. Hơn bao giờ hết, tôi cần sự an ủi (an ủi) và sức mạnh mà Shahballazz đã trở thành biểu tượng cho hai thứ đó..

Đức Thầy (Ruler) hẳn đã đọc được tư tưởng tôi, Ngài nói:

– “Con cần biết ngay rằng Shahballazz không có ở đây, và nếu hắn có ở đây đi nữa, bất cứ sự gặp gỡ nào giữa hai người cũng không thể xảy ra được, khi mà các rung động của con vẫn còn thô và trọng trực như hiện nay. Các rung động đó chỉ làm tổn hại cho hắn và làm ngăn trở công việc riêng của hắn mà thôi. Sự hy sinh mà hắn dành cho con chỉ được cho phép xảy ra một lần thôi. Bây giờ chính con phải đạt đến hắn bằng cách thanh luyện chính con cho đến khi con trở nên thích hợp để đứng trở lại bên cạnh hắn. Ngày đó chỉ có thể đến khi con đã đánh bại được kẻ thù trong chính con. Chúng rất thực, rất mạnh. Có lẽ con quá yếu đuối không thể cố gắng hoàn thành bất cứ sự chinh phục nào như thế trong kiếp sống này – chúng có thể đánh bại (overthrow) con.”

96 Các lời lẽ của Ngài chạm vào lòng kiêu hãnh của tôi, lập tức toàn thể con người tôi nổi lên phản kháng. Sao! Chúng dám cản đường tôi ư, hỡi các tà lực kia, hỡi những kẻ thù vô hình kia ? Chúng muốn chia cách tôi với con người quý mến của tôi – chúng đuổi theo tôi tới chết, làm cho tôi cô độc, điên cuồng sao ?... Và ngay cả bên kia kiếp sống này, không cho tôi có hạnh phúc, quyền lực, tình thương nữa sao? Bao nhiêu hình ảnh diễn ra trước mắt tôi. Tôi thấy chúng hiển hiện, với các gương mặt chế giễu; chúng khoác lấy hình dáng của tất cả những người mà tôi thù ghét và khinh khi. Và điều tất nhiên

phải xảy ra trước cái viễn tượng của cuộc chiến hoặc khi ý muốn của tôi bị ngăn cản bằng bất cứ cách nào, tôi cảm thấy nổi lên trong tôi loại thị dục mãnh liệt chứa đầy năng lực phá hoại vốn đã cuốn và thôi thúc tôi suốt trọn kiếp sống, cơn giận mãnh liệt (red anger) chính nó phá tan mọi rào cản, nghiền nát mọi sự đối kháng. Đầu tôi bắt đầu ù lên, tim nghẹn lại, sức mạnh dồn lên cho đến khi tay chân tôi dường như phồng to lên dường như sức mạnh của người mười kích hoạt thân thể tôi. Nhưng giờ đây cơn cuồng nộ này không hướng ra ngoài, mà quay vào trong chống lại chính tôi, chống lại sự yếu đuối của chính tôi, chống lại các Sức Mạnh huyền bí đã dám xâm chiếm trí não tôi, thân xác tôi. Tôi có phải là ông chủ, Chúa Tể của cơn người tôi hay không ? Tôi bật đứng lên, linh tính (forebodings) và các nỗi sợ đã tan biến trước động cơ hành động này. Đây là một thế giới mới cần chinh phục, đây là một đối thủ to lớn hơn và mạnh mẽ hơn là các bộ tộc thường hay xung đột với Ai Cập, hoặc là ngay cả chính thần Set.

Tôi hét to :

– “Con sẽ đánh bại chúng, chỉ cần Ngài dạy con cách hành động như thế nào, cách nào để con có thể phá tan các bức rào ngăn cách con với các mong muốn của con.”

– “Ta chỉ có thể hướng dẫn con tự chuẩn bị như thế nào cho cuộc chiến mà thôi,” Ngài đáp, “không ai có thể chiến đấu với chúng trừ ra chính con. Tuy nhiên, trước khi làm như thế, ta muốn con xem xét những việc gì mà con sắp đảm trách, bình tĩnh, sáng suốt dưới ánh sáng của lý trí, với sự hiểu biết đầy đủ, chớ không phải với thị dục mù quáng.”

Tôi tính nói, nhưng Ngài đưa tay chặn lại và nghiêng tới trước, tiếp tục nói với một cách gây ấn tượng mạnh mẽ đến

nổi tôi cảm thấy sự sôi nổi trong tôi từ từ xẹp xuống giống như ngọn lửa lụi đi vì nước.

Ngài nói :

97 – “Có hai con đường để con người đi đến mục tiêu. Con đường chậm chạp mà đa số con người đang dần bước trên đó thì tương đối dễ đi và an toàn. Con đường này chiếm đến hàng trăm kiếp sống, nhưng cũng cần có các cuộc nghỉ dài trong các cõi giới trung gian vì nó cần có một sự mở rộng rất từ từ qua sự thay đổi chậm chạp chất liệu tinh anh của các thể. Có một mức độ hạnh phúc tốt lành, vì việc thanh toán (nghiệp quả - ND) được đòi hỏi một cách từ từ, nhưng cũng có một số lớn đau khổ không cần thiết vì sự vô minh kéo dài, tất nhiên nó cũng sẽ mang lại sai lầm và đau khổ.

Còn con đường thứ hai, tức con đường phải luôn luôn được chọn một cách có cân nhắc, với đôi mắt mở rộng và bằng sự tác động của ý chí, thì lại khác hẳn. Trên con đường dốc này, con người cố gắng thôi thúc các diễn trình tiến hóa bình thường. Hẳn không được phép la cà, phiếm du (idle lingering), nợ nần của hẳn dồn thúc vào hẳn ở mọi góc đường (turn), các kiếp sống của hẳn tràn ngập với kinh nghiệm đáng cay để cho hẳn có thể học hỏi kinh nghiệm một cách mau chóng hơn. Đã thế, hết kiếp này đến kiếp khác, hẳn tự gọi đến với mình bất cứ sức mạnh hành khí nào (elemental forces) mà hẳn đã tạo ra bằng pháp thuật (magic) trong quá khứ, hẳn bị buộc phải chiến đấu liên tục với chúng cho đến khi chúng bị chinh phục. Hẳn hiểu biết về chính mình nhiều hơn bao kẻ khác, bén nhạy hơn với cái tà (evil) cũng như cái chính (good). Cũng thế, một khi đã đặt chân lên con đường thứ hai này rồi, một sự sa ngã (fall), nếu quả có sa ngã, sẽ có các hậu quả khủng khiếp hơn.”

Tôi nói với vẻ coi thường :

– “Con sẽ theo con đường đó, con nhất quyết không để cho các tà lực này chặn đường hết kiếp này đến kiếp khác. Con sẽ sớm đối phó với chúng, hiện giờ ý con đã quyết tiêu diệt chúng.”

Ngài liếc nhìn tôi, nửa thú vị, nửa thương hại, nhưng tôi đang phấn khởi bởi ý tưởng về mọi cái phi thường (marvels) và các kỳ công (feats) của sức mạnh mà tôi sắp đạt được và năng lực nhờ đó mà có được, tôi cũng bị kích động bởi ý thức về cái nguy hiểm và mạo hiểm, đến nỗi tôi khó mà chú ý đến vẻ mặt của Ngài lúc đó.

Tôi nói thêm :

– “Để con bắt đầu ngay hôm nay. Con cần phải làm gì?”

– “Điều cốt yếu nhất đó là con nên thấy được các kẻ thù của con tận mặt, vì không ai có thể chiến đấu với cái không biết.”

Tôi nở một nụ cười cương quyết :

– “Xin chỉ cho con thấy được chúng, con không hề sợ.”

Ngài nói :

98 – “Này con, đừng quên rằng đây là những kẻ thù nằm bên trong – Chúng là chính con đấy, con đã biến chúng thành một với con rồi. Con không có ý niệm nào về cái uy lực khủng khiếp của các sức mạnh mà tính tự phụ và lòng ích kỷ tạo ra, đặc biệt là khi xuyên qua hắc thuật (black magic), các sức mạnh hành khí (the elemental energies) của thiên nhiên đã cố tình được mời gọi (invoked) để làm mạnh thêm hai tính tự phụ và ích kỷ này. Nếu ta để cho con thấy được chúng vào lúc con chưa được chuẩn bị như hiện nay, con sẽ bị hủy diệt tức khắc.”

Tôi bối rối hỏi :

– “Vậy con phải làm gì bây giờ ?”

– “Nếu con đồng ý chịu đựng một vài nghi thức thanh luyện (purificatory rites) và hối lỗi (penances) có lẽ sẽ kéo dài khoảng chín tháng, thì bây giờ có thể tiến hành công việc như thế được. Nhưng ta cảnh cáo con rằng các cách luyện tập này tự chúng cũng là một thử thách (ordeal) mà ít người không theo giới luật và dễ dao động (unstable) như chính con khó có thể hy vọng trải qua một cách thành công.

– “Còn nếu con khước từ thì như thế nào?”

– “Lúc đó con phải quay lại cõi đời ngay tức thì. Con đã được trang bị bằng kiến thức mà con đã hoạch đắc ở đây, rồi con tìm cách cai quản phần còn lại của đời con cho phù hợp với hiểu biết đó.”

– “Vẫn còn không biết rõ về bản chất của các lực lượng (powers) đang tấn công con thì làm sao con chiến đấu với chúng ?” Tôi lắc đầu. “Không, không; con đã đi quá xa, con biết quá nhiều – Con phải biết tất cả – và chiến thắng.”

– “Có thể con không thắng được đâu. Ta không hứa rằng con sẽ thắng; ta chỉ hứa con sẽ biết nhiều hơn về kẻ thù và có lẽ có vũ khí đầy đủ hơn để chiến đấu, thế thôi.”

Tôi nhún vai :

– “Nếu trong bất cứ trường hợp nào con cũng phải chết, thì xin hãy để con chết khi đối mặt với kẻ thù” – Tôi mỉm cười – “nhưng con sẽ không chết đâu.”

– “Việc lựa chọn thuộc về phần con”, Ngài nói một cách hơi nghiêm khắc. “Nhưng có một điều con đã bỏ sót. Ta nói rằng cần có chín tháng; trong thời gian đó con sẽ không có bất cứ tiếp xúc nào với thế giới bên ngoài. Tuy thế con có các bốn phạm nhất định ở đó. Con là Pharaoh; con còn ngai vàng và xú Ai Cập.”

– “Ồ, Ai Cập...con gạt bỏ nó sang một bên. Con làm được gì để chăm lo cho Ai Cập ? Nó có thể chờ con trở về. Dù sao

- 99 chẳng nữa, cuộc đời làm vua đó đem lại được gì cho con? Đã từ lâu con mệt mỏi vì nó rồi. Thực ra con tìm được đôi chút thỏa mãn nơi đó, trừ ra cái thú vui chinh phục ban đầu.”

Ngài thở dài. Lúc đó tôi chẳng rõ vì sao.

– “Thôi cũng được, nếu đó là quyết định của con. Tuy nhiên thuộc hạ của con có thể phản lại con, còn Ai Cập bị xâm xé vì xung đột; dân chúng có thể chịu lầm than – nhiều người có thể bị huỷ diệt.”

Tôi nói một cách thô lỗ :

– “Để họ chịu khổ còn hơn con chịu khổ. Linh hồn con không quan trọng hơn Ai Cập sao? Nếu con có thể lấy lại sức khỏe, có năng lực như xưa, thì chẳng mấy chốc con có thể đem lại trật tự, chấm dứt cảnh hỗn loạn mà sự vắng mặt của con có thể gây ra. Con đã sắp đặt mọi kế hoạch trước khi con tới đây, sẽ có rắc rối cho đám thuộc hạ của con nếu con biết được chúng bất tuân lệnh con! Con sợ chính sự yếu đuối của con, chứ không sợ sức mạnh của kẻ thù.”

Ngài nói một cách lấp lửng (non-committally):

– “Thế thì ngày mai con sẽ bắt đầu luyện tập.”

Trong chín tháng trời, tôi ở lại Thạch Động (Temple of the Rocks). Suốt thời gian này, tôi ở trong các hang động ngầm tối đen dưới đất để học tập các Bí Pháp (Mysteries). Đức Thầy Bí Mật đã nói thật khi Ngài cảnh cáo tôi về những chuyện sắp xảy đến. Tôi là kẻ chưa bao giờ biết đến giới luật hay tự chế nên lắm khi sắp sửa đầu hàng, nhưng tính kiêu hãnh cứng cỏi giúp cho tôi giữ được lời hứa khi trước. Chẳng bao lâu tôi phát hiện ra rằng bất cứ khi nào tôi do dự hoặc phản kháng, thì các ngập ngừng của tôi lại được làm cho mạnh thêm bởi sự tấn công ngầm ngấm của các kẻ thù bí mật của tôi, chúng đang tìm cách làm suy yếu quyết tâm của tôi. Thường khi chúng nắm lấy thể xác tôi, làm cho thể xác nổi lên con điên.

Tuy nhiên, ngay trong cơn điên loạn này, vốn thường làm cho nhiều người rơi vào tình trạng quên lãng, tôi vẫn là một người quan sát (spectator) có ý thức và bị khổ sở vì kinh khủng, vì lẽ không bao giờ tôi hoàn toàn bị đẩy ra khỏi xác thân như thuở xưa, mà luôn luôn có đủ tỉnh táo để vật lộn và thường để tuyệt vọng.

100 Cuối cùng, chính Đức Thầy đã dạy tôi đủ mọi điều, trong lúc này, tôi đã phát triển được một tình cảm mà chắc chắn là có đôi lúc tiến gần đến tình thương, tôi rất thần phục sự minh triết, sự kiên nhẫn và uy lực của Ngài, vào một lần Ngài gọi tôi đến Động Linh Quang (Cave of Sacred Light), nơi đặt quả cầu pha lê vĩ đại. Ngài nói :

– “Thời kỳ dự bị đã chấm dứt, con đã hoàn thành mỹ mãn mọi việc với hết khả năng của con ở nơi đây. Giờ đây con phải trở về với thế giới của con. Nhưng trước khi quay về, nếu muốn, con có thể thấy được kẻ thù của con, những kẻ đang giữ con trong vòng nô lệ, mặt đối mặt. Nhưng ta cảnh cáo con một lần nữa, con có thể vẫn không thoát khỏi nó.”

Tôi chậm rãi hỏi ;

– “Trong bất luận trường hợp nào con cũng phải trở về phải không?”

Ngài cúi đầu xuống thấp.

– “Và cho đến khi con thấy được sự thật về chính con, không có cơ may nào để đạt đến mục đích của con phải không?”

– “Không đâu, sau cùng mọi người đều phải thấy Tổng quả báo (Dweller on the Threshold) đang ngăn chặn trên con đường của mình. Trong kỷ nguyên này, nhân loại chưa được chuẩn bị đầy đủ để được đưa đến tình trạng diện đối diện với cái ngã đích thực (true self) của mình, tức hình ảnh (image) của quá khứ của họ. Điều đó sẽ chỉ có thể xảy ra cho

nhiều người hơn trong một kỷ nguyên còn xa với hiện tại đến nhiều ngàn năm. Từ giờ cho đến lúc đó, con người sẽ chống chọi với tà tính (evil nature) của mình hầu như một cách mò mẫm, tức là đi theo con đường chậm chạp. Con có thể chọn đi theo con đường này, con chưa cam kết đi vào con đường kia. Nhưng nếu con muốn thấy trước phương pháp luyện tập của tương lai, ta cảnh cáo con như ta đã làm lúc trước, đó là việc này chỉ có thể làm được với một cố gắng phi thường và với một giá đắt. Một số người đang làm như thế, còn con, con cần nghiên cứu kỹ trước khi con thách đố Thiên Luật.”

– “Con phải biết sự thật,” tôi đáp.

Về mặt Ngài trở nên rất đổi dịu dàng :

– “Được rồi, hỡi con. Ý muốn của con sẽ không bị khước từ. Bây giờ con hãy về phòng và nghỉ ngơi trước cuộc thử lửa (ordeal).”

Tôi không biết đã ngủ được bao lâu, nhưng chợt tỉnh lại dường như bị đưa trở lại bằng một cú chạm mạnh. Người tôi lạnh như băng và vô cùng sợ hãi khi thấy mình không thể cử động tay chân, mà cũng không thể nhắm mắt được vì mắt cứ dán chặt vào bóng tối trước mặt, bóng tối này có một tính chất kỳ lạ vì nó đục mờ (translucence) dường như đó là một cái gương lớn. Tôi vùng vẫy để thoát ra khỏi sự kẹp chặt dường như hôn mê đang giữ lấy tôi, và khi tôi nằm yên nơi đó như bất lực thì một nỗi khủng khiếp không thể kềm chế được chụp xuống tôi, vì bị dội lại trong bóng tối sâu thẳm này, tôi chợt nhận ra một hình thù (shape) từ từ hình thành. Nó vượt lên trên tôi, cao đến nỗi đụng đến trần nhà. Đầu tiên nó chỉ là một vết mờ (blur) được soi bằng một thứ ánh sáng yếu ớt, hơi đỏ, nhưng chẳng bao lâu nó bắt đầu tỏa sáng ở ngoại biên (edges) với một loại ánh sáng như lân tinh (lân quang) và tôi nhận ra trong đó nét tương tự như mặt người.

Cùng lúc đó tôi cảm nhận được một mùi hôi khủng khiếp hầu như làm tôi nghẹt thở, và mùi hôi đó tăng lên cùng với sự xuất hiện của gương mặt, từ đó tuôn ra giống như một luồng hơi thổi rửa. Các đường nét trở nên rõ hơn và thành hình tôi nhận ra cái gương mặt đang nhìn vào tôi này với đôi mắt bất động lại là chính tôi. Chính tôi, nhưng không phải của tôi (my own. yet not mine), vì đây là một cái mặt nạ (mask) ghê tởm đến nỗi nó làm cho tôi xây xẩm và buồn nôn, còn từ mắt, mũi và đôi môi nứt nẻ, nhả ra một dòng nhầy nhựa chất thổi rửa góm ghêi vượt ngoài sự tưởng tượng. Kể đó, tôi thấy nó không có thân mà chỉ là một khối đen không có giới hạn, dường như di chuyển lui tới qua lại vào các khoảng không khó dò. Hơn nữa dường như nó bị mù, điếc và câm. Chẳng bao lâu tôi hiểu ra rằng nó được kích động (animated) chỉ từ một trung tâm, chỗ thấp nhất, tâm này xoáy mạnh trong một vòng tròn úp ngược, lấy nhầy, tuy nhiên mạnh đến nỗi toàn bộ cái bóng giả tạo (simulacrum) đó được điều khiển bằng sức mạnh của nó. Mỗi phút trôi qua Hình Thù đó trở nên trong hơn. Giờ đây tôi nhận thức rằng từ mỗi cấu tử của nó, có các sợi cực nhỏ (minute filaments), có một chất gì đó giống như máu nổi bập bênh và nổi lên hình thù đó với tôi. Tôi không thể trốn sự thật được nữa. Hơi thở của chính tôi chảy suốt qua cái trung tâm sự sống trương phồng lên đó. Mùi hôi thổi ghê tởm đang bao lấy tôi chính là cái phân thân (emanation) mà bởi đó nó và tôi hiện tồn; tiếng vo vo buồn tẻ (dull humming) vốn gây khổ sở cho đôi tai tôi từ lúc tôi tỉnh táo chính là âm điệu (note) của nó – và luôn cả của tôi. Nó là chính tôi, thành phần của chính con người tôi. Không phải tất cả chỉ có thế, vì khi tôi nằm và bị tê cứng ở đó, tôi đột nhiên biết được rằng gian phòng tràn đầy các hình thù nhỏ hơn, sở dĩ chúng được gọi là các hình thù, vì nhiều loại

không có hình dạng rõ rệt (formless), mà chỉ là các giọt máu được làm linh hoạt bằng một sự sống có nhịp đập chậm; có các thứ biết bò (crawling things) bốc ra mùi hôi của các ao tù nước đọng; có các dòng chảy nghèo nàn mang ánh sáng xám với những con mắt đầy ác cảm; có các huyết tinh linh (blood-elementals, tinh-hoa-chất của huyết) với vẻ bề ngoài có hình người (assemblance of human form); một con cua lớn nhọt nhọt, giương càng ra kẹp lấy tôi, tôi lo sợ biết chắc rằng trong một kiếp sống nào đó tôi phải tiếp nhận lấy nó. Có những hình hài khác (forms) có lẽ kinh khiếp nhất, vì chúng là các hình thể (shapes) của đàn ông, đàn bà và các loài thú mà tôi đã dùng pháp thuật để giết hại và buộc các thể tinh anh của chúng làm nô lệ cho tôi. Các hình thể này dường như gào to với tôi để đòi lại cho chúng hình hài vật chất, để cung cấp cho chúng chỗ tập trung kinh nghiệm mà tôi đã tước đi một cách thô bạo. Tôi cũng bị cột chặt vào chúng, cũng như vào Hình Thù kinh khiếp đó. Cuối cùng tôi mới tri ra những gì mà Đức Thầy Bí Mật (Secret Ruler) đã ám chỉ khi Ngài bảo tôi hãy ngưng lại trước khi cam kết bước lên Con Đường Quy Nguyên. Vì các sinh linh này đứng chắn đường tôi, ngăn chặn cái cổng đầu tiên của tôi. Tôi biết rằng tôi phải thừa nhận, chấp nhận và chuẩn bị để thanh toán các món nợ của tôi đối với những Kẻ Chận Ngõ (Dwellers of the Threshold) này trước khi tôi có thể hy vọng đi xa trên con đường của tôi.

Và khi ý tưởng này xuất hiện trong trí tôi, thì cái Hình Thù to lớn (great Shape) bắt đầu lay chuyển, và, giống như một đám mây phồng lên, nó giáng xuống tôi.

Tôi hoàn toàn bị nỗi kinh hoàng xâm chiếm. Đó không phải là cái sợ của một người đang lâm vào trận chiến hay ngay cả cái sợ đối với bệnh tật, đau khổ, chết chóc, mà là một nỗi sợ bao la và chứa đựng tất cả (all-encompassing) đến nỗi

không thể tả được. Tôi gào thét lên, nhưng tiếng gào thét không ra được khỏi cổ. Tôi vùng vẫy, nhưng chỉ vô ích. Nó tới gần hơn, ở phía trên tôi, giờ đây nó hạ xuống, tôi cảm thấy một hơi ấm ghê tởm bò lên tay chân bị rét công của tôi. Mặt của nó nhìn thẳng vào mặt tôi, đôi mắt bất động trở nên to hơn, gần hơn; tiếng kêu rền (humming) làm điếc tai tôi, mùi hôi áp đảo lấy tôi. Tôi biết điều gì sắp xảy ra, nhưng chịu bất lực không ngăn chặn được. Cái Hình Thủ đó quay về nơi xuất phát – nó lại trở thành tôi. Tôi nghĩ là tôi đã ngắt xiu; khi tỉnh lại, tứ chi tôi không còn bị tê cứng vì lạnh nữa – tôi sinh động trở lại – nhưng bằng cái gì? Tôi nằm ngửa, kiệt sức. Tuy nhiên nỗi kinh sợ đến mức cuồng trí thúc tôi chạy trốn. Nhưng làm sao có thể trốn thoát cái vốn là chính tôi ? Nếu tôi có bay tới cùng trời cuối đất (outermost bounds of earth), bay tới tinh cầu xa tít, nó cũng sẽ đi theo cùng tôi. Giờ chỉ còn vô thức (unconsciousness), quên lửng (oblivion), tịch diệt (annihilation) mới giúp tôi thoát được mà thôi; chìm vào tăm tối, không còn được ai biết, không còn biết gì nữa...

Với một cố gắng tột cùng, tôi đứng dậy ra khỏi giường, đi đến chỗ đặt quần áo của tôi. Tôi cầm con dao găm lên. Xoa đi ký ức, đó là hy vọng mù quáng duy nhất của tôi, vì để nhớ lại, ngay cả chỉ một giây thôi những gì tôi đã biết, tôi sẽ đi đến chỗ mất trí.

Bấy giờ, ngay khi tôi đặt lưỡi dao vào cổ tôi, thì một bàn tay đặt lên tay tôi và tôi thấy Đức Thầy Bí Mật đứng ngay bên cạnh tôi. Mọi kiêu hãnh bay đi hết lúc đó, tôi sụp xuống chân Ngài, nắm lấy áo Ngài với một cử chỉ van xin thiết tha.

– “Hãy để con chết”, tôi hồn hển, “để cho con quên hết ! Thật quá sức chịu đựng của con.”

– “Con muốn biết, muốn thấy kia mà”, Ngài nhắc tôi.

– “Con là một thằng điên, một thằng mù, một tên điên khoác lác; để cho con thoát, để cho con chết. Con không có thứ vũ khí nào để có thể chiến đấu trong cuộc chiến này cả. Con, con...Nếu con là cái đó thì tốt hơn hết con phải hứng chịu số mệnh của chính con. Hãy để cho con bị đập tắt, hãy để cho con bị hủy diệt.”

Ngài đặt những ngón tay đầy thương xót lên trên cái đầu gục xuống của tôi.

– “Con đã sớm quên rằng con còn là một đối tượng khác, tức cái huy hoàng mà con đã trải qua khi lần đầu chúng ta nói chuyện với nhau sao?”

Tôi lắc đầu:

– “Con không thể là cả hai được; ánh sáng chiếu rọi đó không phải từ tim con, mà là từ tim Ngài.”

– “Không đâu, con là cả hai đấy; ánh sáng đó là câu trả lời của linh hồn con cho linh hồn ta, vì mọi linh hồn đều chia sẻ cùng một tinh hoa của tình thương. Tối hôm nay, những gì con cảm nhận và thấy được đều là huyền tượng, tuy nhiên các huyền tượng này lại đủ thật trên các cõi thấp, và chỉ khi nào chúng bị hủy diệt, chúng mới không còn giáng xuống nữa. Cái chết sẽ không giúp ích gì cho con đâu, vì cái chết chỉ là một cánh cửa đưa đến một khía cạnh (aspect) khác rộng lớn hơn của sự sống, nơi mà nhiều điều bị che khuất khỏi tầm mắt con người trong lúc còn ở trong hình hài vật chất, sẽ lộ ra. Nếu con tự ý lìa bỏ xác thân, con sẽ làm mất đi trong một thời gian dài, sự giúp đỡ của những người có nhiệm vụ trông coi kẻ mới chết và con chỉ sẽ bị đẩy nhanh vào tâm thức đầy đủ đến lĩnh vực mà các hình hài xấu xa và lệch lạc chế ngự.”

– “Vậy thì làm gì bây giờ?” tôi nói lớn. “Con sẵn sàng chống lại chúng, nhưng làm thế nào được, vì chúng là chính con? Và chúng gắn vào chính con còn nhiều hơn là cái thành

phần kia của con mà Ngài gọi là linh hồn con, nhưng con không thể thấy, cảm nhận hoặc biết được, do đó thật là vô dụng đối với con. Bảo cho một người đang sắp chết khát ở trong ngục sâu rằng có nhiều giếng nước phía bên kia bức tường nhốt y và y có thể tha hồ uống thì có ích gì đâu?" Tôi dựa vào tường, kiệt sức vì xúc cảm. "Con bị trói chặt, con đang bất lực ! Nếu con phải vật lộn với cái vốn là chính con, nếu con phải chịu đau khổ vì các lỗi lầm của con trong vô số kiếp, thì làm như thế có lợi gì cho con đâu ?" Tôi đâm vào ngục. "Con được cái gì nào ? Lạc phúc chăng ? Trong một ngàn năm chịu cực hình và thống khổ ? Có lẽ cũng đáng công tranh đấu lắm, về những gì mà con cảm nhận được khi Ngài vận dụng pháp thuật của Ngài lên người con quả thật là kỳ diệu – mặc dầu việc đó cũng đã phai tàn giống như một cơn mơ – nhưng đó cũng chỉ là một trạng thái trí não mà thôi; những gì con mong muốn ấy là sự vật hữu hình (tangible things)..." Tôi tiếp tục đâm đâm nhìn vào Ngài một cách sâu muộn. Tôi đã bị sụp bẫy rồi. Tôi không thể nghĩ đến điều gì khác nữa. Các kiếp sống đấu tranh, các giai đoạn đau khổ và không có cách nào để kết thúc cả. Sau rốt có được một cách: càng đấu tranh càng thêm đau khổ...Thực ra điều đó đủ đưa người ta đến chỗ điên đầu !

Một cái gì đó lên tiếng : "Hãy ngưng tranh đấu, ngưng thách đố lại Luật; tìm kiếm sự tịch diệt (annihilation), người đã đi quá xa rồi, không phúc lạc nào xứng đáng với cái giá phải trả." Sự tịch diệt... lại một lần nữa lời đó khơi lên biết bao sợ hãi trong trí tôi. Tôi hồi tưởng lại tất cả những gì tôi đã học được trong nhiều tháng qua, và tại sao tôi ở đây. Không, không có lối thoát nào cả. Tôi cười lớn, bàn tay rung rung bóp trán. "...vậy mà con mong đợi Ngài ban cho con tri thức, đặt vào tay con bí quyết đưa tới quyền năng, tới hạnh phúc..."

– “Ta đã truyền cho con tri thức,” Ngài nói. “Ta đã chỉ cho con con đường dẫn đến nơi mà chiếc chìa khoá của quyền năng đích thực đang được cất giấu.”

– “Ngài đã hủy diệt con,” tôi trả lời.

105 Trong phút chốc chỉ có sự yên lặng và trong cái im lặng đó, ký ức về châu Atlantis trở lại với tôi. Tôi đã nói những lời này trước mặt các tu sĩ của Đền Thái Dương, những người đã lên án tôi. Phải, đúng vậy. Bánh xe đã quay đủ vòng. Có phải lúc nào cũng thế không? Có phải con người luôn luôn bị mang trở lại cùng một điểm, cùng một vấn đề cho đến khi nhờ nỗ lực con người mới tự thoát được nó? Cheor đã nghe theo tiếng nói độc hại của các mãnh lực đen tối; hắn đã thách đố với Thiên Luật (Law)...

Thờ thần, tôi nhặt lên lưỡi dao găm, xoay tròn trong tay tôi. Không có lối thoát. Tôi nhìn lên, hỏi :

– “Giờ con nên làm gì ?”

Ngài đặt bàn tay lên cánh tay tôi , và nói :

– “Hỡi con, con không ý thức được rằng cái cũ bao giờ cũng bị hủy diệt, nhường chỗ cho cái mới hay sao ?”

Tôi mỉm cười một cách gượng gạo và lắc đầu :

– “Con không chút phàn nàn. Ngài đã thực sự giữ lời hứa. Con đã rơi vào chính cái bẫy của con. Cho con hỏi, bây giờ con phải làm gì ?”

– “Con phải trở lại ngai vàng của con.”

Tôi nhún vai một cách mệt mỏi :

– “Việc đó đem lại lợi ích gì cho con, vì con đã thất bại trong việc tìm tòi ? Con bị hủy diệt ở đây thì cũng như ở đó mà thôi.”

Vẫn giữ bàn tay Ngài trên cánh tay tôi, Ngài kéo tôi ra phía cửa, và nói :

– “Đi theo ta, có nhiều điều con cần thấy trước khi con ra đi.”

Chúng tôi trở lại đứng trong Động có Quả Cầu Pha Lê. Tôi liếc nhìn quả cầu một cách lo ngại, tự hỏi không biết có các kinh hoàng mới nào mà cái bề mặt huyền bí đó sẽ tiết lộ ra.

Đức Thầy quay sang tôi và nói một cách trang nghiêm :

– “Ta nhận thấy là con chưa hiểu hết tất cả những gì mà con được đến đây để học. Nay Pharaoh, khi nhận chiếc ngai vàng của Ai Cập, con đã long trọng thề sẽ bảo vệ và che chở mảnh đất thiêng của các Thần Minh cao cả. Hãy xem đi !”, rồi Ngài phát tay về phía quả cầu pha lê.

106 Tôi nhìn vào và lạ lùng biết bao, bề mặt quả cầu bị khuấy động. Thoạt tiên, tôi chỉ thấy các đám mây bụi và các con sông máu, kể đó từ từ trong đám xáo trộn đó, tôi thấy nhiều chiến sĩ bộ binh tiến tới, ngã gục dưới những trận mưa tên. Tôi thấy các đền thờ to lớn chìm ngập trong biển lửa. Các gương mặt đi qua trong cơn xáo trộn, đây là những gương mặt quen thuộc với tôi; những viên chỉ huy dưới quyền tôi, đâm máu và tuyệt vọng, các viên tướng và các viên thủ lĩnh của tôi đang tháo chạy trước đám người man rợ. Tôi thấy Ai Cập đang trong cơn tàn phá và mọi công trình của tôi bị phá hủy. Kế đó hình ảnh trở nên rõ ràng hơn, chính xác hơn. Tôi thấy Re-Shep-Sut và biết rằng mọi lời thề mà tôi đã liên kết vào nàng đã tỏ ra không còn hiệu quả gì nữa. Net-Ka đã chết, còn Re-Shep-Sut tìm cách kêu gọi hồn ma (spirit) của em mình và học được từ Net-Ka các bí mật vốn không được phép tiết lộ, nên đã tìm kiếm sự trợ giúp của những nữ phù thủy tà phái, tức những kẻ trú trong Đền của thần Set.

Tôi thấy Re-Shep-Sut ngày càng sa đọa và ở dưới ảnh hưởng của các nữ phù thủy tà phái, không chịu nghe theo lời của Besiurt, bác bỏ lời khuyên của hắn, chế giễu các tiên đoán

của hắn. Tôi thấy nàng chọn tình nhân trong số những tên nô lệ thấp kém nhất và làm hoen ố cái ngai vàng tôn kính của Pharaoh bằng lối sống phóng túng trụy lạc của nàng và các điều ghê tởm mà nàng thực hành một cách công khai. Tôi thấy người dân, cuối cùng bị kích động vào cuộc nổi loạn, đang kêu cầu đến các tu sĩ Đền Ra, còn Re-Shep-Sut ngấm thương lượng với các kẻ thù bất cộng đái thiên (most bitter enemies, kẻ thù không đội chung trời) của tôi. Kế đó, tôi thấy rõ cách nào mà Besiurt nguyên rủa Re-Shep-Sut từ trên bậc thềm cao nhất của Đền Thờ; tôi thấy nàng đang tháo chạy, một kẻ bị ruồng bỏ thất bại. Trong một chớp, tôi thấy gương mặt thất vọng của nàng đang chìm xuống dưới dòng nước đen tối.

Tôi bước lui lại trong cơn giận dữ, bị kích động trước các thực tại của một cảnh sống mà hầu như tôi đã quên mất. Tôi gào lên :

– “Con đã bị phản bội, bọn man rợ đã xâm phạm biên cương !”

– “Không có kẻ phản bội nào cả trừ chính con,” giọng nói điềm tĩnh của Ngài vang lên. “con có quyền gì mà đặt trách nhiệm của con lên những đôi vai quá yếu không mang nổi sức nặng của trách nhiệm đó ? Chỉ một mình con mới làm cho tai họa này xuất hiện. Con có hai cách chọn lựa – ta không ép buộc con chọn cách nào, nhưng ta xin nhắc lại rằng, trong cơn kiêu hãnh thiếu sáng suốt, con đã nói : *Linh hồn con không đáng giá hơn Ai Cập sao ?*” Hiện giờ Ngài đứng trước mặt tôi, cao lớn và nghiêm khắc; lúc đó Ngài dường như giống Thần Thoth, vị Thần công lý kinh khiếp. “Hạnh phúc của linh hồn một con người có là gì khi so với hạnh phúc của hàng ngàn người nam lẫn nữ đang đặt tin tưởng vào người đó? Con đáng bị trách cứ vì bốn phận không được

107 làm tròn. Con ham muốn quyền lực, khi thấy nó trượt khỏi tầm tay, con mới đến đây, hy vọng học cách làm thế nào giữ được sự thống trị. Giờ con đã thấy được Ai Cập, con đã nhìn vào chính bản thể của con. Con có còn dám nói rằng con thích hợp với vai trò lãnh đạo (lordship) nữa hay chẳng? Con hãy xem xét lại vận mệnh của nhiều người có nên được phó thác cho một người như con không, một người bỏ rơi xứ sở mình để cứu lấy chính mình ra khỏi các thị dục mà mình không thể kềm chế?”

Tôi quay lại, giận dữ và hoang mang :

– “Thế thì phải làm gì? con không được tìm cách chữa lành bệnh cho chính con và học cách làm thế nào để dành lại sự kiểm soát này sao ?”

– “Hoàn thành nhiệm vụ của mình mới đúng là cách duy nhất để lấy lại cả sức mạnh (strength) lẫn sự kiểm soát (control)”, Ngài nhận xét một cách lạnh lùng. “Nếu con sẵn sàng hy sinh phúc lợi của riêng con cho đất nước của con, thì con đã tạo được một bước tiến trên con đường tiến hóa của con, nhờ thế con xứng đáng nhận được sự trợ giúp lớn lao hơn và sự khai ngộ cao xa hơn là cái mà ta được phép mang lại cho con hiện giờ. Như con thấy, con đã làm phát khởi các nguyên nhân mới dẫn đến việc báo phục (fresh causes of retribution) để vào một lúc nào đó con sẽ phải trả giá.”

Tôi lộ ra một cử chỉ thất vọng :

– “Đường như là bất cứ cái gì con chọn cũng sai hết.”

– “Bởi vì đầu óc con vẫn còn bị sức mạnh của phàm ngã con chi phối, và vì con không thể hiểu được tiếng nói của minh triết cho đến khi nó lên tiếng.”

Và một cách bất ngờ, toàn thể ấn ý trong các lời của Ngài lướt qua tâm trí tôi. Trước kia tâm trí tôi bị rối tung lên, giờ đây bằng một tia chớp của linh giác (flash of insight), tôi thấy

mọi việc trở nên sáng tỏ. Có lẽ chính vì các rào cản mà tôi đã dựng lên để chống lại các sợ hãi bí ẩn của tôi đã tan rã vào đêm đó, và bằng chứng mới này về sự mù quáng và thiếu khả năng của chính tôi đã kết thúc công việc mà sự thử thách đã bắt đầu. Nhưng trong phút giây đó, sau rốt tôi nhận ra chính tôi, nhận ra bản chất thực của tôi, đó là một bản chất không còn mạnh mẽ, hùng hổ, tự mãn nữa, mà là yếu đuối, bất lực và cô đơn. Hết lượn sóng này đến lượn sóng kinh hoàng khác ủa đến đập vào tôi, nhấn chìm tôi. Sợ hãi quá khứ, sợ hãi hiện tại, nhưng nhất là sợ cái tương lai không thể tưởng tượng được kia. Luôn luôn bị quay vòng trong cái bẫy, vô minh dẫn đến sai lầm, sai lầm ngăn tôi không đạt được minh triết; quả là không còn lối thoát. Trở về trong tình trạng như thế, cố gắng chiến đấu mà cứ bị ám ảnh bởi sự hiểu biết này, thật không thể chịu nổi. Tôi gào lên :

– “Con không thể quay về, đúng rồi, con không thích hợp để lãnh đạo, để cai trị, cũng như không chinh phục được. Hãy để cho kẻ khác thay thế con, bằng không con sẽ trở nên điên thật sự và đi đến chỗ suy sụp.”

– “Con phải trở về vì không một ai trừ ra con mới có thể chinh đốn lại các sai lầm mà con đã gây ra.”

Tôi nhìn vào đôi mắt Ngài và bất ngờ thấy mình sụp xuống dưới chân Ngài.

– “Xin dẫn dắt con, hộ trợ con, chỉ đường cho con! Một mình con không thể làm được gì; hồi Thầy của con, nếu không có Ngài, con sẽ hoàn toàn thất bại”.

Ngài đặt tay lên vai tôi, nói với một giọng đầy từ ái :

– “Hồi con, đừng sợ gì cả, con sẽ không bao giờ đứng một mình. Trong tất cả các kiếp sống của con, đây là lần đầu tiên con chứng tỏ rằng đức khiêm tốn mới là điều cần có trước tiên (pre-requisite) để có được mọi tiến bộ đích thực, và

nhờ sự thay đổi tận trong tâm này mà con đã mang lại cho chúng ta cái quyền trở thành những kẻ dẫn dắt con và là người cố vấn (mentors) của con, vì chúng ta không thể dành cho ai sự trợ giúp mà y cần, cho đến khi người đó sẵn sàng thừa nhận mình cần sự trợ giúp đó. Từ nay trở về sau, chúng ta sẽ luôn luôn ở bên cạnh con. Mặc dầu vẫn còn kém sáng suốt do bởi các giới hạn của con, trong nhiều kiếp luân hồi, con có thể không hay biết về sự che chở của chúng ta, sự che chở đó sẽ không bao giờ làm con thất vọng. Con đã mở rộng tấm lòng con với chúng ta, từ đây về sau, ở tất cả các khủng hoảng lớn đối với sự phát triển của con, tiếng nói của chúng ta sẽ có thể khiến cho con nghe thấy. Không một ai kêu cầu chúng ta với tấm lòng khiêm tốn mà bị từ khước hoặc bỏ rơi bao giờ. Con sẽ thắng.”

Ngài bước ra ngoài ngôi trên băng, còn tôi, vẫn còn bàng hoàng, rung động, đứng lảo đảo để rồi ngôi xuống bên cạnh Ngài.

Mặc dù đã trải qua bao nhiêu xúc cảm gây xáo trộn, tôi lại cảm thấy bình tĩnh một cách kỳ lạ; tôi đã trao số phận tôi vào tay Ngài, từ đây về sau xin để Ngài điều khiển đời tôi.

– “Chiến thắng ư?”, tôi nhắc lại lời Ngài như một tiếng vọng, “Ngài muốn nói rằng con có thể thoát khỏi các Hình Thù của Địa Ngục (Shapes of Amenti) chẳng?”

Ngài đáp :

– “Ta biết điều đó cũng như ta biết rằng con sẽ đạt đến mục đích của con vậy.”

Có phải đó là sự tưởng tượng của tôi hay là ánh sáng từ
 109 Ngài tỏa ra ? Tôi thở dài, hoàn toàn đầu hàng cái ảnh hưởng huyền bí này. Ngài đã đoan chắc, vậy tôi có thể đặt tin tưởng được.

– “Ta biết điều đó”, Ngài lặp lại, “bởi vì số phận của mỗi cá nhân là số phận của chính Sự Sống; rốt cuộc con không thể thoát khỏi tình thương cũng như không thể thoát khỏi hậu quả của các hành vi hận thù. Tình thương vốn mạnh hơn hận thù. Thậm chí sự tịch diệt (annihilation) mà con e sợ chỉ có thể là một sự tạm thời chuyển vào chu kỳ tăm tối (obscuration) của tia sáng nguyên thủy của Linh Hỏa Duy Nhất (the One Flame) nằm trong mọi hình tướng. Theo kiểu (scheme) này hoặc kiểu khác, mọi đơn vị (unit) đều sẽ hoàn tất vận mệnh của mình, miễn là không bao giờ bị trì hoãn quá lâu, vì không một cái nào (nothing) sống riêng biệt một mình nó, tất cả đều là thành phần của Đấng Đại Hùng (mighty Being) vượt ngoài mọi nhận thức của con người. Nhưng trì hoãn có nghĩa là chịu đau khổ, vì đó là cưỡng lại dòng Sự Sống (stream of Life) vốn mang mọi sáng tạo không thể cưỡng lại được hướng về sự thành toàn (consummation, mục đích cuối cùng) của Ý Chí Thiên Liêng (Divine Will, Thiên Ý).”

Ngài tạm ngưng và đáp lại các ý tưởng chưa được diễn đạt thành lời của tôi.

– “Con hỡi, đừng tưởng rằng sự tranh đấu hoặc tìm tòi của con là độc nhất. Cuộc tranh đấu của con cũng là cuộc tranh đấu của tất cả mọi người, cuộc tìm tòi của con cũng là cuộc tìm tòi của họ, đồng thời cũng là mục tiêu của họ nữa. Trong thoáng chốc, khi con đến đây, ta đã trao cho con một ấn tượng sơ khởi (foretaste) – chỉ là một hình ảnh – của cái di sản chính đáng của nhân loại; đó là trạng thái tình thương trường cửu mà một ngày nào đó con phải đạt tới. Ta đã chỉ cho con thấy, nhưng giờ đây nó đã tàn phai; ta nói đến nó, nhưng biết lời lẽ của ta không có nghĩa gì đối với con. Thậm chí con chưa có hy vọng hiểu được chúng nữa.

“Nhưng luôn luôn ở vào giai đoạn tiến hóa nào đó, mỗi người đều được đặc ân thấy trước (vision) và một mục tiêu được chỉ ra cho y để cho ấn tượng vẫn ở tình trạng không thể xóa được. Lúc bấy giờ người đó phải làm việc hướng về mục tiêu đó cho đến khi y sẵn sàng đón nhận một thiên khai xa hơn và còn vĩ đại hơn nữa. Thế thì, con người tiến từ giai đoạn này đến giai đoạn khác và khi y càng tiến hóa thì linh thị (vision) càng thay đổi, trở nên ngày càng sống động và càng hiện thực hơn khi y học được minh triết và tiến đến chỗ hiểu được rõ ràng hơn về cái mục đích bị chôn sâu này của linh hồn.”

Tôi nói :

– “Đúng vậy, con thực sự không thể hiểu được tại sao con người có thể bằng lòng với tình trạng như thế mãi – thậm chí con cũng không hiểu được tại sao con người bằng lòng với một mục tiêu mơ hồ như thế và thiếu cơ sở như thế. Đối với lời hứa của Ngài, chúng con quên mất, thần chết sẽ rủ xuống bức màn và khi con bước sang một kiếp sống mới, con sẽ thấy chính con bị những kẻ thù cũ này bao vây trở lại – vì giờ đây con biết rằng phải mất nhiều kiếp mới thắng được chúng. Nhưng thêm một lần nữa con sẽ trở nên thiếu sáng suốt và bị lạc lối, thậm chí có thể con cũng không nhớ rằng cuộc đời *có một mục đích* nữa. Con sẽ không biết rằng Ngài đứng bên tay phải con để giúp con. Trong kiếp sống này, vâng, sự đảm bảo của Ngài có thể mang lại cho con can đảm để chiến đấu – còn sau này, con sẽ xoay sở cách nào đây?”

Ngài lắc đầu :

– “Con sẽ không quên đâu. Các hoàn cảnh mà sự khai ngộ (revelation) xảy ra chắc chắn sẽ phai mờ và bị che khuất bởi mọi hình hài thay đổi của cõi huyền tưởng mà con phải sống trong đó; nhưng một giấc mơ một linh thị, dù cho thiếu

hoàn hảo đi nữa, sẽ vẫn còn. Hồi con, ai cũng có khuynh hướng nhớ lại cái bóng (shadow) thuộc tài sản đã mất của mình, nỗi hân hoan và cái hoàn thiện vốn là bản chất vĩnh cửu của linh hồn mình. Còn những người nào, vào lúc này hoặc lúc khác, đối mặt với phàm ngã (lower nature) của họ, thì nhận thức này bao giờ cũng sống động hơn, sự tranh chấp giữa bản chất cao với bản chất thấp càng gay gắt hơn, sự khao khát tự do càng nhiều hơn. Như thế, nhờ nhận thức được cái thiếu kém của mình, họ quyết tâm tìm kiếm lý tưởng hết kiếp này đến kiếp khác.

“Tuỳ theo trình độ giác ngộ; bản chất và năng lực của họ, họ gọi nó bằng nhiều tên khác nhau. Một số gọi đó là hạnh phúc (happiness), một số gọi đó là sự yên tâm (security), một số gọi đó là hợp nhất với người yêu thương (union with the beloved), một số gọi đó là tri thức (knowledge), còn một số gọi là thành công (success). Tên gọi không thành vấn đề – mọi lý tưởng đều chỉ là cái bóng của sự hoàn thiện cuối cùng (final perfection); kinh nghiệm sẽ chỉ dạy họ cách phân biệt chất cặn xỉ (dross) với vàng, phân biệt được giữa cái phù du với cái trường cửu. Điều quan trọng là bằng cách này hoặc cách khác, con người sẽ được thôi thúc tiến tới mục đích cuối cùng. Con sẽ được thôi thúc như thế, vì con đã đòi hỏi Chân Lý, con đã thách thức (challenged) vận mệnh của con, nó đang chờ con trong thế giới bên ngoài các bức tường này, giờ đây con phải trở về thế giới đó. Các hành vi khôn khéo mang lại kết quả ngang bằng như lúc làm các hành vi đại dột vậy, và ký ức về những gì con đã thấy được nơi đây sẽ đi theo con, nó sẽ thường hiện ra (haunt) với con, gợi cảm hứng cho con, giống như ảo ảnh cám dỗ con cho tới cái ngày mà khi đó, nhờ chọc thủng một khe, dù nhỏ, trong bức vách đang ngăn con với Chân Lý, vốn thực sự là chính

con, con sẽ hiểu được trong chính con cái Chân Lý sẽ để cho con được giải thoát.

“Giờ đây con phải tiến tới theo con đường sự sống (road of life) hướng về mục đích xa xăm đó; nhưng đừng quên rằng con đưa ra con đường của riêng con. Con **trở thành** con đường đó. Mọi mãnh lực cả tốt lẫn xấu, đang chờ để phụng sự con nếu con triệu dụng (invoke) chúng đúng lúc, nhưng con phải học các phương thức huyền thuật (magic formulae) mới triệu dụng được. Con không bị từ chối điều gì cả, trừ việc chính con từ chối con mà thôi. Nếu con muốn có bạn bè và người thân thương, con hãy ban phát tình bạn và tình thương, thì họ sẽ tụ tập chung quanh con. Hãy phụng sự rồi con sẽ được phụng sự; hãy chữa trị người khác rồi chính bệnh của con sẽ được chữa trị. Nếu có bất cứ điều gì dường như con luôn luôn bị từ chối, hãy sẵn sàng dứt hết điều đó đi, rồi sau rốt, nhờ ban phát ra, con sẽ thu nhận trở lại. Nếu thế gian dường như bạc đãi (ill-treat) con, thì con hỏi, hãy xem xét kỹ vào chính tâm con; chắc chắn con sẽ tìm được nơi đó có ẩn giấu một cái gì không thân thiện với thế gian.

“Đừng phiền trách trước kinh nghiệm có vẻ đắng cay; tốt hơn hãy vận dụng kinh nghiệm đó, chuyển đổi nó thành điều có lợi, vì không một điều gì xảy đến cho ta mà không có thể được đổi thành có lợi cho ta. Hãy xem, may cho con biết bao khi hiện nay con gặp phải bệnh này. Nếu con lành mạnh, tráng kiện, tự mãn, không lo sợ, con sẽ không bao giờ tìm đến ta, không bao giờ học được điều mà giờ đây con sẽ luôn luôn hay biết trong bản thể thâm sâu nhất của con (innermost being). Thường thường người hài lòng thỏa nguyện, tương đối có hạnh phúc là người thu thập, học hỏi ít nhất trong kiếp sống, vì người đó có khuynh hướng vẫn ở nguyên tại chỗ (remain static); tốt hơn là nên vun trồng bên trong con tâm

trạng bất mãn thiêng liêng (divine discontent) tâm trạng này luôn luôn muốn vươn tới hướng đến các thành tựu mới.

112 “Do đó, hãy cố gắng hướng đến một lý tưởng, hướng đến cái tốt đẹp nhất mà con có thể nhận thức được. Một ngày kia mắt con sẽ được mở rộng; một ngày kia, qua các kinh nghiệm đa dạng, con sẽ trở thành kẻ hiểu biết. Khi đạt đến vị trí cao siêu đó, khi con tìm được trong chính tâm con cái chân lý này, sự thanh thản, suối nguồn cảm hứng lâu dài, nỗi hân hoan, phúc lạc bền bỉ; khi ấy có nghĩa là con đã phá đổ được vách ngăn cuối cùng và đã hợp nhất với chính con bằng một tác động của sự tự nguyện hy sinh cho Cái Đó (That) mà trong chính chân lý con là Tinh Thần của Tình Thương (Spirit of Love), mà một số người gọi là Thượng Đế (God), còn một số khác biết dưới bất cứ tên gọi nào – bấy giờ con sẽ thừa nhận rằng không có nỗ lực nào là vô ích, không có lỗi lầm nào đáng lên án, không có kinh nghiệm nào vô giá trị, không một đau khổ nào là phí thời gian. “Vì người nào đã cởi bỏ được xiềng xích của mình và đã nếm được sự hợp nhất đầy lạc phúc với vạn vật, sẽ không còn chịu đau khổ nữa bởi các giới hạn bị áp đặt như ở trường hợp người kém cõi hơn. Họ không còn biết đến sợ hãi nữa, vì sợ hãi hàm ý có sự đe dọa, và làm sao y có thể bị đe dọa khi y hợp nhất với Đấng Hằng Sống (all Life)? Đau khổ và tai họa không còn tác động tới y được, nỗi hân hoan luôn luôn tràn ngập trong y từ đỉnh cội nguồn bao la đó của Tình Thương mà y đã làm cho chính mình trở thành một phần trong đó, nỗi hân hoan này chống đỡ cho y trong bất luận tình huống nào mà y có thể gặp. Giống như một người nhìn lại các kỷ luật cần thiết của thời thơ ấu của mình, cũng thế, vào ngày đó con nhìn lại nhiều kiếp sống đằng sau con và, khi đạt đến tầm vóc đầy đủ của người trưởng thành, sau rốt, con sẽ tiến tới mạnh mẽ và vững

vàng, thích hợp để đóng vai trò của con hoặc là ở trong thế giới này, hoặc là thế giới khác; điều đó không quan trọng, vì mọi thế giới và mọi trạng thái đều là một đối với người đã tìm được chính mình.”

Sáng hôm sau, trước khi mặt trời lên, Ngài đưa tôi đến miệng hang lớn dẫn vào sa mạc. Và giờ phút chia tay đã đến, tôi mới nhận thức được hết mức cái ý nghĩa của Ngài đối với tôi. Tôi cảm thấy giống như một đứa trẻ lạc lối. Chúng tôi đứng cạnh nhau nhìn về hướng chân trời xa. Ngài đưa tay lên :

– “Đàng xa kia là thành phố của Pharaoh đấy.”

Tôi quỳ sụp xuống trước Ngài, nâng gấu áo của Ngài đưa lên môi.

– “Hỡi Đức Thầy của con, bên kia là sự chết, còn nơi đây là tất cả sự sống của con. Xin đừng gửi con một mình vào chỗ lưu đầy này. Ít nhất xin Ngài ban ơn (grant) cho con là con được phép gặp lại và hầu chuyện với Ngài.”

– “Hỡi con,” Ngài nói và sự du dương (music) trong giọng nói của Ngài cùng với nỗi vui do sự hiện hữu của Ngài đã mang lại một sự an tâm lớn lao cho tôi, “đó không phải là sự chết đâu – chính là sự sống đó, vì đó là Con Đường Phản Bối Hoàn Nguyên (Path of Return); không hề có sự lưu đầy (escile) đối với người bước đi trong Chân Lý, và không hề có sự phân ly (separation) đối với những ai được ràng buộc cùng nhau trong các mối ràng buộc do tình thương. Giữa linh hồn chúng ta sẽ không có sự ngăn cách nào nữa. Chính con, phải trở nên hợp nhất với linh hồn của con, chỉ khi nào con biết nghe được tiếng vô thanh, vì đó là tiếng của linh hồn, khi nào con chưa thể bắt lấy, dù chỉ là một tiếng vọng (echo), những gì thuộc về của con và của ta, con mới thực sự giống như đi vào chỗ lưu đầy và chỉ có một mình. Con sẽ không

gặp lại ta cho đến khi con hoàn tất được chặng đường khác trong cuộc hành trình của con, và khi con đã đạt đến chặng đường đó rồi, thì con sẽ không còn cần kêu gọi đến ta nữa – vì ta sẽ có mặt nơi đó. Nhưng trước khi con sẵn sàng đón nhận những gì mà ta sẽ phải giao cho con lúc đó, điều thiết yếu là ít nhất con phải phá vỡ được hoàn toàn sức mạnh mà các tinh linh (elementals) ở Atlantis đã áp đặt lên thân thể lẫn trí óc con, và xua đi phần nào ảnh hưởng và các bức xạ (emanations) của chúng ra khỏi tình cảm và trí óc của con. Giờ đây con hãy lên đường. Nhiệm vụ đang đè nặng lên vai con; ta thấy sự tối tăm và máu trên khắp Ai Cập; con sẽ cần đến mọi sức mạnh của con nếu muốn chiến thắng. Bên kia rừng cọ, con sẽ thấy đội cung thủ và một chiếc kiệu. Hãy cầm lại vương trượng (sceptre) mà con đã đặt xuống và mang lại hòa bình cho Ai Cập trước khi kiếp sống của con kết thúc.”

Tôi chậm chạp đứng lên, nói :

– “Mong cho ngày đó sẽ không còn xa.”

Ngài đưa tay ra, trong lòng bàn tay có một con bọ hung nhỏ màu nâu gắn vào một chiếc nhẫn.

– “Ta đã truyền từ điển vào nhẫn dành cho con. Hãy luôn đeo chiếc nhẫn đó, khi con từ trần hãy đặt phải chôn chiếc nhẫn theo và đặt trên quả tim của con. Sau này, khi xác ướp của con bị chiếm đoạt và nhờ sự chiếm đoạt này, sau rốt chiếc nhẫn bọ hung sẽ trở lại với con. Ngày đó hãy còn xa, nhưng một khi đeo lại chiếc nhẫn đó, con sẽ được tái liên kết với thời điểm này. Khi chuyện đó xảy đến, con sẽ gặp lại ta.”

Ngài chúc phúc (blessed) cho tôi. Tôi nhìn vào đôi mắt Ngài, và ngay lúc đó, dòng suối tình thương từ Ngài tuôn chảy vào tôi, mang theo một cảm giác hưng khởi, tràn ngập sức mạnh, với một sự xác tín huy hoàng.

114 Đi được vài bước, tôi quay nhìn lại, gio cánh tay lên chào, khi tôi làm thế những tia nắng đầu tiên của mặt trời đang lên tỏa xuống bờ rìa của sa mạc và soi tỏ dáng dấp cao lớn của Ngài mãi cho đến khi dường như bóng đó chìm mất trong ánh lửa vàng.

Tôi siết chặt chiếc nhẫn trên ngón tay. Nó đem lại cho tôi niềm hy vọng. Tôi quay về hướng mặt trời và tiến bước trên Con Đường Trở Về....



Đường Trở Về...Mãi về sau, khi linh thị về quá khứ này đã tàn phai, các lời lẽ này và các hàm ý của chúng vẫn còn lại trong trí tôi. Tôi không biết rõ kiếp sống này đã xảy ra ở niên đại nào trong chuỗi lịch sử trải dài của Ai Cập, nhưng có lẽ là chuyện đó xảy ra vào một trong các giai đoạn thay đổi triều đại và bất ổn sau này, chắc hẳn là đã xảy ra cách đây nhiều ngàn năm. Tôi đã làm gì lúc bấy giờ trong thời gian chuyển tiếp để phải nấn ná lâu như thế trên Con Đường Quay Về ấy? Sự tiến bộ của tôi hẳn là chậm chạp một cách đáng sợ. Nhưng ít nhất tôi cũng có thể tự an ủi đôi chút với cái ý tưởng rằng một số tà lực thời Atlantis đã được chuyển hóa trong thời gian dài đó, một số tường ngăn bị phá đổ, vì giờ đây chiếc nhẫn nam hình bọ hung đang nằm trên ngón tay tôi và một lần nữa một Đức Thầy đứng cạnh tôi.

Tuy nhiên khi tôi duyệt qua nhiều ngàn năm đó, chắc chắn là có vô số lỗi lầm và các tái phạm, lòng tôi lại ngập tràn các hối tiếc, không những vì phí phạm thời gian mà còn vì những gì tôi trả lại thật là kém cỏi so với các cố gắng được tạo ra cho tôi lúc tôi còn ở trong Ngôi Đền Đá. Nhưng tôi cũng tràn ngập lòng khiêm tốn và biết ơn khi biết được rằng các

đáng như Đức Thầy của tôi cũng lo lắng cho những người kém tiến hóa như tôi lúc đó và thực sự vẫn còn đến giờ.

115 Các lời tự thân đáng cay của tôi được đáp ứng lại cho tôi khi cuối cùng tôi được phép tiếp cận với trí Ngài, và bắt được một cách nhịp nhàng các rung động thân thiết đáng ghi nhớ, thậm chí con cuồng nộ của tôi chống lại chính tôi cũng dịu đi được phần nào. Không một cơn giận cũng như nổi oán hận nào có thể tồn tại lâu dài trước trạng thái an tĩnh sâu xa mà Ngài tỏa ra. Ngài nói :

– “Đừng phí thời gian và năng lực để nuôi tiếc dĩ vãng, tốt hơn là tìm cách tìm hiểu nó; hãy nghiên cứu nó nếu con được ban cho (granted) cơ hội, không phải theo sự cảm xúc, mà là dưới hình thức một nhà khoa học đang nghiên cứu các thành phần cần thiết cho một thí nghiệm nào đó. Nghĩa là sau rốt, kinh nghiệm gì mới thực sự là cần thiết : đó là chất liệu được linh hồn sử dụng để cố gắng tạo ra cho chính linh hồn một thể biểu lộ hoàn hảo (a perfect body of manifestation). Khi nào đã hiểu được điều này rồi, con người mới nhận thức được rằng công việc của mình là chuẩn bị cho chính mình tự ý thức được nhiều trong tương lai hơn là y đã làm được từ trước đến giờ. Đây là điều đang thực sự xảy ra trên thế giới ngày nay.

“Nhiều người đang bắt đầu tìm hiểu một số định luật cơ bản của tạo hóa và đang nhận biết được các quyền năng bao la của trí tuệ; thực ra, họ đang khám phá trở lại (rediscovering) huyền thuật. Con người đang có khuynh hướng nhìn lại xem huyền thuật thời Atlantis, thời Ai Cập, thậm chí của thời Trung Cổ có phải là hình thức mê tín dị đoan thô sơ, hay là một cái gì đó có tính chất hoang đường, tưởng tượng mà nhân loại đã ruồng bỏ vì chán (outgrown); người ta có thể không bao giờ bỏ được vì huyền thuật chỉ là

tên gọi cổ xưa được dùng để chỉ khả năng vận dụng các trạng thái của các năng lực sáng tạo vĩ đại mà qua đó sự biểu lộ đã được tạo ra và vốn có thể được triệu thỉnh, vận dụng và điều khiển nhờ hiểu biết được các bí mật của chúng kết hợp với sức mạnh của ý chí.

“Người ta quên rằng mỗi thời đại đều có cách diễn đạt theo các thuật ngữ riêng của nó. Bất cứ người nào biết suy tưởng một cách mạnh mẽ thì đều là một nhà huyền thuật (magician) thuộc về tà phái hoặc chính phái, tùy theo động lực thúc đẩy và mục tiêu ẩn sau tư tưởng của người ấy.

116 “Trong quá khứ con người đạt được cách làm chủ vật chất qua việc vận dụng âm thanh, vận dụng nghi thức hành lễ và các nghi thức khác nữa. Ngày nay người ta làm được như thế phần lớn là nhờ các phương tiện khoa học, nhờ kiến thức tâm lý học và cách tổ chức. Phương pháp thứ nhất là tạo nên một số năng lượng nảy sinh bởi cảm xúc và ham muốn mãnh liệt, có tập trung. Phương pháp thứ hai là bằng việc tập trung tư tưởng, mặc dù là sự kết hợp cả hai đang được dùng ngày nay. Trước tiên, chữ viết và hình ảnh minh họa là các vũ khí của huyền thuật trong kỷ nguyên này. Hãy xem xét một chốc cái ảnh hưởng của báo chí, quảng cáo, phim ảnh và phương tiện truyền thanh (radio) đang hướng dẫn thể trí dễ uốn nắn của quần chúng. Các phương pháp kiểm soát thực dụng này có thể không gây ấn tượng lắm như các nghi lễ và các câu chú (incantations) thời cổ, nhưng vì tất cả mọi người trong thời đại này được liên kết chặt chẽ hơn là từ trước cho đến nay, nên loại huyền thuật mới này còn mạnh mẽ hơn rất nhiều và có thể còn tai hại hơn nữa.

“Những ai sử dụng các quyền năng này để lừa dối; gạt gẫm, chi phối kẻ thiếu cảnh giác (the unwary) để đạt được các mục đích riêng tư và làm tăng thêm các lợi lộc ích kỷ của họ

thì cũng gây nguy hại như các nhà ma thuật đi theo con đường riêng của họ, như là những kẻ cố tình tạo ra các âm binh (evil genii) để sai khiến trong quá khứ xa xăm. Ta biết con đã gặp nhiều khó khăn khi hiểu theo nghĩa đen những gì mà con được chỉ dạy liên quan đến điều có thực của các hình thức tà đạo được tạo ra vào thời Atlantis này vốn vẫn còn mạnh mẽ đến nỗi hàng trăm năm sau mà chúng hiện giờ vẫn có thể được nhìn thấy và có thể cầm giữ tạo vật đáng thương của chúng trong cảnh nô lệ. Ta đoán chắc với con rằng chỉ vì chúng quá hiện thực mới ra nông nổi. Mọi tư tưởng được sắp xếp một cách có hiệu quả, hoặc tốt lành hoặc xấu xa, đều tạo ra một hình hài (form) thích hợp bằng chất liệu tinh anh. Bởi thế không cần cố gắng tưởng tượng nhiều mới nhận thức được những gì mà sự độc ác, tính ích kỷ, các dục vọng và hành động xấu xa của con người, đã được tạo ra qua các thời đại kể từ khi con người trở nên có khả năng suy tư một cách tích cực và làm cho các tư tưởng như thế tràn đầy xúc cảm. Theo nghĩa đen thì con người đã làm tràn ngập bầu khí của thế giới con người bằng vô số các hình tướng xấu xa tẻ nhạt (evil shapes), đang tạo ra quanh con người và địa cầu một đám mây đen tối vĩ đại; đồng thời con người sẽ tiếp tục làm tăng thêm và cấp sinh lực cho đám mây này bằng mọi sức thôi thúc ích kỷ và tư tưởng tà vạy cho đến khi con người nhận thức được những gì mình đang làm và đảo ngược lại tiến trình, phá vỡ và làm tiêu tán cái bóng tối độc hại này bằng cách tuôn đổ vào đó ánh sáng và tình thương, giống như dòng nước trong sẽ làm cho cái ao bùn trở nên tinh khiết vậy. Điều này chỉ có thể làm được bằng cách là mỗi cá nhân làm việc không ngừng dựa vào mức đóng góp đặc biệt của riêng mình.

117 “Điều không may là trong thời đại này, tình hình trở nên tệ hại hơn bao giờ hết vì lẽ con người đang lấy lại rất nhiều tri thức đã mất của mình và đang học cách làm thế nào để khai thác chính các bản tố (elements, nguyên tố) để phụng sự con người. Những ai cố tình sử dụng tri thức này để tạo ra các mãnh lực hủy diệt như là hơi độc (poison gas), các chùm tia giết người (death rays), các chất nổ cực mạnh (high explosives) và đại loại như thế, cũng là đang tạo ra, một cách vô tình, các tinh linh khủng khiếp (terrific elementals) bằng chất liệu tinh anh (subtle matter), các tinh linh này sẽ đi theo họ hết kiếp này sang kiếp khác để trả thù, giống như các tinh linh đã đuổi theo con từ thời Atlantis đến nay, ít nhất tới một mức độ mà họ đã cứu chuộc được chúng. Như ta đã nói trước đây, sự tương đồng giữa thời này với thời Atlantis quả thực rất gần.

“Thiên luật vẫn không thay đổi; thế nên khi con người ngày càng trở nên có được sức mạnh trên các phân cảnh sáng tạo của cõi trí, thì trách nhiệm của con người trở nên nặng nề hơn và các hậu quả do hành động của con người cũng theo đó mà trở nên to tát hơn, nếu sử dụng các năng lực của mình một cách sai trái. Ngay cả hạng thường nhân ngày nay cũng đang học được nhờ sự nỗ lực huấn luyện mà y nhận được bằng khả năng tập trung (concentration) mà hệ thống giáo dục hiện đại cung ứng, để suy tư một cách rõ ràng và chính xác hơn; do đó con người tạo ra được các hình tư tưởng mạnh mẽ hơn, mà, dù cho con người có biết được hay không, các hình tư tưởng này đều được phóng ra bằng phương pháp viễn cảm (telepathically) một cách rộng lớn hơn là y có thể tưởng tượng. Hậu quả là con người có thể bao quanh chính mình với các tác nhân bảo vệ đích thực bằng ánh sáng (veritable guardians of light) tức là các tập đoàn gồm các

mãnh lực huỷ diệt (hosts of destructive forces), vì tư tưởng có từ lực và thu hút vào vật sáng tạo của nó (creator) các năng lượng có cùng thứ loại như là các năng lượng mà con người phóng phát ra. Các năng lượng này cũng có ảnh hưởng đến môi trường chung quanh con người và ngay cả thế giới của con người nữa. Con nên thận trọng xem xét điều này vì có liên quan với những gì đang xảy ra chung quanh con ngày nay.

“Chính vì lý do này mà bất cứ ai đang cố gắng nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh những gì mà ngày nay được biết dưới tên “huyền linh học” (“occultism”) và đang mong muốn quảng bá loại tri thức này nên theo dõi một cách đặc biệt nhất là khi có thể được các nhân vật ở nội cảnh giới dạy dỗ. Nhiệm vụ của các vị này là cố gắng dẫn dắt nhân loại tiến tới theo con đường tiến hóa hướng thượng (evolutionary path) và giúp mỗi cá nhân phá tan và xua đi đám mây độc hại của tà 118 lực cũ vẫn còn đang làm cho con người không thấy được mục đích đích thực và vận mệnh đúng của mình.”

Tôi đã có thể hiểu được tại sao người có chủ tâm cố gắng tuân theo Thiên Ý, làm việc theo Thiên Luật thay vì đi ngược lại, thì có thể đáng được giúp đỡ, nhưng điều đó không giải thích được tại sao tôi đã được phép tiếp xúc với một Đức Thầy ở Ai Cập ⁽¹⁾, vì lúc đó tôi chỉ lo cho lợi ích cá nhân và các động cơ thúc đẩy của tôi thuần là ích kỷ; cũng như tôi không thể hiểu tại sao tôi được đặt vào một vị trí có quyền lực như thế và lại có được các cơ hội để luyện tập và đạt được những thành quả rất bất hảo như thế.

¹ Có lẽ đây là Chân sư Hilarion, vì Đức Thầy này trải qua phần lớn thời gian sống tại Ai Cập”. (Trích : “Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương, trang 59)- (ND)

Đức Thầy khiển trách tôi :

– “Con đang xét theo quan điểm thiên cận của hạng thường nhân. Các phán đoán như thế thường là sai lệch (fallacious) bởi vì không một ai – trừ phi người đó có thể đọc được không những quá khứ của con người, mà ngay cả karma của thế giới vào lúc đó – có thể thấy được nguyên nhân đích thực của các biến cố đang xảy ra lúc đó. Còn chúng ta xét theo một quan điểm rộng lớn hơn. Chúng ta nhìn các sự việc theo một bối cảnh hoàn hảo hơn, vì chúng ta có thể nhìn đằng trước cũng như đằng sau, và xem toàn bộ thiên cơ có tầm quan trọng lớn hơn là cá nhân. Hơn nữa, con phải hiểu rằng có các loại nghiệp quả như nghiệp quả quốc gia, nghiệp quả chủng tộc và ngay cả nghiệp quả hành tinh nữa cần được xem xét. Con rất thường có khuynh hướng nghĩ rằng karma như là chỉ áp dụng cho sự sống con người mà thôi; nhưng sự sống con người nằm trong khuôn khổ của các sự sống vĩ đại hơn, ngay như các sự sống nhỏ nhoi của tế bào trong cơ thể con cũng là một phần của tình trạng thể xác của chính con mà thôi. Việc xem xét cách hoạt động phức tạp của Định Luật Độc Đáo (One Law) này rất có thể khiến cho cái trí hữu hạn của con trở nên choáng váng (reel), nhưng ít nhất nó cũng có thể dạy con – nếu nó không làm được gì nhiều hơn – đừng quá vội vàng xét đoán theo bề ngoài bất cứ sự việc nào, dù cho sự việc đó có liên quan đến sự sống của các cá nhân hoặc liên quan đến các biến cố có tầm quan trọng hơn.

“Giờ đây có lẽ con có thể hiểu được rằng, nếu cần thì mọi dụng cụ đều phải được chế tạo để dùng cho các mục đích của chúng ta cho dù trước con mắt của người đời, dụng cụ đó có thể dường như hoàn toàn không xứng đáng. Do đó, bất cứ người nào khi được chúng ta chọn, không cần cảm thấy hãnh diện một cách quá đáng.

119 Không hề có sự thiên vị (favouritism) trong các cách làm việc của chúng ta, chúng ta không dùng hay không chú ý đến một ai vì bất cứ khuynh hướng riêng tư nào. Mục đích duy nhất của chúng ta là nâng cao trình độ tổng quát về tính chất tâm linh (spirituality) mang lại trật tự thay cho hỗn loạn, mang lại minh triết thay cho vô minh, mang lại hài hòa thay cho bất hài hòa. Do đó dù cho chúng ta thích dùng những ai tự nguyện và có thể hợp tác với chúng ta trong công việc này, từ lúc bắt đầu, do thiếu chất liệu thích hợp, chúng ta luôn luôn bị buộc phải sử dụng bất cứ dụng cụ nào mà chúng ta có thể tìm được, dù cho chúng có thể không phải là các dụng cụ hoàn toàn thích hợp, và rất có thể tạm thời làm hỏng các kế hoạch của chúng ta, do sự thiếu hiệu quả và các yếu đuối nơi con người của chúng.

“Đối với câu hỏi con có xứng đáng hay không khi được ở vào địa vị cao trong kiếp sống đó (tức kiếp làm Pharaoh ở Ai Cập –ND) đó là không phải do con xứng đáng, mà là do tính chất riêng của con và khả năng nắm bắt thời cơ của con. Một người khác có thể để lỡ thời cơ hoặc không dám hành động và gặp thất bại. *Vào một lúc nào đó, tất cả mọi người đều có cơ hội nắm giữ quyền hành (power) và địa vị (position);* nhưng điều mà họ ít khi nhận thức được là trách nhiệm dính liền trong đó và khi gặp sai hỏng (failure) thì karma sẽ ra sao. Nếu biết được, họ thường dễ trở nên do dự và không để cho tính tự phụ đưa họ vào những địa vị mà họ cảm thấy không được thích hợp về phương diện đạo đức khi ở vào địa vị đó.

“Vào giai đoạn đặc biệt của lịch sử Ai Cập mà con đã sống đó, xảy ra vấn đề tối yếu là quyền hành trung ương phải được duy trì bằng mọi giá. Ai Cập có định mệnh là trong nhiều thế kỷ tới sẽ trở thành một tụ điểm (focus) mà qua đó

văn hóa, thi ca và nghệ thuật – các yếu tố này tạo nên sức mạnh của văn minh – có thể được tuôn tràn vào. Do đó, cần có được người biết thuật trị nước, để rồi nhờ nước được thịnh trị mới giữ được hoà bình; vì nếu không có an ninh thì không có một nghệ thuật nào, và sau rốt không một tình trạng tiến bộ nào của văn minh chân chính có được hy vọng phát triển mạnh. Lúc đó không một nhân vật nào có khả năng nối liền khoảng giao thời của nhà cai trị tài ba, có sứ mệnh đảm đương công việc, ngoại trừ con, kẻ đã được đặt vào vị thế có quyền hành. Đích thực con là một nhà ma thuật (black magician) và con có đủ mọi khuyết điểm đặc trưng của một người có một quá khứ như thế, nhưng ít nhất con có được sức mạnh ý chí và sự quyết tâm (resolve). Đừng nên nghĩ rằng một người có một cá tính mạnh, cho dù đã phát triển theo Bàn Môn Tả Đạo (Left Hand Path), tất phải thất bại trên con đường tiến hóa thăng thượng (evolution) của hắn. Sức mạnh của lòng kiên quyết (purpose) luôn luôn vẫn là một ưu thế (asset) vì nó chỉ được dành cho một hướng chính trực (right direction) thay vì là một hướng sai trái – nói cách khác nó được đổi thành có tính sáng tạo thay vì là hủy diệt – để trở thành có giá trị lớn lao cho chúng ta.

Thế nên chúng ta sử dụng con bởi vì con cần thiết cho chúng ta; nhưng đồng thời, vì chúng ta có thể thấy rằng con đang ở vào điểm tối yếu trong giai đoạn tiến hóa của con, chúng ta hy vọng có thể thúc đẩy sự phát triển (theo đường ngay – ND) của một trong số những người mà từ trước đến giờ là một nguy cơ và là một cản trở cho nhân loại. Vì tất cả mọi người theo tà phái do bởi ảnh hưởng xấu của họ lên môi trường xung quanh họ, hoặc do cho phép chính mình trở thành các dụng cụ của Tà Lực (Dark Forces) – mặc dù không có chủ tâm – đóng vai trò như một cái thắng đối với sự tiến

bộ chung. Vì lý do đó, chúng ta sẽ thường chịu tổn nhiều công khó (trouble) với một người cứng cỏi và ngang tàng (strong and wayward) hơn là với những người có thiện chí nhưng nhu nhược, tức là những người mà tiếc thay, cho đến nay vẫn chiếm đa số trong nhân loại. Đức Christ đề cập đến điều này rất rõ trong cách nói ẩn dụ (parable, dụ ngôn) của Ngài về chín mươi chín con trầu, nhưng thông thường, ít người chịu tổn công tìm hiểu ẩn ý của Ngài, và còn ít người hơn nữa áp dụng ý tưởng đó.

“Tuy nhiên, đừng nghĩ rằng nhờ thế mà con được phép tiếp xúc chặt chẽ với Đức Thầy Bí Mật (Secret Ruler), nếu trong tận thâm tâm con, con không mong mỏi được giúp đỡ và giác ngộ vì các mục đích cao cả và cũng cố gắng đến tột cùng để đạt các mục đích đó. Vì nếu không có được sự thôi thúc căn bản hướng về sự tiến hóa của chính người đó thì chúng ta đành chịu bất lực (powerless) không thể đưa ra sự trợ giúp hoặc khích lệ riêng cho người ấy. *Tự do ý chí của cá nhân là một khía cạnh chính yếu của sự tiến hóa của nhân loại.* Chúng ta luôn luôn cố gắng chuyển đổi các sai sót và lỗi lầm của con người thành điều lợi nhất cho mọi người có liên hệ, nhưng chúng ta không bao giờ lôi kéo ai vào đạo (proselytize), vì chúng ta biết quá rõ rằng chỉ có ước muốn tái tạo (regeneration) được nảy sinh và lớn lên giống như một ngọn lửa từ bên trong mới lâu bền, còn việc chấp nhận bên ngoài nào đối với giáo lý (doctrines) của chúng ta sẽ chỉ có tính cách nhất thời mà thôi. Một lần nữa ta trở lại giáo lý của Đức Christ : ngôi nhà được xây trên cát sẽ không bao giờ chống chọi được bão táp; thế nên chúng ta chờ cho đến khi con người được thôi thúc hỏi chúng ta cách thức xây nhà trên đá như thế nào.”

Tôi chen vào :

– “Dù sao đi nữa các động lực thúc đẩy Pharaoh lại không xứng đáng, hẳn chỉ cố gắng hướng về việc sửa mình (self-betterment) chỉ do sợ hãi và ở dưới sự thôi thúc phải chọn cái ít tệ hại hơn giữa hai cái tệ hại mà thôi.”

Ngài trả lời bằng một nụ cười :

– “Đừng vội vã kết tội hẳn như thế. Mỗi hành vi và động cơ thúc đẩy phải được phán đoán đúng theo các hoàn cảnh chi phối nó. Sợ hãi, bản năng sinh tồn (self-preservation) và đại loại như thế, là một trong các phương pháp thành công nhất của thiên nhiên để làm cho người sơ khai hoặc người chậm tiến trở nên năng động (bestir) và tìm kiếm những cái hoàn thiện hơn. Nên nhớ rằng, mọi việc đều có tính cách tương đối, và trong các giai đoạn rất sơ khai này, các động lực thúc đẩy (motives) không thành vấn đề, chỉ có ham muốn (desire) là đủ. Thế nên nếu khi nào có ai tìm đến với con do sợ hãi – sợ cái gì, chuyện đó không quan trọng lắm – hãy vui mừng lên, cũng như chúng ta, những Bàn Tay Bảo Vệ Nhân Loại, vẫn vui mừng khi chúng ta nghe được tiếng kêu tuyệt vọng do một linh hồn đưa ra trong cơn khốn khó. Vì sợ hãi hàm ý một cảm nhận về sự thiếu thốn. Đã bao lần trong các kiếp sống của mỗi người, có nhiều lúc mà mọi việc đều làm cho y thất vọng và nhận ra sự thiếu thốn của mình, y cũng nhận ra rằng y không thể cứu vãn được điều đó. Chính những lúc này thường là những bước ngoặt (turning-points) trong giai đoạn tiến hóa của y. Do đó hãy giúp người đó tắt cả những gì con có thể giúp được cho một người ở hoàn cảnh đó. Đừng coi thường (dare) để rồi lên án hoặc phán xử người đó.

“Chỉ có chúng ta, tức những kẻ có thể hiểu thấu tâm can con người, mới có thể phán đoán xem một người nào đó có sẵn sàng nhận lấy sự khai ngộ (enlightenment) hay không.

Nhưng hãy tin chắc rằng nếu tiếng kêu xin kéo dài đúng mức, đầy đủ quyết tâm, đầy đủ thành tâm tận đủ, thì tiếng kêu cầu đó sẽ được đáp ứng. Ngay cả lúc ở Ai Cập, khi tiếng kêu xin của con được đưa ra, khi mà, trong con dục vọng bùng cháy của con, con dùng một Linh Từ (Word) vốn có thể xé tan con ra nhiều mảnh, con vẫn không bị lên án, con vẫn được tiếp nhận với nỗi hân hoan và chân con đã đặt lên Thánh Đạo.”

Tôi nói một cách cay đắng :

– “Nhưng con cảm thấy là chân con không ở lại trên Thánh Đạo lâu được, cuối cùng, điều gì đã xảy đến cho Pharaoh ? Hắn có hoàn thành được nhiệm vụ và mang lại hòa bình cho Ai Cập hay không ?”

– “Hắn làm được, và sau đó chết – mất trí.”

122

Tôi rùng mình :

– “Thế là sau rốt hắn không thoát được ?”

– “Làm sao hắn có thể thoát được? Con người không thay đổi trong chớp mắt và trở thành ông Thánh trong một ngày được. Các biến cải đột ngột này mà người ta nghe nói đến, thực ra chỉ là điểm tột đỉnh của các kiếp sống dài với sự tranh đấu nội tâm và phát triển chậm chạp. Không có diễn trình nào của thiên nhiên xảy ra nhanh chóng cả – nếu phán đoán theo tiêu chuẩn thời gian của con người. Làm thế nào một người như con vào lúc đó, với các thể (bodies) chỉ thích nghi với nốt chứa các lực hủy diệt, các nguyên tử bị đầu độc và trở nên bạc nhược (weakened) do nhiều thế kỷ chứa chấp ý nghĩ độc ác xấu xa, lại hy vọng chống chọi lâu dài với các kết quả của sự đại đột của chính con cho được ? Qua thất bại đó, Pharaoh đã học được rất nhiều điều, và cuối cùng đó là tất cả những gì quan trọng nhất.”

– “Nhưng nếu hắc không....Viên tu sĩ đó đã dùng thuật ngữ hủy diệt. Một thuật ngữ kinh khủng. Nếu tất cả đều là trạng thái của Sự Sống Duy Nhất, thì làm sao có thể có sự hủy diệt được?

– “Chân Ngã (true Self) – tức Linh hồn (Soul) – **không bao giờ** có thể bị hủy diệt theo ý nghĩa mà con dành cho thuật ngữ đó, vì như con thật sự hiểu, không một cái gì có được tia sáng của Thánh Linh (spark of divinity) mà có thể tàn tạ bao giờ.

– “Nhưng rõ ràng ông ta không nói đến Linh Hồn.”

Ngài thở dài :

– “Bất cứ điều gì mà người ta nói, hầu như chắc chắn sẽ bị mở rộng ra thành cách diễn dịch sai lầm. Nhưng ta xin nêu ra điều đó theo cách này và thậm chí không hiểu theo nghĩa đen vì không có sự tương đồng nào có thể diễn tả một sự thật thuộc về tâm linh. Giống như trong phàm ngã, tuyến ký ức (thread of memory) có thể bị đứt đoạn do bệnh tật, do tuổi già hoặc do các nguyên nhân khác, tuy nhiên Biệt Ngã (individuality) – tức Chân Ngã – vẫn không bị ảnh hưởng, thế nên có thể tuyến khác này, nhờ một hình thức tinh anh hơn của ký ức, đang nối liền sự sống với sự sống, bị gián đoạn. Hay, một lần nữa giống như một dòng nước bị ô nhiễm, không thể làm sạch, có thể bị ngăn lại (dammed), tuy nhiên vẫn tiếp tục tồn tại mặc dù nó không còn lưu thông được nữa trong ống dẫn cũ. Nơi đây con có thể tìm thấy các ám chỉ, nhưng ta không thể nói thêm nữa, vì con đang chạm đến một trong các đại bí nhiệm, các hàm ý của nó đều quá sâu xa không thể diễn tả bằng các thuật ngữ của con người. Những hãy cứ yên tâm đi, cái được gọi là hủy diệt này phải xảy ra rất hiếm khi, hầu như không bao giờ, nên không đáng nhọc công xem xét,” Ngài ngưng lại, “theo một ý nghĩa, và

chỉ theo một ý nghĩa duy nhất – đó là không bao giờ. Ta sẽ không bàn thêm nữa.”

123

Tôi hỏi một cách có hơi lo lắng :

– “Còn những kiếp sau đó thì ra sao ?”

– “Trong đa phần, các kiếp đó được trải qua bằng việc phục dịch bắt buộc và miễn cưỡng cho kẻ khác, dưới hình thức nông dân và nô lệ, thấp kém và không có gì đặc biệt. Khi con đã quyết tâm nhận chịu việc cố gắng hóa giải các lỗi lầm thuộc các kiếp trước của con, con phải đưa vào (incorporate) trong con một số lớn các nguyên tử bị xuống cấp (debased atoms) có liên quan với quá khứ đó, vào mỗi một trong các thể thuộc phạm ngã của con; các nguyên tử này làm cho con trở thành yếu ớt (delicate), kém sức khỏe (unhealthy), đồng thời cũng ngăn chặn không để cho con có được bất cứ cố gắng cật lực nào, mãi cho tới khi con thành công trong việc chuyển hóa (transmuting) được một tỷ lệ nào đó các nguyên tử hạ cấp ấy.

“Nhưng sau cùng con lại đủ mạnh để cố chống lại một lần nữa với cái trở lực lớn nhất đối với sự tiến hóa của con, đó là Con Quỷ Quyền Lực (Demon of Power). Nói cách khác tổ chất hủy diệt (destructive element) mà bất cứ cơ hội nào con lên nắm quyền, nó liên tục khắc nổi dậy bên trong con. Do đó con được sinh trở lại trong một môi trường vốn sẽ đem lại cho con mọi cơ hội để học các bài học đặc biệt mà con cần đến. Con sẽ thấy và phán đoán xem chính con đã thực hành các bài học đó ra sao.”



Chương III

Ba Tư ⁽¹⁾

Tôi nhớ lại kiếp sống này do nơi các màn cảnh (scenes) nhỏ và thiếu mạch lạc mà tôi sắp thuật lại nơi đây. Các cảnh đó không chỉ đến xuyên qua một mình tôi mà thôi, vì một phần chúng còn do một người khác trong số những người cùng tôi tham dự vào các kinh nghiệm huyền linh đầu tiên ở căn nhà một tầng, nhìn thấy nữa. Phần còn lại của kiếp sống được tiết lộ – theo tôi nghĩ, không những chỉ vì có lẽ nó tiêu biểu cho các kiếp sống mà trong đó, lại một lần nữa tôi được thử thách bằng cách được dành cho cơ hội có quyền lực – mà còn vì lẽ vấn đề chính của tôi trong lần luân hồi đó cũng là vấn đề mà một số ngày càng nhiều những người nam và nữ hiện nay phải đối phó và nó cũng luôn luôn làm rối trí và gây sợ hãi cho những người không bao giờ hiểu được các biểu lộ của sự sống vượt ngoài kiểu mẫu thông thường (norm).

Hình ảnh đầu tiên là chính tôi – một phụ nữ – đang nằm dài trên một giường thấp (divan) trong căn phòng lớn. Ánh sáng chiếu rực rỡ bên ngoài cửa sổ. Mặt biển sáng lấp lánh với màu xanh trong vắt của cây phong tín tử (jacinth). Bầu trời sáng trắng lên vì nóng. Ai đó đang khóc tí tê bên cạnh

¹ Ba Tư: Persia (tên cũ). Nay là Iran (ND)

giường. Bằng cử chỉ nóng nảy, tôi quay đầu về phía trong của căn phòng khuất ánh sáng, quan sát hai nữ nô lệ. Với vẻ lấm lét và run sợ, chúng đang lau sạch máu me trên sàn nhà lát đá hoa nhiều màu. Tôi khinh rẻ cô gái có cái đầu xinh đẹp đang úp trên gối tôi – tuy nhiên tôi cũng yêu thương cô ta nữa. Đưa tay thân thờ vuốt ve trên má nàng, tôi lên tiếng hỏi :

– “Này Ereshem, sao em khóc? Trước đây em không bao giờ thấy một người đàn ông bị trừng phạt sao ?”

– “Không phải như thế này – Ôi, không phải như thế này...” Ereshem rên rỉ, giấu gương mặt nàng trong áo tôi dường như tìm cách xua đi hình ảnh của thân thể bị hủy hoại đó.

Tôi gắt gỏng :

125 – “Này, để chuyện đó làm bài học cho em. Và cũng là bài học cho bọn bây nữa”, tôi hướng về phía hai nữ nô lệ lúc ấy đã đứng lên và đang lấm lét đi về phía cửa. “Ta đã thề cả ngàn lần là ta không muốn có một ai trừ con gái chưa chồng (maidens) ở quanh ta mà thôi.” Tôi cười gằn, “Ta không nghĩ là con bé Manizha của chúng ta còn dám to tưởng đến bọn đàn ông nữa !”

Khi hai nữ nô lệ đi khuất, Ereshem ngồi dậy và dùng mép tấm mạng che mặt của cô ta lau khô nước mắt. Nàng thì thầm cùng tôi :

– “Em muốn biết tại sao tiểu thư thù ghét tất cả đám đàn ông như thế.”

– “Không chỉ một mình đàn ông thôi đâu. Hồi cô em yêu quý trong tim ta; đôi lúc ta cảm thấy chán nản mọi sự sống và cả mọi người nữa. Ta chỉ có thể thấy hạnh phúc khi ở cạnh cha ta hoặc với em.” Tôi kéo nàng lại gần, vuốt ve nàng, “Nào, người em bé bỏng, chúng ta đừng để tâm đến bọn đàn ông và sự ngu xuẩn của họ nữa.”

Nhưng tôi biết rõ rằng Ereshem không thể gạt ý tưởng về đàn ông ra khỏi tâm trí cô được. Trong thâm tâm vẫn tiềm tàng một ung nhọt cay đắng, vì mặc dầu nàng chưa hề yêu thương một người đàn ông nào, trong thực tế tôi không thể mang lại được gì cho nàng để làm thỏa mãn các ham muốn sâu kín nhất của bản chất nàng. Tôi đã chọn nàng làm kẻ sủng ái của tôi và đối xử với nàng bằng một sự pha trộn của sự ân cần và coi thường, đam mê và tàn bạo. Giờ đây đang khi tôi vuốt ve nàng, trí óc tôi còn bàng hoàng vì các lời lẽ của nàng, nổi giận mà không làm gì được, giống như con thú rừng bị nhốt trong chuồng.

Tôi biết khá rõ tại sao tôi thù ghét đàn ông; đó là do nỗi thèm muốn mãnh liệt cái sức mạnh của họ và một sự khinh miệt còn mãnh liệt hơn nữa đối với các yếu kém của chính tôi. Từ thuở còn rất nhỏ, tôi đã rất ghét thân xác này, tôi thấy như chính mình bị giam nhốt trong đó, tôi cũng không bao giờ thành công trong việc đồng hóa hoàn toàn chính tôi với thân xác đó. Là đứa con độc nhất của cha tôi, trước mắt ông, tôi luôn luôn muốn làm con trai hơn là con gái, và từ chối thừa nhận nữ tính của mình. Không hề sợ bất cứ gì, tôi đi săn sư tử trong áo quần đàn ông và tìm đủ cách để hành xử giống như đàn ông.

126 Tôi ban bố tình thương nồng nhiệt của tôi cho phụ nữ, tuy nhiên luôn luôn giữ ở sau trí tôi cái ý thức đắng cay rằng, dù có làm thế nào đi nữa, tôi cũng vẫn mang lấy cái phái tính mà tôi đã xem thường. Thân xác tôi chế giễu tôi, đến nỗi thường khi tôi muốn đâm vào ngực một cách man dại. Chẳng mấy nổi tôi bắt đầu ghét cay ghét đắng mọi thân hình đàn ông vì đó không phải là thân hình của chính tôi. Để giải trí, tôi bày ra các trận đấu vật và đánh nhau với bọn nam vệ sĩ của cha tôi, tuy nhiên, tôi ngờ rằng họ để cho tôi thắng cuộc

vì sợ tôi trả thù – và thế là tôi càng thấy xấu hổ cay đắng hơn. Bằng cách dùng các phương tiện tạm thời (makeshifts) để biểu lộ nam tính (manhood), tôi tìm thuốc chữa cho cảm thức vô dụng này, tuy nhiên có một cái gì đó bên trong tôi thừa nhận các việc đó chỉ là đại dột và vô ích. Nhưng phải thừa nhận chính tôi là một nữ nhân, để dành riêng cho một nam nhân... Ý tưởng đó làm cho tôi thấy ghê tởm, khinh ghét.

Sau cùng, mệt mỏi tôi đẩy Ereshem sang một bên và đứng lên, bắt đầu đi lên, xuống trong căn phòng thơm ngát, nệm đầy châu báu. Chỉ bằng cách chế ngự kẻ yếu đuối, cô thế, tôi mới có thể chứng tỏ sức mạnh của chính tôi, nhưng bao giờ tôi cũng vẫn không hài lòng kết quả của việc làm đó.

Đột nhiên con báo bị xích vào tường ngáp to lên. Đường như bị trêu tức (goaded) bởi âm thanh mang vẻ lười nhác đó, tôi chụp cây roi và con giận được dịp trút xuống con thú, tôi đánh cho đến khi con vật co rúm lại và dựa vào tường, rên ư ử (whimpering).

Lúc đó từ bên ngoài vang lên những tiếng : "Sanaï! Sanaï! Sanaï Fayiz !" Tấm màn được vén sang một bên, cha tôi bước vào phòng.

Tôi hạ cây roi xuống và quay lại đối diện với ông, cử chỉ ngượng ngùng pha lẫn với thách thức.

Cha tôi là người duy nhất trên đời có được mãnh lực xoa dịu được tôi; vì chỉ một mình ông dường như hiểu được tính khí khó hiểu (dark moods) của tôi và có thể hiểu được nỗi cay đắng vì chán nản, nó trêu tức tôi để tôi phạm vào các hành động tai ác. Về phần tôi, tôi rất mực yêu kính cha tôi. Chỉ có một mình ông mới có thể mang lại cho tôi cái an bình và cái tuyệt hảo mà tôi cất công đi tìm nhưng rất ít khi gặp được. Khi ngồi cùng ông trong khu vườn hoa hồng, đọc một quyển sách tranh có bìa dát ngọc, bàn bạc một quan điểm trừu

127 tượng nào đó về thần học (theology) lắng nghe tiếng đàn, tiếng hát du dương của đám nữ nô, tôi có thể quên đi mọi phiền muộn, chán nản và sau rốt không còn nhớ đến phái tính của mình nữa, nhờ thế đạt tới một trạng thái hạnh phúc toàn vẹn. Được như vậy là nhờ cha tôi, một con người sáng suốt, hòa nhã.

Thuở còn trẻ, ông có được vài tuần lễ gặp gỡ nhà đại hiền triết (great sage) Zarathustra ⁽¹⁾, và từ đó thay vì tiến thân làm một quan chức nhỏ ở triều đình, phụ thân tôi lại thích đi tìm chân lý, lánh mình trong một thế giới có các cuộc phiêu lưu siêu hình (world of metaphysical adventures), tôi cũng có nỗi khát khao cùng ông nhập vào thế giới đó. Chúng tôi sống ẩn dật trong một trang viên nhỏ, và tôi rất hài lòng với cuộc sống đó, trừ những lúc có các cơn bốc đồng, bồn chồn hoặc tham vọng ập xuống tôi, lúc bấy giờ tôi khóc lên vì giận và vô vọng khi nhận thấy cái thân thể đáng thương của tôi ngăn không cho tôi đạt được các kỳ công (feats) huy hoàng mà tôi hằng mong ước một cách cuồng nhiệt.

Lúc đó cha tôi đứng ở lối vào nhìn tôi, đang vuốt chòm râu dài, đôi mắt ông đầy xót thương.

– “Hỡi con gái của ta, ta có nghe lầm chẳng ? Có lý nào con cho hành hạ nô lệ trước mặt con ?”

¹ Zarathustra (Zarathustra, Zarathushtra, Zoroaste, Zoroastre) Giáo chủ của Bái-Hỏa-Giáo (Zoroastrianism). Ngài ra đời vào khoảng năm 628 trước T.C., một tiền thân của Phật Thích Ca. Bái-Hỏa-Giáo còn được gọi là Thiện-Ác-Nhị-Nguyên-Giáo, cho rằng thế gian là trường tranh đấu giữa nguyên lý Ác và nguyên lý Thiện. Tôn giáo này thờ lửa, vì lửa tượng trưng cho Dương, chủ về Thiện. Kinh sách chính: Avesta. Hiện nay (năm 2006), con số tín đồ trên thế giới là 2.605.000 người.

– “Hắn bị bắt gặp giao du với Manizha, con bắt hắn chịu hình phạt thích đáng mà thôi.”

Cha tôi phất tay cho đám hầu gái của tôi lui ra và ngồi trên chiếc divan cạnh tôi.

– “Này Cihrazad, con có quyền gì để áp đặt việc trả thù khủng khiếp này chỉ vì người nam và nữ hành động hợp với thiên ý (divine will) và thương yêu nhau ? Đôi khi ta thấy dường như là Ahriman¹) và đồng bọn của hắn đã nhập vào con rồi. Đừng quên rằng mỗi khi con để cho bọn chúng chế ngự qua các hành vi của con, là con làm nặng thêm cán cân chống lại linh hồn con. Con người có tự do ý chí (free will) và là kẻ phán xử chính mình. Con có muốn mãi mãi đi xuống hỏa ngục hay không? Còn về phần con vật đáng thương này” – ông trở vào con báo đầy thương tích – “cha e rằng Geush Urvan, thần bảo hộ dã thú (protector of beasts), sẽ trừng phạt con về việc này; một ngày nào đó dã thú có thể xé xác con đấy, hỡi con trẻ.” Ông thở dài, tiếp: “Tại sao con làm cho cuộc đời con đầy dẫy oán thù thay vì là tình thương?”

Tôi phác một cử chỉ nóng nảy :

– “Con muốn trở thành chủ trong ngôi nhà của chính con: đàn ông, đàn bà và thú vật đều phải tuân lệnh con.”

– “Chừng nào con còn quyền lực thì họ còn chịu tuân theo, nhưng đến một ngày nào đó khi con mất hết quyền lực, thì bấy giờ sẽ ra sao ?”

128 Tôi cười lớn, và nói :

– “Con không hề sợ, quyền lực nằm bên trong, con sẽ không bao giờ mất quyền lực !”

¹ Ahriman (còn viết là Ahrian), tức là nguyên lý Ác, hay là tà lực, ngược lại với nguyên lý Thiện, hay thiện lực, tức Ahura Mazda, trong Bái Hỏa Giáo. (ND)

Tôi bước đến gần con báo. Con vật thu mình lại dường như muốn nhảy xổ vào tôi, nhưng không chút sợ hãi, tôi cúi xuống trên mình nó, đặt tay lên đầu và nói bằng những tiếng trầm. Con vật run rẩy và nép mình dưới chân tôi. Bằng một cử chỉ khinh miệt, tôi bước trở lại chiếc trường kỷ.

– “Cha thấy không ? Con không cầm roi nhưng nó liếm chân con.” Tôi vỗ vào ngực, “Con giữ linh hồn nó ở đây!”

Tôi nhìn vào gương mặt buồn bã của cha tôi và liền đó nổi hồi hận tràn ngập trong tôi, xua đi tính ác bốc đồng của tôi. Tôi lao vào cạnh cha tôi, vòng tay quanh người ông.

– “Cha đến đây con rất sung sướng. Cha con ta hãy nói chuyện ở đây, quên hết chuyện đời, quên đi con người lẫn con thú ngu dại đi. Thực ra con chẳng quan tâm gì tới chúng. Dạy cho con cái minh triết của cha đi. Cha ơi, chỉ có như thế các Thần Quỷ (Jinns) mới bị xua ra khỏi tim con và con mới được an bình.”

Cha tôi thở dài :

– “Trút vào tai con những câu chuyện huy hoàng của Ahuro Mazdao⁽¹⁾ có ích gì đâu khi con không học hỏi được chút gì nơi các huệ giác (enlightenment) của Ngài ?”

– “Có lẽ một ngày nào đó con có thể hiểu được, xin cứ nói cho con nghe đi – thế là đủ rồi !”

Nhưng thay vì giảng về thi ca hoặc bàn bạc về các khía cạnh tinh vi của Thánh Hỏa (Holy Fire) cha tôi bộc lộ tâm tình của ông cho tôi nghe và tiết lộ rằng ông sắp gặp phiền toái vì sự an tĩnh của ông sắp bị xáo trộn. Hai lãnh chúa nổi danh đã gửi một sứ giả đến yêu cầu tiếp đón chính họ và

¹ Ahuro Mazdao: có lẽ đây là cách viết khác của Ahura Mazda, Đấng Tối Cao, hay nguyên lý Thiện, của Bái Hỏa Giáo. (ND)

binh lính của họ. Họ là nhân vật quan trọng ở Triều Đình (Court) và không thể bị khước từ.

Điều đó có nghĩa là có sự thay đổi, một hứng thú, một luồng sinh khí từ thế giới bên ngoài; tim tôi nhảy bùng lên. Nhưng rồi chợt nhớ lại tôi chỉ là một người đàn bà. Một ý tưởng chợt đến, tôi quyết cải trang, giả làm con trai của cha tôi và tham dự vào các lễ hội. Cha tôi không thể can ngăn được tôi. Và công việc được sắp xếp theo dự tính.

Tôi được biết rằng Azuri-bin-Zangi và Burandek có mối dây liên hệ chặt chẽ với nhau về tình thương cũng như về huyết thống. Họ đều giàu có và đem theo rất đông tùy tùng.
129 Chính vì vậy mà cần giao hảo với họ, vì giữ tình trạng thù địch với họ có thể rất nguy hiểm.

Thế là nhiều yến tiệc diễn ra và các buổi đi săn lớn được tổ chức, trong lúc đó nhờ cải trang dưới lớp nam tử, ngày lẫn đêm tôi đều được tham dự vào các cuộc vui. Vào một đêm, tôi cho tổ chức một đại tiệc trong đại sảnh của tôi và vì cao hứng đến nỗi tôi truyền lệnh cho Ereshem đến để chiêu đãi chúng tôi, vuốt ve nàng, tán thưởng nhan sắc và thuật yêu đương của nàng nữa.

Chỉ sau này tôi mới nhớ lại rằng mắt của Burandek và Ereshem bao giờ cũng tìm nhau và trong những ngày đó tâm trạng của cô gái này trở nên khác lạ hẳn.

Nhưng lúc đó tôi không bận tâm đến Ereshem, vì trí óc tôi còn lo toan bao sự việc khác. Tình bạn đã trở nên chín muồi giữa Azuri với tôi. Chúng tôi cùng săn đuổi sư tử và linh dương (gazelle), mỗi người tìm cách vượt hơn người kia, và chúng tôi cùng nhau vui vẻ trở về. Lúc họ già từ, Azuri tặng tôi một viên ngọc trai màu hồng có hình dáng kỳ lạ, dùng làm bùa hộ mệnh để đeo khi nhớ đến hắn, còn tôi, tôi

tặng lại một chiếc vòng đeo tay lớn bằng bạc có nam lam ngọc (turquoise) và hồng ngọc (rubies).

Sau khi họ ra về, suốt ngày tôi ở trên bãi biển một mình. Tôi bơi ra xa, thích thú đùa giỡn với các lượn sóng mạnh; tuy nhiên tôi cứ cảm thấy bồn chồn và buồn bã đáng cay. Mấy tuần qua, tôi hưởng được lối sống của một kẻ nam nhi – chính đây là cái duy nhất mà tôi thích; thậm chí cái minh triết của cha tôi hiện giờ cũng không có được bao nhiêu ý nghĩa đối với tôi. Chiều tối hôm đó trong một cơn khích động, tôi cho gọi Ereshem tới để tìm an ủi, nhưng không ai tìm thấy cô gái đó ở đâu cả.

Ba ngày sau tôi nghe tiếng đồn rằng có một phụ nữ che mạng cùng đi theo nhóm của Burandek; bấy giờ tôi mới hiểu rằng Ereshem đã trốn tôi đi theo một người đàn ông.

130 Tôi lồng lên vì giận dữ. Thực ra, tôi dường như bị ám nhập (possessed) bởi đám tà thần Ahriman. Thậm chí cha tôi cũng không thể làm gì được. Trong một tuần lễ tôi lao vào việc ăn chơi phóng túng và tàn ác khủng khiếp đến nổi tiếng đồn về việc đó lan ra khắp nơi. Bị xâu xé với nỗi đau vì ghen tức và xấu hổ, nên không một người đàn bà, một con thú hoặc một người đàn ông nào xung quanh tôi mà không bị nếm sự trả thù của tôi. Nhưng sau cùng, cơn cuồng nộ của tôi được thay thế bằng một sự điềm tĩnh đến lạnh người (icy calm), đượm vẻ tàn bạo và nguy hiểm hơn.

Tôi soạn thảo kế hoạch, quên hết mọi việc, ngoại trừ việc thèm khát trả thù của tôi. Tôi gom lại được một toán người liều mạng, mặc áo giáp, lên đường truy tìm kẻ đào tẩu.

Tôi không thể kể ra hết những gì xảy ra cho tôi trong các cuộc mạo hiểm, nhưng vào lúc đó tôi hẳn là được phú cho sức mạnh và sự khôn khéo hầu như của siêu nhân; có lẽ, như cha tôi đã có lần nói, tôi thực sự bị ám nhập bởi các tà thần

(evil spirits), chúng mượn thân xác tôi để làm việc của chúng và đưa đẩy tôi đi. Nói một cách vắn tắt, tôi đuổi theo Burandek, đến tận thành phố chỗ hắn ở, kiên nhẫn chờ cho đến khi nghe tin hắn đi vắng, tôi tìm được lối vào khu trú ngụ của phụ nữ, rồi vào một đêm, đích thân tôi tìm xuống phòng ngủ của Ereshem.

Tôi rút con dao găm, rồi lưỡng lự, vì giết cô ta, như thế thì có vẻ là một hình phạt quá đơn giản; Ereshem phải chứng kiến cái chết tiến tới gần bằng bàn tay mà cô ta đã vuốt ve và phản bội.

Tôi cúi xuống, tay bóp chặt miệng cô ta lại, Mắt cô ta chợt mở rộng với nỗi hãi hùng, chăm chăm nhìn vào mắt tôi. Lưỡi dao lóe lên, nhưng trước khi nó cắm xuống, thì hai cánh tay mạnh khỏe nắm chặt lấy tôi; lưỡi dao bị giật mạnh khỏi tay tôi và tôi thấy chính mình đang vùng vẫy trong cánh tay nắm chặt đầy cuồng nộ của chính Burandek, tên này đã quay về mà bọn điệp viên của tôi không hay biết.

Đêm đó, mình bị xây xát vì vật lộn, tay chân bị trói chặt, tôi nằm trong cái phòng nhỏ, phía bên kia là căn phòng mà những kẻ yêu nhau kia đang ăn mừng với nhau vì vừa mới thoát chết. Vừa đau đớn, vừa xấu hổ, kinh hoàng khi nghĩ đến những gì sẽ tới, tôi cứ nằm đó. Sáng hôm sau, gần như lóa thể giữa hai hoạn quan (eunuchs) khỏe mạnh, tôi bị lôi đi vào một phòng khác, nơi Burandek đang ngồi, bên cạnh hắn là Azuri-bin-Zangi.

131 Khi thấy hai tên này, tôi xấu hổ đến tột cùng, nhưng tôi vẫn ngừng đầu cao lên. Tuy nhiên, cơn giận của Azuri thật khủng khiếp, vì hắn cảm thấy chính hắn bị gạt và bị chế giễu với cái trò lừa gạt của tôi đối với hắn. Mắt hắn rực lửa, còn môi hắn mím lại đượm vẻ tàn bạo, hắn đứng dậy tiến tới gần tôi. Bằng một tay, hắn giật đứt chuỗi ngọc trai màu hồng ra

khỏi cổ tôi, ném xuống sàn nhà. Xâu chuỗi ngọc rơi gần chân Burandek, tên này nhặt lên.

– “Chuỗi hư rồi”, hắn nói một cách điềm tĩnh.

– “Vô dụng rồi, giống như bọn đàn bà,” Azuri đáp.

Burandek nhìn tôi với một chút thương hại.

– “Cô ta làm thế chỉ vì tình thương thôi,” hắn nhận xét, “cô ta không làm hại được ai cả trừ chính cô ta”.

Azuri quay đi với cái nhún vai khinh bỉ, nhưng trong khi làm thế, hắn nhìn chăm chú vào tôi. Chợt vẻ mặt hắn thay đổi. Luồng máu nóng nhuộm đỏ má tôi. Đột nhiên tôi cảm nhận ra một mối nguy còn đáng sợ hơn là cái chết. Tôi tuôn ra một loạt nguyên rửa nhắm vào hắn.

Nhìn vào chúng tôi, Burandek mỉm cười, hắn hỏi :

– “Tôi sẽ làm gì với cô nàng đây ? Tôi không muốn cô nàng này ở trong nhà tôi.”

– “Chuyện đó có liên quan gì đến tôi ? Bán cô ta đi – cô ta sẽ đem về một giá hời đấy.”

Burandek cười to và vượt qua chỗ tôi đứng, xé toạc áo tôi sang một bên.

– “Cô ta còn trẻ, đẹp – và là trinh nữ nữa, hỡi ông bạn của tôi”, hắn nhận xét nhẹ nhàng, “bạn có chịu nhận cô ta như là món quà của tôi không ?”

Azuri nhìn vào tôi chăm chăm và cười khẩy, nói :

– “Đúng đấy, cô ta sẽ sinh con trai xinh lắm.” Hắn quay sang bọn hoạn quan ra lệnh.:

– “Hãy làm mạng che mặt cho cô ta và đưa đến chỗ ở của ta. Nếu cô ta không tỏ ra thuận phục (reasonably), cô ta sẽ bị xem như là nô lệ của Nahid, chính thê của ta, từ giờ đến lúc đó – chúng ta sẽ xem sao.”

Đêm đó Azuri đến căn phòng nơi tôi bị trói nằm trên giường; hai lần tôi đã toan tự sát nhưng không thành. Lúc đó

tôi phun nước bọt vào hắn khi tôi bị lột trần, nhưng đành bất lực dưới con mắt hắn. Tôi gào chửi hắn bằng các lời lẽ vô cùng tàn tệ.

132 Hắn cười trối cho tôi, nói :

– “Cihrazad, hãy đứng lên và nói cho tôi biết tại sao cô lại ghét đàn ông và yêu thương đàn bà, trong khi cô là một phụ nữ xinh đẹp và quyến rũ như thế?”

Thình lình hắn cúi xuống nắm lấy tôi, hôn lên môi tôi; nhưng móng tay tôi cào lên ngực hắn, còn răng cắn chặt vào má hắn. Chúng tôi đánh nhau khắp phòng, mấy tấm thảm rách tan, bàn ghế lật nhào. Quả thật không uống công khi tôi học đánh vật với thuộc hạ của cha tôi. Sự kháng cự của tôi đã làm bùng lên trong hắn một ngọn lửa mãnh liệt. Nhưng sức lực tôi từ từ yếu đi, và tôi, một kẻ đã từng không chế nam tử, nữ nhi lần đầu thú biết rằng chính mình sau rốt không là gì cả dưới bàn tay đàn ông. Những giọt nước mắt của mệt mỏi và xấu hổ chạy dài xuống má, đau đớn vì vô hy vọng, tôi bật khóc. Mọi khổ não và nhục nhã của mọi điều yếu đuối trên thế gian dường như khép lại bên trong cơ thể rã rời của tôi khi hắn cuối cùng thả tôi trên giường.



Những năm tiếp theo sau đều mờ nhạt và chấp vá, các năm đó chỉ gồm ký ức về các xúc cảm hơn là về các biến cố, vì tôi luôn luôn sống trong một thế giới có các dực vọng sôi nổi. Chẳng hạn lần đầu tiên biết mình mang thai. Tôi cảm thấy dường như cơ thể tôi trở thành kẻ phản bội tôi. Trở thành món đồ chơi của đàn ông đã đủ nhục nhã rồi, giờ đây lại thêm chuyện mang thai nữa !

Tôi nhìn kỹ thân xác tôi bằng cái kính tỏm đầy bàng hoàng, cái thân xác mà tôi yêu thương, tuy mảnh mai, nhưng mạnh khỏe, đầy nam tính, rồi có cảm giác rằng giờ đây thực ra chẳng còn gì cả trừ cái chết. Căn đôi môi mỏng, tôi thể rằng tôi không mang con của bất cứ tên đàn ông nào cả. Đứa trẻ bị sinh non nên không sống được

Khi Azuri biết được những gì tôi đã làm, bấy giờ tôi phải đương đầu với con giận còn kinh khiếp hơn là tôi có thể tưởng tượng. Hắn bảo tôi :

– “Từ giờ trở đi, cô phải trở thành nô lệ của Nahid – có lẽ việc đó mới dạy cô biết bốn phận của một người đàn bà.”

133 Giờ đây Nahid và tôi thù ghét nhau trước khi chúng tôi gặp mặt. Sau này tôi mới biết được rằng Nahid sợ bị tôi giành chỗ (bà ta vốn là một phụ nữ rất kỳ quặc, khác hẳn bất cứ người đàn bà nào mà vị Chúa (Lord) của bà ta đã yêu thương) và qua các ma thuật (magical arts) của bà, bà đã tìm cách diệt (destroy) tôi . Nahid có nghiên cứu thuật chiêu hồn (necromancy) từ lâu, luôn luôn có các chiêm tinh gia (astrologers) và các nhà huyền thuật (magicians) ở bên cạnh để dạy dỗ cho bà. Giờ đây bà đã hả lòng hời dạ rồi. Bà cai quản đám phụ nữ dưới quyền bà bằng roi vọt và nhục hình, bà có thể trút hết mọi khao khát tàn bạo của bà lên trên người tôi. Bà ta giao cho tôi các công việc hèn mọn nhất, mà khi tôi phản kháng, bà ta đánh đập và bỏ đói tôi, cho đến khi tôi trở nên kiệt sức không còn phản kháng được nữa. Cuối cùng theo tôi nghĩ, để cứu mạng sống của tôi, Azuri mang tôi ra khỏi bà, rồi một lần nữa, cho tôi một chỗ ở riêng biệt.

Có một mối ràng buộc kỳ lạ nào đó giữa chúng tôi, một ràng buộc kết hợp của oán thù và dục vọng, của ác cảm (repulsion) với lôi cuốn (fascination). Ông ta không thể bỏ rơi tôi, mà cũng không thể quên tôi lâu được, và trong những

năm sau này, một tình bạn khó hiểu nảy nở giữa chúng tôi, vì ông ta thấy rằng đối với tôi, ông ta có thể nói chuyện như là đối với một người đàn ông khác về những chuyện mà một phụ nữ thông thường ít thấy quan tâm đến. Tôi cũng hiểu được mối liên kết (link) của hắn với Burandek, trong khi Nahid, một kẻ ghen tương quá mức về chuyện đó, lại không bao giờ có thể hiểu được.

Hình như tôi có nhiều con; tôi biết tôi bị đau đớn khủng khiếp; thân xác tôi dường như không được tạo ra để mang cái gánh nặng của phụ nữ. Tôi không có tình thương đối với con cái. Tôi chỉ thương hại con gái, vì nghĩ rằng thế nào rồi thân xác đẹp đẽ của chúng cũng sẽ bị đàn ông sử dụng, thế nào rồi chúng cũng sống trong sự hạn chế, tù nhân của chính sự yếu kém (inadequacies) của chúng.

Hơn nữa, tôi chán ghét cuộc sống trong hậu phòng (harem) ⁽¹⁾ với các mưu mô đen tối, các ác ý nhỏ nhen và các tranh giành ti tiện trong đó. Bị bao quanh bởi đám phụ nữ và sự chăm sóc của họ, bởi sự nhu nhược sâu đậm của cách sống đầy nữ tính nặng nề này, ký ức về quá khứ của tôi chẳng mấy chốc trở thành phương cách duy nhất để cứu vãn những gì mà tôi cảm thấy chính là cái ngã của tôi (my self) – tức là chân ngã thường hằng của tôi – khỏi sự hủy diệt. Thế nên tôi mãi mê đắm mình vào các mơ mộng của những ngày huy hoàng với biết bao tự do và hào hứng này, đi kèm với chúng là hình

¹ Harem, đúng ra phải viết là Harim hoặc Haram, có nghĩa là cấm kỵ, thiêng liêng.

Harem là hậu cung của vua chúa, hậu phòng của phú gia dành riêng cho đàn bà và tôi tớ của dân tộc theo Hồi giáo. Harem còn dùng để chỉ tất cả các đàn bà ở hậu cung hậu phòng. (Trích “Văn minh Ả Rập” của Will Durant, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê).

ảnh của cha tôi và các cuộc thảo luận của chúng tôi trong vườn. Các lời nói trang nghiêm, đẹp đẽ và đầy sức xoa dịu của ông trở về với tôi. Có lẽ chỉ có sự minh triết của các lời nói đó mới giữ cho tôi còn sống và minh mẫn (sane) trong những năm dài đau khổ mà tôi bị bắt buộc chịu đựng.

Không một ký ức nào rõ rệt hiện ra trong những năm đen tối đó. Chỉ có một ngọn lửa sáng tỏ bùng cháy ở đó, ấy là sự oán thù giữa Nahid và chính tôi, chắc chắn là oán thù này đã tàn hại cuộc đời của cả hai chúng tôi.

Sự chán ghét càng tăng thêm do bởi sự kiện là Nahid vẫn xinh đẹp lạ thường, trong khi việc sinh nở quá nhiều đã làm cho thân hình thanh tú của tôi trở nên kệch cỡm thô lậu (coarsened) và yếu đuối đi, đã thế nổi đắng cay còn để lại dấu vết trên gương mặt tôi nữa. Trong nhiều năm trời, Azuri giữ cho chúng tôi tách biệt ra, như thế mới đảm bảo cho hẳn một ít an bình, nhưng sau cùng định mệnh lại sắp xếp rằng một lần nữa, chúng tôi sẽ đối diện nhau và các mối dây sự sống của chúng tôi được nối kết với nhau không thể tách rời.

Một hôm Azuri đến gặp tôi. Mặt hắn có vẻ nghiêm trọng khẩn trương, hắn nói :

– “Tôi nay, tất cả mọi phụ nữ thuộc lãnh địa ta đều rời đây về Tallek-el-Bar, nhà của ta ở vùng núi non. Các bộ lạc ở đồng bằng đang tiến về thành phố này đông như ong. Burandek đã phi ngựa đón đầu chúng, ta đi tiếp ứng ngay đây. Nếu chúng ta thất trận, tức thần Ormazd ngăn cấm, chúng ta sẽ lui về Tallek-el-Bar tử thủ ở đó. Trong lúc này ta giao cho nàng và Nahid coi giữ mọi tài sản, con cái và nô lệ của ta. Ta có thể dành ra chỉ một vài người để bảo vệ nàng và phải để nàng ở trong sự chăm sóc của thần Ashem Vasishtem, nơi xuất phát công lý và mọi điều lành. Cầu xin Ngài che chở cho nàng. Ta thừa biết nàng và Nahid thù hận

nhau, nhưng vào lúc này, sự thù địch cần phải được xóa bỏ; tùy theo sự ngu dại hoặc khôn khéo của nàng, mọi sự có thể bị tiêu tan hoặc được cứu vãn.”

Hắn nắm cả hai tay tôi trong tay hắn, nói tiếp “Hồi Cihrazad, giữa chúng ta có một mối ràng buộc mà ta không tin có thể tồn tại giữa một người nam và nữ – và chính vì sự ràng buộc này mà giờ đây ta muốn thối lộ cùng nàng. Có lần nàng đánh đấm giống như bất cứ tay đàn ông nào; nàng không sợ hãi; không ai có thể cưỡi ngựa giỏi hơn nàng, không
135 ai có thể ném lao thẳng đến đích hơn nàng – Hiện giờ ta nói với nàng như một phụ nữ – Không đâu, như một hán tử ⁽¹⁾ mà nàng từng mong muốn trở thành. Nàng thừa biết ta yêu thương Nahid như chính sự sống của ta. Ta muốn để sự sống đó – hay đúng hơn ta muốn để danh dự của Nahid trong đôi tay nàng.”

Tôi trừng mắt nhìn hắn, kinh ngạc và rùng mình rồi quay đầu sang một bên :

– “Muộn quá rồi. Nay Azuri hãy nhìn vào ta mà xem ! Người đã biến ta thành đàn bà, ta không thể thành một hán tử trở lại theo ý người được.”

Hắn mỉm cười và dùng một ngón tay chạm nhẹ vào mặt tôi.

– “Ta kêu gọi cái tinh thần nam nhi nơi nàng. Ta không tin tưởng bất cứ ai khác – chỉ tin nơi nàng mà thôi. Ta đặt danh dự ta lại cho nàng. Ta biết rằng nàng sẽ không phản bội lại danh dự đó.”

Sau khi ôm chào tôi, hắn lên đường ra chiến trường.



¹ Hán tử: người đàn ông khỏe mạnh, oai hùng, giống như chữ hảo hớn. (ND)

Trong một thời gian ngắn, do xúc động bởi cùng ý tưởng chung về cô đơn và lo sợ, Nahid và tôi quay lại với nhau, trở nên tử tế với nhau hơn. Nhưng không phải trong một vài ngày, với chỉ bằng một vài lời mà mối thù hằn như của chúng tôi, quá lâu, ăn rễ sâu trong sự tranh giành gây đổ máu, được giải quyết xong. Sự nghi ngại giữa chúng tôi, giống như con rắn bao giờ cũng chực bùng lên.

Nahid tìm kiếm an ủi và sức mạnh trong bùa chú huyền thuật (magical incantations) của chị ấy, còn tôi, vì đã có nỗi sợ âu xa, không biện giải được về các bùa chú này rồi, nên tôi tự tiêu khiển bằng cách củng cố và tổ chức các phương tiện phòng thủ tại chỗ và thực tập cách dùng vũ khí, nhưng ngay cả việc làm này cũng không giúp cho tôi khuây khỏa được, vì khi tôi khoác vào bộ y phục nam nhi, tôi cảm thấy chỉ làm cho mình trở nên lố bịch mà thôi. Thân hình quá béo tròn, hơi thở trở nên ngắn, dễ hụt hơi, tôi trở nên yếu đi, còn tứ chi thì đau đến không thể chịu nổi dù với nỗ lực thật sơ sài. Chỉ có tinh thần tôi là còn hăng hái, trẻ trung như thờ xưa.

Những ngày dài bất động và bấp bênh kéo dài. Các dãy núi khép kín chúng tôi bên trong với một sự im lặng không có gì xâm nhập được. Đám đàn bà khóc lóc hoặc tán gẫu; đám hoạn nô (eunuchs) ⁽¹⁾ thì thầm với nhau và xao động theo tiếng khua leng keng nhẹ nhàng nhất của vũ khí; đám chiến sĩ nốc rượu và chơi xúc xắc để cho qua thì giờ nhàn rỗi; trong phòng riêng của mình, Nahid luyện bùa chú (cast her spells).

136 Dẫn dần, nhiều tin đồn bay đến chúng tôi. Một ngày nọ, chúng tôi nghe rằng một trận đánh lớn đã diễn ra ở vùng

¹ Eunuchs: Đàn ông bị hoạn được cho ở chung trong hậu phòng hay hậu cung (harem) với phụ nữ. (ND)

thảo nguyên và các Chủ Soái (Lords) phe chúng tôi thắng trận. Giữa lúc chúng tôi đang vui mừng thì một liên lạc viên (runner) chạy về mình đầy thương tích và kiệt sức, anh ta báo rằng cả hai Chủ Soái đều bị giết và rằng địch quân ngay lúc này đang tiến tới Tallek-el-Bar.

Tôi biết hệ thống phòng thủ yếu ớt như thế nào rồi; nhưng nhớ lại sự tin tưởng được đặt vào tôi, tôi quyết định cố thủ ở vị trí tới phút cuối cùng. Suốt ngày hôm đó Nahid tỏ ra bị kích động, cố khám phá xem những gì mà chúng tôi nghe được có thật đúng hay không. Thịnh thoảng bà ta gọi một người trong đám nữ nô của bà đóng vai một đồng tử để xem năng lực của bà đến đâu, nhưng luôn các nữ nô này đều phải hứng lấy các lời xỉ vả chua cay. Cuối cùng, trước nhu cầu thiết yếu của mình, Nahid đành hy sinh lòng kiêu hãnh, đến tìm tôi, bà nói :

– “Khi Azuri từ biệt chị, ông ấy có dặn bảo em hãy giúp chị khi nào chị cần đến, nào, bây giờ chị đến xin em hãy giúp chị. Bọn nữ nô của chị không có sức mạnh, mà cũng không có can đảm trợ giúp chị. Nhưng em và chị hợp sức cùng nhau có thể biết được sự thật mà các Thần Linh (Spirits) sẽ nói ra. Hơn nữa, nếu Burandek và Azuri thực sự bị giết thì bấy giờ chúng ta sẽ gọi họ ngay cả từ chính Cinvato Peretu trở về để truyền lại cho chúng ta sức mạnh của họ cùng với quyền hành, vì chắc chắn là chúng ta chưa bao giờ cần đến nó như hiện nay.”

Tôi muốn làm việc đó để giúp tất cả mọi người, còn bà này, vì các bí thuật của bà ta đã làm tôi bị mê hoặc, thậm chí có một thời chúng làm tôi sợ hãi nữa; nhưng ở đây, sau cùng , tôi thấy được cơ hội mà tôi đã chờ suốt các năm đắng cay này.

Tôi đứng dậy vừa cười vào mặt đối thủ của tôi, rồi một cách từ từ và với sự khinh miệt cay đắng như roi quất vào người đàn bà đang đứng kia để van xin tôi giúp đỡ, sau cùng tôi hét lên :

– “Nếu Burandek và Azuri chết thì có gì quan trọng đâu? Tất cả đều phải chết; làm một nam nhi và chết trong chiến trận còn hay hơn là sống mà làm một người nô lệ bị nhốt trong các tường cao và bị dọa dẫm với thân phận một nữ nhi. Nếu cần phải, tôi sẽ chiến đấu cho chị như tôi đã hứa, nhưng tôi sẽ không cầu khẩn với Thần Thánh, tôi sẽ không kéo Azuri trở lại với mấy cánh tay tham lam của chị đâu!”

137 Lúc đó, trong khi chúng tôi vẫn còn tranh cãi nhau, thì thình lình các tiếng kêu thất thanh vang lên khắp nơi, nào là tiếng rú, tiếng rên la, lẫn với tiếng khóc thét. Chúng tôi chạy ủa ra phía cửa, nhưng khi vừa tới cửa, thì tấm màn được vệt sang một bên, ở lối vào, chúng tôi thấy Azuri với bộ quần áo rách nát, máu me chảy từ đầu đến môi, loạng choạng, quờ quạng tiến vào. Hấn thều thào :

– “Mất sạch cả rồi, đạo quân chúng ta bị đánh bại. Chúng ta thoát chạy tới đây để cứu mọi người khỏi bị trả thù, nhưng bọn chúng đuổi sát đằng sau. Burandek đang chống đỡ ở cầu thang...” Tay hấn lần tới cạnh sườn. “Dao của ta đây! Nahid... hãy dùng dao tự xử đi... em đừng để bị bắt...”

Hấn té quỵ xuống đầu gối, ngã úp mặt xuống. Bằng tiếng rú đỉnh tai, Nahid sụp xuống bên cạnh hấn, nâng hấn lên trong cánh tay. “Chàng chết rồi... Azuri hỏi... quả tim em!” và Nahid gắt xiu bên cạnh Azuri trên sàn nhà.

Nhưng Azuri chưa chết hẳn. Với một cố gắng mãnh liệt, dường như kéo cái linh hồn đang miễn cưỡng trở lại nhập vào cái thân xác tan nát kia để hoàn tất mục tiêu mà vì đó hấn cố quay về, hấn tự chống tay lên cùi chỏ, phều phào:

– “Cihrazad”.

Tôi đến gần, đứng phía trên hắn, nhìn xuống hắn.

Bên dưới nhà tiếng ồn ào càng tăng, tiếng kêu khóc, tiếng hò reo của kẻ chiến thắng chen lẫn với tiếng hét thất thanh của phụ nữ và đám hoạn nô.

Tôi biết rõ kết cục nào sẽ đến đối với bất cứ phụ nữ bất hạnh nào rơi vào tay những tên tàn bạo này. Tôi không muốn trở thành một trong số phụ nữ đó.

– “Con dao...” Azuri thều thào.

Tôi cúi xuống, nhặt dao lên. Một dòng máu chảy tràn qua môi hắn. Hắn lại ngã xuống, nhưng đôi mắt vẫn hướng về phía cái xác bất tỉnh của Nahid. “Giết Nahid... hứa đi...”

Tôi không nói tiếng nào, nhưng hắn đọc được trong ánh mắt tôi.

– “Hứa đi, Cihrazad. Ta van nài...”

Tôi nhìn hắn, rồi cúi đầu :

– “Tôi hứa.”

Hắn dường như sắp nói nữa, nhưng tiếng hắn bị tắt nghẹn vì máu. Hắn chết hẵn rồi.

138 Còn lại mình tôi. Bên ngoài, tôi có thể nghe thấy tiếng nhốn nháo trên cầu thang. Một tiếng khóc thét của trẻ con đầy sợ hãi và thương tâm phát ra từ phòng trước; đó là con tôi, nhưng tôi bất động. Tôi đang đăm đăm nhìn Nahid. Tôi căm thù bà ta; để cho Nahid còn sống là cách trả thù khủng khiếp nhất mà tôi có thể chọn để bù lại các nhục nhã, đau khổ mà bà ta gây ra cho tôi.

Lúc đó Nahid cử động rồi ngồi lên ngơ ngác. Một tiếng đàn bà rú lên bên ngoài; một thân hình ngã xuống dựa vào tấm màn; một thân hình đầy thương tích lăn tròn vào phòng. Cái chết không là gì cả – nhưng các tiếng reo hò của bọn lính,

sây men tàn bạo và thèm khát – còn phụ nữ – luôn luôn là phụ nữ, các nạn nhân và nô lệ...

Tấm màn bị xé toang ra. Một thân hình to lớn, man rợ trong bộ áo giáp đầm máu, dừng lại ở đó, nhìn khắp phòng.

Nhìn lướt qua từ Nahid đến Azuri, tôi quay người lại, người đàn ông lao tới trước. Nhanh như chớp, tôi cúi xuống đâm lưỡi dao vào ngực Nahid, nhưng trước khi rút ra đâm vào tôi, tên lính đã chụp lấy tôi và giật mạnh con dao ra khỏi tay tôi.

Mặc cho tôi vùng vẫy, tên lính vẫn giữ chặt tôi và cất tiếng gọi đồng bọn của hắn còn bên ngoài.

Khi cả bọn chen chúc ở cửa, nhìn thấy gương mặt của chúng, tôi biết rõ số phận đang chờ đợi tôi...



Dù thuộc phái nữ, Cihrazad lại ít nữ tính biết bao ! Đúng hơn đó là tinh thần kiêu hãnh (proud spirit) của một nam nhi, bị đẩy (thrust) vào các giới hạn (restrictions) của một hình hài nữ nhi.

Cho dù ký ức mờ nhạt của cái chết khủng khiếp đó đã bị xóa nhòa một cách thuận lợi cho tôi khi muốn lý giải một vấn đề đã có từ ngàn thu.

Hiển nhiên là đã nhiều kiếp liên tiếp tôi đã được định hướng (polarized) làm nam nhân trước lần luân hồi ở Ba Tư này. Có nên trách Cihrazad hay không bởi vì khi cái tinh thần bên trong nổi loạn vì thấy chính mình bị giam giữ trong một hình hài xa lạ và không quen đáp ứng, cô ta đã tìm cách trở lại con đường quen thuộc và không đếm xỉa gì đến các định luật cai quản thân xác người nữ như vậy làm lệch cuộc đời của mình một cách tệ hại?

Bao nhiêu người ngày nay, nam có, nữ có, đang thấy chính mình đang ở trong tình trạng kém hạnh phúc tương tự như thế và họ không hiểu được các định luật bên trong đối với bản chất của họ, nên họ đang phản kháng lại y như tôi đã làm lúc đó, đồng thời họ cũng đang dò dẫm tìm kiếm bằng nhiều con đường giả tạo để giải quyết sự xung khắc đang xâm xé toàn bộ con người họ.

Trí óc tôi đi ngược trở lại con đường của lần đầu thai đó với một chú tâm sâu xa. Sự việc thứ nhất gây chú ý mạnh mẽ nhất là sự oán thù đen tối, điên cuồng giữa Nahid và tôi. Nahid hẳn phải là một kẻ thù nào đó trong quá khứ của tôi. Luôn luôn trí tôi đi ngược trở lại thời Atlantis – có chút manh mối rồi tôi chỉ có thể diễn giải thêm. Ngồi dựa vào ghế, tôi cố ráp lại một số khoen nối, thành linh viên ngọc trai màu hồng hiện đến trong trí tôi; tôi thấy viên ngọc đó ở đâu nhỉ? Kế đó tôi nhớ lại nhanh như chớp: viên ngọc đó thuộc về một người trong nhóm nhỏ bốn người chúng tôi.

Tôi bắt đầu ngẫm nghĩ về bản chất của ngọc quý và tại sao chúng rất thường xuất hiện để gắn liền với các kiếp sống con người. Đức tánh đặc biệt gì có thể tồn tại trong một hòn đá để cho khi nó xuất hiện, nó vẫn có được năng lực đem lại quá khứ hoặc để làm hiện trở lại các biến cố? Chính cái nhãn có chạm hình bọ hung của tôi, nó đã được cố ý truyền từ điển bởi một nhân vật vốn là một Chân Sư trong huyền thuật, nếu nó trở lại với tôi thì tôi hiểu được – còn viên ngọc trai vẫn là một bí ẩn.

Tôi cảm thấy chỗ này cần được Thấy tôi giảng giải, nhưng vì các cố gắng của tôi để tiếp xúc với tâm thức của Ngài đều không nhận được sự trả lời vào lúc đó, tôi chuyển sự chú ý của tôi vào việc nghiên cứu phần còn lại của kiếp sống đó với cố gắng tối đa của tôi.

140 Tuy dễ dàng lùi trở lại vào bầu khí đầy xúc cảm đó, tôi thấy hầu như chỉ có đau khổ. Chuỗi ngày dài của kiếp nô lệ, nỗi xấu hổ và nhục nhã của người đàn bà bị nhốt và hành hạ làm cho tôi rùng mình ngay cả hiện giờ. Thực ra tôi đã uống cái chén đắng cay đầy tới miệng mà xưa kia tôi đã ép buộc những người dựa vào tôi để có được cuộc sống phúc lạc phải uống. Chắc chắn là kinh nghiệm ấy phải được khắc sâu vào ký ức bất diệt của tôi đến nỗi không bao giờ tôi muốn tỏ ra tàn bạo với kẻ yếu nữa.

Sau rốt, Đức Thầy của tôi mới cho phép tôi tiếp xúc lại với Ngài. Sau khi chào mừng tôi, Ngài nói :

– “Ta để cho con tĩnh lặng một ít lâu, vì có như thế mới có lợi nhiều hơn cho con khi cố gắng tìm ra cho chính con ý nghĩa nào đó của các định luật phức tạp nằm bên dưới karma, mặc dầu tất nhiên là ý nghĩa sâu xa của chúng cũng vẫn còn là một bí ẩn đối với con. Trong bất luận trường hợp nào mà ta đang tiết lộ hiện nay, chỉ những kiếp sống nào xét thấy có liên quan trực tiếp với nhau, trong đó các hậu quả đang hiện ra một cách rõ ràng do các kinh nghiệm kiếp trước trong cách sống. Dĩ nhiên có nhiều kiếp mà trong đó những nhóm người khác được liên kết với con bằng sự thôi thúc của nhân quả, có những kiếp mà trong đó các kiểu mẫu khác nhau được thể hiện bằng các khoen nối khác nhau và nốt mà con giống lên qua việc dùng tà thuật không được gọi lại.”

– “Con phỏng đoán phải chăng đó là những kiếp vui vẻ hơn hạnh phúc hơn ?”

– “Quả vậy, có một vài kiếp như thế. Mọi cơ hội để có hạnh phúc cũng như có tiến bộ đều được ban phát cho người tiến hoá, còn các hoàn cảnh mà trong đó con người được sinh ra phải phù hợp với bất cứ khía cạnh nào đó của bản tính y mà y đang tìm cách phát triển. Toàn thể mục tiêu của Luật

Luân Hồi là đi đến chỗ cuối cùng Chân Ngã sẽ học được cách tạo ra một hiện thể (vehicle, thể để biểu hiện sự sống) của tâm thức, để qua hiện thể đó chân ngã có thể phản chiếu lại mọi trạng thái trong bản tính thiêng liêng (divinity) của chân ngã dưới trạng thái quân bình hoàn hảo (in perfect equilibrium). Việc đó giống như Chân Ngã đang tìm cách gọt dũa viên kim cương to lớn – linh hồn kim cương đích thực (the true diamond soul) – có ngàn mặt. Để làm được điều đó, Chân Ngã bắt buộc phải làm việc dưới nhiều hình thức, xuyên qua nhiều nhóm người, ngân lên nốt của nó dưới nhiều khóa (keys), lúc thì hoàn thiện mặt này, lúc mặt khác. Dù có các biểu lộ hoàn hảo nhất của nó trong hình hài con người, cũng không bao giờ có thể nhiều hơn một phần, các giới hạn của cơ thể (body) quả thật quá lớn. Đó là lý do giải thích tại sao tốt hơn là đừng bao giờ phán đoán một người nào dù cho người ấy có vẻ thấp kém hoặc vô minh đi nữa, vì có thể đó là một linh hồn cao cả đang giải quyết các lầm lỗi dưới bộ mặt khiêm tốn (humble disguise). Thật bao giờ cũng khó nhận ra chân lý ở giữa ảo tưởng.”

141 Tôi đưa ra nhận xét :

– “Con nghĩ là trong kiếp ở Ba Tư có một sự nhận biết lẫn nhau, Nahid không phải là người thuộc nhóm của con ở Atlantis phải không?”

– “Đúng vậy. Thương yêu và thù ghét đột ngột (sudden love and hatred) hầu như luôn luôn là kết quả của một điều tựa như tình cảm nồng nhiệt (result of some like passion) trong quá khứ.”

– “Thân phụ con là ai ? Lúc đầu thai làm Cihrazad, con thực sự chỉ kính yêu có một mình ông mà thôi.”

– “Ông ấy là một dây liên kết từ một kiếp có hạnh phúc. Con được sinh ra dưới mái nhà của ông để cho con có được

cơ may tiếp tục cái nỗ lực mà con đã tạo ra trước kia trong việc tìm kiếm minh triết. Con kính yêu ông ấy bởi vì tất cả những gì tinh anh tốt đẹp (fine) nơi con, tất cả những gì mà con mong muốn phát triển, đều đáp ứng với những gì mà ông ấy đã ban phát, giống như đoá hoa đáp ứng với người làm vườn đang chăm sóc nó vậy. Bởi sự rõ dại của chính con, con đánh mất người cha và tất cả những gì mà ông ấy có thể còn mang lại cho con.”

– “Còn chuỗi hồng ngọc đó như thế nào ? Thầy đã dạy con rằng không có điều gì gọi là ngẫu nhiên (coincidence) cả, tuy nhiên con không thể thấy...”

– “Ngọc quý (jewels) thu hút từ điển giống như mọi vật khác”, Ngài đáp, “nhưng chúng giữ lại lâu hơn, vì giới khoáng chất (mineral kingdom) thì rắn đặc nhất (the most concrete) trong tất cả các giới và tăng trưởng (grows) chậm đến nỗi nó dường như không có bất cứ sự sống nào. Giống như chiếc nhẫn bộ hung của con được truyền từ điển ở Ai Cập – ngoại trừ điểm là chiếc nhẫn này được truyền từ điển bằng phương pháp huyền linh và do đó mạnh mẽ hơn – vì thế, ở một mức độ thấp hơn nhiều, con người có thể phóng (project) một ít từ điển của chính mình vào một vật một cách không cố ý (unconsciously). Nhưng muốn cho việc này có được hiệu quả dài lâu, người làm việc đó phải ở dưới một kích thích tình cảm đặc biệt mạnh mẽ vào lúc đó. Nếu một vật (object) được truyền từ điển như thế bằng tình cảm thương yêu hoặc thù ghét bị rơi trở lại vào tay của người có liên kết với nó lúc ban đầu, nếu người này đủ nhạy cảm, thì vật đó có thể gọi lại các ký ức đang yên ngủ của y về biến cố đó. Trong bất cứ trường hợp nào sự tiếp xúc cũng rất có thể gây ra một sự hồi sinh (resurgence) nào đó đối với các diễn

biến nghiệp quả (karmic currents) của luân hồi đặc biệt đó.

142 “Thật ra, khi từ trong quá khứ mà quay trở lại như thế, một món trang sức (jewel) có thể được xem hầu như là một dấu hiệu cảnh báo về các món nợ nghiệp quả sắp hiện ra để được thanh toán. Nhưng lẽ đương nhiên, trong hầu hết trường hợp, con người không nhận biết được một dấu hiệu như thế và sẽ không thể giải đoán (decipher) được điều truyền đạt (message) của dấu hiệu đó nếu con người có muốn đoán đi nữa. Kiếp sống có đầy các đèn báo, đầy các trụ chỉ đường cho những ai đủ nhạy cảm để nhận biết chúng, nhưng cho đến nay, đa số con người hết vấp chướng ngại này đến chướng ngại khác, hoàn toàn thiếu chuẩn bị, để rồi phẫn uất kêu than với trời cao, tại sao cứ gặp bất hạnh, trách Trời trách đất, thay vì trách cứ chính cái tội đại dột của mình. Thấy mong rằng” – một lần nữa tôi cảm thấy cái vẻ ấm áp trong tình thương của Ngài bao trùm lấy tôi giống như một ngọn lửa đang lên xuống nhịp nhàng – “trong trường hợp của con, kiếp sống hiện tại này sẽ là kiếp cuối cùng mà con sẽ tấn công các lỗi tai của những ai đã canh chừng con bằng các phản đối và các chỉ trích gay gắt này.”

Tôi cúi đầu nhận lời. Nhìn lại quá khứ của mình rồi cuộc sẽ làm mất đi mọi tự phụ.

– “Đường như con người tiến hóa rất chậm chạp, đã thế lại quên và hay thối lui trở lại. Cihrazad dường như không được cải thiện rõ rệt so với Pharaoh. Cũng tàn bạo, đam mê, thiếu kềm chế... lại thêm con báo đáng thương nữa ! Sau rốt con nghĩ là Pharaoh đã hối hận về chuyện ác mà ông đã làm; ông ta chấp nhận nhiệm vụ đặt lên ông, ông tự nguyện tiến tới trên đường Phán Bồn Hoàn Nguyên.”

– “Đúng thế, nhưng như chính con đã nêu, ông ta hối lỗi vì e sợ – đó không phải là thực sự hối lỗi. Hơn nữa, hối lỗi vì bất cứ động lực nào, mặc dù tuyệt đối cần để bắt đầu, vẫn không thay đổi được Thiên Luật một tí xiu nào. Con có thể hối lỗi thật, nhưng các luồng chuyển động (currents) mà con đã làm linh hoạt bằng tà lực (evil) không lập tức tan biến hết khi con tuyên bố rằng con lấy làm ăn năn hối tiếc. Chúng phải được chính con hóa giải hoàn toàn và quyết tâm chuyển đổi hết. Không bao giờ có giáo điều nào độc hại cho bằng hai giáo điều về sự chuộc tội thay (vicarious atonement) và tha thứ tội lỗi (forgiveness of sins). Giáo Hội Cơ Đốc đã tạo ra cho chính mình một nghiệp quả nặng về sự báo phục (retribution) bằng cách cố tình làm lệch lạc (deliberately distorting) các lời dạy của Đấng Sáng Lập Giáo Hội để rồi nhấn mạnh vào các giáo điều lệch lạc như thế để đạt được quyền hành thế tục (worldly power).

143 Con người phải học cách gánh lấy trách nhiệm vì chính các lỗi lầm của mình và nhận lấy trọn các hậu quả. Con người phải tự mình làm mọi công việc. Với cương vị là Pharaoh, chắc chắn là con đã cố gắng tìm hiểu Thiên Luật, con đã dọn sạch mảnh đất trước mặt con một cách đầy đủ để con có thể tiến tới, nhưng cuộc thử thách thực sự của cái gọi là sự hối lỗi chỉ xảy đến khi con trở lại với thế giới, một thế giới đầy chiến tranh, hận thù và âm mưu với các bất hòa mà cái phần mạnh nhất của bản chất con được nhận thấy là hầu như không thể không đáp ứng được với nó. Vì con người, cho dù là kẻ mạnh nhất đi nữa, đều phản ứng lại với bầu không khí tình cảm bao quanh họ, nhất là nếu bầu khí đó tác động vào một điểm yếu kém nào đó trong tính chất (character) của chính họ. Điều tương đối dễ dàng đối với con khi thấy được các ích lợi của tình thương và minh triết trong khi con chung đụng với

những ai biểu lộ các tính đó, đồng thời tranh đấu chống lại Tổng Quả Báo (Dweller) của con trong cảnh an bình và vắng lặng của Đền Thờ, nhưng công việc như thế may lắm chỉ là có tính cách chuẩn bị.

“Thế nên, một lần nữa, trong lần luân hồi ở Ba Tư này, cơ hội hành động với uy quyền lại đến với con, nó giống lên một nốt mà các thực thể (entities) do con tạo ra qua việc lạm dụng quyền lực lập tức đáp ứng. Vì ta muốn nhấn mạnh với con một lần nữa và một cách thật mạnh mẽ rằng *các tà lực (dark forces) chỉ có thể tác động đến và gây nguy hại (endanger) cho những kẻ nào mà nơi họ, tà lực có thể tìm thấy một ái lực (affinity, sự thu hút, sự tương cầu, đồng thanh đồng khí) nào đó thích hợp với chính bản chất của chúng*. Do đó, người nào nghĩ rằng mình đang bị các đối thủ như thế tấn công, hãy lập tức tìm kiếm khuyết điểm (flaw) trong chính mình, chính khuyết điểm này mới khiến cho việc tấn công như thế có thể xảy ra.

“Trong kiếp ở Ba Tư, các thực thể tà vạy (evil entities) được tăng thêm sức mạnh (reinforced) bằng tính kiêu căng sẵn có và nhược điểm về đạo đức của con, chúng biểu lộ trong sự tự ti mặc cảm do những gì mà con nghĩ là bị sỉ nhục khi con mang lấy một hình hài nữ. Sự xung đột ngầm ngầm này khiến cho con tìm cách tỏ ra có quyền hành (assert yourself, tự khẳng định mình) mỗi khi có dịp. Kẻ hay bắt nạt (bullies) và kẻ thích trò tàn ác (sadists) luôn luôn là kẻ yếu – thường thường là kẻ bị ám nhập (obsessed people). Con thuộc về cả hai. Bây giờ ta sẽ cho con xem lại một kiếp sống có nhiều hạnh phúc hơn cả, mặc dầu kiếp này lại một lần nữa kết thúc bằng thảm họa hiển nhiên do chính sự điên rồ của con.”

Tôi kêu lên :

144 – “Hy vọng con trở thành nam nhi trở lại. Đường như con đã được đưa vào đủ các kinh nghiệm của nữ giới trong kiếp ở Ba Tư để đủ dùng trong một thời gian đáng kể. Chắc chắn con đã học được một điều gì đó qua nỗi đau khổ mà con đã hứng chịu trong kiếp đó chứ.”

Đức Thầy mỉm cười :

– “Nhưng con có thấy *rõ ràng là* con đã gây rắc rối (*did trouble*) khi học các bài học của người nữ hay chẳng? Con có bao giờ sẵn sàng chấp nhận (*acquiesce*) số phận của con hay chưa và có bao giờ nỗ lực cải thiện số phận đó không? Chẳng phải đến cuối đời con cũng vẫn mất cân bằng (*unbalanced*) đó sao? Con có bao giờ cố gắng tìm hiểu các huyền bí (*mysteries*) của khía cạnh âm (*feminine side*) của sự sống và cái bí mật của sức mạnh đàn bà ⁽¹⁾ không? Thậm chí có bao giờ con học được sự thông cảm thực sự đối với các nguyên nhân của sợ hãi, đau đớn và các khó khăn nơi phụ nữ hay không ? Con có thực sự, bằng sự khiêm tốn sâu xa, thú nhận lỗi lầm của con và tìm cách làm cho chính con được hoàn thiện trong hình hài người nữ hay không ? Không một tí nào, ngay cả trong khi hấp thu các kinh nghiệm này, con cũng không cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của chúng, mà con chỉ luôn luôn ở trạng thái nổi loạn. Một lần nữa con có thể thấy vì sao, nếu không có áp dụng đúng cách, thì không có một tri thức nào trở nên hữu dụng được cả. Xét về con người trên cõi trần, thì mục đích của sự tiến hóa là trở thành một con người hoàn toàn quân bình, có đủ các nam tính (*male qualities*) đó là ý chí và minh triết (*will and wisdom*) và các nữ tính, như là

¹ The secret of woman's strength : bí mật của sức mạnh đàn bà. Đức Thầy dùng câu này có ngụ ý chỉ sắc đẹp của phụ nữ. Đọc chương kế, độc giả sẽ hiểu rõ ý nghĩa của câu này. (ND)

trực giác và tình thương (intuition and love), linh hồn sẽ tìm cách biểu lộ trở đi trở lại trong một hình hài (form) vốn sẽ mang lại cho nó cơ hội để điều chỉnh sự thăng bằng cho đến khi các tính chất này được biểu lộ ở mức độ ngang bằng nhau (equal degree) . Cihrazad không bao giờ làm một người nữ thực sự ⁽¹⁾ cả, cô ta không bao giờ vận dụng được một cách có hiệu quả nhất các năng khiếu (gifts) được phú bẩm cho cô ta qua phương tiện phái tính nữ (female sex) của cô ta.

“Lần tới – nhưng thôi để con sẽ thấy và phán đoán sau...”



¹ A true woman: nên hiểu là “một người nữ *thực sự*, tức là một người đàn bà có cơ thể, vóc dáng (tức là cấu tạo sinh lý và cấu tạo thể chất) thuộc nữ phái, đồng thời cũng có các ưa thích, đam mê, hành động... nói chung là các *tính tình* thông thường của phái nữ. (ND)

Chương IV

Hy Lạp

Ở Hy Lạp, tôi trở lại cõi trần lần nữa dưới hình hài một phụ nữ, nhưng lần này tôi không còn chống báng lại phái tính (sex) của tôi nữa. Trong thời gian đó, hiển nhiên là tôi đã học được một số bài học do lần đầu thai ở Ba Tư, sau rốt tôi hiểu được cách vận dụng các mãnh lực tinh vi (subtle forces) mà một phụ nữ có sẵn trong tay, lần này tôi chấp nhận số phận và bắt đầu cố gắng sử dụng các tiềm lực của phái nữ (feminine potentialities).

Nhưng ở Ba Tư, sau khi tôi đã bắt buộc hứng chịu mọi điều khác thường (variant) có thể có của một kiếp phụ nữ, tôi vẫn không chịu tuân theo các định luật của Tạo Hóa. Đáng lẽ tôi phải chấm dứt việc tìm thú vui không lành mạnh (delight) nơi người cùng phái, chấm dứt việc chọn người tình trong số các nô lệ thân cận của tôi. Khi làm như thế, tôi đã cố tình làm lệch lạc (perverted) chính luồng sinh khí (life-stream), dưới trạng thái âm, đang tuôn chảy qua thân thể tôi, hậu quả của các cực đoan này (excesses) là làm mạnh thêm khía cạnh vật chất và thuần túy nhục thể của trạng thái tính dục đến một mức độ mà, khi tái luân hồi ở Hy Lạp, tôi bị chi phối và bị ám ảnh bởi các khuynh hướng tính dục (sex currents) mạnh mẽ tới mức khác thường.

Thế nên, ngay khi là con gái mới lớn (young girl), đòi tôi đã bị xâu xé bởi các dự vọng mà tôi không thể hiểu cũng như không thể làm thỏa mãn được.

Tôi trở nên búng bình (headstrong), bốc đồng (moody), với lòng sôi nổi khát sống và khao khát có kinh nghiệm, có tri thức, lẫn khao khát cái mỹ lệ. Vì hoàn cảnh bắt buộc, nhân sinh quan (out look) của tôi bị méo mó (coloured) bởi các qui ước thông thường của thời đại và nơi chốn tôi sống, điều không tránh khỏi là tâm trí tôi chuyển hướng sang nam giới, xem họ như là phương tiện duy nhất có thể có mà nhờ đó tôi có thể hoàn thành được các khát vọng của tôi.

146 Nhưng ít có cơ may kết bạn với nam giới đối với một cô gái sinh ra trong hàng thế tộc ở Athen. Tôi được nuôi nấng trong khuôn khổ nữ giới, được dạy dỗ mọi kỹ xảo (arts) làm cho tôi thích hợp để trở thành một người vợ đảm đang và người mẹ hiền.

Không thể có một tương lai nào khác cho chính tôi với cách dạy dỗ như thế. Nhưng trong thâm tâm, tôi không bao giờ chấp nhận số phận không mấy thích thú này, vì, cùng với nỗi khát khao bất bình thường về kinh nghiệm tính dục, tôi lại có một căng thẳng về tính chất lãng mạn và một khuynh hướng lý tưởng rất thuần khiết. Trong khi, về một mặt, tôi mơ tưởng đến việc chế ngự đàn ông – vì tôi thấy không thể làm thỏa mãn lòng ham muốn quyền lực của tôi bằng bất cứ cách nào khác – mặt khác tôi cũng mơ có được một người tình lý tưởng và hoàn hảo, kẻ sẽ mở được mọi cánh cửa cho tôi và sẽ mang lại cho tôi sự hài hòa và sự toàn bích (completeness) mà linh hồn tôi đang khao khao.

Nghe nói rằng, trước khi ra đời, mọi người đều được phép thấy trong một khoảnh khắc những gì có thể xảy ra trong kiếp sống tương lai. Nếu đúng như thế, tôi hẳn có giữ

được một ký ức sống động hơn bình thường nhiều về những gì được dành cho tôi, vì, ý tưởng về một cuộc hôn nhân được sắp xếp với một thanh niên giàu sang và khôn ngoan nào đó mà tôi chưa bao giờ gặp mặt, đã làm tôi ngập tràn ghê sợ.

Thậm chí trước khi đến tuổi lập gia thất, tôi đã liêu lĩnh sa vào yêu đương, có các cuộc gặp gỡ vụng trộm (stolen meetings). Tôi tưởng tượng rằng tôi đã tìm được lý tưởng trong người đàn ông này. Bất chấp các hiểm nguy, tôi thuyết phục anh chàng trốn đi với tôi, trong khi cha mẹ nhiều tham vọng của tôi đang sắp xếp một đám thính hợp cho tôi. Từ Athens, chúng tôi trốn xuống Sybaris, nơi có luật lệ lỏng lẻo hơn và địa vị người phụ nữ được tôn trọng hơn. Nhưng tất cả đều quá sớm, vì tôi nhận ra rằng, chàng thanh niên này không làm tôi hài lòng được. Vẫn còn chạy theo hy vọng hão huyền (will-o'-the-wisp) của các giấc mơ của mình, tôi bỏ hấn, đi theo người khác. Cuộc tìm kiếm của tôi tiếp diễn. Bị cuốn hút bởi sự thôi thúc mơ hồ về sự hoàn thiện, và bị lôi kéo bởi sự thôi thúc khác không mơ hồ lắm của nhục thân không thể làm dịu được của tôi, tôi trải qua hết người tình này đến người tình khác với kết quả đoán trước được, đó là do việc thả lỏng mọi hạn chế, cái tà lực cho đến lúc đó vẫn còn chưa tỉnh thức trong bản chất của tôi bắt đầu hiện ra. Thậm chí tôi không còn buông mình theo cái hão huyền của tình yêu nữa. Chẳng bao lâu tôi khám phá ra rằng thân thể tôi đáng giá bằng vàng, ngọc và nhiều nô lệ nữa, tức là mọi biểu tượng của sức mạnh. Ham muốn trở thành cái thị dục đang thống trị của tôi, ham muốn về xác thịt và ham muốn các đối tượng vật chất (material things).

147 Tôi quay lại Athens, ở đó trong vài năm tôi trở thành kỹ nữ thượng lưu hàng đầu (leading hetaera) trong thành phố. Tôi là kẻ có tham vọng; chẳng bao lâu tôi quy tụ chung quanh

tôi một giới nhỏ gồm những nhà giàu nhất, người thông minh nhất và các nghệ sĩ tài hoa nhất của Athens.

Mặc dù thành công, trong lòng tôi cũng cảm thấy có một cái gì đó thiếu vắng trong đời. Tôi không được hạnh phúc. Tôi cố quên đi giấc mơ của tôi, nhưng nó vẫn ám ảnh tôi. Sau cùng tôi nhận ra rằng không có tài sản nào, dù là quý hiếm, không một tri thức nào dù là lạ lùng và uyên bác, không một người tình nào, dù đem lại say mê nồng nàn đến đâu đi nữa lại có thể làm thỏa mãn sự thôi thúc này, một thôi thúc không phải của một mình thể xác (flesh) mà thôi.

Vào một đêm, có một khách sang thiết một dạ yến. Tửu yến ⁽¹⁾ đã bắt đầu. Hầu hết thực khách đã trở nên choáng hơi men. Dĩ nhiên không có phụ nữ nào tham dự ngoại trừ một vài kỹ nữ thượng lưu, một số người thổi sáo (flautists) và các vũ nữ (dancing girls). Phòng tiệc không còn trật tự gì cả, sàn nhà bừa bãi những hoa và quần áo bị vất ra. Tôi nằm trên ngực của người tình mới nhất của tôi, nhưng tôi không muốn vuốt ve, cũng chẳng muốn âu yếm gì cả. Tôi không say như nhiều người khác, đồng thời một linh ảnh sáng tỏ kỳ lạ ập đến với tôi. Tôi thấy chính mình chán ngấy trước cảnh say sưa của khách dự tiệc. Tôi thấy khinh miệt bộ mặt của tên tình nhân của tôi: bộ mặt đỏ au vì rượu, điểm lốm đốm vết bẩn, miệng há ra một nửa, vòng hoa hồng trắng vắt ngang qua mắt một cách lố bịch. Ngay sau đó một đám khách mới dự một bữa tiệc khác tiến vào. Tôi lơ đãng nhìn vào họ, chợt tia mắt tôi đập vào một người trong số vừa đến mà trước đây tôi không thấy. Hắn còn trẻ và trông dễ coi, nhưng ngoài

¹ Symposium : Tửu yến, (tiệc rượu), tức phần tiệc để uống rượu (drinking party) và nói chuyện sau bữa đại yến (banquet), đặc biệt của người Hy Lạp thời cổ. (Tự Điển Oxford, 1994)

điểm đó ra không có gì để giải thích được sự chú ý của tôi nữa.

148 Khi tôi chống tay nhóm dậy để nhìn hần rõ hơn, hần bỗng quay lại, bốn mắt nhìn nhau. Chúng tôi đăm đăm nhìn nhau trong giây lát mà đối với tôi dường như là vô tận. Không một ai trong chúng tôi cử động cả. Điều gì đã xảy ra ? Tôi không biết, nhưng dường như có một ngọn lửa truyền từ tim hần vào tim tôi. Tôi dường như trở nên một người đàn bà khác; tôi nhìn chính tôi và mọi vật chung quanh tôi với con mắt khác. Đột nhiên tôi cảm thấy hổ thẹn và kinh hãi. Khó mà biết được tôi đã làm gì, với một cử động nhanh nhẹn, tôi sửa lại quần áo, tự gỡ ra khỏi vòng tay của anh chàng tình nhân và đứng dậy. Tôi thấy người kia nói chuyện với một người trong đám khách của anh ta và hình như tôi nghe nhắc đến tên tôi. Ý muốn duy nhất của tôi là chạy trốn khỏi một cái gì đó mà tôi khó biết được. Tôi len lỏi trong đám thực khách nằm ngổn ngang ra đó, vì nhiều người trong đám đang ngủ cho giả rượu, rồi thậm chí không liếc về phía hần, tôi đi nhanh ra cửa gọi một nô lệ mang kiệu đến ngay. Tôi chờ ở lối vào nhà, dựa vào cột, mệt mỏi vì xúc động, rung động lẫn hoang mang.

Tôi nghĩ với nỗi khiếp sợ, đây mới là tình yêu đích thực, mũi tên tẩm độc của thần Eros ⁽¹⁾. Dù đêm đó có hơi nóng, tôi vẫn kéo tấm vải quấn quanh người (himation) choàng lên đầu và rùng mình. Bầu trời đen như nhung vắt qua đầu với một vài ngôi sao yếu ớt, không khí sục nức các mùi hoa; xa xa vẳng lại tiếng hót của một con họa mi. Đó là một đêm dành cho tình yêu...Ồ , sao đám nô lệ chậm đến vậy?

¹ Eros : Thần Ái Tình theo Thần Thoại Hy Lạp. (ND)

Một tiếng động phát ra sau lưng, khiến tôi đưa mắt nhìn quanh giống như một con vật bị săn đuổi. Có phải tôi hóa điên chẳng ? Tại sao chợt thấy người đàn ông đó, tôi lại trở thành một cô gái sợ sệt hốt hoảng như thế ?

Một giọng nói nhẹ nhàng cất lên :

– “Chloris hỡi, tôi van cô hãy nán lại, xin cho tôi nói đôi lời. Tôi là Serretes, một nhà điêu khắc. Suốt cuộc đời tôi mãi đi tìm một người mẫu cho tác phẩm lớn của tôi, nữ thần Aphrodite ⁽¹⁾ thiêng liêng nhô lên từ ngọn sóng. Tôi đã rong ruổi đến Ai Cập, Ba Tư, đến tận các đảo xa, mà chưa bao giờ tìm được nữ thần đó. Giờ đây, đến Athens, sau cùng mắt tôi mới thấy được nữ thần. Tôi không thể để cho cô bỏ đi. Cô chính là nữ thần, người đàn bà mà tôi từng tìm kiếm, cảm nhận được trong các giấc mơ của tôi. Tôi van xin cô, hãy nhận làm người mẫu cho tôi.” Giọng hần run run.

Tôi không dám nhìn chung quanh. Mùi hương của vòng hoa tím (violets) choàng quanh đầu hần làm cho tôi xây xẩm (faint). Do quá xúc động, do cực kỳ cảm động vì hồ thẹn và bàng hoàng, các cử động của tôi chỉ do sự mất bình tĩnh điều khiển. Ngay lúc đó, kiệu của tôi được đưa tới. Không nói một
149 lời, tôi bước lên, kéo màn che ngay trước mặt hần, rồi lao mình vào gối, tôi bật khóc. Tôi đã mất hần. Tôi không biết lực điên cuồng nào thúc tôi chạy trốn như thế. Suốt trên đường về, tôi khóc như người mất hồn. Khi kiệu dừng trước nhà, tôi lão đảo bước ra. Ngay lúc ấy, một gương mặt hiện ra từ bóng đêm. Chính là hần. Hần nói :

– “Tôi đã theo sau cô. Tôi không thể làm khác hơn được. Có lẽ là cô khinh tôi; đúng là tôi hãy còn nghèo và chưa được

¹ Aphrodite : Nữ thần sắc đẹp và ái tình của Hy Lạp. Người La Mã đồng hóa thần này với Nữ thần Vénus (Thần Vệ Nữ) của họ. (ND)

ai biết tới; còn cô là người rất có tiếng tăm. Các nhân tình của cô đều là những người giàu nhất trong thành phố. Tôi không thể hiện cho cô các nô lệ, vàng bạc hay ngọc quý được – nhưng tôi sẽ làm được nhiều hơn.” Giọng nói của hắn vang to, còn tôi thì rùng mình trước mục tiêu và sức mạnh của hắn. “Tôi sẽ làm những gì mà họ không thể làm được. Tôi sẽ làm cho cô trở nên bất tử! Trong các thế hệ sau này, con người sẽ chiêm ngưỡng hình dáng của cô, cái huy hoàng trong nét đẹp và cái hoàn hảo mà cô sẽ là biểu tượng của nó. Hỡi Chloris tuyệt trần (divine), cô có nghe hay chẳng? Cô có đón nhận món quà của tôi không?

Tôi quay sang hắn, mặt đầy nước mắt. Ánh đèn từ trên lối vào chiếu xuống mặt, nhưng tôi không để ý đến. Tôi lên tiếng:

– “Tôi không muốn món quà của anh. Hỡi Serretes, tôi không muốn gì của anh cả...”

Vẻ mặt hắn thay đổi, đôi tay buông thõng xuống cạnh sườn.

– “Vậy ra cô không chấp nhận đề nghị của tôi? chẳng có hy vọng gì sao?”

Tôi cười nhẹ, ngược mặt nhìn hắn, mở rộng vòng tay với cử chỉ buông thả:

– “Tôi không muốn gì của anh. Tôi chỉ muốn cho anh tình yêu. Tôi có đòi hỏi quá nhiều chẳng?”

Hắn thở nhanh, rồi gio thẳng hai tay lên bầu trời tối đen, gào lên:

– “Hỡi nữ thần Aphrodite, thật không uống công con đã cầu nguyện nơi đền của người. Hỡi thần Eros, xin được tạ ân ngài giữa các Thần linh (Gods)!”

Và rồi, ôm tôi trong đôi tay giống như chàng rể bế cô dâu, hắn đưa tôi vượt qua cửa, tiến vào nhà.



150 Tiếp theo sau đó là ba năm hạnh phúc đến nỗi tôi nghĩ người trần thế ít có được. Tôi tậu một biệt thự ở vùng quê; để Serretes làm việc nơi đó. Chúng tôi trải qua nhiều giờ lang thang qua các khu rừng nhỏ, trèo lên các đỉnh đồi cao, tràn ngập hạnh phúc đến nỗi đôi lúc tôi e ngại hai chúng tôi sẽ hứng chịu sự ganh tị của các thần linh. Nhưng chẳng mấy chốc bóng đen đổ ập xuống tình yêu của chúng tôi. Tác phẩm của Serretes bắt đầu được tán thưởng ở mọi nơi, nên chúng tôi bị buộc phải quay về Athens. Nơi đây, tôi thấy mình bị nổi ghen tương xâu xé. Chỉ có một người dũng mãnh mà lại dịu dàng như Serretes mới có thể chịu được các cơn cuồng dại do tôi gây ra. Tôi muốn Serretes chỉ dành cho một mình tôi mà thôi, tôi bị ray rứt với bao nghi ngờ và lo sợ nếu Serretes chỉ vắng mặt trong vài giờ. Chắc hẳn là tôi đã biến cuộc sống của Serretes thành một cực hình, nhưng đức kiên nhẫn và tình thương của Serretes là bằng chứng tương phản ngang bằng với các đam mê thiếu kiềm chế của tôi. Hơn thế nữa, Serretes luôn luôn tìm cách truyền lại cho tôi một ít tính chất thẳng băng của chàng và một loại nhân sinh quan triết học (philosophic outlook) mà chắc chắn là vào lúc này đã có ích cho chàng rất nhiều.

Serretes vốn là người quê quán ở Crotona, trước khi gặp tôi, chàng sắp gia nhập trường phái Pythagoras ⁽¹⁾ và tự

1 Pythagoras (Pháp ngữ: Pythagore – 570 -> 480 trước T.C): Triết gia và nhà toán học Hy Lạp, người đầu tiên dạy ra Thuyết Luân Hồi Chuyển Kiếp (Metempsychosis) ở Âu Châu. Theo Ngài, kiếp sống ở trần gian (earthly life) là một giai đoạn thanh luyện của linh hồn (purification of the soul) (Trích Welster's Biographical Dictionary).

nguyên tuân thủ lời nguyện sơ khởi là tịnh khẩu ba năm (three year's silence). Tâm trí Serretes vẫn hướng về trung tâm kiến thức và là trung tâm minh triết ấy. Serretes thường bàn thảo việc chúng tôi cùng về Crotona, miền đất rất thân thương của chàng. Nhưng tôi thấy nơi Pythagoras có một nguy cơ cho sự hòa hợp chặt chẽ của chúng tôi, nên, mặc dù tôi cũng có phần nào bị ý tưởng đó thu hút, nhưng tôi tìm cách lôi cuốn chàng ra khỏi giấc mơ này và giữ kỷ chàng hơn bao giờ hết bằng các ngọn lửa tình của tôi, còn hơn là có nguy cơ phải chia sẻ người tình của tôi ngay cả với một người tình rất dỗi lạnh nhạt như là triết học chẳng hạn.

Nhưng rồi Định Mệnh bất ngờ chen vào chuyện của đời tôi. Chiến tranh bùng lên giữa Crotona với Sybaris. Serretes cho biết rằng chàng phải quay về và giúp bảo vệ mảnh đất thiêng nơi quê cha đất tổ của chàng.

Đối với tôi, biến cố đó dường như kết thúc mọi giấc mơ của tôi. Thuở còn thơ ấu, tôi luôn luôn bị ám ảnh với một nỗi sợ hãi vu vơ về chiến tranh dưới bất cứ hình thức nào, thậm chí nhìn thấy những người lính là tôi khiếp đảm rồi. Bây giờ tôi lại tin chắc rằng Serretes sẽ bị giết. Tôi dùng hết mọi tài 151 khéo léo để đánh đổ quyết tâm của chàng, nhưng ý thức trách nhiệm đối với thành phố chôn nhau cắt rốn của chàng vẫn mạnh hơn tình yêu của chúng tôi. Tôi không để cho Serretes được yên; tôi trách móc và nổi trận lôi đình, tôi hờn dỗi, rồi khóc lóc. Sự hài hòa tuyệt diệu trong cuộc sống bị phá vỡ. Lần đầu tiên chúng tôi tranh cãi hầu như không dứt. Sau

Học sinh trung học biết tên triết gia này qua Định Lý Pythagore: Trong một tam giác vuông, bình phương của cạnh huyền bằng tổng số bình phương của hai cạnh góc vuông. Theo giáo lý huyền môn, triết gia Pythagore là một tiền thân của Chân Sư K.H. (N.D)

cùng, vào cái ngày trước khi Serretes sắp xếp ra đi, tôi tung ra đòn cuối cùng, đó là dọa rằng nếu Serretes bỏ bê tôi, tôi sẽ quay về với cuộc sống cũ mà tôi đã từ bỏ vì chàng.

Serretes chỉ mỉm cười và buồn bã nói với tôi :

– “Anh chả biết điều đó hay sao? Đó là điều duy nhất làm anh do dự – tuy nhiên, dù có ra sao đi nữa, anh cũng phải đi. Vâng, em yêu, anh biết rõ hoàn cảnh bắt buộc (necessity) của em, em cần đàn ông như người ta cần không khí để thở vậy. Em sẽ luôn luôn cần đến họ để thỏa mãn tính độc đoán, thân hình gợi cảm của em, đồng thời cũng để thỏa mãn sự thèm muốn của trí óc khát khao hiểu biết của em nữa. Vì em đã có biết bao người tình trước anh, thế nên sau này em cũng sẽ có nhiều mối tình khác. Chúng ta khác nhau nơi điểm đó. Anh sẽ không bao giờ ưa thích bất cứ người đàn bà nào khác trừ em.”

– “Nhưng anh sẽ để em lại cho bọn họ mà ?”

– “Anh phải ra đi.” Serretes tiến đến chỗ tôi nằm trên trường kỷ và ôm tôi trong tay. “Ôi, Chloris, đừng nên làm khó cho anh nữa. Crotona nhỏ yếu, mọi người đều phải chiến đấu nếu chúng tôi muốn đánh bại Sybarites. Nếu ở lại đây, anh sẽ không bao giờ được hạnh phúc, ngay cả trong vòng tay em, vì anh sẽ cảm thấy mình là kẻ phản bội dân tộc khi họ trong cơn nguy khốn. Thôi, em cứ tự do làm theo ý muốn.”

Lúc đó tôi trở nên mất bình tĩnh và khóc một cách đau đớn.

– “Không,” tôi thốt thức, “Em không cần thứ tự do đó. Em không hề biết đến tình yêu trước khi gặp được anh. Em sẽ không bao giờ yêu trở lại nữa. Em thế sẽ giữ chung thủy.”

Chúng tôi đang ngồi trong sân nhà. Tôi ngược nhìn lên với vẻ tuyệt vọng. Nơi đây đẹp đẽ quá, nhưng khi ra đi, chàng sẽ đem theo hết mọi cái đẹp của nó. Tôi lặng nhìn ánh

nắng chói chang trên vệ đường; ánh nắng len vào tia nước mảnh mai của các vòi phun tạo ra màu sắc lấp lánh. Bên ngoài, trong cái bóng mờ tối còn vương hơi ấm (warm shadows), các hàng cột chạm tinh xảo của sân giữa (Atrium) vươn lên một màu trắng lộng lẫy, và đây là nơi đặt kiệt tác (masterpiece) của chàng, tượng nữ thần Aphrodite, đang xoay nghiêng như vừa ra khỏi ngọn sóng, với một phong thái yêu kiều biết bao, một ánh mắt vô cùng linh hoạt, một sức sống dường như đang rung động nhịp nhàng bên trong tứ chi cân đối của nữ thần. Tượng nữ thần này là quà tặng chàng dành cho tôi, khiến tôi trở thành bất tử.

Tôi chỉ vào pho tượng :

– “Trước mặt thần Eros, em thề rằng sẽ vẫn giữ trong sạch như băng tuyết (chaste and cold) giống như vị nữ thần kia cho đến ngày chàng về.”

Đây là lần đầu tiên tôi nhận chịu thất bại.

Serretes giữ tôi chặt hơn, đặt tay lên miệng tôi, hầu như sợ hãi.

– “Đừng thề thốt gì cả, Chloris. Anh không muốn em thề, chỉ cần em đoan chắc rằng em sẽ hân hoan đón chào ngày anh về là đủ rồi.” Serretes liền tháo chiếc nhẫn to khỏi tay chàng. “Hãy đeo chiếc nhẫn này vì anh, nó là lời cam kết của anh đối với em. Không bao giờ có điều gì sẽ làm đổi được tình anh; việc nhớ lại vẻ kiều diễm của em sẽ mang lại cho anh sức mạnh; anh nghĩ nó sẽ che chở cho anh khỏi cái chết nữa.”

Nhưng giống như một đứa trẻ, tôi bám chặt vào Serretes :

– “Em muốn thề,” Tôi bật khóc lên. “Em muốn ràng buộc chính em vào anh bằng mọi lời thề với trời đất.” Thành linh tôi ngừng đầu lên. “Serretes hỡi, anh thường van nài em tiến đến hôn nhân với anh, nhưng em đã từ chối. Giờ đây, nếu

anh vẫn còn ý đó, em sẽ chấp thuận ngay, có như thế em sẽ cảm thấy có mối ràng buộc không thể thay đổi. Với tư cách là vợ của anh, em phải giữ gìn tiết hạnh để khỏi làm hại thanh danh của anh trước mọi người ở Athens.” Tôi lại khóc nữa. “Trên cõi đời này, không có gì em mong muốn hơn là được chung tình với anh.”



Lúc đầu, hãnh diện vì trở thành vợ của Serretes, tôi tuân giữ lối sống biệt lập một cách chặt chẽ. Tôi sống với các lá thư của chàng và nhờ được Serretes dạy các nguyên tắc cơ bản theo kỹ năng của chàng, tôi tiêu khiển bằng cách cố gắng sao chép lại công việc của chàng. Tin tức được đưa về ít dần và khoảng cách ngày càng dài ra. Sau cùng mọi thư từ đều vắng bật. Tuy nhiên tôi vẫn hy vọng. Ngày tháng kéo dài lê thê. Đối với tôi nếp sống khác thường này chỉ hơi kém hơn hình phạt một chút mà thôi, vì tôi là kẻ chỉ quen cuộc sống phóng túng với đàn ông ở Athens. Chắc chắn tôi giữ được chung tình, nhưng với cái giá đắt biết bao! Serretes đã nói đúng khi cho rằng tôi được sinh ra không phải để giữ gìn tiết hạnh. Nhưng tôi làm được như thế là nhờ tình thương đối với chàng. Tuy nhiên việc vắng bật tin chàng kéo dài đến nhiều tháng khiến cho quyết tâm của tôi bắt đầu lung lay. Tôi tự hỏi, nếu quả thật Serretes chết rồi, thì tôi tiếp tục sống trong tình trạng tiết hạnh vô nghĩa lý này, tức đình đốn (stagnation) về thân xác cũng như về trí tuệ, để làm gì, vì thân xác tôi không để cho tôi yên, đồng thời tôi cảm thấy rằng trí não của tôi không thể chịu đựng được lâu sự căng thẳng mà hiện nay thân xác tôi đang hứng chịu. Tuy nhiên tôi

không dám tiến vào thế giới đàn ông trở lại, vì tôi biết chính nhược điểm của tôi quá rõ và không tin tưởng thế giới đó.

Nhiều giờ trôi qua, tôi bước tới bước lui không nghỉ, giạt mình theo mỗi tiếng gõ cửa, hy vọng đó có thể là người mang tin (messenger) hoặc ai đó đến thăm tôi. Chốn này tĩnh lặng quá...Tôi cho là chẳng bao lâu tôi sẽ bị người ta quên tôi – những phụ nữ khác sẽ chiếm chỗ của tôi trong sinh hoạt của thành phố này.

Nghĩ đến đó, tôi hốt hoảng chạy nhanh tới tấm gương, rồi mất hàng giờ để tô điểm, vuốt nắn gương mặt của tôi một cách lo lắng. Tôi nghĩ, chắc chắn là nổi sần mụn và lo âu đã để lại dấu vết (mark) trên mặt tôi.

Gần một năm trôi qua, Tôi trở nên gầy hơn, bị căng thẳng thần kinh (nerve-racked). Trước kia tôi luôn luôn được coi như người quảng đại và nhân từ với tất cả những kẻ giúp việc cho tôi, giờ đây tôi trở nên gắt gỏng với các nô lệ của tôi.

Tôi đâm ra sợ hãi trước sự thay đổi nơi chính tôi. Nghe tin có một viên y sĩ Ai Cập mới đến rất được ưa chuộng vào lúc đó, tôi quyết định tìm đến xin tư vấn.

Từ ngày gặp hẳn, Nectanebes cứ đến nhà tôi luôn. Hẳn làm tôi bị mê hoặc, đồng thời tôi lại e sợ hẳn. Do thiếu tình yêu, lại thích được tăng bốc, tôi không thể cưỡng lại khi nghe các lời đường mật của hẳn. Hơn thế nữa, nhờ có kiến thức sâu rộng, hẳn giúp cho tôi có cái nhìn thoáng qua về các truyền thuyết lạ lùng từ trước đến giờ bị cấm phổ biến và thêm một triết thuyết, mà theo cách riêng của nó, triết thuyết này cũng thu hút được tôi như triết thuyết của Serretes vậy, vì nó hứa hẹn dẫn vào lãnh vực pháp thuật, huyền bí và quyền năng. Hẳn chế nhạo ý tưởng giữ lòng chung thủy đối với người yêu của tôi, còn tôi nhớ lại chính Serretes có nói rằng chàng không kỳ vọng tôi là người chung thủy. Tôi bị

xâu xé giữa các ý tưởng đó. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, tôi không chịu thua trước các nài nỉ của tên Ai Cập, mặc cho các hứa hẹn của hắn và cách thức khéo léo mà hắn dùng để kích động sự kiêu hãnh, tính nhẹ dạ và sự tham lam của tôi.

Một hôm, đang khi chúng tôi ngồi trong sân nhà, đột nhiên hắn nói:

– “Này Chloris, không có gì trên đời mà tôi ngần ngại mang đến cho cô, ngay cả chính tuổi xuân vĩnh cửu nữa, nếu cô chịu trao thân cho tôi; chúng ta có thể cùng nhau thụ đắc các bí mật đó.”

Tôi ngược nhìn lên, kinh ngạc trước các lời của hắn:

– “Tuổi xuân vĩnh cửu ư? Anh có quá lời không! Không ai có được quyền năng đó cả.”

Hắn mỉm một nụ cười bí hiểm:

– “Ôi chao, em đâu có biết gì về quyền năng đó, mặc dầu em sống vì nó và rất khao khát có nó phải không?” Với một động tác nhanh nhẹn, hắn nắm chặt cổ tay tôi, kéo tôi đến cái bể nước bằng đá.

– “Nhìn nào”, hắn vừa nói vừa chỉ xuống mặt nước tĩnh lặng có gương mặt tôi được chiếu nơi đó, “trong vẻ đẹp ấy có chứa tất cả cội nguồn sức mạnh của em ⁽¹⁾, nơi xác thân trắng trẻo của em, nơi ánh mắt linh hoạt, vẻ duyên dáng, nơi sức sống nồng nhiệt trong tuổi thanh xuân của em! Tuy nhiên, những cái đó sẽ tàn tạ đi; mắt em sẽ mờ, da em sẽ nhăn, thân xác em trở nên tiêu tụy. Đối với em, muốn có hạnh phúc, em cần phải giàu sang, cần có cuộc sống xa hoa, cần được sự

¹ Độc giả còn nhớ ở trang 144 (bản tiếng Anh), Chân Sư có nói đến “bí mật của sức mạnh đàn bà”, tên thầy thuốc Ai Cập này xác minh lại lời dạy của Đức Thầy- (ND).

thán phục. Nếu không có sắc đẹp thì ngay cả Serretes, nếu hắn còn sống, hắn cũng sẽ bỏ rơi em – đừng đại dốt mà tin rằng hắn không cần những thứ đó nơi em. À mà hắn đã bỏ mặc em để sống chết với quê hương của hắn kia mà! Mấy nhân tình khác còn nghĩ tưởng đến em nhiều hơn thế; dù vậy, họ cũng sẽ quên em khi em trở nên già nua, nếu không quên thì họ sẽ nhìn em với vẻ thương hại và chê trách. Số phận em sẽ ra sao?” Hắn đưa mặt hắn sát mặt tôi. “Anh sẽ tiên tri gì nào? Một kỹ nữ xác xơ, tàn tạ, bám vào cổ các thủy thủ say sưa ở các bến cảng, hay là một hành khất lái nhải xin bố thí ở cổng thành Athens? Hay là, có thể uống thuốc độc tự tử vì tuyệt vọng?”

Lời lẽ của hắn giống như những mũi tên có ngạnh, phóng nọc độc vào mạch máu tôi. Tôi chăm chú nhìn, bị lôi cuốn vào hình ảnh của tôi. Vào lúc đó, một cơn gió nhẹ, không biết từ đâu thổi đến, làm xao động mặt nước; hình ảnh trở nên bị vặn vẹo một cách khủng khiếp. Nỗi kinh hoàng đổ 155 ụp xuống tôi. Đúng rồi, sắc đẹp của tôi chính là vũ khí duy nhất của tôi, tài sản thân thiết nhất của tôi, vậy mà tôi đang phung phí nó, khóc thương cho Serretes, kẻ mà thực ra, đúng như Nectanabes nói, đã phản bội tình tôi để lấy cái hư danh (empty thing, cái trống rỗng) mà anh chàng gọi là danh dự (honour).

Gã Ai Cập ngồi lên thành bể nước và kéo tôi ngồi xuống bên cạnh. Hắn lên tiếng:

– “Em biết không, ở Ai Cập, tôi có rất nhiều quyền hành. Tôi có nghiên cứu pháp thuật. Tôi giàu hơn là em tưởng. Nếu em làm theo ý tôi, em sẽ có nhiều đồ trang sức đến nỗi không một phụ nữ nào ở Athens sánh được; em sẽ có biết bao ngựa đẹp nơi xứ Ba tư, có nhiều nô lệ không thể đếm được, em sẽ có được mọi thứ. Hơn nữa, tôi tin rằng nhờ các nghi thức

pháp thuật, người ta có thể đạt đến vẻ thanh xuân và mỹ miều vĩnh cửu, sự hiểu biết đó sẽ bắt người khác lệ thuộc vào chúng ta mãi mãi. Có phải đại đột không khi mà trọn đời hy sinh cho một lý tưởng viễn vông?”

Giọng điệu thuyết phục của hắn cứ tuôn ra, và khi tôi nghe thấy các viên ảnh lấp lánh này, thì hình ảnh của Serretes trở nên lu mờ dần. Tuy nhiên, tôi vẫn còn bị giằng co giữa hai hình ảnh này. Cuối cùng tôi nói:

– “Nếu ưng thuận thì làm sao tôi biết chắc rằng anh sẽ giao cho tôi cái bí mật của tuổi xuân? Một con người như anh có thể chịu ràng buộc bằng lời thề chẳng?”

Hắn mỉm cười và rút từ trong thắt lưng của hắn một lọ thủy tinh chứa đầy một chất lỏng màu đỏ tía nhạt (dull purple liquid).

– “Lọ thuốc này còn đáng giá hơn bất cứ lời thề nào trong cõi đời này, ví nó chính là thanh xuân thủy (elixir of youth) mà em mơ ước.”

Tôi la lên”

– “Cho em đi!”

Nhưng hắn cười và giữ cái lọ ngoài tầm tay tôi.

– “Không, không, ở đây chưa đủ đâu. Em không biết các nghi thức kỳ bí nào, các tinh chất huyền bí nào mới chung cất được loại thủy dược này. Mỗi buổi bình minh, đặt chút ít lên đầu lưỡi liên trong sáu tháng thuốc sẽ có hiệu quả. Chloris, hãy nghĩ kỹ đi, trẻ mãi, đẹp mãi và có quyền lực nữa!”

Tôi ngồi nhìn chằm chằm vào lọ thuốc, thờ hốt hển. Tôi nhủ thầm, nếu Serretes chết rồi, thì không có gì đáng nói; còn nếu Serretes quay về thì tôi cũng đã có được kiến thức kỳ diệu đến mức có thể hoàn toàn làm lu mờ mọi điều kỳ diệu được dạy ra trong giáo lý của triết gia Pythagoras. Tôi thì thào:

– “Ồ đâu chúng ta có thể có được đầy đủ?”

– “Ồ các nghi lễ nơi đền nữ thần Hecate. Nếu tối nay em chịu đến với tôi nơi đền của nữ thần, em sẽ được chỉ dạy các bí pháp này và tương lai sẽ thuộc về em.”

Tôi chịu đi, và khi đã trao thân cho Nectanebes, tôi ngày càng ở dưới bùa mê của con người hắc. Dân Athens cười cợt và chế nhạo, nhưng tôi không còn để ý đến. Nếu một phần của tôi bị thu hút và đáp ứng với Serretes, thì cũng thế, nơi phần kia, tôi lại thấy hoàn toàn hài lòng với gã Ai Cập. Chỉ có một điều mà mặc cho hắc cố nài nỉ, tôi vẫn không chịu làm, đó là quay lại đền thờ Hecate và tham dự trở lại vào các nghi lễ của nữ thần. Tôi khám phá ra rằng pháp thuật làm tôi khiếp sợ và tôi cố quên đi những gì tôi đã chứng kiến nơi đó.

Rồi một hôm tôi nhận được một bức thư của Serretes. Trong thư, Serretes cho biết chàng đã bị thương và bị bắt làm tù binh. Trong nhiều tháng, chàng đau ốm, tuyệt vọng. Chàng bị bán làm nô lệ, nhưng đã được trả tự do và đã trở về Crotona, Serretes van xin tôi đến đó và tái hợp với chàng.

Tôi thuật lại mọi việc với Nectanebes và cho hắc biết rằng tôi rời Athens ngay tức thì.

Hắc cố can ngăn tôi, nhưng vô ích. Giờ đây tôi nhìn hắc một cách lạnh nhạt. Tôi không muốn nhớ lại chuyện hắc đã có lúc là người tình của tôi. Sau đó hắc bắt đầu đe dọa, các lời dọa dẫm của hắc thật đáng sợ. Tôi run lên, hốt hoảng. Để tranh thủ thời gian, tôi hứa với hắc là sẽ không rời Athens mà sẽ xin Serretes đến với tôi. Nhưng tôi lại bí mật chuẩn bị ra đi và dứt khoát không để cho Nectanebes đến gần tôi với tư cách tình nhân.

Tôi không dễ gì trốn thoát. Nectanebes đã đặt người canh giữ nhà tôi và hầu như tôi trở thành một người tù. Thế rồi nhiều ngày trôi qua, sau cùng tôi nhận được một thư khác

của Serretes. Thư chỉ có vài hàng. Serretes viết rằng chàng đã nhận được thư tôi, thư này báo rằng tôi không còn yêu Serretes nữa và trả lại cho chàng chiếc nhẫn mà chàng đã tặng tôi. Chàng viết:

- 157 – “Về phần anh, anh sẽ không bao giờ hết yêu em trong kiếp này hoặc kiếp nào khác. Anh luôn luôn hiểu rằng đối với một phụ nữ như em thì việc giữ được chung thủy khó biết bao, cho dù chỉ trong ý tưởng. Nhưng khi mất em, đối với anh, thế gian trở nên trống rỗng, thậm chí kỹ năng của anh cũng trở thành vô dụng. Anh đã xin nhập vào trường của Đức Thầy (Master) Pythagoras, và khi thư này đến tay em, thì anh đã thể giữ im lặng (taken the vow of silence). Trong ba năm tĩnh tâm này (three years of quietude), tư tưởng anh sẽ luôn luôn ở bên em. Cầu xin chư thần hộ trì em và đem lại cho em mọi điều mong muốn.”



Ý tưởng của tôi là nhớ đến chiếc nhẫn. Từ lâu rồi tôi không đeo nó và tôi lại không cẩn thận với đồ trang sức của tôi. Tôi bảo tất cả bọn đàn bà đi tìm, nhưng không thấy đâu cả. Lúc đó tôi mới biết rằng việc này là do Nectanebes gây ra.

Khi hắn đến, tôi đối chất với hắn. Hắn không phủ nhận điều gì cả. Chính hắn đã gửi thư và chiếc nhẫn.

– “Anh muốn đưa em về Ai Cập cùng anh. Anh có thể sử dụng em ở đó cho mục đích vĩ đại mà cuộc đời anh được cống hiến vào đó. Em sẽ được giàu sang và hạnh phúc – hạnh phúc hơn là em ở với một tên nhân tình nghèo xác xơ.”

Một cuộc chiến ý chí mãnh liệt nổ ra giữa chúng tôi, tuy cố gắng hết sức, hắn cũng không thể chế ngự được tôi – bùa

mê bị phá hỏng và giờ đây tôi chỉ muốn rằng không bao giờ tôi có thể nhìn mặt hắn trở lại.

Sau cùng, bị đánh bại, hắn quay gót bước ra, nhưng đến cửa hắn dừng lại:

– “Mi có nhớ cái hình ảnh mà ta đã chỉ cho mi thấy trong bể nước hôm nọ không? Số phận mi sẽ như thế đấy, đó là món quà chia tay mà ta dành cho Chloris đáng thương đó – ta nguyện rửa mi.”

Tôi hất đầu, cười lớn:

– “Mi là đồ điên mà cũng học làm khôn. Lời nguyện rửa của mi có ích gì khi mi đã đưa cho ta lọ thuốc thanh xuân vĩnh cửu đây này!” và tôi lấy từ trong ngực ra cái lọ con mà tôi luôn luôn mang theo trong người.

Hắn mỉm cười chậm rãi nói:

– “Cái lọ đó à? Đó là nước lã nhuộm màu bằng nước ép dâu tằm (mulberry). Mi tưởng rằng ta chịu để phí quyền năng pháp thuật của ta cho cái vớ vẩn tầm phào (trumperies) của đàn bà sao? Chính vì mục đích lớn lao hơn mà ta mới cần đến mi.”

Hắn ra đi một mạch, không thèm liếc nhìn lại lần nào. Cánh cửa đóng sầm lại. Cái lọ con rơi ra khỏi tay tôi, vỡ tan từng mảnh trên sàn nhà.



Có những hình ảnh khác nữa trong kiếp làm Chloris, nhưng chúng chỉ là các hình ảnh thoáng qua, mờ nhạt và không biết chắc, dường như là bất chấp mọi cố gắng để quên đi, các hành vi, do chính các liên kết của chúng với sự kinh sợ và sự thoái hóa, vẫn còn in sâu vào âm bản bén nhạy (sensitive plate) trong ký ức bất diệt của tôi. Dường như tôi

thấy một kỹ nữ già yếu lẩm lũi đi qua những phố nhỏ hẹp, dơ dáy bên kia bến tàu, trải qua các cảm giác thất vọng và tủi hổ trước cái tàn tạ từ từ của nhan sắc. Lời tiên tri của tên Ai Cập chắc chắn đã ứng nghiệm: “Hoặc là cái chết, có lẽ, tự tử vì thất vọng...” Có thể đã kết thúc như thế, tuy nhiên, đúng ra, việc suy sụp đáng thương này không phải do nguyên rủa – vì không có sự nguyên rủa nào ứng nghiệm cả, trừ phi trong người bị nguyên rủa có một ít tà lực tương ứng nào đó – nhưng đúng hơn do cái nhận thức khủng khiếp bên trong của chính nàng, đó là, khi mất Serretes, nàng đã đánh mất Sự Sống theo ý nghĩa tốt cùng của nó – vì nàng đã tự làm hỏng chính mình và như vậy đã giết chính *cái động lực của sự sống* trong mình (the *very life urge* within her). Nàng đã trở thành chính sự nguyên rủa của chính mình. Giống như bệnh thối mục (canker), ký ức của nàng đã từ từ ăn sâu vào tâm điểm cuộc sống của nàng, đã hút cạn sinh lực của nàng, đã ngấm ngầm hủy diệt các phẩm tính mà từ trước đến giờ đã mang lại cho nàng biết bao thành công. Không còn ham muốn, thậm chí dường như thấy không có gì đáng làm nữa; năng lực thu hút và nắm giữ đàn ông thông minh không còn nữa, vì nàng không còn chú ý để cố gắng làm như thế nữa. Nàng buông bỏ hết, giống như vật không có sự sống (dead thing), nàng trở thành kẻ nằm bên ngoài tầm hiểu biết (ken) của người đang sống.

Tôi thấy nàng ngồi cạnh mặt nước phẳng lặng, lốm đốm ánh trăng ở Hellespont. Những tảng đá đen nhô lên phía sau; không khí ẩm áp, đầy hương thơm, nhưng cái đáng yêu huyền diệu của đêm hè không còn có thể làm lay động được 159 hồn nàng. Tôi thấy gương mặt nàng ánh lên thứ ánh sáng bệnh hoạn và thật là khủng khiếp, dường như bị tàn phá bởi một thứ bệnh đáng sợ nào đó. Nàng giương đôi mắt vô hồn

nhìn xuống mặt nước phía dưới. Đôi môi nàng trở nên thô dày lên vì sự ăn chơi quá độ, luôn luôn lẩm bẩm; tôi nghe thấy tên Serretes, và trong thoáng chốc, tâm thức tôi hòa lẫn với tâm thức nàng, tôi cảm thấy cái tên này giống như một âm điệu (note) tuyệt vọng, đồng thời nổi thống khổ như vang lên cả vũ trụ. Đầu nàng gục xuống, hai tay đập lên các cạnh sắc của tảng đá. “Trời hỡi, sao ta không thể chờ, sao ta không thể chờ chứ”, tôi lại nghe nàng nói “Bao năm dài còn chờ được, thêm một chút nữa lại không. Tôi có điên chẳng? Giàu sang và sắc đẹp so với cái đó có ý nghĩa gì? Cái đó là cái gì ngoài tinh hoa của cái đẹp? Ta không biết; ta mù quáng, ngu ngốc, dốt nát. Ta chỉ xem thân xác ta như là thánh thần. Chàng mới là thánh thần của ta, vì thân xác ta mà ta đã mất chàng. Mãi mãi. Không bao giờ trở lại – không bao giờ trở lại...”



Thất bại – thêm một thất bại. Nhưng lần này thất bại vì tình. Serretes là ai đây? Có phải Serretes là Shahballazz trở lại lần nữa vào cuộc đời tôi chỉ để bị phản bội? Kết quả của sự phản bội đó là gì? Có phải Chloris có lý: Tôi đã thất bại lần nữa, có lẽ trong nhiều thế kỷ, con người này có ý nghĩa rất nhiều đối với tôi phải chăng?

Một cảm giác thê lương kỳ lạ bao trùm lấy tôi trước ý tưởng đó. Đó không chỉ là sự đồng nhất về tâm lý với tâm thức của Chloris, mà còn là một sự sợ hãi thật sự và ngay trước mắt. Vì tôi biết rõ rằng sự tìm kiếm của Chloris không phải là duy nhất. Trong sự sống riêng của tôi, tôi thường cảm thấy có một người bạn tri âm thân thiết nào đó, một người tình hoặc một người bạn vốn dĩ sẽ tiêu biểu cho một cái gì đó

có liên quan với một sự mở rộng, một sự bổ sung cho cá tính (personality) của chính tôi, đồng thời tôi cũng biết rằng dưới hình thức này hay hình thức khác, một ham muốn như thế thường được gọi là một “linh hồn tri kỷ” (“twin soul”) mà ở đâu cũng có.

160 Tôi tự hỏi cái ao ước căn bản này là cái gì mà lại ám ảnh nhân loại đến thế? Các nhà sinh vật học có thể bằng lòng khi xem đó chẳng qua chỉ là động lực thôi thúc của thiên nhiên để sinh sôi tạo tác (procreate); dĩ nhiên, đó chắc chắn là ghi nhận thấp kém nhất; nhưng tôi cảm nhận chắc chắn là còn một ý nghĩa bên trong cao xa hơn.

Khi tôi được phép tiếp xúc với Thầy tôi trở lại thì Ngài xác nhận điều này ngay tức khắc. Ngài nói:

– “Đối với một số người, việc tìm kiếm linh hồn tri kỷ hầu như là một ám ảnh (obsession), còn đối với một số người khác chỉ là một giấc mơ, thực ra nó có ý nghĩa nhiều hơn là một động lực thôi thúc về mặt sinh học (biological urge). Nó có rất nhiều khía cạnh và có tầm quan trọng sâu xa đến nỗi cần được xem xét kỹ nếu con trầm tư suy tưởng về ý nghĩa của nó.

“Trong kiếp làm Chloris, cả hai khía cạnh thấp và cao, đều được chiếu lại một cách rõ rệt, và, do việc nghiên cứu tình hình của Chloris, con có thể rút ra được nhiều bài học; điều đó giải thích tại sao con được cho thấy kiếp đó với nhiều tình tiết như thế. Như bao lần trước, điều cần thiết là các khía cạnh thấp của bất cứ biểu lộ nào cũng nên được xem xét kỹ và hiểu rõ trước khi các khía cạnh cao và đúng thực hơn có thể tiếp cận được, chúng không thuộc về phạm ngã và do đó có tính phù du, mà mang chính bản chất của linh hồn và do đó chỉ có chúng mới có thể mang lại hạnh phúc lâu dài.

“Vậy nên, hãy để cho những ai cảm thấy khát khao mãnh liệt một linh hồn tri kỷ của mình, hoặc là khát khao một người cộng tác lý tưởng (ideal partner), một người bạn hoàn hảo (perfect friend), một đứa con tận tụy, hoặc bất cứ dạng thức nào mà hình ảnh đó khoác lấy, hãy hỏi chính mình xem mục đích gì mà một cá nhân như thế được trù định để đóng vai trò trong các kiếp sống của họ. Có thể họ sẽ nói rằng đó phải là một người nào đó sẽ đi cùng đường với họ, cùng chia sẻ mọi sướng vui và đau khổ, cảm thông với tâm tính của họ, che chở cho họ trong lúc đau lẫn lúc mạnh, trung thành đến lúc chết. Nói cách khác, một người sống chỉ để thỏa mãn mọi nhu cầu của họ. Dĩ nhiên đến lượt mình người tìm kiếm (seeker) cũng sẽ đòi hỏi được mong muốn phụng sự và yêu thương; và đối với nhiều người, điều này chắc chắn là đúng. Cho dù sự việc có xảy ra đúng như thế đi nữa thì cũng sẽ là điều tốt lành (motives) của mình một cách thành thực. Y có thể nhắc nhở chính mình rằng có rất nhiều người khác trên đời mà y không biết, những người này rất cần tình thương và các việc phụng sự mà y rất khao khát dành cho một người duy nhất. Điều này có thể minh chứng cho y rằng, có lẽ sự tìm kiếm này phần lớn được kích hoạt (activated) bởi các ham muốn xuất phát từ các khía cạnh thấp thuộc bản chất của y để được thỏa mãn hoàn toàn về mặt cá nhân, như vậy rất có thể sẽ không chứa được các yếu tố lâu dài của sự hợp nhất hoàn toàn với một người khác.

“Điều hiển nhiên là đối với một cá nhân thông thường, tức là kẻ hầu như hoàn toàn tập trung vào mức độ vật chất hồng trần, không có khó khăn gì khi tìm kiếm một “linh hồn tri kỷ” (“twin-soul”) hay là một người có sự tương cầu chặt chẽ (close affinity); nhưng khi một người đang phát triển, đang mở rộng và đào sâu các mức độ mà y hoạt động trên

đó, thì đương nhiên là y đòi hỏi ngày càng nhiều nơi những người sẽ cùng đi với y trong cuộc hành trình của kiếp sống. Hậu quả là y có khả năng thấy rằng các đòi hỏi của y ngày càng tăng lên, khó mà thỏa mãn được và thường thường sẽ trải qua một sự cô đơn to tát về tinh thần. Dĩ nhiên phải có nhiều ngoại lệ vì lý do nghiệp quả và các lý do khác nữa, nhưng điều này có thể được xem như là một qui luật tổng quát. Câu trả lời đích thực là người đó sẽ tìm kiếm các điều kiện bên ngoài vốn phản chiếu được những gì nằm trong chính y. Thế nên, muốn tìm được sự hoàn thiện ở bất cứ mức độ nào hoặc tất cả các mức độ (levels), ít nhất y phải khao khát và biểu lộ một tình trạng tương ứng nơi chính y. Thiếu hiểu biết về các định luật căn bản đang chi phối sự biểu lộ là nguyên nhân của nhiều thất vọng cay đắng trong các liên hệ của y. Thường khi y đòi hỏi các lợi lộc và các vui sướng trong cuộc sống mà y không xứng đáng có được xét về mặt quả báo, bởi vì y chưa phát triển được điều có thể được gọi là “bộ máy tiếp nhận” (“receiving apparatus”) trong bản thể của chính y. Do đó, cho dù cơ hội để trải qua chúng xảy ra trong kiếp sống của y, y hoặc là không nhận ra, hoặc là y phá hủy chúng một cách vô tình.

“Dĩ nhiên, sự thực là phạm ngã (personality) *không bao giờ* có thể được hoàn toàn hài lòng, vì giới lấm nó cũng chỉ là một hình ảnh không trọn vẹn (partial reflection) của bản thể đích thực (true being) của con người. Nhưng điều này là dành cho cái phúc lợi sau cùng của nó mà thôi. Ước mơ có được toàn phúc (perfect bliss) với linh hồn tri kỷ, trong thực tế, là sự phóng chiếu (projection) vào tâm thức của một người cái tình thương vốn là chính bản chất của Chân Ngã của người ấy, tức một trạng thái hợp nhất và hài hòa hoàn hảo. Nó tạo ra một cảm giác mơ hồ về sự không hài lòng

(dissatisfaction), vì bất toàn, thiếu sót và như thế thúc đẩy y tiếp tục tìm kiếm một sự hoàn thiện được nhận thức một cách mơ hồ sao cho cuối cùng y khám phá ra những gì không có giá trị và những gì xứng đáng (worth while), đồng thời học được cách phân biệt giữa rác rưởi với vàng.”

“Người nào mà Chân Ngã và Phàm Ngã (trạng thái cao và thấp của cái ngã) được điều hợp (attuned) một cách hoàn hảo hơn, thì người đó không bao giờ bận tâm quá nhiều vào việc tìm kiếm một linh hồn tri kỷ, người ấy chỉ dồn hết thì giờ vào việc cố gắng tuân theo ý chí cao siêu và tìm kiếm các thỏa mãn sâu xa và bền bỉ hơn, cũng như y thường quá bận trong việc phụng sự huynh đệ mình.”

Tôi hỏi:

– “Nhưng các liên kết chặt chẽ như là liên kết giữa Chloris với Serretes thì như thế nào?”

– “Thầy có nói rằng kẻ nào giao tiếp chặt chẽ với linh hồn của chính mình, kẻ ấy sẽ không có cái khát khao không thể xoa dịu đối với sự tương cầu (affinity, tương hợp) của y trên cõi trần”, Ngài nhắc nhở tôi. “Ta không nói sự hợp nhất như thế không thể xảy ra. Trái lại, ta nói rằng hoàn toàn có thể xảy ra một sự hợp nhất như thế; vì lẽ cả hai sẽ cùng cố cho nhau trong công việc cần thực hiện. Nhưng đối với mọi câu hỏi như thế, có nhiều câu trả lời, nhưng một số câu trả lời hãy còn quá khó hiểu ⁽¹⁾ nếu đưa ra cho con bây giờ. Ta chỉ có thể đưa ra cho con một vài gợi ý (hints) mà thôi. Con phải tìm câu trả lời cho chính con khi con nghiên cứu (study) và học (learn) về chúng. Ta có thể bảo con điều này: chỉ những ai có thể thoáng thấy được đôi chút (glimpse something) cái thiên cơ rộng lớn bao la mà các sự sống cá nhân chỉ đóng vai trò

¹ nguyên văn là “quá sâu xa” (too profound) (ND).

nhỏ bé của chúng trong đó, thì những người đó mới có thể bắt đầu hiểu được các khía cạnh tinh vi (subtle aspects) của các mối liên hệ bên trong hiện có giữa các cá nhân.

“Trên cõi trần, con người dường như là các đơn vị riêng biệt; nhưng đó là một ảo tưởng (illusion, ảo giác) do bởi nhu cầu phát triển ngã thức của mỗi cá nhân. Thực ra, mỗi người là một thành phần của một nhóm nhiều linh hồn, mỗi nhóm đặc biệt đó, ta tạm diễn tả như thế, được làm cho thích nghi (attunes) với nốt riêng hay bước sóng riêng (wavelength) của chính nhóm đó. Vì cần nên nhớ rằng, trên các nội cảnh giới (inner planes), phần lớn các mối liên hệ đều được biểu lộ (expressed, thể hiện) bằng phương tiện tương tác viễn cảm (telepathic interplay), chúng ta không bị cản trở như con bởi các hình hài vật chất (material forms) và các dị biệt của phạm ngã (personality differences), chúng vốn tạo ra sự phân cách. Điều này có thể khó hiểu đối với con, nhưng chỉ khi nào con cố gắng, con mới bắt đầu hiểu được toàn bộ vấn đề phức tạp về các nhóm và công việc của các nhóm đó. Lần nữa, hãy cố gắng hiểu rằng, giống như mỗi nhóm nhỏ gồm nhiều tế bào trong cơ thể của con đóng một vai trò trong cách cấu tạo (organization) của toàn thể ⁽¹⁾, cũng thế, trên các nội cảnh giới, các nhóm linh hồn này được định trước là phải đóng các vai trò đặc biệt trong sự hợp nhất cuối cùng, sự hợp nhất được tượng trưng bằng cơ thể đầy đủ (complete body) của nhân loại. Với mục đích đạt được trạng thái hoàn hảo cần yếu cho mỗi đơn vị, mọi thành viên của mỗi nhóm đều phải luân

¹ Mặc dầu trong đoạn văn trên, Đức Thầy không dùng từ ngữ “tissu” (mô), nhưng qua cách mô tả, chúng ta thấy dường như Ngài đang dùng thuật ngữ đó, vì theo định nghĩa của mô học, thì “mô là toàn thể các tế bào có cùng cấu tạo và cùng chức năng, ví dụ như mô xương, mô thần kinh...” (ND)

hồi trở đi trở lại nhiều lần. Nhưng vì mỗi thành viên đều có một mức độ tự do ý chí, nên điều hiển nhiên là một số thành viên tiến hóa chậm, một số khác tiến nhanh hơn. Tuy nhiên có một điểm cần nhớ là trước khi mọi thành viên đều đạt đến một giai đoạn phát triển nào đó, thì nhóm như thế không thể đảm trách được công việc được dự trù cho nhóm. Do đó, con sẽ thấy nặng nề biết bao nhiêu cái trách nhiệm mà mọi thành viên trong nhóm dựa vào để phát triển chính mình càng nhanh càng tốt ngõ hầu không làm cản trở phần cá biệt của Thiên Cơ mà nhóm của y được huấn luyện để giữ vai trò của mình trong đó. Dĩ nhiên, các bước mở đầu là tìm hiểu và kiểm soát phạm ngã. Kế tiếp là việc hợp nhất phạm ngã với Chân Ngã, đưa đến kết quả là tiếp xúc được với nhóm. Sự hợp nhất hữu thức giữa mọi thành viên trong nhóm cả trong lẫn ngoài là thành tựu kế tiếp. Khi mỗi thành viên có được năng lực làm ngân lên (to sound) nốt của nhóm một cách rõ ràng hơn trong khi còn ở trên cõi trần, thì bấy giờ bất cứ những người khác có thể đã đang luân hồi, cùng lúc đó được thu hút đến thành viên này, như thế tạo thành một điểm tập trung qua đó những người ở trên các nội cảnh giới – vì ít khi hoặc không bao giờ tất cả các thành viên của cùng một nhóm luân hồi cùng một lúc – điều khiển và hướng dẫn các năng lượng hợp nhất của họ đến các mục tiêu mong muốn.

“Thế là công việc tiếp diễn với sự hài hòa và sức mạnh ngày càng tăng, cho tới khi đến một lúc, bằng một phương pháp rất tinh vi, chỉ cần tiêu tốn rất ít năng lực, một nhóm cũng hoàn tất được một kỹ thuật mà nhờ đó tất cả các thành viên trong nhóm có thể hoạt động một cách tự do trên cõi trần, cũng như trên các nội cảnh giới theo ý muốn. Vào lúc này, tiết lộ nhiều hơn nữa là không khôn ngoan, nhưng

những ai sẵn sàng tìm hiểu, thì nhờ thiên định, họ sẽ có thể khám phá điều đó cho chính mình.

164 “Nhưng con phải nhận thức rằng thậm chí việc hợp nhất hữu thức (conscious union) với nhóm của chính mình trên mọi bình diện (planes), vẫn không phải là mục tiêu cuối cùng của linh hồn. Đó là một tiến bộ (advance) dựa vào ước muốn thuần túy cá nhân để hợp nhất với một người được mien một thuộc nam hoặc nữ nào đó vốn là cái bóng trước kia (fore-shadowing) của nhóm đó trong phạm ngã; nhưng đó chỉ là một bước mở đầu đưa tới một thành tựu lớn hơn nhiều; vì với vai trò là một nốt được phối hợp với nốt khác để tạo ra một hợp âm (chord), nhiều hợp âm tạo thành một hòa âm (harmony), thế nên các nhóm linh hồn này, một khi chúng đã phát triển được năng lực phối kết (power of co-ordination), học được cách hợp nhất với các nhóm khác trên nhiều bình diện, như vậy làm tăng thêm tiềm lực phụng sự của nhóm và nhờ sự tham gia đầy đủ và tự nguyện này vào Hợp Âm Sáng Tạo Vũ Trụ (the Universal Creative Chord), tức luồng ngoại linh khí (the out breathing) của Thượng Đế, các nhóm sẽ phát ra các kết hợp âm thanh (sound combinations) bao giờ cũng mạnh mẽ hơn trong bản giao hưởng thiêng liêng (divine symphony). Khi đạt đến trạng thái này, các nhóm linh hồn đó được hòa nhập (fused) vào một sự hợp nhất mà ngay cả trên cõi trần cũng không thể tưởng tượng (conceived) được, các nhóm linh hồn sẽ trải qua một giai đoạn mở rộng tâm thức, có được nhận thức về Chân (Truth) và Mỹ (Beauty) – một lạc phúc (bliss) mà không có hai đơn vị nào đứng một mình có được hy vọng đạt đến.”

Ngài ngưng nói. Đằng sau các lời của Ngài, tôi có thể cảm nhận được các ý nghĩa trọng đại hơn mà thể trí hữu hạn

của tôi đã chập vạt tìm hiểu nhưng vô ích. Ngôn từ chỉ thêm che giấu và làm rối rắm thêm cho ý nghĩa mà thôi.

Tôi đánh bạo lên tiếng:

– “Thế thì Ngài muốn nói rằng các linh hồn tri kỷ mà mọi người mơ ước, thực ra là Thượng Đế...”

Ngài lặp lại:

– “Đó là khía cạnh cao cả nhất (greatest aspect) của Đấng Thiêng Liêng (the Divine) mà con có thể khát khao. Mọi sự việc đều có tính cách tương đối. Tuy nhiên con nên thấy rằng khát vọng về một linh hồn tri kỷ vốn luôn ám ảnh nhân loại hẳn nhiên có một cơ sở rất xác thực và đóng một vai trò thiết yếu trong diễn trình tiến hóa, vì chính sự thôi thúc bên trong đó khiến cho cái thành phần (the part) tìm kiếm cái toàn vẹn (completion, cái hoàn mãn) trong Tổng Thể (the Whole). Trên cõi riêng của mình, Chân Ngã (Higher Self) biết rõ mục đích của mình, và khi Chân Ngã hoàn tất được việc kiểm chế khí cụ của mình, tức phàm ngã, thì Chân Ngã ngày càng có thể khắc sâu các lý tưởng của mình lên phàm ngã. Con sẽ thấy rằng người càng nhạy cảm và càng tiến hóa cao, thì thường thường ý thức về sự không hài lòng với thực tướng của các sự vật và nhất là với chính mình càng nhạy bén tinh tường hơn. Như vậy, nhờ biết được sự khiếm khuyết của mình, người đó cố gắng cải thiện chỗ khiếm khuyết đó và đạt được tiến bộ. Pharaoh học được nơi Shahballazz, còn Chloris học được nơi Serretes theo lối đó.”

Tôi kêu lên:

– “Nhưng hai người ấy (tức Shahballazz và Serretes–ND) không phải là cùng một người!”

Ngài đáp:

– “Tất cả kể cả con đều là các thành viên của một nhóm.

165 Bất luận khi nào các thành viên của cùng một nhóm gặp nhau

trên cõi trần, do được đồng bộ hóa (synchronized) với cùng một nốt, nên tất nhiên là họ thường có cùng một loại nhận thức nào đó và loại tương tác nào đó giống nhau. Nhưng điều không may là không phải luôn luôn xảy ra trường hợp này, vì khi linh hồn phóng chiếu hình ảnh của mình vào sâu trong vật chất trọng trực, thì các rung động thiếu hài hòa và gây va chạm của cõi vật chất tác động lên chúng, khiến cho linh hồn không còn tiếp xúc với nốt đó dưới trạng thái tinh thuần đầu tiên của nó nữa. Điều này khiến cho việc nhận ra nhau càng thêm khó khăn. Đôi khi hai linh hồn gặp nhau, nhưng mạnh ai nấy đi, không linh hồn nào đủ tiến hóa để nhận ra linh hồn kia qua lớp hóa trang dày đặc của nhục thân; đôi khi ở vào chu kỳ hướng thượng, có thể xảy ra trường hợp một linh hồn tiến hóa hơn sẽ nhận ra một huynh đệ, mà người huynh đệ này lại không hay biết, đó mới thật là một bi kịch, mà nhất là cho kẻ nhạy cảm nhất, vì việc đó có thể mang lại cho y nhiều đau khổ. Nhưng cái lợi cũng sẽ nhiều theo, vì một kiếp sống như thế gần như luôn luôn là một kiếp sống tận tụy quên mình giống như là Shahballazz đã dành cho con, và điều này bao giờ cũng có phần thưởng riêng của nó.”

– “Nhưng Chloris **nhất định là** nhận ra cái nốt tâm đồng đó (note of union) nhưng lại không đủ khả năng duy trì nó...”

– “Đúng như thế, khi có sự nhận biết nhau, nhưng một bên (partner) thì quá yếu hoặc quá ích kỷ, không giữ được sự trung thành và không chịu trả giá để có được một đặc ân lớn như thế thì các hậu quả thậm chí còn trầm trọng hơn nữa. Trong trường hợp như thế, việc thiếu trung thành đưa đến việc xé đứt các tao dây nối liền một phần của nhóm với phần còn lại, làm tan rã các hiệu chỉnh nhịp nhàng tế nhị. Nó làm xáo trộn và phá hủy sự hài hòa, không chỉ riêng trong thế

giới nhỏ bé của nhóm, mà còn trong các nhóm liên hệ, và có thể có các hậu quả xa xăm hơn mà ta khó có thể giải thích cho con là kẻ mà cho đến nay chỉ biết rất ít về tính chất phức tạp của Karma của nhóm.”

Tôi hỏi lại Ngài:

– “Hậu quả của việc bội phản như thế của một thành viên trong nhóm lên trên cá nhân ra sao, thưa Thầy?”

166 – “Mỗi việc đều tùy vào từng hoàn cảnh. Nếu một người trong nhóm cứ hết kiếp này đến kiếp khác vẫn cứ phát ra các bất hài hòa (discords, lạc điệu) và gây ra các rung động hủy hoại (destructive vibrations), thì cuối cùng người đó có thể làm hư hỏng các tao dây mảnh mai (delicate strands) làm bằng chất liệu tinh anh nối kết y với những người khác, khiến cho y trở thành một mối nguy rõ rệt cho những người này. Do đó, các biểu lộ bất toàn của y bị cắt đứt khỏi nhóm – giống như người ta cắt bỏ phần tử chi bị hoại thư – đồng thời cơ hội tái tạo một khí cụ trở lại (với đủ mọi diễn biến, vì cần một khoảng thời gian dài) trở nên cực kỳ khó khăn. Đó là những gì suýt xảy ra cho con sau kiếp sống ở Atlantis, vì con cố ý bẻ gãy sự liên kết của con. Con người thời Atlantis có được sự hiểu biết về các bí thuật này sâu xa hơn nhiều so với con người ngày nay, ngày nay con người không được phép có được hiểu biết đó trở lại, vì đã lạm dụng bí thuật vào thời đó.

“Nhưng một hành động như kiểu hành động của Chloris – ôi thật quá thông thường – chỉ mang lại hậu quả là kẻ vi phạm bị cắt đứt khỏi sự tiếp xúc với bất cứ thành viên nào trong nhóm của y trong một thời gian đáng kể, cho đến khi y thực sự học được các bài học của mình một cách đầy đủ hơn. Vì lẽ nếu có một sự chênh lệch quá lớn trong mức tiến hóa giữa một số thành viên của cùng một nhóm, thì thường thường, tốt hơn là kẻ ít tiến hóa không nên gặp những thành

viên khác cho đến khi y sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm vốn là các điều đương nhiên phải xảy ra (concomitants) đối với việc gặp trở lại như thế. Việc cắt đứt, vốn là hậu quả của sự thất bại, là một hình phạt khủng khiếp, vì một khi đã trải qua kinh nghiệm phúc lạc được hợp nhất với các thành viên khác thuộc nhóm của mình ở cõi trần, thì một cá nhân sẽ không bao giờ có thể quên được kinh nghiệm đó trong bất cứ lần đầu thai nào của mình và sẽ luôn luôn cảm thấy một cảm giác phấn khởi (enhanced sense) cho dù có thể bị cô lẻ và mất mát.”

Tôi hỏi:

– “Thế thì tại sao con được phép gặp lại Serretes? Tại sao một người kém tiến hóa như con mà lúc bấy giờ lại có cơ hội để làm cho chính Serretes và những người khác chịu thiệt hại như thế, để rồi ắt phải gặt lấy nghiệp quả xấu? Đường như hơi bất công trong đó.”

Hình như Ngài mỉm cười:

– “Rất nhiều điều có vẻ bất công đối với những ai có tầm nhìn hạn hẹp. Nhưng không gì xảy ra lại có thể phi lý, vì mọi việc đều có một mục tiêu riêng biệt. Vào lúc này con có chắc chắn hiểu được điều này chăng? Điều phải xảy ra là như thế, vì mỗi người là tay thợ dệt (weaver) dệt nên vô số sợi chỉ tạo nên vận mệnh riêng của mình. Ngay đến trong thế giới riêng của con có phải lúc nào cũng có sự tiến bộ thực sự mà không có rủi ro nào sao? Nhưng mọi câu hỏi mà con đưa ra như thế, cần có câu trả lời ở các trình độ cao sâu hơn. Chúng ta có nói đến con người vốn là một thành viên của một nhóm; nên nhớ là nhóm này đôi khi có các trình độ tiến hóa khác nhau, nhóm đồng ý dành cho người đi chậm (a laggard) một cơ hội có được sự tiếp xúc chặt chẽ, như con đã có vào lúc đó, ngõ hầu hối thúc sự phát triển của người đi chậm.

Con có thể tin chắc rằng các cơ may đối với sự thất bại có thể xảy ra của người đi chậm và các kết quả dài hạn của thí nghiệm đều được xem xét và cân nhắc kỹ từ trước. Ta không thể nói với con nhiều hơn về việc này; nhưng đừng quên rằng, không có công việc nào được để xảy ra cho một người nào mà vượt quá khả năng đảm trách hoặc khả năng hứng chịu của người ấy. Khả năng và tiềm lực của người này được đo lường bằng bề rộng của một sợi tóc (*to a hair's breadth*). Trong tâm thức cao của người này, y được tham khảo ý kiến (*consulted*) trước khi đầu thai¹), để xem coi y có muốn chấp nhận Karma nếu gặp thất bại, thế nên, mọi việc xảy đến cho một người nào, theo một ý nghĩa rất xác thực, đều là sự lựa chọn có cân nhắc (*deliberate choice*) của chính người ấy. Một khi sự thật này được nhiều người hiểu, thì con người sẽ quán triệt (*grasp*) được chân lý rằng họ luôn luôn có thể có khả năng chịu đựng hơn (*stronger than, mạnh hơn*) cái mà họ gọi là “số mệnh” (“*fate*”, định mệnh) của họ. Nhưng có mấy ai vận dụng hết (*live up to*) các tiềm năng của mình – sự lười nhác (*indolence*) và sợ hãi bao giờ cũng kìm giữ họ trở lại; tuy nhiên trong vũ trụ có vô vàn các kho chứa sức mạnh (*infinite reserver of strength*) dành cho người nào đấu tranh dũng cảm bất chấp mọi nghịch cảnh lớn lao ở bên ngoài. Rất thường khi một người chịu bó tay đầu hàng chỉ một vài giờ trước khi mà sự trợ giúp được gọi đến cho y vào đúng thời điểm đó.

¹ Chính Hồn Tinh Thần hay Hồn Thiêng (*Spiritual Soul* hay là *Divine Soul*) – luôn luôn ngự tại cõi phụ thứ ba, hoặc cõi phụ thứ hai (đối với đệ tử được điểm đạo) của cõi trí – được tham khảo ý kiến trước khi đi đầu thai, theo giáo lý trong các sách của bà A.Bailey. (ND)

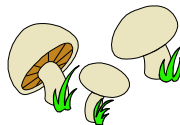
Thật vậy, trong trường hợp của con, thí nghiệm này hoàn toàn có ích lợi. Chính cái cảm giác mất mát và sai chỗ (loss and dislocation) theo sau đã ghi ấn tượng tốt đẹp lên con một cách sâu xa đến nỗi cái lý tưởng không bao giờ lại bị quên nữa. Con đã tiến một bước lớn trong kiếp sống ở Hy Lạp của con. Con không tự tử như con đã nghĩ đến nữa; con đã tự tử trong vài lần đầu thai trước, và sự vô ích của một hành động như thế đã trở thành một thành phần của bộ máy trí tuệ (mental equipment) của con mãi đến sau này. Trái lại, mặc dầu những năm có vẻ khủng khiếp và suy thoái (degraded) lại là những năm gặt hái được nhiều kết quả nhất. Vì lẽ khi chịu nhận thất bại, cuối cùng con đã tìm cách hiểu được con đã thất bại ở *chỗ nào*. Con không còn bào chữa nữa, không còn đổ lỗi cho mọi sự việc khác trừ chính mình. Cái truyền thống Hy Lạp của con – một dân tộc tôn thờ chân lý và sở hữu được một tính chất trí tuệ hợp với lý luận và đặc biệt sáng suốt – đã giúp ích cho con ở đây, giống như việc con tiếp xúc với những người có năng lực trí tuệ cao vậy. Sau rốt, thoát khỏi sự tự lừa dối mình, con biết hối hận, mà là nỗi hối hận chân thực. Không còn dựa vào sự sợ hãi hoặc hy vọng được tưởng thưởng như ở Ai Cập, nỗi hối hận này được gọi ra bởi tình thương và bởi một hiểu biết nhiều hơn về Thiên Luật. Con học được rằng tính kiêu căng, đại dột và thiếu hiểu biết chỉ đưa đến mối họa (curse) của riêng chúng mà thôi, đó là những điều mà ở kiếp làm Cihrazad, con đã không học được. Con không thay đổi cách sống của con – điều đó quá trễ; nhưng khi bị đẩy xuống phần thấp nhất (dregs, phần cặn bã) của nhân loại, nhờ nhớ lại được triết lý mà Serretes đã dạy cho con và nhờ sự tôn sùng đối với Serretes, con có được sự nâng đỡ, dẫn dắt để con phát triển được sự cảm thông, tình thương và thiện cảm đối với những

người cùng cảnh ngộ đau khổ như con (your fellow sufferers). Mặc dù con không biết được điều đó, nhưng kinh nghiệm này lại có tác động lớn trong sự phát triển tâm linh. Nó chuẩn bị con cho một kiếp sống quan trọng nhất trong tất cả các kiếp sống của con.”

Tôi nói:

– “Con nghĩ đó là kiếp ở Ai Cập.”

– “Kiếp ở Ai Cập chỉ là kiếp khởi đầu, còn kiếp này, tức kiếp sống ở Đức mới là tốt đỉnh. Trong kiếp ở Ai Cập con đã thấy được Tổng Quả Báo (the Dweller) – kể từ đó, con đã tranh đấu với nó một cách mù quáng. Bao nhiêu đó chưa đủ. Một lần nữa con lại khêu gọi nó ra và đấu tranh trực diện với nó. Từ trước đến giờ phạm ngã của con đã chi phối mọi hoạt động của con và hết lần này đến lần khác chặn đường của con, nhưng con chưa bao giờ đủ mạnh về mặt tinh thần để chấp nhận một cuộc đối đầu (encounter) với các hình thù gây khiếp đảm thời Atlantis (Atlantean shapes) với ý thức đầy đủ. Giờ đây con quyết tâm đối mặt với chúng và chấp nhận chúng bằng cách nhận chúng vào chính thân xác con. Con tìm cách hủy diệt quyền lực của chúng, không nhờ sự trợ giúp của một ông thầy ở cõi trần nữa, mà chỉ một mình con, nhờ sức mạnh tâm linh của Thượng Đế Nội Tâm (God Within) giống như tất cả mọi người sau cùng đều phải làm như thế.”



Chương V

Đức

Khi Đức Thầy của tôi nói rằng trong kiếp sống mà Ngài sắp sửa cho tôi thấy, tôi đã thu nhận vào chính tôi các thực thể huyền-bí ẩn trong sức mạnh thiên nhiên (mysterious elemental entities) mà tôi đã tạo ra ở châu Atlantis, tôi không thể tưởng tượng làm thế nào mà một sự việc như thế có thể xảy ra, nhưng khi được đưa trở lại vào quá khứ đó, nhập vào tâm trí của Carl von Schwartzbau, tôi mới hiểu ra.

Thoạt tiên tôi thấy chính tôi đơn thuần như là một người ở trong tù. Tôi cảm thấy tối tăm, cảm nhận một sự giới hạn khủng khiếp. Kế đó tôi nhận ra rằng nhà tù chính là xác thân tôi. Nó giam nhốt và trói buộc lấy tôi – thô kệch, béo lùn (squat), biến dạng một cách gớm ghiếc (hideously deformed). Tôi đắm đắm nhìn vào tấm gương mờ. Đằng sau tôi ánh nắng chiếu nghiêng vào một căn phòng tối tăm ảm đạm, đập vào các thảm trang trí (tapestries) gắn vào tường, trên đó các hình dạng khổng lồ dường như di động trong đám sương mù giống như bụi (dusty haze). Trước mặt tôi là một cái đầu to kèn, chìm sâu giữa đôi vai cong, một gương mặt sần sùi phủ đầy mụn cóc và tàn nhang, tuy được chiếu sáng bằng những con mắt buồn bã, đượm nét lo âu thảm thương, đến nỗi gương mặt đó thực sự trở thành một linh hồn bị nhốt nhìn ra ngoài từ sau chấn song nhà giam.

Đôi mắt hẹp nhỏ. “Một dáng hình khó ưa...” Tôi lăm bắm, vì người đàn ông phía sau tôi không đáp, với một cái nhún vai hờn dỗi, tôi bước khỏi tấm gương, băng ngang qua ô cửa sổ, tì cái đầu bệnh hoạn vào tường đá lạnh, nhắm mắt lại, ánh sáng chói chang luôn luôn làm mắt nhức nhối.

170 Tôi cảm thấy bồn loạn. Cảm giác khủng khiếp của việc từ từ giảm bớt sự tiếp xúc giữa thân xác với ý chí đang xâm chiếm lấy tôi. Tôi vui mừng khi thấy Sigismund đang ở trong phòng. Ông ấy là người duy nhất đã từng thành công khi giúp tôi đối phó với các cơn động kinh (seizures) như thế này. Tôi ấn mấy ngón tay vào hai nhãn cầu, cố ngăn chặn các hình thù đe dọa đang bắt đầu chuyển động ở đó. Tôi chui đầu qua cửa sổ hẹp, tìm cách hít thở. Tôi biết khá rõ cái cố gắng vô vọng của trí óc ra sao khi muốn giữ được sự kiểm soát chính tôi và đẩy lùi được những hình bóng chế giễu này. Cuộc tranh đấu trở nên quyết liệt đến nỗi tôi sùi bọt mép, trong khi đầu tôi bắt đầu lắc lư đủ mọi phía, còn tay thì vung vẩy trên không.

Sigismund, Trưởng Tu Viện Kloster Schwartzbau, đang ngồi nơi bàn, bỗng đứng bật lên làm dấu thánh giá.

Ông gọi to:

– “Carl ! Carl !”

Nhưng tôi đã lấy lại được sự kiểm soát. Tôi thở một cách yếu ớt, lão đảo băng qua căn phòng, ngồi xuống chiếc ghế mà Sigismund đẩy ra trước mặt.

– “Chúng lại đến nữa rồi,” vì tôi tin rằng chúng là ma quỷ (devils) đã tấn công tôi, “nhưng ông thấy đó, tôi đã đánh bại chúng chỉ một mình thôi. Tôi không quen bị như thế; khi mà tôi không thể làm gì được với chúng – và người ta nói rằng tôi hoàn toàn bất lực đối với ma quỷ...”

Tôi gục xuống bàn, tay ôm lấy đầu. Nhưng ngay sau đó đứng dậy và với một cái cười cay đắng, lấy tay vỗ lên bàn – một bàn tay cân đối, trái ngược với cái đáng vẻ của thân thể tôi ngay cả dưới con mắt của tôi đi nữa, vì nó trái ngược với gương mặt giống như thú của tôi.

– “Tôi tin chắc”, tôi nói giọng chói tai, ngập ngừng, “tôi là kẻ bị ghét bỏ nhất trên đời.”

Sigismund lộ một cử chỉ thất vọng. Ông ta biết quá rõ rằng không một lối nguy hiểm nào dù lưu loát đến đâu lại có thể làm dịu được nỗi đắng cay trong lòng tôi. Ông nhận xét:

– “Anh sẽ không làm giảm sự thù hận đó đâu nếu cứ khẳng khái thi hành ý định hiện tại của anh.”

Tôi đưa ra một tiếng cười chói tai và tựa lưng một cách chán nản vào ghế.

– “Đúng thế, vậy thì tôi cam chịu bó tay không nhận lãnh gì cả trong cuộc sống sao? Nỗi vui của ngay cả tên thuộc hạ (subject) nghèo nhất của tôi, tôi cũng bị từ chối sao?” Tôi hất đầu ra phía trước với một giọng đe dọa. “Tôi không phải là chúa tể (lord) của dân ở đây sao? Nếu tôi thích người phụ nữ đó, tôi không có quyền chọn riêng cho tôi sao?”

Tu viện trưởng (Abbot) chậm chạp nói:

– “Không một ai có quyền đối với thân thể của một người khác, chỉ một mình Thượng Đế có quyền đó mà thôi”

Tôi nhìn chăm chăm vào ông ta. Tôi được dạy sức mạnh là luật duy nhất, tuy nhiên các triết lý mà ông ta vừa nói cũng không hoàn toàn xa lạ đối với các trí năng (mentality) của tôi.

Sigismund nói tiếp:

– “Và lại, anh có vui thích được chẳng khi chiếm hữu một người phụ nữ đang ghê tởm anh và thể là sẽ tự sát còn hơn là để lọt vào tay anh? Anh cũng biết rõ, với những gì anh đang có, anh sẽ không có lợi được gì trong việc đó mà chỉ

thấy thẹn trong lòng thôi. Tuy nhiên, còn có thêm một khía cạnh thực tế của việc đó mà anh rõ ràng đã quên mất. Người dân của anh ngày càng trở nên rất náo loạn. Trong số các hiệp sĩ (knights) và binh sĩ của anh có nhiều người bí mật có cảm tình với Heinrich von Friedfeld; vào lúc này, việc làm của anh sẽ không có lợi, vì sẽ mang lại cho họ lý do để nổi dậy. Tôi cho rằng họ chỉ chờ một lý do nhỏ bé nào đó để họ có thể vin vào đó mà ngả về phía hắn.”

Tôi lại nghiêng người về phía trước, gõ gõ lên bàn một cách nóng nảy bằng những ngón tay đeo đầy vàng ngọc. Tôi lên tiếng:

– “Này Sigismund, hãy nói cho tôi biết vì sao họ thù ghét tôi như thế? Tôi có bao giờ làm điều gì chống lại họ đâu? Tôi đã cố gắng cai trị họ bằng chân lý và công lý. Tôi cấp lương thực cho người dân trong con đói kém, tôi bảo vệ họ khỏi kẻ thù—tuy vậy có thể tôi không làm điều gì đúng.” Tôi nắm tay lại chống vào trán. “Tại sao tôi lại không chết trong bụng mẹ cho rồi? Tôi nuôi sự oán cừu giống như thịt thối nuôi giò bọ vậy. Khi thấy bóng tôi xuất hiện, trẻ con gào khóc và bỏ chạy ráo; phụ nữ thà chết còn hơn để cho tôi chạm đến họ; đàn ông âm mưu chống lại sự cai trị của tôi và lấy oán báo lại ân đức của tôi; thậm chí chó cũng né tránh tôi, còn ngựa không ưa tôi cầm cương. Tuy tôi muốn yêu thương mọi người và mọi con vật, nhưng liệu họ có muốn để cho tôi yêu thương không. Có quyền lực và giàu sang như tôi mà chi, có được hiểu biết về âm nhạc, mỹ thuật, nghệ thuật như tôi để làm gì, biết được rằng tôi hùng mạnh hơn và khôn ngoan hơn 172
thủ lĩnh bên cạnh có lợi gì đâu, khi mà các dị dạng dị hình (deformities) của tôi lấy đi của tôi cái điều đáng giá duy nhất đó là tình thương?” Tôi lấy tay ôm đầu và gào lớn. “Tôi bị nguyên rủa, tôi bị trừ éo rồi. Tôi đã làm gì để đáng phải chịu

số phận này? Từ thuở nhỏ tôi đã tìm đến việc phụng thờ Chúa và tìm cách thúc đẩy sự tiến bộ, hòa bình và công lý trong lãnh địa tôi trong khi những kẻ quanh tôi chỉ nghĩ đến việc cướp bóc và tàn sát. Tại sao Chúa xoay lưng lại và làm điều đứng chỉ một mình tôi, trong khi tôi là kẻ ưa thích thú vui của giác quan nhiều hơn bất cứ ai khác và luôn tìm kiếm chúng? Tại sao tôi phải chịu bó buộc ở trong cái nhà ngục hãi hùng này?”

Sigismund lắc đầu. Tôi thừa biết những câu hỏi không thể trả lời loại này luôn luôn ám ảnh ông ấy. Ông ấy là gia sư (tutor) của tôi từ thuở tôi còn bé và là người duy nhất hiểu được bản chất thật sự của tôi và biết được các đau đớn vì xấu hổ và nỗi kinh hoàng mà tôi phải chịu đựng do bởi sự dị hình dị dạng này, các lần lên cơn động kinh (seizures) khủng khiếp của tôi mà toàn thể dân trong lãnh địa tin chắc rằng tôi bị quỷ ám. Ông đã phí nhiều đêm nguyện cầu và nhiệt thành tìm lời giải đáp trước khi ông có thể dung hòa cái dị thường mà chỉ một mình Chúa (ông giả dụ đó là vị Chúa bác ái) có thể tạo ra một hình hài méo mó, xấu xí đến thế cho một linh hồn mà ông tin (bằng tình thương của ông dành cho tôi) là cao quý và mong muốn điều thánh thiện.

Trong khi ông vẫn còn tìm cách để xoay xở trong trí tìm những lời an ủi và khích lệ, tôi đứng dậy và bắt đầu đi khắp khếnh không ngừng khắp phòng. Một lát sau, tôi buột miệng lên tiếng:

– “Thôi đi ông Sigismund, đừng chẻ óc để cố tìm cách giải thích cái không thể giải thích được. Chúng ta tin là ở nơi thiên đàng, Chúa biết rành rẽ công việc của Chúa thật đấy, nhưng ở trần gian này không có công lý mà cũng chẳng có điều gì hợp lý cả. Không có câu trả lời nào cho các câu hỏi của chúng ta đâu, mà tôi cũng không mong có câu trả lời nào hết.

Tôi bị đẩy đọa hai lần trong cái sống lẫn trong cái chết. Có lẽ những gì mà thiên hạ nói quả là đúng đấy, tôi là tay chân bộ hạ của quỷ Satan—nếu đúng thế thì chuyện tôi làm có gì là quan trọng đâu?”

173 Tôi dừng lại đột ngột, vung hai tay khỏi đầu. “Thế có Chúa Trời, nếu Satan có thể làm cho tôi thoát khỏi cái thân hình ghê tởm này và làm cho tôi trở nên khả ái với trẻ con, thì tôi sẽ...” tôi không nói hết câu, mà bước tới cửa sổ, đứng ngắm đám hỗn độn nhưng nên thơ của các đầu hồi nhà và các ống khói nơi thị trấn nhỏ của tôi, trong lúc mấy ngón tay gõ như nhịp trống trên bệ cửa sổ.

Nhưng Sigismund đã ở bên cạnh tôi ngay lúc đó, một tay đặt lên vai tôi.

– “Này Carl, anh điên rồi! Hãy rút lại lời đó đi nếu không tôi sẽ hứng những lời đó lên chính tôi.”

Trong khi tôi không trả lời, ông hạ thấp giọng xuống và nói tiếp với một giọng kinh hoàng:

– “VẬY ra tiếng đồn rằng anh đang thỏa hiệp (consorting) với bọn phù thủy (Dark Powers) là đúng, có phải không?”

Tôi ngừng đầu lên:

– “Ồ, chỉ còn thiếu mỗi một chuyện đó để tô vẽ thêm (garnish) cho tiếng tăm của tôi mà thôi! Dân gian tốt bụng thật, họ đi sớm quá. Cho đến nay tôi chưa làm được như thế đâu.” Tôi chau mày, cắn môi. “Tà Đạo à? Chính xác thì Tà Đạo nghĩa là gì? Ông là người được cho là biết rất nhiều về Chúa, vậy ông có thể cho tôi biết về kẻ thù của Chúa, tức ma quỷ đi”, tôi cười một cách khinh rẻ. “Nhưng theo tôi nghĩ, ông không biết nhiều về cả hai như ông làm ra vẻ biết đâu, đây, ông thử giải thích cho tôi xem tại sao Chúa chế giễu tôi

bằng cái lưng gù (crooked back) như thế này đây, để rồi Chúa trở nên nổi giận nếu tôi tìm cách sửa cho thẳng lại.”

– “Ngày Carl, đó là ý Chúa như tôi đã nói với anh hàng trăm lần rồi. Chúng ta là ai mà bao giờ cũng cho rằng chúng ta có thể hiểu được các điều huyền vi của Chúa? Chúa yêu thương chúng ta, do đó sau rốt mọi việc đều phải trở nên tốt lành cho anh, tôi dám đảm bảo về việc đó. Còn việc giao du với ma quỷ, rốt lại điều đó có đem lại lợi ích gì cho anh? Anh có chấp nhận việc trừng phạt dưới địa ngục để đổi lấy những gì mà may mắn lắm chỉ có thể là cái lợi lộc nhất thời hay không? Chúng ta chỉ sống có một lần trên cõi đời này, và với lần sống đó hãy chuẩn bị cho linh hồn chúng ta lên Thiên Đàng (Heaven) hoặc xuống Địa Ngục (Hell).”

Tôi la to:

– “Cám ơn Chúa, chúng ta chỉ sống có một lần, sống lần nữa là địa ngục đối với tôi-thôi, dường như tôi không thể thoát được việc trừng phạt ở Địa Ngục, dù chết hay sống.”

– “Anh nên đi hành hương ở một nơi nào đó; vẫn còn các thánh địa tạo được điều kỳ diệu...”

– “Để cho lãnh địa của tôi không ai canh giữ sao? Dầu vậy, theo tôi tin tưởng, người dân sẽ sung sướng hơn nếu Adalbert lên cai trị.”

174 Sigismund cau mày lộ vẻ nghi ngại.

– “Ai đang tung ra các tin đồn về anh như thế? Ai đã nói với dân chúng rằng anh đang thèm muốn Elsa?”

– “Làm sao tôi biết là ai? Mọi người đều ghét tôi mà.”

– “Theo tôi thấy linh mục Niedhart có vẻ là người rất thích quyền hành. Ông ấy rất thân thiết với Adalbert, còn cậu nhỏ này thật là tên nô lệ của hắn. Nếu anh bị giết và Adalbert lên cai trị thay anh thì thật là thích hợp cho hắn.”

Tôi la lên:

– “Phi lý! Để xem nào, sau ông, hẳn là người bạn thân thiết nhất của tôi. Chính hẳn...” Tôi chợt ngưng lại.

– “Hẳn là người đầu tiên đưa anh đến nhà Elsa trong rừng khi anh đi săn đấy.”

– “Này hẳn làm vậy là có ý gì?”

– “Chả có gì, trừ một điều là việc đó châm ngòi cho anh có cái ước muốn điên cuồng là chiếm hữu Elsa và làm cho anh ngập tràn nỗi kinh hoàng mới trước cái dị dạng dị hình của thân thể anh bởi vì Elsa lùi lại vì sợ sự tiến tới của anh.”

– “Ông luôn luôn thù ghét người đó.”

– “Không phải ghét, mà là sợ hẳn mới đúng. Hẳn là một tu sĩ ngỗ ngược, nhiều tham vọng. Tôi tin chắc rằng hẳn gia nhập vào Giáo Hội bởi vì hẳn thấy đó là cơ hội duy nhất để hẳn tiến thân (wordly advancement).”

– “Chẳng phải là hầu hết con người đều làm như vậy sao?”

– “Tôi thừa nhận là có một số người làm như thế. Nhưng thường thường cái đẹp của chân lý làm cho họ bỏ được tính đại dột của họ đi. Với hẳn, tôi sợ rằng không được như thế. Này Carl, tôi tin rằng hẳn là kẻ thù của anh. Tôi van anh hãy cảnh giác; kẻ thù địch của anh quá mạnh, nếu anh ngả, đó sẽ là thảm họa. Adalbert là một cậu bé dễ mến, nhưng cậu ấy chưa đủ sức cai quản chính mình chớ đừng nói là cai quản lãnh địa này; ôi ước gì anh yêu thương dân mình...”

Tôi chế giễu:

– “Yêu thương! Tình thương là cái gì? Tôi có thấy tình thương nào chung quanh tôi đâu trừ sự oán ghét – oán ghét và oán ghét. Tuy nhiên, tôi muốn có tình thương, tôi muốn có hòa bình, tôi muốn tất cả các món quà được cho là thuộc về Thượng Đế, nhưng tôi bị từ chối tất cả! Thượng Đế là kẻ thù của tôi!”

Sigismund đưa tay chặn lại:

– “Carl, hãy cẩn thận, đây là điều báng bổ đấy.”

175 Tôi cười:

– “Báng bổ à? Vậy tôi muốn Thượng Đế đánh chết tôi đi!” và với một cử chỉ mạnh bạo, tôi bước ra khỏi phòng.

Giống như một con thú đang con điên tiết, tôi lao đảo đi khắp lâu đài. Binh sĩ quay lưng trước tôi vừa thì thào nói nhỏ gì đó. Chúng sợ tôi, cái hình thù đáng sợ của tôi, các con động kinh bí mật và kỳ lạ của tôi, tính lạnh nhạt của tôi, thậm chí các ý muốn bốc đồng của một lòng thương hại và mềm yếu hầu như có tính đàn bà đã luôn thôi thúc tôi vào những lúc có điềm gở nhất, đã làm cho tôi càng tách biệt mọi người.

Cuối cùng tôi đến khu vườn nhỏ dưới chân thành. Nơi đây rất an tĩnh. Những bức tường xám bên trên tôi bị dây leo quấn chằng chịt. Bãi cỏ mượt như nhung, điểm lấm tấm những hoa cúc dại; hoa nở cả trong mỗi hốc khe đá, và một bầy chim, vốn biết chắc rằng có những mẫu bánh vụn mà hằng ngày tôi mang đến cho chúng, bay sà xuống, không sợ sệt, đậu lên hai vai và tay của tôi. Tôi chưa xót nghĩ thâm, đây là những sinh vật duy nhất không để ý đến cái dị hình dị dạng của tôi, tuy nhiên những sinh vật này chỉ thương tôi vì những gì mà tôi mang lại cho chúng.

Bên dưới tôi, sát với những tường đá của lâu đài dường như để bảo vệ chống lại với thế giới, là khu thị tứ, nhà cửa san sát, đường sá quanh co, chạy lên, xuống, cây nở hoa giống như những chùm tuyết, khói bốc lên hòa quyện vào bầu không khí ngát hương núi rừng. Xa xa, lượn quanh tường thành là con sông giống như sợi chỉ bạc, rồi đến những ngọn đồi phủ đầy cây. Tất cả đều thuộc về tôi, thành thị, xóm làng và trang trại rải rác, đều thuộc quyền cai trị và bảo vệ của tôi, một di sản quý giá.

176

Nhưng tôi không thấy vui vì nó – mặc dầu phải chi những gì mà Sigismund nói đều đúng, một người tràn đầy tình thương của Chúa thì có thể tìm được niềm vui chỉ trong việc phụng sự. Niềm vui nào? Tâm trí tôi quay lại với hình dáng của cô thôn nữ Elsa: ngây thơ, khả ái biết bao, hai bím tóc vàng hoe thả xuống đến đầu gối, đôi mắt nàng xanh như hoa nhận lai hồng (periwinkles) mọc trên núi, tiếng cười nghe như tiếng chim hót. Tôi ao ước có được Elsa. Hai tay tôi nắm lại và than thở. Tôi luôn luôn thờ ơ với phụ nữ, tôi chỉ quan tâm tới việc trị nước (statecraft) và chiến tranh. Tôi đã sáng suốt. Giờ đây tôi lại bị điều đứng với một vết thương tẻ hại vì tôi biết rõ nỗi vô vọng và ước mơ vô cùng ngu xuẩn của tôi.

Tiếng bước chân người lười tôi trở về thực tế. Lũ chim bay lên chỗ trú ở các dây leo; tôi quay lại và thấy Niedhart, viên tu sĩ, đang tiến lại phía tôi.

Lúc đó tôi không biết có nên chào đón hấn hay không. Nhưng một ý tưởng chợt đến với tôi, đây có thể là kẻ duy nhất giúp tôi được thỏa nguyện.

Viên tu sĩ mỉm cười. Hấn có một nét mặt không hề biểu lộ cảm xúc (expressionless) đến kỳ lạ, giống như một mặt nạ che giấu một vật gì thiết yếu và hung hãn mà vẫn đi xuyên qua được vật đó. Hấn có vẻ là một người tầm thường, trừ tính cách che giấu quyền lực này mà tất cả những ai gặp hấn đều cảm nhận được ngay. Hấn có một thời thơ ấu không được bình thường, nên trong một lúc dạt dào tình thương, tôi đã đưa hấn về nuôi nấng, giúp hấn vào nhà dòng và để hấn làm gia sư cho em tôi là Adalbert.

Giờ đây nhớ lại cuộc trò chuyện với Sigismund, tôi quan sát kỹ gương mặt của hấn. Tôi luôn luôn thích hình dung ra Niedhart là một người biết ơn và thân thiết với tôi, nhưng do bản năng, tôi biết không phải như thế. Sigismund có lý.

Niedhart quyết tâm có quyền lực. Nếu hắn có thể giữ quyền hành mà tôi vẫn làm chúa ở lãnh địa này thì tốt thôi; bằng không thì hắn sẽ không ngăn ngại trong âm mưu hạ bệ tôi. Đây lại là một lý do thuận tiện đây, tôi tự nhủ, muốn đưa tôi vào bất cứ kế hoạch gì, hắn đều phải đợi đúng lúc. Bằng mọi giá, tôi phải giữ thế thượng phong (upper hand). Tôi vui mừng tìm ra một lý do tuyệt hảo cho những gì tôi định làm.

Đột nhiên, tôi quay sang hắn, lên tiếng hỏi:

– “Tại sao ngươi thù ghét ta và âm mưu chống lại ta? Nếu ngươi đưa Adalbert lên thay ta, hắn sẽ không thể ngăn chống được Von Friedfeld đến một tuần. Thứ gì khác thì ta thiếu chứ về chiến tranh thì ta thừa khả năng đối phó, cho dầu ta ghét chiến tranh. Nếu muốn, ta có thể bắt bọn vua con (princelings) này phủ phục dưới chân ta, mi thừa biết điều đó chứ. Ta đã đem lại hòa bình và an ninh lại cho nơi mà hàng trăm năm qua, con người không biết đến hai thứ đó. Chỉ có ở 177 trong tình trạng yên bình thì minh triết và nghệ thuật mới có thể phồn vinh được mà thôi – mục đích của ta là như thế đó. Tại sao ngươi chống lại chuyện này?”

Hắn lộ vẻ bối rối trong một lúc, rồi đưa ra một nụ cười bàng hoàng (blank smile):

– “Tôi đâu có chống lại việc đó – Tôi tán thành mà, hơn nữa tôi còn tìm cách giúp ngài đạt được mọi điều ngài mong muốn. Tại sao ngài bảo tôi ghét ngài? Tôi là bạn thân thiết nhất của ngài mà.”

– “Không, ta không có bạn nào hết, trừ Sigismund và may ra thì lũ chim kia mới là bạn ta mà thôi.”

– “Thưa ngài, ngài quá khiêm tốn đấy. Những ai mà biết được tấm lòng cao cả của ngài đều rất mực yêu thương ngài. Chỉ có sự dị dạng của ngài mới là mối ngăn cách giữa ngài với sự kính trọng và tôn sùng của những ai nhìn thấy trong

đó có sự trừng phạt của Chúa và dấu vết của quỷ mà thôi. Và điều này”, hắn nói tiếp vì thấy tôi không trả lời “cứu chữa cũng không khó lắm khi ngài vẫn còn đủ đức tin.”

Tôi bật cười:

– “Ta đã đến đủ mọi đền thờ linh thiêng trong xứ rồi. Hội Thánh cũng tỏ ra bất lực không giúp ta được gì trừ việc khuyên ta hãy kiên nhẫn và trau dồi đức hạnh, điều này chẳng đưa tới đâu cả.”

– “Tôi đã nói với ngài”, viên tu sĩ nói trong khi mắt liếc quanh và hạ thấp giọng xuống, “rằng còn có các Mạnh Lực khác nữa...”

– “Phải rồi, sức mạnh của ma quỷ.”

– “Không nhất thiết là vậy. Đây là các sức mạnh của đất, gió, lửa và nước. Hội Thánh (Holy Church) có thể sử dụng được các sức mạnh đó nếu muốn, Hội Thánh cũng có thể nối kết chúng cho các mục tiêu của mình.”

Hắn khom xuống gần hơn, “Tôi có thể nối kết (bind) với chúng...”

Tôi chăm chăm nhìn hắn. Chúng tôi đã có nhiều lần nói chuyện như thế trước đây, nhưng hắn chưa bao giờ nói rõ như lần này. Cho dầu có nhiều lời đồn đãi nguy hại về việc tôi chuyên tâm vào ma thuật, các lời đồn đó rất thường có vào thời của tôi, và hiện tại, cho đến nay, tôi không làm được gì hơn là cố tìm hiểu một số sách lạ lùng mà Niedhart đã cho tôi mượn. Đối với tôi, các sách này có một sức thu hút sâu xa, giống như bất cứ kiến thức mới mẻ nào hoặc bất cứ điều gì mới mẻ đã thu hút tôi như vậy. Tôi không biết có nên tin hoặc không tin vào những lời của Niedhart hay không, nhưng nếu có một dịp may, cho dù là khó tin và mơ hồ (remote) đi nữa, thì có phải là đại đột khi từ khước hay sao?

Với niềm thương cảm sâu xa, tôi lặng nhìn xuống thành phố và thung lũng, nơi đây các cánh đồng mùa xuân báo hiệu mùa gặt sắp đến. Người dân nơi đây là con dân của tôi, tôi yêu thương họ, cho dù họ trốn chạy khi gặp tôi và nguyên rủa tên tôi vì sợ hãi do mê tín. Tôi có một linh thị trong chớp mắt về việc hết bị lưng gù và trở nên thanh lịch như bao đàn ông khác, có được một phụ nữ xinh xắn làm vợ, và bây con thừa kế để lưu truyền dòng giống của tôi. Tôi sẽ được yêu thương, được tuân lời, lúc bấy giờ tôi sẽ có thể mang lại các cải cách mà vì lẽ chúng có vẻ xa lạ và chưa quen thuộc, nhưng hầu hết chỉ vì chính tôi là người đưa ra cải cách đó, nên hiện giờ không thể thi hành được. Bằng một phép nhiệm mầu nào đó, nếu tôi được biến thành một người bình thường, thì dân chúng nơi đây sẽ tin rằng tôi được Chúa ban ân, họ sẽ dễ dàng tin tưởng và tuân lời tôi.

– “Thế nên nếu ta có sử dụng các quyền năng bị cấm đoán,” tôi tự thuyết phục lấy mình, “thì cũng sẽ vì mục đích tốt lành thôi, lúc đó chắc rằng Chúa sẽ hiểu được và tha thứ cho ta.”

Niedhart không chút cử động. Hắn cũng đắm chiêu nhìn vào quang cảnh ở xa, nhưng tôi biết cái nhìn bên trong của hắn đang ôm trọn cả thế giới. Trong khi tôi muốn có quyền hành để giúp đỡ người dân và chữa trị cho mọi người, còn hắn, từ lâu hắn thú nhận với tôi rằng đỉnh cao (height) tham vọng của hắn là thậm chí Địa Vị của chính Thánh Peter (the Chair of St. Peter itself). Được thôi, cứ để cho hắn mơ! Tôi không có tham vọng thống trị thế giới, lo chuyện ở trong tâm tay cũng đủ mệt óc rồi.

Sự trầm tư của chúng tôi bị tiếng chó sủa, tiếng leng keng của chuông đeo ở cổ lừa phá tan. Tôi đứng lên và

ngiêng mình qua tường. Bên dưới tôi thấy chiếc cầu kéo ⁽¹⁾ được hạ xuống. Một đoàn người lũ lượt di chuyển chậm chạp qua cầu. Tôi nhận xét:

– “Tu viện trưởng, người anh họ tốt bụng của ta đang ra về.”

Viên tu sĩ nói:

– “Tôi ngại quá, ông ấy không hài lòng về tôi; không biết tôi đã làm điều gì sai trái mà cách đây một giờ, ông ấy đã quở mắng tôi một cách nặng nề.”

Tôi lạnh lùng trả lời:

– “Ông ấy không làm điều gì một cách vô cớ đâu. Ông ấy công bằng, cũng như khôn khéo nữa. Không có sự chăm sóc của ông ấy”, tôi nói thêm “Ta nghĩ ta sẽ không còn sống được. Ta không biết nên cảm ơn hay là nên hờn tủi với ông ấy vì cái tài đó.”

Niedhart tiến đến sau lưng tôi và đặt tay lên trên vai gù của tôi, hẩn thì thầm:

– “Ngài chưa bắt đầu sống đâu, ngài không biết sống là gì!” Hẩn vẫy tay một cách mập mờ dường như đang chỉ ra một thế giới đầy ánh sáng, màu sắc, hân hoan và tình thương. “Tuy nhiên, sự sống đang chờ lệnh ngài. Chỉ cần một thí nghiệm nhỏ thôi, tôi dám hy vọng rằng sau rốt ngài sẽ trở lại bình thường – chính ngài, cái tôi đích thực của ngài. Tại sao ngài do dự? Chỉ một tuần lễ sau nữa sẽ có trăng tròn. Tổ chức các nghi lễ cần thiết ở trong thành phố sẽ không được an toàn, nhưng tôi đã tìm được một nhà nguyện (chapel) bị bỏ hoang ở mép phía Tây của khu rừng, chạy về hướng Rahlstedt.”

¹ Cầu kéo (draw bridge): loại cầu cất lên được, bắt ngang qua hào bao quanh lâu đài thời cổ. (ND)

– “Đó là chỗ nàng ở,” tôi vô tình kêu lên.

– “Cách đó chừng một dặm (league).” Hấn ngập ngừng, “Tôi sẽ thuyết phục nàng đến – chúng ta sẽ cần đến nàng.”

Tôi quay người lại:

– “Không bao giờ! Ta sẽ không cho phép!”

– “Ngài không muốn có được tình yêu của cô ta sao? Vì đó là điều thiết yếu mà; số mệnh của ngài và của cô ta sẽ được nối kết bằng các nghi thức này đây.” Hấn mỉm cười. “Ngài nên nhớ rằng, nàng sẽ bắt gặp ngài trở nên bảnh bao; thậm chí trong phút chốc, nàng có thể có được linh thị (vision) về linh hồn ngài. Nói cho cùng, nếu cuộc thí nghiệm không thành công và thân thể ngài vẫn y như trước, nàng sẽ không bao giờ quên được những gì nàng đã chứng kiến và tim nàng sẽ luôn luôn thuộc về ngài; nàng sẽ biết được con người thật ẩn dưới cái mặt nạ bên ngoài.”

Tôi buông ra một hơi thở dài. Trong một khoảnh khắc, toàn thể con người tôi ngập tràn nỗi ngây ngất, nỗi đau khổ bị quên mất. Được yêu thương, được ham muốn...

Niedhart hẳn đã biết được sự thay đổi trong tôi.

– “Ngài sẽ đến chứ?” hấn đưa ra câu hỏi một cách thuyết phục, “ngài không cần phải làm thêm bất cứ điều gì nữa với các thí nghiệm này nếu cuộc thí nghiệm này không thành công.”

180 Tôi bắt đầu bồn chồn bước tới bước lui. Tôi tìm được hàng trăm lý do giải thích tại sao tôi nên trải qua cuộc thử thách này, còn rất ít lý do để phản bác (disfavour): chỉ có điều luật khắt khe của giáo hội chống lại tà thuật (sorcery) và mối đe dọa: một số phận khủng khiếp sẽ giáng xuống chúng tôi nếu chúng tôi bị phát giác. Trong một lúc lâu, tôi không trả lời, sau cùng, tôi quay lại, nó:

– “Lần này ta sẽ tham gia với các người để ta sẽ có thể phán đoán xem trong các điều nói ra của người có được bao nhiêu sự thật. Nhưng người phải thể với ta rằng Elsa sẽ không gặp nguy hại và không bị một rủi ro nào cả.”

– “Tôi xin thể. Thậm chí nàng sẽ không biết rằng nàng được cần đến với mục đích gì. Ngài nên hiểu là điều cần yếu cho nghi thức đặc biệt này là phải có một thiếu nữ đồng trinh, chưa có tội, đóng vai một đồng tử (medium), nhờ đó Quyền Năng mới có thể tác động qua đồng tử này được. Tôi tin nàng có được các đặc tính đồng cốt cần thiết này. Gần đây, tôi có đọc nhiều về các chuyện này trong một số sách rất cổ mà tôi đã may mắn tìm được. Cũng cần có ba nam nhân, và Adalbert sẽ cộng tác với chúng ta.Ồ, ngài đừng sợ! làm sao tôi để xảy ra rủi ro cho một người mà tôi yêu còn hơn chính tính mệnh (life) của tôi nữa? Nhưng cho dù có xảy ra rủi ro nào đi nữa, cái phần thưởng lại không đáng giá hay sao? Ngài chưa biết những gì mà tôi dự định làm nếu thí nghiệm này được thành công.” Hắn đứng bật dậy, đầu ngửa ra sau. “Tôi sẽ trở thành một lãnh tụ vĩ đại của nhân loại – Tôi sẽ thay đổi thế giới! Không những một mình tôi sẽ cung cấp cho nhân loại các chân lý tinh thần mà cho đến nay vẫn còn ở ngoài tầm hiểu biết của chúng ta, mà tôi sẽ có được theo ý muốn chính thuốc trường sinh (elixir of life) và kèm theo đó là mọi quyền năng, mọi của cải nữa.” Hắn phấn khởi cười to lên. “Thưa ngài, ngài không cần lo sợ cho bất cứ người nào trong chúng tôi, tôi đoan chắc với ngài là chúng ta sẽ được bảo vệ kỹ càng.”

– “Được bảo vệ ư?” Tôi lăm bắm và nhìn chăm chăm vào tên tu sĩ mà lòng đầy ngờ vực nên không để ý đến việc cật vấn thêm.

Trong những ngày kể đó, tôi bị các dẫn vật làm cho đau khổ vì sợ hãi và lưỡng lự. Tôi hầu như không ngủ được, và khi ngủ thì bao nhiêu mộng mị lại hiện ra với các hình ảnh đáng sợ, trong đó tôi dường như đang dự vào các nghi lễ huyền thuật gớm ghiếc và khủng khiếp đến nỗi tôi tự hỏi phải chăng chúng có thể là các cảnh cáo, hay là phải chăng thực sự tôi đã bị Chúa bỏ rơi và linh hồn tôi được ban cho một ấn tượng sơ khởi (foretaste) về Địa Ngục. Từ lúc đó đến 181 giờ tôi có thể nhớ là tôi đã cảm thấy dường như bị các loại tà ma (evil beings) bao vây, chúng nhảy vào tôi, cấu xé thân thể tôi bằng những cơn giận (paroxysms of rage) hoặc trả thù. Nhưng bây giờ dường như chúng kéo lại thậm chí còn gần hơn, bao vây tôi ở mọi phía. Tuy nhiên khi nhớ đến rằng chẳng bao lâu nữa lưng của tôi có thể được thẳng lại giúp cho Elsa thương tôi, ý tưởng đó tác động vào tôi thậm chí còn nhiều hơn là nỗi sợ của tôi nữa.

Một ngày nọ, trong khi đi săn, tôi ghé thăm nàng, cứ hy vọng viễn vông rằng có thể nàng không khước từ tôi; nhưng khi thấy gương mặt gớm ghiếc và thân hình méo mó xấu xí (misshapen) của tôi, nàng đã co rúm người quay vào tường và từ khước, cũng với sự ghê tởm không kém, các món quà mà tôi đã cho mang đến. Tôi ra về, càng thêm kiên quyết (set) hơn bao giờ hết thi hành ý định của tôi.

Trước ngày trăng tròn, tôi đi xưng tội (make confession) ở Nhà nguyện (Chapel) của Tu Viện. Tuy nhiên ngay trong lúc cầu nguyện, tôi cảm thấy các bóng ma (evil presences) phía sau tôi đang chuyển mọi điều mà tôi đang làm thành sự chế nhạo và báng bổ.

Sigismund dường như rất xa cách với tôi khi có lần ông chỉ cho tôi xem vào đoạn trong sách nói về việc nguyện găm

(¹) mà ông có tham gia soạn thảo và một số các thủ bản (sách chép tay) có mạ vàng xinh xắn mà nhiều tu sĩ đang ra công hoàn thành. Ông thung dung bước đi bên cạnh tôi. Tôi thêm muốn được như ông vậy. Ông không đòi hỏi gì nhiều hơn là trở thành Tu Viện Trưởng của cộng đồng bé nhỏ của ông, để giảng dạy và phụng sự họ; ông rất hạnh phúc trong cách sống này. Còn tôi, tôi biết tìm hạnh phúc nơi đâu? Khi chúng tôi cùng nhau đi bách bộ trong vườn, nơi mà các tân tu sĩ (novices) đang đẩy cỏ, cuốc lên lớp đất ẩm, thơm, thì một tâm trạng khao khát cái bình an và cái mỹ lệ một cách vô vọng chợt nảy sinh nơi tôi. Tôi nói lời giã biệt với con người mà tôi rất đổi yêu mến với một tình cảm sâu đậm hơn là tôi cảm thấy từ trước đến giờ. Thực ra nó giống như một cuộc chia tay lần cuối vậy.

– “Chúa biết,” tôi nghĩ vậy, khi tôi nắm tay của Sigismund ở dưới các bức tường xám, nơi có hoa táo treo lủng lẳng, với bầy chim sáo đá đang chuyện trò riu rít cùng nhau, “ước gì chúng ta có dịp gặp lại, nhưng nếu chúng ta có gặp lại nhau đi nữa, tôi sẽ không phải là Carl mà ông đang biết hiện nay – sau buổi tối hôm nay có một cái gì đó thay đổi.”

182 Tôi chưa nói với em tôi về cái mưu tính mà chúng tôi sắp tiến hành. Tôi vẫn luôn luôn giữ khoảng cách giữa tôi với Adalbert, vì biết rõ sự ghê tởm của y đối với thân hình dị dạng của tôi – vì y có thái độ khinh rẻ thiếu khoan dung của thời đại y đối với mọi khuyết điểm về thể xác. Tôi không hề trách cứ y, cũng như bất cứ người nào khác vì một thái độ

¹ Trong Thiên Chúa Giáo, từ ngữ “meditation” được dịch là “nguyện gẫm” chứ không được dịch là tham thiền...(“Danh từ Thần Học và Triết Học”, Ban Giáo Sư Đại Chung Viện Bùi Chu, 1953)

tinh thần như thế. Nỗi ghê sợ sự xấu xí của chính tôi sâu xa đến nỗi tôi có thể hiểu rõ một tình cảm giống như vậy nơi những người khác. Tuy nhiên điều đó không làm nguôi được nỗi cay đắng của tôi, cũng như không giúp tôi vượt qua được sự lạnh nhạt luôn luôn có giữa chúng tôi.

Nhưng hôm nay, gặp em tôi từ chuồng ngựa đi lên, con chim ưng ưa thích của nó đậu trên cổ tay, tôi cảm thấy cần phá vỡ cái tường chắn của sự lễ phép lạnh lùng mà cả hai chúng tôi tự phòng vệ lấy cho chính mình.

– “Adalbert,” tôi lên tiếng, “linh mục Niedhart có nói cho em biết mục đích thực về dự tính tối nay của chúng ta chưa?”

Thằng em tôi cúi mặt xuống dường như để che giấu việc bối rối nào đó. Tôi ngắm nhìn một cách thèm muốn cái thân hình trẻ trung cao lớn của nó, khoác trong lớp áo nhiều màu xanh, vàng và cái quần trắng dài bó chèn một cách oai vệ, để lộ nét hoàn hảo, đôi chân cân đối với đôi giày ống bằng da ủng đỏ; gương mặt thanh tú, hồn nhiên biết bao, tôi nghĩ phải chỉ mình được một cuộc sống như thế!

Adalbert đáp:

– “Em nghe nói là chúng ta sắp làm một cuộc thử nghiệm để chữa trị cho anh đó anh Carl à, linh mục Niedhart có nói ít ra đó là mục đích chính của chúng ta”

– “Đúng là thế; tuy nhiên,” tôi ngập ngừng “anh không muốn em bị rủi ro vì chuyện của anh, vì sẽ xảy ra rủi ro. Có lẽ Cha Niedhart không giải thích đầy đủ việc đó cho em. Ông ấy sắp triệu thỉnh các mãnh lực bị cấm kỵ (forbidden powers), và nếu cuộc lễ của chúng ta bị lộ, tất cả chúng ta sẽ bị đưa lên giàn hỏa vì tội thực hành ma thuật (sorcery).”

Trước câu nói đó, gương mặt của chàng thanh niên hơi nhả lại, nhưng y hất đầu một cách dũng cảm.

183 – “Em chả sợ. Ông ấy có thể bảo vệ được chúng ta.” Đôi mắt hắn chớp sáng lên. “Thật là một điều kỳ diệu nếu anh có lại được chiếc lưng thẳng. Và lại,” hắn mỉm cười rạng rỡ, “Cha Niedhart muốn em đến đó cũng vì việc đó sẽ giúp ích cho ông ta và có thể làm cho em trở nên vĩ đại và mạnh mẽ, đó là ý muốn đáng mến nhất của ông ấy.” Hắn đỏ mặt và nồng nhiệt nói thêm “Em sẽ làm bất cứ điều gì trên đời vì ông ấy.”

Tôi xúc động sâu xa trước mấy câu nói lúc đầu, nhưng với mấy lời cuối này, mặt tôi sa sầm xuống. Tôi lo lắng trước tình thân này và thấy không an tâm trước cái tham vọng mà Niedhart đang nhen nhóm trong trí cậu bé.

– “Thế thì anh không thể can ngăn em được nữa,” tôi lạnh lùng nói, “Vì anh nhận thấy ý em đã nhất định rồi.”

Đến đêm trăng tròn, Niedhart và tôi cùng đi ngựa đến chỗ hẹn. Adalbert đã đi trước chúng tôi để đón Elsa và đưa nàng đến chỗ diễn ra buổi lễ.

Khi chúng tôi ra đi, trời đã hoàng hôn. Bầu trời nhuộm hồng như thể có một đám cháy lớn phía bên kia rừng thông đen kịt. Một nỗi kích động sâu xa có liên quan với ngọn lửa chọt nổi lên bên trong tôi. Tôi cảm thấy dường như có các Mãnh Lực đè lên tay phải lẫn tay trái của tôi.

Chẳng bao lâu sau chúng tôi cưỡi ngựa đi trong bóng đêm, nhưng ngay sau đó các cành cây phía trên bắt đầu tỏa sáng lên với một ánh sáng yếu ớt, rồi vầng trăng tỏa ánh sáng xuyên qua cành tranh tối tranh sáng giống như ở trong hang. Tôi cho rằng chúng giống như những cách hoa bằng bạc. Khi chúng tôi tiến vào các khoảng trống (open glades), thì vầng trăng chạy theo chúng tôi lên đến bầu trời không có sao.

Tôi thích cưỡi ngựa đi trong im lặng, nhưng Niedhart cứ bàn về các kế hoạch của hắn mãi. Hắn đã xoay sở để được

Elsa hứa cộng tác chỉ sau khi hấn đã thuyết phục nàng rằng những gì mà chúng tôi sắp làm là vì lợi ích của cư dân trong thị trấn và nhân danh Hội Thánh. “Điều đó vượt ve tính kiêu hãnh của nàng,” hấn nói một cách lạnh lùng, “vì thế chính nàng được chọn để làm một điều cao siêu như thế. Việc đó khiến nàng cảm thấy mình cao quý hơn mọi cô gái kém cỏi khác, vì những cô này chưa đủ thánh thiện để nhận cái vinh dự đó. Bá tước Carl oi, không có gì mà ngài không thể làm được, nếu ngài biết làm thế nào để khích động sự kiêu hãnh của con người. Đó chính là viên đá thử vàng (touchstone) của ma quỷ.”

184 Lúc đó tôi ghét hấn vô cùng.

– “Tôi cũng hối lộ cho nàng nữa,” hấn vừa nói vừa cười. “Khi hứa với cô ấy một món tiền hồi môn xứng đáng, tôi nghĩ là tôi có thể trông cậy vào ngài để giữ được lời hứa đó. Điều tuyệt đối cần là nàng giữ được sự im lặng, một lời nói lọt ra ngoài cũng đủ làm tiêu chúng ta. Theo tôi thấy, mối nguy hiểm nhất của chúng ta nằm ở đó. Nhưng tôi nghĩ nàng sẽ khôn ngoan. Mẹ cô ta là một bà già đáng ngờ, bà ta hay chõ mũi vào chuyện bí mật ⁽¹⁾ của kẻ khác; nhưng chúng ta phải chấp nhận một ít rủi ro, đó là điều không thể tránh được.”

Lúc đó, hầu như tôi muốn quay trở về; nhưng chợt nghĩ lại rằng chắc chắn họ sẽ tới đó làm lễ vào lúc này. Và ít nhất tôi có thể bảo vệ cô gái khỏi bị hại. Mọi nghi ngại của tôi đối với Niedhart đã được khơi dậy theo các lời của hấn.

Cuối cùng chúng tôi đến được ngôi nhà nguyện bị bỏ hoang. Ngôi nhà hoang tàn đổ nát. Các phiến đá xây tường nằm vương vãi trên mặt đất. Một vài góc nhà nguyện và

¹ Nguyên văn: Bà ta có cái mũi giống như một con chó săn tìm kiếm vật bí mật (she's got a nose like a hunting dog for a mystery).

phòng giữ đồ lễ (sacristy) vẫn được sửa chữa chút đỉnh, chùa lỗ hồng giống như các hang động bí mật, nhưng không còn mái che, và cửa sổ phía đông là một khoảng không trống rỗng, nơi đó đám cây con hắt ra bóng tối và rung rinh trên đầu.

Lúc bước vào chúng tôi nhận ra Adalbert ở cạnh phiến đá. Bên cạnh hắn dưới ánh trăng là Elsa, dưới mắt tôi, nàng dường như được bao bọc trong một vầng hào quang chói ngời.

Tôi không bao giờ tưởng tượng Elsa xinh đến thế. Tóc nàng xỏa ra, buông xuống tận gối, vắt ngang chiếc áo trắng ôm sát mình. Nàng để chân trần, hai tay khoanh lại trước ngực. Đôi mắt nàng mở rộng, có vẻ e ngại, tuy đầy mơ mộng. Nàng giật nẩy mình khi thấy tôi từ bóng tối hiện ra. Nàng không được báo cho biết rằng tôi có mặt ở đây. Lập tức nàng tỏ vẻ cảnh giác.

Nhưng Niedhart xoa dịu nỗi sợ của nàng:

185 – “Bá tước cũng muốn tham dự vào việc phụng sự cho người dân của ngài,” hắn bảo với Elsa, “ngài và em trai của ngài đến đây để cầu xin Đức Thánh Mẫu (Holy Mother) giúp cho thành công.”

Elsa cúi đầu tỏ vẻ ưng thuận.

Qua các khung cửa sổ đổ nát, rừng cây hiện ra; chúng lay động dường như có những bàn chân lướt qua của bọn ma quái vô hình.

Trong cảnh im lặng, giờ đây cả bốn người chúng tôi đều đứng chung quanh phiến đá cổ.

Niedhart lại quay sang cô gái:

– “Elsa, cô phải có đức tin vững chắc, và ngay lập tức được bảo sao thì cứ làm y như vậy. Không một tổn thương nào có thể xảy đến cho cô đâu.”

Hắn đặt cô ta dựa vào bức tường phía đông và bảo chúng tôi đứng mỗi người một bên. Kế đó, bước đến phía Elsa, hắn bắt đầu nói những lời lặp bập hỗn tạp kỳ lạ, rồi vừa đi qua trước mắt cô gái vừa ngân nga lớn giọng, môi mím chặt.

Adalbert và tôi không nói lời nào. Một làn sương mù dường như bọc lấy chúng tôi, phong bế chúng tôi khỏi thế giới bên ngoài.

Adalbert đăm đăm nhìn vào Niedhart. Tuy nhiên tôi biết có một xung đột kỳ lạ nào đó đang xảy ra bên trong tôi. Tôi cảnh giác cao độ. Theo bản năng tôi cảm thấy rằng tôi phải hoàn toàn giữ được sự kiểm soát trí óc và thân thể tôi, nếu chỉ vì Elsa, vì giờ đây tôi hiểu ra rằng tên tu sĩ này đã nói dối: tất cả chúng tôi đều đang gặp nguy hiểm khủng khiếp. Tuy thế tính tò mò của tôi còn mạnh hơn cả sự sợ hãi của tôi. Để bảo vệ, tôi cố gắn chặt tư tưởng của tôi vào Đức Chirst, nhưng tôi thấy không thể nghĩ đến chuyện gì cả trừ Elsa.

Elsa đứng bất động. Ánh trắng phủ khắp mặt nàng. Viên tu sĩ chạm vào nàng, nhưng nàng không động đậy. Mắt nàng trừng trừng một cách thất thần.

– “Đến đây!” hắn nói.

Elsa bước tới giống như người máy. Chúng tôi theo sau.

– “Cởi y phục cô ta ra!” hắn ra lệnh.

186 Khi áo của Elsa rơi xuống đất, tôi muốn thét to trước vẻ đẹp của nàng; nỗi khao khát dâng trào trong tôi, thiêu rụi hết mọi ý tưởng khác nơi tâm trí tôi. Tôi biết không có gì mà tôi không dám làm để có được người phụ nữ này.

Chúng tôi đặt Elsa lên phiến đá, kế đó viên tu sĩ vẽ chung quanh chúng tôi và Elsa vòng tròn thần bí. Trong cái lò than nhỏ ở chân nàng, than hồng xông lên một hương thơm vào bầu không khí lặng gió (windless air). Hắn rút từ trong

túi xách ra những vật khủng khiếp và kỳ bí: một cái sọ người, một số xương nối với nhau bằng một sợi dây kỳ lạ, một chất ghê tởm mà tôi chỉ có thể đoán chừng thể thôi và những món vô danh khác.

Hắn đặt sọ người lên ngực Elsa, còn chất gói ghiec xoa lên trán nàng, những vật còn lại hắn đặt lên lòng bàn tay, lên chân và lên miệng Elsa. Từ một cái bình có hình thù kỳ lạ, hắn lấy ra một thứ thuốc cao, chà xát lên khắp thân Elsa, mùi thuốc làm lợm giọng, tuy khó chịu không thể tả và nhờ biết ít nhiều về ma thuật, tôi có thể tưởng tượng về những gì sắp xảy ra và rùng mình vì sợ hãi.

Nỗi sợ hãi chiếm lấy tôi khi các nghi thức ghê tởm bắt đầu. Tôi có ảo tưởng kỳ lạ là trở thành hai người: một phần của tôi, một con người cô độc, trong sáng, mắt mở rộng, một người che chở (guardian) với thanh gươm nhọn, đang đứng đó trông chừng; còn phần kia, một con quỷ ghê tởm, một sinh vật có thân hình dị dạng, đang liếm môi thèm khát, chờ đợi để chia phần trong chuyện thiếu trong sạch này. Sự xung đột bên trong càng tăng thêm. Không hiểu sao tôi cảm thấy rằng một lựa chọn cuối cùng và khủng khiếp sắp phải xảy ra với tôi. Sau rốt tôi phải tự đồng nhất hóa với phần nào trong hai phần này đây?

Vầng trăng đã lướt sau một rừng cây cao; chỉ trên phiến đá và thân hình màu trắng là có một chùm tia sáng; tất cả mọi nơi khác đều chìm trong bóng đêm sâu thẳm.

Đột nhiên, khi gương mặt của tên tu sĩ lắc lư trong trạng thái van xin đồ đăn, vòng tròn trên mặt đất bắt đầu tỏa sáng bằng một ánh sáng yếu ớt. Các ngọn lửa lay động nhẹ từ đó; một cơn gió lạnh ứa qua, lò than cháy bùng lên với ngọn lửa linh hoạt xanh lục, cùng lúc với tiếng thì thầm huyền bí nổi

lên xung quanh chúng tôi, dường như phát ra từ cây cối, đất, đá.

187 Niedhart đứng phía đầu cô gái, giơ cao hai cánh tay, miệng lâm râm đọc chú. Đoạn, hạ hai tay xuống, hấn vẩy tay gọi chúng tôi đi theo hấn và bắt đầu đi chậm quanh phiến đá từ Tây sang Đông.

Giọng của hấn vang lên trên đầu chúng tôi: “Sathanus, Sathanus, Sathanus!” Hấn thốt ra tiếng La Tinh: “Tôi van xin ngài, tôi van xin ngài! Thề có Địa (by Earth), thề có Phong (by Air), thề có Hỏa (by Fire), thề có Thủy (by Water), thề có các Đồ Hình (By the Symbols), mọi việc đã sẵn sàng, xin hãy đến đây! Giáng xuống! Hiện ra! Lên tiếng!”

Ngọn lửa trắng sắc nhọn cháy cao lên. Các ngọn lửa này và nét mặt chói sáng lung linh của thân hình cô gái giờ đây đỏ bừng dường như có lân quang bên trong, là các vật duy nhất thấy được trong chỗ trống không tối đen.

Một rung động chạy qua khắp người Elsa, đôi môi cô chầm chậm hé mở. Một âm thanh lấp bắp, rít như tiếng gió cổ thoát ra xuyên qua hàm răng nghiền chặt của nàng, đột nhiên ngưng lại.

Niedhart cúi xuống người Elsa, dường như đẩy sức mạnh vào người nàng. Hấn nói to lên:

– “Sathanus, Ngài hãy lên tiếng và tuân theo chúng tôi, những kẻ điều khiển ngài bằng các hành động và lời nói! Hãy chữa cho kẻ tôi tớ này của ngài khỏi cái lưng gù; hãy trao cho ông ấy quả tim của người nữ này. Và trao cho tôi cùng chàng thanh niên này Quyền Lực, Vinh Quang, Sức Mạnh và Quyền Thống Trị và các bí mật của Ngũ Hành (Elements) mà ngài đang cai quản.”

Một lần nữa đôi môi cô gái mở ra. Các âm thanh đau đớn từ môi phát ra, dường như một tiếng nói cố gắng cất lên.

Kế đó, Elsa ngồi dậy một cách chậm chạp và khó nhọc. Một thay đổi xảy ra khắp nàng, lan dần vào các nét linh hoạt của nàng và ở sau đôi mắt trống rỗng không có thần khí của nàng, xâm chiếm chúng bằng một sự sống xa lạ.

Nét mặt nàng trở nên đáng sợ, đôi môi cong ra sau theo cái nhả mặt hung ác, nước bọt sùi lên miệng.

Cuối cùng, từ cổ họng, một giọng nói cất lên:

– “Chào mừng, hồi những tôi tớ của ta, ta đến đây, Ta là Mất, Tai, Tiếng Nói. Các ngươi muốn gì ở ta?”

188 Tôi cảm thấy bao nhiêu giác quan của tôi thoát đi hết, tôi bị áp đảo bởi một dòng thủy triều tối đen dâng lên từ các con suối của chính con người tôi.

Giọng nói đó là gì? Đó là giọng nói của một trong các loài ma quái (fiends) mà chúng tôi đã kêu gọi đến giúp chúng tôi, có lẽ giống như loài ma quái từ lâu đã hành hạ tôi, chiếm cứ thân xác tôi, hành hạ nó, ám nhập vào nó, rồi giờ đây ám nhập vào thân xác của cô gái tôi yêu? Theo trí tưởng tượng của tôi, tôi thấy chúng ở quanh chúng tôi, đó là bầy quỷ đen có sừng và đuôi, còn lỗ mũi thở ra lửa. Bọn này sẽ chữa trị tôi! Tôi rùng mình, rên rỉ. Những giọt mồ hôi lạnh chảy xuống mặt tôi. Một lần nữa tôi nghe giọng nói:

– “Hãy đến đây, Carl, Graf von Schwartzbau, hãy nói ra các ước muốn của ngươi. Đừng e ngại gì cả.”

Tôi cảm thấy đôi chân bị kéo ngày càng gần đến người của Elsa. Giờ đây, tôi đứng nhìn xuống nàng, nhìn xuống gương mặt xanh xao, biến dạng, ướt đẫm với lớp mồ hôi, gắn vào với các biểu tượng của các Sức Mạnh đang chờ phụng sự tôi. Tôi nhìn và chợt thấy nỗi kinh hoàng của tôi từ từ bị ngập chìm bởi một làn sóng hiểu biết lớn lao dường như quét từ bên trong tâm trí của chính tôi. Các mãnh lực đang chờ này chính là một phần của chính tôi. Nhờ hiểu được chúng, chấp

nhận và tuân theo chúng, mọi ước muốn của tôi có thể được thỏa mãn; tôi có thể trở nên mạnh mẽ và cao lớn, tôi có thể có được cô gái này để yêu thương và được yêu thương lại. Thực Thể (Being) mà chúng tôi đã mời gọi về có thể ban phát cho tôi mọi sự mà tôi hằng mơ ước.

Lòng đầy hân hoan, tôi thích thú đưa cao hai tay và nói lớn như chuông ngân:

– “Tôi muốn thoát khỏi sự ràng buộc khốn khổ của thân hình dị dạng này; tôi muốn cho người nữ này sẽ yêu thương tôi; tôi muốn rằng tôi có thể mang lại hòa bình và an vui cho người dân tôi, ngõ hầu tôi có thể được họ yêu thương. Tôi muốn, ôi, bất luận người là ai, yêu ma hoặc thần thánh, rằng người ban cho tôi cái quan trọng hơn hết là bí mật của hạnh phúc.”

189 Tôi đứng đó trong một lúc, lòng thấy lâng lâng vì cái tự hào của các thỉnh nguyện của chính tôi. Chung quanh tôi là sự im lặng tuyệt đối; cả thế giới hình như ngưng thở và chờ đợi.

Ngôi nhà nguyện bỏ hoang lúc này tràn ngập các hình thù không thấy được tuy rất dũng mãnh. Chúng đặt áp lực lên tôi, thì thầm bằng các tiếng không có thanh âm của chúng. Nổi khao khát, tham vọng, ham muốn mọi món quà của sự sống mà tôi không được hưởng giống như các mắt xích bùng cháy quanh chân tôi, kéo tôi ngày càng gần hơn đến cái mục đích cuối cùng này, kéo tôi đi về phía cô gái trên bàn thờ. Giờ đây, mặt tôi chạm vào mặt nàng, tay tôi đặt trên ngực nàng.

Vào lúc đó dường như bức màn đã được kéo ra, vẻ mặt cô gái đã lấy lại tất cả nét bình thường quen thuộc, và giống như một lưỡi gươm nhọn, một chớp lóe của dục vọng cuồng nhiệt chuyển từ thân nàng vào thân tôi. Tôi cúi xuống gần hơn, sức nặng khủng khiếp của cái bướu trên lưng tôi đẩy tôi

xuống thấp hơn; giò đây mọi chân tay đều đau đón với cái đau không thể tả... Trở nên thoát (free) rồi... Thoát rồi... Thoát rồi... những hình thù gì đang di chuyển quanh chúng tôi thế? Đôi mắt Elsa nhìn thẳng vào mắt tôi – những con mắt kỳ lạ; chúng chớp chớp gọi tôi... Chúng không phải là mắt của Elsa! Hoang mang, choáng váng, với một cố gắng tột cùng, tôi giật mạnh chính tôi ra khỏi cái nhìn chằm chằm đầy thu hút đó và nhìn quanh, tìm kiếm, tôi không biết điều gì trong cái hỗn loạn của bóng đêm cháy bóng đang nuốt chửng tôi. Tôi nhận ra hình dáng của Niedhart, hai cánh tay giơ cao, gương mặt của hắn giống như một cái mặt nạ trầm tĩnh với chiến thắng; tôi lại thấy gương mặt của em trai tôi, đang nhìn chằm chằm vào thân thể của Elsa với một vẻ mặt điên dại và đượm thú tính đến nỗi một con đau nhói vì sợ hãi đâm vào tim tôi; vì trong giây phút đó tôi mới biết – tôi, một kẻ vẫn còn xa cách – rằng trong chính gương mặt của tôi có cùng ánh sáng tỏa chiếu.

190 Tôi nhìn Elsa lần nữa, khiết bạch đến thế, thanh thản đến thế, với đôi mắt thất thần, gọi cảm. Elsa hồi! rồi thành linh tôi choáng váng vì ghê tởm khi nghĩ đến con người xinh đẹp này lại bị thứ đó (that Thing) làm ô uế (profaned) mà hiện giờ nó đang ám nhập (possessed) vào nàng. Ngay lập tức nỗi ham muốn của tôi bị dập tắt. Tôi không còn là hai con người nữa mà chỉ là một; không còn đồng hóa với cái thân thể dị dạng, làm nô lệ cho ma quỷ, tôi quên đi chính tôi và chỉ nghĩ đến nàng, nghĩ đến việc làm sao có thể cứu được nàng mà thôi, nghĩ đến thằng em, mắt mở to, hơi một chút phân vân, vẫn còn đang nhìn đăm đăm như kẻ mất hết giác quan, đang chờ với nỗi háo hức cái mà tôi biết, mọi sự đã diễn ra trước đây chỉ là màn đầu.

Cánh tay tôi vung ra. Adalbert loạng choạng lui ra bên ngoài vòng tròn. Tên thầy tu rú to lên. Lúc đó xảy ra chuyện gì tôi khó mà biết được; một cái gì đó xé tôi từ đầu đến chân, móc ruột gan tôi, cấu xé óc não tôi, quất mạnh toàn thân tôi. Một tiếng gào thét ngập tai tôi. Tôi trở nên mờ mắt vì máu; cả thế giới đổ ụp lên tôi. Nhưng với một cố gắng tốt độ, tôi quét văng các đồ hình (symbols) ra khỏi ngực, tay và chân của Elsa; giật phẳng chiếc áo choàng của tôi ra, tôi phủ lên người Elsa, giống như một đám mây che lấp ánh sáng của vầng trăng.

Mặt đất trông tránh dưới chân tôi, những tiếng huyền não làm điếc tai tôi. Quì gối bên cạnh Elsa, hai cánh tay giơ lên bầu không khí dày đặc, tanh tưởi (fetid), tôi làm dấu Thánh Giá – cử chỉ duy nhất dành cho sự che chở mà tôi biết được – và bằng một giọng thì thào khàn khàn, tôi niệm lên thánh danh Đức Chirst.

Một bóng tối kinh hoàng chụp xuống tôi, tuy nhiên qua bức màn đỏ của máu, tôi thấy Niedhart miệng sùi bọt dường như đang vật nhau với một địch thủ vô hình, còn Adalbert lẫn lộn trên mặt đất với các tiếng kêu thét inh ỏi luôn mồm. Tôi lại thấy Elsa thở từng cơn dài, sau cùng mắt nhắm lại, đầu ngã sang bên này rồi bên kia. Tôi cúi xuống người Elsa choàng tay qua thân nàng. Elsa mở mắt ra và đôi mắt nàng hiện lên vẻ hãi hùng và ghê tởm, nhưng tôi vui mừng vì đôi mắt ấy đã trở lại là chính mắt nàng.

Tôi ngược mặt lên, nhìn chăm chăm vào bóng tối, khóc nức lên nhiều lần trong nỗi bơ vơ cùng cực: “Lạy Đấng Chirst, Lạy Đấng Chirst, xin thương xót con!”

Ngay lúc đó tôi cảm nhận được một cơn gió lạnh tràn ngập mùi thông lướt qua mũi tôi; tiếng thì thầm của rừng cây lấp đầy nhà nguyện giống như tiếng kinh cầu (benediction).

Tôi từ từ đứng dậy và nhìn quanh. Em trai tôi và tên tu sĩ đã đi đâu cả.

191 Thấy cái áo choàng rơi sang một bên, tôi vội đặt trở lại chỗ cũ, kéo lên đến tận cằm của Elsa, trùm lấy mái tóc dường như che chở cho nàng chống lại ma quái; nhưng giờ đây không còn cần thiết nữa, vì nhà nguyện đã trống không. Elsa dường như vẫn còn mê man, thỉnh thoảng đưa ra tiếng rên yếu ớt, còn tôi bắt đầu suy tính xem làm thế nào để đưa nàng về nhà nàng một cách an toàn. Tôi tiếc là hai người kia đã bỏ tôi mà đi rồi.

Trong khi còn đứng ngẫm nghĩ, tôi chợt phát hiện một âm thanh mới trộn lẫn với tiếng gió trong rừng. Âm đó lên cao rồi hạ xuống, giọng trầm bổng, đứt đoạn chen lẫn với vẻ đe dọa. Càng lúc nó càng lớn, lan ra phía trước giống như một con bão đang đến gần từ hướng thị trấn. Giờ đây tôi có thể phân biệt tiếng la to, tiếng thét âm ỉ, đó là tiếng của một đám đông cuồng nộ.

Nhanh như tia chớp, tôi chụp lấy Elsa và kéo nàng ra khỏi bàn thờ đặt nàng đứng dậy. Mặc cho nàng bối rối vùng vẫy, tôi kéo nàng ra khỏi nhà nguyện chạy về phía lùm cây rậm nhất.

Bây giờ tiếng huyền nào ở sát bên chúng tôi, lấp đầy đêm tối. Khi chúng tôi tới các bụi cây, thì những người đi đầu của đám đông đã xông vào khoảng rừng thưa.

Một tiếng thét dữ dội cất lên, vì khi Elsa chạy, chiếc áo choàng rơi ra khỏi người, khiến cho thân thể trần trụi của nàng càng thấy rõ trong đêm tối.

– “Mụ phù thủy!” họ gào lên “mụ phù thủy! Giết chết mụ phù thủy!”

Tôi đẩy Elsa ra sau tôi và rút dao ra.

– “Chạy mau!” Tôi la lên. Elsa chạy ra xa. Vấp trong đám bụi gai chằng chịt, tôi phóng về phía trước để chặn đầu họ, nhưng tôi không biết rằng trong cái bóng tối mông lung của bụi cây thấp, tôi thực sự trở thành vô hình.

Một vài người rượt theo tôi, nhưng ngay khi đánh nhau, tôi kinh hãi biết chắc là Elsa phải chịu số phận bi đát, vì đám đông đã tách ra, những người chạy theo nàng xuyên qua khu rừng, vẫn còn la hét: “Mụ phù thủy! Mụ phù thủy! Giết chết mụ phù thủy!”

192 Tôi chiến đấu với sự thất vọng liều lĩnh. Một người ngã xuống, trong lúc tôi giao đấu với một người khác, người thứ ba chạy về phía đám đông gọi tiếp ứng. Tôi đâm vào ngực đối thủ, người đó ngã lên mình tôi ôm lấy tôi té xuống đất và chúng tôi cùng lăn vào một cái hố. Đầu tôi va vào một gốc cây, trong khoảnh khắc tôi ngất đi.

Tiếng la hét chung quanh tôi giúp tôi tỉnh lại. Tôi vùng vẫy nhưng không thể gỡ thân tôi ra khỏi xác người chết ngã lên mình tôi trong chỗ chật hẹp đó.

Từ chỗ nằm, xuyên qua đám dương xỉ, tôi có thể thấy được chỗ trống phía trên tôi đầy các bóng đen lay động, được soi sáng bởi ánh đuốc ngập khói. Đám đông chuyển dịch qua lại rồi tách ra, ở giữa đám đông tôi thấy thân hình trắng trắng của Elsa, đang gục xuống rũ rượi giữa hai người đàn ông. Một người đàn bà chạy ào tới, dùng móng tay cào cấu vào mặt Elsa; một người khác nối tiếp, trong một thoáng chốc, Elsa mất tăm, nàng quỵ xuống dưới sức nặng của hành vi ác độc của họ. Hai tên đàn ông kéo nàng đứng lên lại, đám đông hét to:

– “Thả nó xuống nước xem coi nó chìm hay nổi! Mụ phù thủy, mụ phù thủy, cho mụ vào nước mau!”

Kế đó tôi nghe thấy tiếng Elsa cất lên, đầy thống khổ:

– “Cứu tôi với! Ôi cứu tôi với! Tôi không phải phù thủy! Xin thương xót. Xin thương xót tôi!”

Tôi vùng vẫy một cách điên cuồng để thoát ra, nhưng hầu như bị ngất lại với cơn đau nhói nơi chân; tôi không thể cử động, cũng như trong tiếng hò reo huyền ảo, tiếng kêu khản đặc của tôi chắc gì được ai nghe thấy.

Đám đông kéo Elsa đi. Tôi thấy một mụ đàn bà nắm mớ tóc dài mượt của nàng kéo giật đầu ra sau; tôi thấy gương mặt trắng bệch của nàng loang lổ vết máu, bị lật ngửa lên trời như van xin lòng thương xót của con người. Chung quanh Elsa, giống như chính lũ quỷ, đám đông nhảy múa reo hò, do bị thúc đẩy bởi xúc cảm ham muốn và hủy diệt dường như loài quỷ dữ mà chúng tôi đã kêu gọi về lúc này đã nhập vào họ vậy. Họ đã đi khỏi tầm mắt tôi. Một lần nữa, vượt lên trên tiếng huyền ảo của họ, tôi nghe được một tiếng kêu rên rỉ tuyệt vọng, sau đó, từ từ giống như cơn bão sắp tàn, mọi âm thanh đều chìm vào yên lặng.

Đến lúc sắp bình minh tôi mới tự thoát ra được. Đứng trong ánh sáng mập mờ, tôi tự hỏi không biết nên đi về đâu. Người còn yếu do cú va chạm trên đầu, chân bị bong gân, còn xương sườn thì đau nhức.

Quay trở về Schwartzbau thì tôi không dám, vì tôi tin rằng gã đàn ông trốn thoát khỏi tay tôi đã nhận ra tôi, và tôi cũng biết rõ rằng trước những bàn tay man rợ của người dân của tôi, tôi sẽ chịu số phận không tốt lành hơn là Elsa. Hy vọng duy nhất còn lại của tôi là đến tu viện xin tá túc nơi đó, ít nhất cũng tránh được cái chết khủng khiếp.

Nhưng ngay lúc còn đứng do dự, từ xa, tôi nghe có tiếng la chen lẫn với tiếng chó sủa dữ dội. Thì ra họ đã đổ ra để lùng kiếm tôi.

Hôm đó tôi mới hiểu rõ nỗi kinh hoàng vô vọng của biết bao con thú bị săn đuổi. Qua khắp các ngõ ngách trong rừng, từ chỗ rậm rạp, hoang vắng, đến chỗ trảng rùng thưa và các dòng suối, nơi đâu cũng có người săn đuổi tôi. Kiệt sức vì mải mệt, rã rời vì đau đớn, bị giày vò vì sợ hãi, không chỉ lo cho một mình tôi mà còn lo cho em tôi, không thể đoán được số phận nó ra sao. Bị ám ảnh bởi cái hình ảnh Elsa bị đám đông lôi đi, đến cái chết khủng khiếp và không đáng chết (unmerited death), tôi lao đảo, muốn quên đi cái chết, tuy bao giờ cũng muốn trốn chạy cái chết. Dần dần tôi trở nên yếu đi. Có lúc, ẩn mình trong một cái rãnh, tôi nhìn thấy đám người săn đuổi tôi đi qua. Chỉ độ một dặm hay ước chừng thế, là đến được chỗ lánh nạn, nhưng dường như bao giờ con đường cũng đầy trở ngại đối với tôi.

Đêm đó tôi ngủ giữa những tảng đá phủ đầy rêu. Nhưng đến gần sáng, thỉnh thoảng từ trong bụi rậm, một con chó săn lớn nhảy xổ ra giống như bóng của con ác mộng, đôi mắt nó chiếu lửa xanh, hai hàm mở to. Tôi nhận ra đó là một trong các con chó săn của chính tôi, tôi đánh liều gọi tên nó; nhưng giống như mọi con thú khác, nó luôn luôn né tránh tôi, và bây giờ cái mùi trong người tôi không phải là mùi của người chủ thương nó, mà chỉ là mùi của cái áo choàng mà tôi đã bỏ lại và được đưa cho nó đánh hơi. Tôi phải chiến đấu hết sức để giành lấy mạng sống. Răng nó cắm vào gò má tôi; tôi dùng dao đâm túi bụi vào mình nó hết nhát này đến nhát khác, tôi không thể làm sao biết được tôi đã chống trả cách nào để thoát được nó.

194 Tôi lao đảo, gằn gât xiu. Toàn thân tôi đều bị thương tích, ướt đầm máu. Tay ôm lấy gương mặt bị thương, tôi vừa đi vừa rên; đôi mắt đau nhức dữ dội, nên không thể trông rõ ràng được, va hết bụi cây này đến bụi gai khác, chân tôi bị

thương vì chính các bụi gai đó; còn cây lớn cản đường đi của tôi. Tôi nghĩ một cách đại đột rằng “Tất cả thế giới đang chống lại tôi, tôi đã thương yêu rừng cây, yêu thương con thú vậy mà giờ đây, chúng trở thành kẻ thù của tôi.” Quả thật tôi cảm thấy rằng tôi đã bị Chúa bỏ rơi và thế là ngày tàn sắp đến rồi.

Ngày hôm đó tôi chỉ còn nhớ lơ mờ các sự việc như thế mà thôi. Đến chiều tối, ngược nhìn lên xuyên qua lớp màng mờ do máu đọng trong mắt làm cho mọi vật quay cuồng một cách mơ hồ, tôi chợt nhận ra tòa nhà của tu viện rất gần, chỉ cách một khoảng đồng cỏ. Nằm núp trong các bụi cây, tôi nhìn chăm chú vào các bức tường xám yên lặng này. Các tu sĩ có chịu đón nhận tôi, kẻ bị tố cáo là phù thủy, hay không? Tôi có đến nướng náu ở tu viện kịp hay không – và thậm chí tôi có được an toàn ở đó chăng?

Tôi còn đang quan sát thì một cổng hậu chợt mở, và một tu sĩ tiến ra, đi xuống theo triền dốc, tay che mắt dưới ánh nắng chiều. Thoắt một cái, tôi lén vào trong tòa nhà.

Tôi đến được nhà nguyện. Sigismund đang quỳ trước bàn thờ, một vài tu sĩ khác đang ở quanh ông, mãi mê cầu nguyện. Hai tay giăng ra, tôi ngã nhào về phía trước dưới chân bàn thờ, la to:

– “Chúa tôi! Chúa tôi! (Sanctuary!)”

Trong một thời gian dài tôi nằm trong một phòng nhỏ (cell), lững lờ giữa sự sống với cái chết. Sigismund và một vài thầy dòng khóc thê giũ bí mật, chăm sóc tôi. Chỉ khi hồi phục lại đầy đủ, tôi mới biết được những gì đã xảy ra. Adalbert đã thoát được nhờ ẩn mình vào trong một hốc cây và về đến lâu đài một cách an toàn bằng một con đường bí mật. Tuy nhiên Niedhart đã bị bắt. Sigismund thuật lại:

– “Hắn bị giải giao cho chính quyền thế tục (secular authorities) và bị thiêu trên giàn hỏa về tội làm phù thủy. Trước tiên họ tra tấn hắn để tìm tên các đồng lõa của hắn: hắn tỏ ra rất can trường, không bao giờ tiết lộ tên của đồng bọn. Tôi có nói chuyện với hắn nhiều lần, khuyên hắn ăn năn; chính tôi đã giơ lên cây thánh giá trước mắt hắn lần cuối cùng, thậm chí còn ném thánh giá vào lửa nữa. Tôi cầu nguyện cho linh hồn hắn được thanh luyện thực sự trong ngọn lửa khủng khiếp ấy và cầu cho hắn được cứu thoát khỏi cơn thịnh nộ của Chúa (wrath of God) và thoát khỏi các đau khổ của việc trừng phạt đời đời.”

Tôi rên rỉ:

– “Hắn không tệ hơn tôi đâu; tôi còn hy vọng gì nữa? Ngay như chó mà còn móc mắt tôi, thì loài quỷ làm sao không cướp hồn tôi ra khỏi xác và làm cho nó đọa lạc vĩnh viễn được.”

Bây giờ Sigismund mỉm cười:

– “Chúng đã làm như thế rồi nếu người dân trong vùng tin được như thế. Từ khi anh mất tích, đã có lời đồn đãi rằng ma quỷ dưới lốt người đã cùng anh bay ngang qua sông. Nhưng có lẽ vì vậy mà hóa ra hay. Họ không thể có được bằng chứng rõ ràng để kết tội anh. Quả thực anh không bị nhận ra, nhưng anh đang rất bị nghi ngờ đấy, và tôi không chắc rằng anh còn được an toàn ở đây nếu họ biết anh còn sống. Họ yêu mến Adalbert và sẽ tuân lời, nhưng cậu ta hãy còn trẻ con. Có nhiều lời đồn rằng Heinrich von Friedfeld, nghe thấy sự xáo trộn ở đây, đang tụ tập binh sĩ của hắn trên biên giới chúng ta đấy.”

Tôi nằm yên lặng một hồi rồi nói:

– “Tôi không còn làm gì được nữa rồi, mọi công lao trong đời tôi trở thành hồng bét.” Cuối cùng tôi nói thầm

“Elsa, chính việc tôi thèm muốn Elsa là nguyên nhân của mọi chuyện”

Sigismund làm dấu thánh:

– “Cô ta là kẻ khờ khạo, một đứa trẻ điên khùng nhất. Bởi lẽ cô để lộ một ít chỉ dẫn về ý định của cô cho bà mẹ biết được, nên sau khi Elsa ra đi, mẹ cô đến gặp tôi. Tôi bắt bà ta phải hết sức giữ im lặng, nhưng hồi ôi bà ta đã bất cẩn nói lộ ra. Tội nghiệp cho cô gái, cô ta phải trả giá về việc đó; tuy nhiên đúng như anh nói, sự ham muốn điên khùng của anh mới là nguyên nhân thật sự... À này, hồi con trai ta, linh hồn con gánh chịu tội lỗi biết bao!”

Tôi trò đầu trên gối, khóc nức nở:

– “Tôi không cố ý làm hại cho bất cứ ai,” tôi nói tiếp giọng đứt quãng, “nhất là làm hại Elsa. Tuy nhiên tất cả những gì tôi làm đều bị nguyên rủa; còn bao nhiêu người làm những điều tệ hại hơn nữa, nhưng lại được thoát. Nhưng tôi không thoát được gì cả. Với tôi, chết còn hay hơn là sống.”

Sigismund lắc đầu:

– “Không phải vậy đâu, vì mặc dầu chúng ta chỉ sống có một lần và thân xác chúng ta sẽ rã tan, nhưng nên nhớ rằng 196 linh hồn vốn bất tử và có thể được cứu khỏi việc bị trừng phạt dưới địa ngục (damnation) nhờ lòng thương xót bao dung của Chúa. Tuy vậy Ngài có thể dành cho anh cơ may để chuộc tội ngộ hầu anh không sa vào địa ngục.”

Tôi rùng mình, không trả lời được câu nào, tai lắng nghe tiếng của các tu sĩ đang cầu kinh phát ra từ nhà nguyện.

Ngay sau đó, tôi mở mắt ra, lên tiếng:

– “Ông nói đúng. Giờ đây tôi có quyết định tôi phải làm những gì. Tôi nghe nói có một tu viện của người Carthusians ẩn sâu trong núi nơi có giới luật (rule) nghiêm minh hơn bất cứ tu viện nào ở Âu Châu, tôi sẽ chôn vùi xác thân hèn hạ này

cùng với tội lỗi của tôi nơi đó. May ra, nhờ sự ăn năn, hành xác, sống cuộc đời khổ hạnh, tôi có thể học được cách hủy diệt được loài ma quái đang ám vào tôi và như thế, cuối cùng tôi có thể được tha thứ (pardon).”

Vài tuần sau, vào lúc bình minh vừa lên, tôi đứng ở cổng tu viện, sẵn sàng lên đường. Sigismund và tôi đều rơi nước mắt lúc ôm nhau từ giã. Chúng tôi biết sẽ không bao giờ còn gặp lại nữa. Khi quay đi, tôi còn nhìn lại lần chót khắp cả thung lũng, nơi có thành phố nhỏ mà tôi yêu, bao quanh bởi con sông lấp lánh, vườn cây ăn quả và các đồng cỏ, lên tới đỉnh của toà lâu đài nơi mà tôi đã được sinh ra. Đó là tài sản mà Thượng Đế phước thác cho tôi, và tôi cảm thấy tôi đã phản bội lại sự phước thác đó. Tôi không dám nhìn lại Sigismund đang đứng đó, chung quanh là các tu sĩ của ông, mà cúi đầu cương quyết lên đường mặt hướng về dãy núi xa xa.



Tôi tự hỏi, điều gì đã xảy đến cho Carl, khi khép mình sau các bức tường ẩm đạm với các tu sĩ Trappist ⁽¹⁾, vì hẳn là kẻ rất mong muốn làm việc cho đời và biến đổi các giấc mơ mưu tìm tiến bộ và hạnh phúc thành hiện thực cho người dân của hắn? Tôi không thể tin là hắn tìm được an bình hoặc hạnh phúc ở nơi đó. Nhưng ít nhất giờ đây tôi cũng hiểu được nỗi chán ghét mà tôi luôn luôn cảm nhận được trong kiếp sống hiện nay của tôi về thời Trung Cổ và về lối sống theo tu sĩ (monasticism), cũng như sự thương hại hầu như xót xa của tôi đối với bất cứ ai xấu xí hoặc mang dị hình. Đây là kết quả

¹ Trappist monks : Tu sĩ của dòng tu khổ hạnh được lập ra năm 1664 ở La Trappe, vùng Normandy, tuân theo giới luật khắc khe gồm cả thể nguyên tịnh khẩu (vow of silence). (Oxford,1994)

197 của một điều gần như là một trạng thái hồi tưởng ở bên trong. Khi tôi suy nghiệm về kiếp sống này, thì tôi càng hiểu rõ rằng nhiều điều ưa thích và không ưa thích, các nỗi sợ hãi, các xúc cảm và các tính chất riêng biệt đối với các cá nhân mà các nhà tâm lý học (psychologists) rất bận tâm trong việc phân loại hiện nay, có thể hiểu được là không xuất phát từ các nguyên nhân nảy sinh trong kiếp này, mà là các hình ảnh (reflections) của các biến cố của quá khứ lắng đọng lại trên tấm gương trí tuệ theo các diễn biến của nghiệp quả (karmic currents).

Có phải chủ nghĩa lý tưởng (idealims) của Carl do sự kiện là một ánh sáng yếu ớt nào đó phát ra từ quá khứ của hắn có thể tạo ảnh hưởng lên nhân sinh quan (outlook) của hắn, khiến cho hắn trở nên xa lạ về mặt tâm linh với những người hung bạo vào thời của hắn hay chăng? Có phải sự say mê huyền thuật chi phối hắn có nghĩa là về mặt trực giác, hắn biết rằng vào một lúc nào đó, nhờ huyền thuật, hắn sẽ thực sự có được quyền năng để làm những gì có thể được gọi là phép huyền diệu hay chăng ? Tuy nhiên có nhiều điều vẫn còn làm cho tôi bối rối ở đây. Tôi có thể hiểu ra sao đây, một khi đã chọn đối diện với những cái được tạo ra (creations) trong quá khứ của tôi, điều tất nhiên là các ham muốn được tạo ra vào lúc đó sẽ được làm cho sống dậy, và tất nhiên là thân xác tôi sẽ phản chiếu sự xung đột này và dễ dàng bị điên loạn hoặc bị ám. Nhưng tại sao tôi lại phải chịu một hình dáng dị dạng ghê tởm như thế, tại sao tôi phải chịu các hạn chế như thế, để làm cho tôi hầu như không thể biểu lộ ra ngoài đời các tính chất mà sau cùng có vẻ được phát triển trong tâm thức tôi, tôi không thể lý giải được điều này.

Cái chết của Elsa – một đứa trẻ không biết đến một tội lỗi nào – cũng đem lại các câu hỏi dường như không thể giải

đáp. Elsa thực sự là một ví dụ của sự mâu thuẫn hiển nhiên đó của Số Mệnh dường như kẻ vô tội thường bị trừng phạt, còn kẻ có tội lại thoát khỏi. Cũng còn một việc kỳ lạ nữa đó là sự thù nghịch của loài vật đối với Carl. Người ta thường cho rằng loài vật có thể cảm nhận được cái tốt lành nơi những người có vẻ là kẻ hèn kém trong con người, tuy nhiên Carl không hèn kém hoặc độc ác, và hẳn lại thương yêu loài vật – đây lại là một điều khó hiểu nữa. Nhưng tôi biết rằng ắt phải có nguyên nhân nhất định nào đó chịu trách nhiệm cho việc này cũng nhiều bằng chịu trách nhiệm cho cái lưng gù của Carl.

198 Thế nên, với ước muốn hiểu được các nan đề trên, tôi tìm một nơi tĩnh lặng, và bằng cách làm an tĩnh thể trí và cố gắng tự chỉnh hợp vào mức rung động cao siêu hơn, để tiếp xúc với Đức Thầy của tôi. Vì theo thời gian qua, tôi bắt đầu thấy rằng dường như càng ngày Thầy tôi càng ít xuống cõi của tôi, và chỉ bằng cách gia tăng nỗ lực mạnh mẽ về phía tôi, tôi mới có thể đạt đến Ngài để có được sự chỉ dạy. Đôi khi, dù hết sức cố gắng, tôi cũng không nhận được sự đáp ứng của Ngài, tôi cảm thấy rằng chính Ngài đang đi vào các trạng thái thiền định sâu xa trên các cảnh giới xa xăm của tư tưởng mà cho đến nay, tôi không thể hy vọng đạt đến. Nhưng lần này tôi được Thầy trả lời ngay. Ngài nói :

– “Con không thấy rằng kiếp sống mà con trải qua ở Hy Lạp đã mang lại hậu quả không tránh khỏi là một thân xác bệnh hoạn và thân hình dị dạng hay sao ? Thật lạ lùng biết bao khi người ta thấy khó khăn mà áp dụng các Chân Lý huyền linh vào các sự kiện của cuộc sống hằng ngày! Như Thầy đã nói với con, bằng các tư tưởng và hành động của con trong một kiếp sống, con tạo nên được hiện thể (vehicle), hiện thể này sẽ kết hợp chặt chẽ (incorporate) với tinh thần (spirit)

của con trong kiếp sống sắp tới. Nếu con làm kiệt quệ tình trạng thể chất (constitution, thể trạng) đối với các thể của con (bodies), con sẽ quay trở lại cõi trần với các nguyên tử kiệt quệ giống như vậy- hay là với các nguyên tử hầu như tàn tạ (almost moribund) - để rồi con sẽ phải bảo dưỡng và phát triển các nguyên tử đó trở lại. Như vậy một thể trí bạc nhược (enfeably mind) thường là hậu quả của sự lười biếng của trí óc (mental laziness) hay của trí tuệ được sử dụng một cách sai trái (intelligence wrongly used), còn những ai làm suy nhược thân xác của họ do sự thái quá và sự đồi trụy về tính dục (perversion), sẽ phải đầu thai với thân hình dị dạng (deformed), mắc bệnh động kinh (epileptic), cùng với một bệnh nào đó, hoặc chịu một khiếm khuyết nào đó trong não bộ, ý chí yếu ớt và có khuynh hướng nhiễm lại các tật xấu trước kia, vì lẽ bất cứ mãnh lực nguy hại nào trong kiếp trước của họ cũng có thể biểu lộ một cách dễ dàng qua các thân xác như thế. Tính kiêu căng (vanity) cũng phản ứng lại trên xác thân; người nào sống cho riêng thân xác mình sẽ quay lại làm nô lệ cho thân xác đó; một kẻ tham ăn trong kiếp trước chẳng hạn giờ đây có thể phải hứng chịu một bộ máy tiêu hóa bất toàn, điều này cũng áp dụng cho người nào cố tình bỏ đời mình qua sự khổ hạnh một cách thiếu sáng suốt. Như thế con người được sinh vào các gia đình nào mà từ đó họ có thể kế thừa lại các nhược điểm đặc thù do chính họ đã tạo ra bởi các lỗi lầm của kiếp trước.

199 Con bắt đầu một tiến trình phá hoại thể xác như thế trong kiếp sống ở Ba Tư (Persia) và tiếp tục tiến trình đó, mặc dù ở trên các đường hướng khác, ở kiếp Hy Lạp. Hai kiếp này đã làm cho thân xác của con trở nên thiếu các sinh lực tinh khiết cần để tạo ra một thể chất mạnh khỏe (strong

constitution), cho nên anh chàng Carl đáng thương phải hứng hết hậu quả.”

Tôi hỏi:

– “Nhưng vì sao con không trở lại giữa kiếp Hy Lạp với thời Trung Cổ? dường như đó là một thời gian dài tạm ngưng đi đầu thai.”

– *“Không hề có sự cố định đối với thời gian tạm ngưng luân hồi, đó chỉ là vấn đề nhu cầu của linh hồn mà thôi.* Còn trong trường hợp của con, có nhiều lần con cố gắng tạo ra một thân xác đủ cường tráng để đối phó – mà không sợ quá nhiều rủi ro – với các mãnh lực phá hoại vẫn còn tồn tại trên đường tiến hóa của con; nhưng con gặp quá nhiều bất lợi bởi sự kiệt quệ của các nguyên tử của con mà Thầy đã nói đến. Con đầu thai làm một người La Mã (a Roman), nhưng thể xác con quá yếu ớt không thể đáp ứng cho các mục đích của con, cho nên con mau lẹ từ bỏ thể xác đó. Con cố gắng đầu thai trở lại nhiều lần nữa, nhưng lần nào cũng thất bại, con chết khi mới được sinh ra, hoặc là không sống lâu được. Cuối cùng con tìm về Phương Đông và tái sinh vào cha mẹ là người có nghiên cứu Hatha Yoga, nhờ thế con nhận được sự trợ giúp hơn là nếu đầu thai vào bất cứ cha mẹ ở Phương Tây nào. Sau đó chính con nghiên cứu môn Yoga này, mặc dù điều không may là tà lực bên trong còn quá mạnh đối với con và trong kiếp sống đó, con không hoàn thành được mục tiêu của con, nhưng chắc chắn là con đã học được đủ để được phép đầu thai làm Carl, một kẻ tuy còn mọi yếu kém của mình, nhưng vẫn đủ mạnh để đối diện và sau cùng khắc phục được (grapple with) các tà lực này.

Thế là giờ đây có lẽ con thấy một cách rõ ràng hơn đó là cần phải tìm được đằng sau các bề ngoài (appearances) để trả lời cho tất cả các câu hỏi này vốn dĩ rất phiền toái khi càng

ngĩ ngợi thêm. Nếu con suy nghiệm một cách kỹ càng về kiếp sống đặc biệt này, con sẽ thấy rằng nhiều vấn đề sẽ được giải đáp. Đây là lý do giải thích tại sao kiếp sống này được chỉ cho con thấy một cách tỉ mỉ như thế. Hãy lấy trường hợp mà ta biết đã gây cho con rất nhiều bận tâm. Elsa có vẻ khá là vô tội như cô đã cho thấy trong nhân cách (personality) của cô ta một cách thực sự. Nhưng trong nhiều lần luân hồi trước kia, cô ta đã dùng các phương tiện huyền thuật (magical means) để đạt được các mục đích của cô ấy. Hơn thế nữa, ở một trong các lần luân hồi đó, cô ta đã tiến hành (initiated) cái được gọi là ngược đãi tôn giáo (religious persecutions), đó là nguyên nhân gây ra cái chết cho nhiều người. Cô ấy cần trải qua cái kinh nghiệm khủng khiếp là chết dưới tay của một đám đông hỗn loạn (mob). Chính yếu là tính tự phụ đã thôi thúc cô ta tới hành động vốn là nguyên nhân trực tiếp của thảm họa đặc biệt này; nhưng nếu không có cái quá khứ tệ hại trước kia thì cô sẽ thoát được một kết thúc khủng khiếp như thế, chẳng hạn như Adalbert đã thoát nạn nhờ tìm được một chỗ nấp; còn con, kẻ còn phải học thêm nhiều bài học nữa thì bị kẹt trong một cái rãnh cho đến khi đường đi của con tương đối không còn nguy hiểm nào nữa.”

– “Còn loài thú, tại sao con chó đó tấn công con, hay đó chỉ là tình cờ? Tuy rằng mọi con thú đều ghét con...”

– “Hãy xem lại quá khứ đi, con có làm tổn hại loài thú ở thời Atlantis không? Trong các kiếp sống khác, con đã khai thác loài thú quá mức, nhưng con không được cho thấy các kiếp này vì con khó có lý do chính đáng để giải thích tại sao con cần nhớ lại các kiếp đó. Nhưng ta chỉ cần cho con biết rằng con hãy còn độc ác, tàn nhẫn, con giết chóc vì thích muốn trò tàn ác hay là vì tính hoàn toàn lạnh nhạt (sheer indifference). Động vật cũng có “linh hồn” (“soul”), mặc dù

với bản chất khác với linh hồn của con người, các ấn tượng về tính độc ác được tạo ra nơi con vật hầy còn đó. Vì những gì mà con đã làm đối với thú vật, nên giữa con với loài vật có một sự bất hòa và phá hoại, cho đến khi con, với tư cách là con người, con nguyện phụng sự và giúp vào bước tiến hóa cho đàn em của con, con mới thành công trong việc điều chỉnh sự thiếu quân bình nghiệp quả.

Bất luận giới (kingdom) nào của thiên nhiên mà con làm cho thương tổn, làm bại hoại hoặc khai thác chúng, vào một lúc nào đó, chính con sẽ phải hòa giải bằng tình thương và việc phụng sự. Khi nào con chưa làm được chuyện hòa giải, thì giữa con với chúng vẫn còn tình trạng thù địch; các thành viên của giới đó sẽ trở thành thù địch (inimical), không phải cố ý mà chỉ vì con đã đặt chính con vào thế đối địch với chúng, do đó các rung động của con trở nên thiếu hài hòa với các rung động của chúng.

Cái chết của Niedhart là hậu quả trực tiếp của việc hấn làm lệch lạc (perversion) yếu tố lửa (the element of fire) trong các kiếp trước.

201 Thế nên con thấy cái ý tưởng thịnh hành vào Thời Trung Cổ về việc thanh luyện kẻ có tội bằng lửa hoặc nước cũng có trong nó một chút sự thật, vì một phần còn lại nào đó của mình triết nghìn xưa đã từ quá khứ, ngấm qua, đi vào thời đó, nhưng dĩ nhiên là dưới một hình thức hoàn toàn lệch lạc. Dù thiếu hiểu biết về luật nghiệp quả, Giáo Hội thời Trung Cổ lại giành quyền áp đặt một sự thanh luyện hoàn toàn sai lầm lên những con người mà Giáo hội xem như là kẻ có tội. Hậu quả là những người trở thành công cụ để làm chết kẻ khác bằng cách này, đã tự mang đến cho chính mình cũng sự kết án đó, vì Đấng mà họ tôn thờ đã có nói : “Người đưa ra sự phán xét thế nào thì người sẽ bị phán xét lại như thế ấy.”

Một số pháp quan của Tòa Án Dị Giáo (inquisitors) và các giáo sĩ khác dứt khoát là có liên kết với các mãnh lực của bên Tà Đạo, thích buông mình theo các ham thích lệch lạc và tàn ác trong việc dùng nhục hình tra tấn nạn nhân của họ, nhưng cũng có nhiều người chính trực, nhưng do thiếu hiểu biết và lẫn lộn bởi cái không khí tinh thần (mental atmosphere) của thời đại mà họ sống.

Nhiều người thuộc hạng sau đây đầu thai vào lúc này, thí dụ các nhà khoa học đang liều mình, vì lợi ích cho đồng loại, để làm thí nghiệm với các dạng năng lượng tinh anh (subtle forms of energy) mà sau rốt sẽ được dùng để chữa trị đa số các bệnh tật của nhân loại. Những người này, do bị thôi thúc bởi một nguyên động lực bên trong – mặc dầu họ không biết được nguyên động lực đó – đang nỗ lực để hoàn trả lại một số nợ nần xưa của họ bằng cách tập làm việc với các yếu tố (elements, chất) dưới hình thức các tác nhân chữa trị thay vì là các tác nhân phá hoại. Nhiều người trong số đó đã lao vào việc thực hiện hy sinh tột bậc và hứng chịu các tổn thương trong lúc làm việc, để rồi cuối cùng thân xác họ bị hủy diệt bởi cùng một yếu tố (element) mà họ đã có lần sử dụng nơi những kẻ khác. Đây là một hình thức thanh luyện.

Nhưng dĩ nhiên có nhiều người khác nữa, chưa đủ tiến hóa để thực hiện một nỗ lực như thế hầu vận dụng một cách có hiệu quả các hình thức năng lượng này, họ chuộc lại lỗi lầm trong quá khứ bằng cách tiếp xúc với sức mạnh hủy diệt của hỏa, phong, thủy hoặc địa. Vào giai đoạn con đang sống hiện nay, các linh hồn tiến hóa đang có một nỗ lực rất ráo để đảm trách các tái điều chỉnh này với các giới nắm giữ sức mạnh thiên nhiên (elemental kingdoms, giới hành khí), với một chút lưu tâm xem xét về các tình huống hiện nay, con sẽ thấy rõ điều đó. Thế là Thiên Luật tự hoàn tất trong mọi việc

một cách hoàn hảo và không thể trốn tránh được. Không có gì là ngẫu nhiên cả. Nếu con người có thể thấy vào tận quá khứ, thì họ sẽ hiểu được nguyên nhân ngay cả đối với cái sai lầm về công lý mà bên ngoài rõ rệt nhất.”

Tôi nói :

– “Nhưng theo con, cái có vẻ bất công nhất trong mọi việc là ở chỗ con người cứ phải chịu vấp vấp trong bóng tối, vì không nhớ được chuyện đã qua. Nếu con người nhớ lại được tiền kiếp và các lỗi lầm mà con người đã phạm phải thì con người không bao giờ lặp lại các lỗi lầm đó nữa, như con chẳng hạn. Còn ai dám độc ác, tàn bạo và nuôi tham vọng vô độ nếu người đó có thể nhớ lại nghiệp báo mà những hành động như thế đã mang lại cho y trước đây? Nếu có được ký ức rõ ràng về tiền kiếp, chắc chắn con người sẽ có được tiến bộ về đức hạnh và đạt được minh triết một cách mau chóng.”

Lúc ấy, Ngài mỉm cười :

– “Có thể họ làm như con nghĩ đấy, nhưng chỉ được một lúc mà thôi, sở dĩ họ làm được như vậy là chỉ do sợ hãi mà ra, vậy thì tiến bộ như thế sẽ chỉ còn tồn tại bao lâu mà cái thôi thúc tình cảm để lặp lại lỗi lầm không quá áp đảo. Kể đó họ sẽ dễ dàng quên đi, hoặc là họ cho rằng lần này biết đâu họ sẽ tránh được hậu quả. Không, không phải thế đâu; tiến bộ không đến được do sự hãi sợ Thiên Luật, mà như Thầy đã cố gắng chứng minh cho con thấy, tiến bộ chỉ có được bằng cách cải tâm (change of heart, chuyển tâm, sửa lòng) mà thôi. Khi nào con người vẫn còn làm nô lệ cho các xúc cảm của mình, thì con người vẫn sẽ còn phạm bất cứ hành động điên rồ nào – vì lẽ y bị thúc đẩy bởi một cái gì đó còn mạnh hơn cả lý trí (reason) nữa. Hãy để ý xem: trong kiếp sống này có bao giờ con không phạm cùng một lỗi lầm đến hai lần không ? Mọi kinh nghiệm do bài học mang lại có được con ghi vào lòng

(nhập tâm) và áp dụng trong cuộc sống hay không ? Thầy không nghĩ như thế.

203 “Nếu con bị đè nặng bởi việc nhớ lại tất cả các biến cố (nhờ các biến cố đó con mới có được các tính chất giúp tạo ra con người ngày nay của con), nhiều hơn là những gì con nên giữ trong tâm thức con, chẳng hạn như mọi chi tiết về giờ học ở trường, cùng mọi giai đoạn thơ ấu, trong đó con được dạy các phép xã giao thông thường trong đời sống, thì thật là điều không cần thiết chút nào. Không hay ho gì cho con khi phải luôn luôn sống trong một ngôi nhà chứa đồ phế thải (lumber-house) như thế đâu. Nhưng thật ra, như con biết rõ, không có gì bị quên đi cả. Vô thức (unconscious mind) của con người là cái nhà chứa đồ phế thải đó gồm các ký ức bị gạt ra (rejected memories), trong khi siêu thức (super-conscious mind) của con người dường như là nơi giữ lại bản liệt kê (inventory) của mọi thứ trong nhà phế thải đó và giữ cái chìa khóa đưa tới việc sử dụng đúng mọi thứ nơi đó, dù là nhỏ nhặt và không còn được chú ý nữa (unregarded). Vì sau rốt, các hành động chỉ là các nguyên nhân, chính *kết quả (result)* của các nguyên nhân này, tức thực tướng của con người, mới là đáng kể.

“Lại nữa, theo như chính con đã cảm nhận được sau khi thấy lại kiếp sống ở thời Atlantis của con, nếu kẻ thường nhân (average man) có thể nhớ lại tất cả các lỗi lầm, các thảm kịch, các mất mát và tội lỗi thuộc quá khứ của mình, thì rất có thể anh ta sẽ tiêu phí hết kiếp sống hiện tại để nghiên ngẫm về các điều đó và chẳng mấy chốc sẽ trở thành không còn khả năng (unfitted) để đối phó với các vấn đề mà anh ta được sinh vào cõi đời trở lại để giải quyết. Cũng nên nhớ rằng, một người – đặc biệt hơn là người kém tiến hóa – thường nhiễm sắc thái của thời đại mà người đó sống, và các sự kiện có thực của quá khứ sẽ không giúp cho người đó được nhiều để đối

phó với các sự kiện trong hiện tại. Thực ra, có những người có được khả năng biết được các kiếp trước của họ, mà không mất đi cái quân bình và đức phân biện cần thiết để hóa giải (counteract) cái hậu quả nguy hại mà tri thức rõ ràng này (tức việc nhớ lại tiền kiếp – ND) có thể có đối với trí não, nhưng họ đã phí hết trọn kiếp sống quý báu để nghiền ngẫm mãi các huy hoàng trong tiền kiếp, họ làm như vậy để tự bù lại các kém cỏi của kiếp hiện tại, thay vì tìm cách cải thiện chúng.

“Trở lại kiếp sống của Carl. Kiếp sống đó theo đúng nghĩa hầu như là quá sức chịu đựng của hắn; kiếp sống đó có thể đè bẹp hắn, – có thể đưa hắn đến chỗ điên cuồng – khi nhớ lại quá khứ, vì vào lúc đó không một ai có khả năng giải thích ý nghĩa của các chuyện đã qua này cho hắn hiểu. Tuy thế, quá khứ là đây – ở nơi hắn. Thế là đủ rồi.

“Con đã từng ghi nhận sự kiện là các ấn tượng của quá khứ bắt đầu tác động vào con người (personality) của Carl với tần số sức mạnh ngày càng tăng. Điều đó do bởi sự kiện là Chân Ngã của con – Thượng Đế nội tại đích thực, Đấng *toàn tri* – đang ngày càng có thể tạo ấn tượng lên các phạm ngã (personalities) của mình bằng ký ức bất tử của chính 204 Chân Ngã. Ký ức đó là cái *mà con người gọi là lương tâm* (conscience). Nhưng tiếng nói của lương tâm không thể nghe được qua sự xáo động (turmoil) của các giác quan, cho tới khi khí cụ của nó – tức xác thân – được thanh luyện và được kềm chế đầy đủ. Thế nên, có một số người không nghe được tiếng nói lương tâm, nơi một số người khác, đó là tiếng thúc giục (clarion call) mà phạm ngã không dám bất tuân.

“Khi con người càng tiến hóa, mối *liên hệ (rapport)* giữa phạm ngã với Chân Ngã càng trở nên chặt chẽ hơn, và tất nhiên là các kinh nghiệm của quá khứ có thể được liên kết một cách rõ ràng hơn với các sự việc tương tự xảy ra trong

hiện tại; vì lẽ cảm giác tái hiện trở lại dựa vào các rung động tương đồng, để rồi nhờ đó ký ức được gọi trở lại. Thế nên, khi quá khứ và hiện tại trở nên được liên kết một cách rất chặt chẽ, hiển nhiên là các hành vi này giống như một nam châm, thu hút các nguyên nhân ra khỏi trạng thái tiềm tàng (latency) tạm gọi thế; để rồi một cách tự động đưa các món nợ của quá khứ đặc biệt đó ra giải quyết. đây là một lý do xác đáng khác giải thích tại sao con người không nên được phép gọi lại các tiền kiếp một cách tùy tiện. Việc đó quá nguy hiểm, vì nó có thể làm xuất hiện đột ngột (precipitate) nơi con người loại karma mà người đó chưa sẵn sàng để trả, đồng thời cũng không thể mong rằng họ sẽ cố gắng đối phó với karma đó một cách có hiệu quả.

“Trong trường hợp của Carl, sự giao tiếp chặt chẽ giữa chân ngã với phàm ngã đưa đến việc không thể tránh khỏi là làm khơi dậy các mãnh lực mạnh mẽ của tà thuật vẫn chưa được chuyển hóa bên trong y, vì bất cứ nỗ lực mãnh liệt nào về một phía, đều luôn luôn khơi dậy một sự bù trừ ở phía ngược lại (compensating opposition) – đó là Luật Quân Bình (Law of Equilibrium). Tác động (action) sẽ gây ra phản tác động (reaction) ở mọi cõi giới. Trên cõi trần, con người sẽ chỉ dứt đau khổ do các hiệu ứng dội ngược này (repercussions) khi cái bí nhiệm làm cách nào để tạo quân bình cho các cặp đối hợp được hiểu rõ hơn. Sự xung đột này được biểu lộ nơi Carl qua việc xen kẽ giữa các lần bị ám nhập (obsessions) với các lần nỗ lực hướng tới thánh thiện và tiến bộ. Xuyên qua các luồng từ lực của kiếp trước của mình, hắn gặp trở lại nhân vật mà hắn đã cùng làm việc chung nhau ở thời Atlantis – nhân vật này cũng đã phấn đấu trên Con Đường Phản Bối Hoàn Nguyên (Path of Return), nhưng chưa hoàn toàn đạt được cùng giai đoạn như chính Carl. Tuy nhiên điều đáng

205 nói là lần này, ngay khi Carl trực gọi tà lực lần nữa, nhờ được cảm ứng (inspired) bởi tiếng nói nội tâm, nên sau cùng hắn đã loại bỏ được chúng. Như vậy, tuy chiến thắng, nhưng do việc kêu gọi tà lực, hắn phải trả giá bằng biết bao đau khổ tâm trí và chịu mất đi một số lợi thế mà hắn đã đạt được.”

Tôi hỏi :

– “Những gì đã xảy ra trong tu viện ? Kết cục hắn ra sao?”

– “Hắn sống một cuộc đời rất khắc khổ và vô cùng hối cải, chiến đấu với các thực thể đã ám nhập vào hắn từ trước đến nay và chúng đã dĩ nhiên mạnh hơn qua việc hắn sa ngã vào ma thuật. Thật là một sự lãng phí cuộc đời không thích hợp chút nào, vì nếu hắn chỉ cần kiên nhẫn, không tìm cách hối thúc các diễn biến bằng cách chọn đường tắt xuyên qua các lối đi bị cấm, thì sau rốt hắn sẽ thu phục được tình thương và sự trung thành của người dân trong lãnh địa của hắn. Nhiều cơ hội đang chờ hắn trong tương lai cận kề. Qua các khả năng bẩm sinh về thao lược có được trong kiếp ở Ai Cập, sau rốt y có thể đánh bại được Heinrich von Friedfeld, được binh sĩ tuân phục, làm tăng thêm hạnh phúc và an ninh cho dân cư.

“Thêm nữa, ít lâu sau khi hắn trốn chạy, dịch bệnh xảy ra, theo sau là nạn đói. Nhờ khả năng tiên kiến (foresight) và một số hiểu biết về việc chữa trị có được trong một kiếp sống mà con chưa có dịp nhìn thấy, Carl sẽ có thể tạo được lợi ích lớn cho dân trong lãnh địa của hắn. Có thể nói là hắn chỉ tạo ra chung quanh hắn một loạt các khó khăn mới cho kiếp sống sau của hắn và thu lượm được một khí cụ trí tuệ (mental equipment) chứa đầy các ý niệm sai lầm, các sợ hãi và các hối tiếc quá đáng. Trong những năm dài ở trong dòng tu khổ hạnh (Trappists), do đắm say nghiền ngẫm về tội lỗi của

mình, hắn đã tác động đến các thể tinh anh (subtle bodies) của hắn đến nỗi qua kiếp sau đó, hắn trở nên bị ám ảnh bởi ý thức tội lỗi bất thường rất đặc trưng của các giáo sĩ ngày nay, trong trường hợp của hắn càng nổi bật lên do sự sợ hãi quá đáng về tính dục, vì lẽ do việc ham muốn người khác phái mà hắn mới sa ngã.

“Tất nhiên là phạm ngã của con thiếu quân bình và bị sự mâu thuẫn xâu xé. Do đó, con được đầu thai vào một nơi chốn và vào một thời điểm được tính toán là thuận tiện nhất để giải quyết hai điểm ấy, bằng cách mang lại cho con các kinh nghiệm có thể giúp con có được một nhân sinh quan (outlook) hợp lý hơn.”



Chương VI

Nước Ý

Thầy tôi nói tiếp:

– “Con được sinh ra ở Florence vào thời Phục Hưng (Renaissance)⁽¹⁾. Ước vọng của con là tiếp xúc trở lại để nhờ thế làm mới lại nơi chính con các tính chất ưu việt nhất của cổ Hy Lạp sau khi sống qua các Thời Kỳ Đen Tối (Dark Ages), bị cuốn hút vào các mãnh lực do con tạo ra, để hài hòa với kỷ nguyên văn minh tiến bộ ấy. Do đó, con đầu thai vào một thời kỳ mà minh triết của Hy Lạp được tái phát hiện (rediscovered), còn con người thì tìm cách – tuy là không được thích đáng – điều chỉnh tâm nhìn của họ cho hợp với các truyền thống và các lý tưởng đã bị quên đi một nửa (half-forgotten).

“Như Thầy đã nói, bị lung lay vì bởi các ảnh hưởng mâu thuẫn được đưa đến do kinh nghiệm ở tu viện, tâm trí con trở nên ủ rû, dễ thay đổi, không có định hướng rõ rệt và nhiều khi đưa tới cực đoan. Một nửa của con – tức là phần có liên quan tới kiếp ở Hy Lạp – thì đam mê, thiên về nhục cảm, tôn thờ vẻ mỹ lệ dưới mọi hình thức, khao khát chạy theo mọi cái

¹ Thời Phục Hưng: Thời kỳ hồi sinh của nghệ thuật và văn chương vào các thế kỷ 14, 15 và 16 dựa vào các hình thức cổ điển ở Âu Châu-(ND).

kỳ diệu không thuộc tôn giáo đang tràn ngập nước Ý thời đó. Vì các ký ức chưa tỉnh thức được khơi dậy trong con bằng mọi khám phá mới mẻ, và vì thế, lẽ tất nhiên là nghệ thuật, điêu khắc và triết thuyết của các triết gia sẽ tác động đến con một cách sâu xa, vì chúng là các biểu tượng – dù là các biểu tượng không được biết rõ – của cái hoàn thiện mà con đã đánh mất. Thế nên các hình thể mỹ lệ và các ngôn từ minh triết đã khơi dậy trong con cái ước vọng về một lý tưởng mơ hồ nào đó nhưng siêu việt (transcendental) mà con cảm thấy bất cứ những gì có liên quan tới quá khứ này đều là phản ảnh một phần của lý tưởng đó.

207 Đây là một khía cạnh của bản chất con; nhưng điều rất thường xảy ra với những ai đã từng là tu sĩ trong các kiếp trước, xuất hiện một khía cạnh khác, đó là trở nên cần cỗi bởi dấu vết khô khan của cách dạy dỗ nơi tu viện, họ trở nên khiếp sợ các điều thế tục, xem cái mỹ lệ và ham muốn tính dục như là cái bẫy của kẻ xấu và luôn luôn bị ám ảnh bởi nỗi hãi hùng về lửa ở luyện ngục (purgatorial fires).

Trong thế giới ngày nay có biết bao người như thế. Bị xâu xé bởi cái đam mê vào lúc này và bởi cái hối tiếc tiếp sau đó, họ chịu số phận trở thành nạn nhân của tâm tính của chính mình, họ đưa đau khổ và hoang mang vào cuộc sống của những người yêu thương họ bằng các phản ứng dữ dội và kỳ lạ đối với các quan hệ tính dục bình thường mà họ hãy còn ham muốn một cách nồng nhiệt. Cuồng nhiệt và dữ dội, nhạy cảm và hướng về lý tưởng, họ không hiểu được tính chất bất hạnh của chính mình, họ cũng không nhận thức được rằng chỉ bằng cách cố gắng nhìn sự vật theo đúng thực tướng của chúng, bằng cách không lý tưởng hóa, cũng như không hạ thấp giá trị của chúng, bằng cách phân tích kỹ lưỡng cái nguyên động lực và kiểm soát được sự bốc đồng

(impulse), thì họ có thể bao giờ cũng hy vọng giải quyết được các điểm thiếu hài hòa này vì chính chúng làm tiêu tan sự hài hòa trong con người của họ.

Với những người như thế, có nhiều điều tùy thuộc vào loại ảnh hưởng nào có tầm quan trọng hàng đầu trong các kiếp sống của họ. Thí dụ, con là con ngoại hôn của một nhà quý tộc không quan trọng và một phụ nữ quê mùa – một sự sắp xếp được tính toán một cách tuyệt hảo để mang lại cho con một yếu tố đơn giản và vững vàng nào đó của một cô gái sùng đạo và dịu dàng rất yêu thương con, kết hợp với một cơ hội giáo dục đầy đủ và các điều kiện thuận lợi (facilities) để phát triển tinh thần mà con nhận được từ sự dạy dỗ của người cha, một tình trạng rất thông thường thời đó.

Con người luôn luôn có được cha mẹ mà y đáng có hoặc cần có. *Đôi khi cha mẹ và con cái là kẻ thù từ kiếp trước*, được thu hút lại cùng nhau để cùng chịu khếp vào kỷ luật và nỗ lực để điều chỉnh lại các bất hòa (differences, bất đồng) của họ và tình trạng thù địch cũ của họ qua việc giúp đỡ lẫn nhau. Dĩ nhiên một tình huống như thế hàm ý một mái nhà rất thiếu hạnh phúc, vì sự xích mích, cay đắng, ganh tị và chống đối (revolt) là các sự việc cùng xảy ra (concomitants) không thể tránh khỏi của nó. Nếu lý do đích thực đưa đến các xung đột như thế của các phạm ngã có thể được hiểu rõ, thì 208 nhiều bất hạnh sẽ tránh được, vì tất cả mọi bên có liên quan sẽ hiểu được rằng khi nào tình cảm, tình thương và sự cảm thông chưa chuyển hóa được các yếu tố phá hoại (destructive elements) trong bản chất của chúng, thì họ phải chịu các hoàn cảnh ngang trái như thế hết kiếp này đến kiếp khác. Cuộc sống trong gia đình là lãnh vực thử thách chính của nhiều linh hồn và là lãnh vực khó khăn nhất; vì tất nhiên là có một mối liên hệ mật thiết giữa mọi yếu tố nói trên – nhất là các

yếu tố của các thể hồng trần và các yếu tố vốn dùng để tạo ra các phạm ngã – sự va chạm đó (friction) càng khó tránh hơn so với phần lớn các mối liên hệ khác, vì dù sao thứ nhất là các liên hệ sau này được tạo thành qua loại thu hút thuộc mặt này hay mặt khác.

Dĩ nhiên trong trường hợp của con, Maddalena là một khoen nổi vững chắc của tình thương từ tiền kiếp và ảnh hưởng của bà quan trọng nhất. Mãi đến cuối đời, bà vẫn là chỗ mà con hướng về lúc con gặp khó khăn, phiền não, thành công cũng như thất bại. Đối với con, bà quả thật chính là biểu tượng của sự bền lòng (stability) – điều mà con cần nhất. Bà là hiện thân của chính thiên nhiên – cái an bình sâu xa của đất, bóng râm của cây, bài ca của nước, hơi thở (breath) của hoa. Bà có được cái an bình, lòng kiên định không thay đổi, cái thanh thần của một Demeter⁽¹⁾ – hay của Đức Mẹ (Mother of God). Bà hội đủ cả hai mặt: con người đam mê xác thịt (the pagan) và con người tin vào Thiên Chúa trong bản chất con. Bà không có các thành kiến về cuộc sống, cuộc sống đến với bà như thế nào thì bà hoàn toàn chấp nhận như thế đó. Tuy không khéo léo, cũng như không tinh tế, song bà có được minh triết thâm sâu, minh triết này chỉ được nảy sinh với tình thương bao la. Gia đình của con được êm ấm, vì cha con luôn luôn thương yêu mẹ con, biết tôn trọng bà và bàn bạc với bà về việc dưỡng dục (upbringing) và về tương lai của con.

Vào lúc con ra đời, theo thông lệ, con được lấy số tử vi (horoscope), và khi thấy rằng Cung Hôn Nhân (House of Marriage) của con gặp rất nhiều trắc trở, còn bản chất của con khó mà tạo được bất cứ cuộc sống gia đình nào và tất cả các

¹ Demeter, nữ thần Hy Lạp, coi về canh nông, giống như thần Ceres của La Mã. (ND)

209 mỗi liên hệ với nữ giới gần như khó thể có được, phụ thân con mới quyết định rằng Giáo Hội sẽ mang lại cho con cơ hội thuận tiện nhất để bước vào cuộc sống. Thoạt tiên con cũng thích như thế, vì từ thuở ấu thơ, con thấy e sợ cuộc đời, mặc dù con khao khát sự sống; nhưng sau một trải nghiệm ngắn, thấy rõ là con không có được ơn kêu gọi (vocation, ơn thiên triệu), vì mặc dù vào thời đó Giáo Hội là một tổ chức thiên về chính trị hơn là thiên về tôn giáo, bất ngờ, không có lý do nào rõ rệt, con chống lại ý kiến đó, phụ thân con vốn có họ hàng xa với dòng Medicis nên cho con vào dòng Lorenzo.

Phụ thân con là người kế tiếp in dấu hình ảnh của ông lên mảnh đất dễ uốn nắn của tuổi thanh niên của con. Con tôn sùng ông ấy. Con lóa mắt vì cái hào nhoáng, cái hào phóng, cái hiểu biết ở triều đình ông ấy. Trong một thời gian ngắn, mọi ngăn ngại đắn đo của nhà tu bị cuốn đi theo dòng nghệ thuật và mỹ lệ mà con bị đưa đẩy buông thả say mê theo đó; tuy nhiên con vẫn có nhiều giờ để tự vấn (self-questioning) và có các phản ứng dữ dội với cuộc sống phóng túng chung quanh con. Tuy nhiên, các điều này không kéo dài được lâu trong trận cười, tình yêu, tiếng nhạc, buổi khiêu vũ, chúng làm con chao đảo giống như một chiếc lá vàng còn con bị cuốn hút trong đám bọt làm lóa mắt.

Ở dinh thự của Lorenzo, con gặp gỡ và kết hôn với một cô gái trẻ đẹp. Với sự hoàn toàn thiếu phân biệt rất điển hình của những người ở giai đoạn phát triển như con, con chọn một người hoàn toàn không thích hợp để cảm thông hoặc để trợ giúp cho con: tuy quyến rũ, nhưng lại hời hợt (frivolous), không được thông minh lắm, có khuynh hướng dễ bị kích thích và thiếu thẳng băng – nên chẳng có gì đáng ngạc nhiên là cuộc hôn nhân của con ngay từ đầu phải chịu số phận là gặp thảm họa.

Lúc đầu con có tình yêu nồng nhiệt, nhưng chỉ một vài tháng sau lễ cưới, con bắt đầu lặp lại kinh nghiệm, đó là có các phản ứng nguy hiểm mà những ai là tu sĩ trong kiếp trước thường có khuynh hướng mắc phải.

210 Có một cái gì đó bên trong con bài bác cuộc sống phóng túng mà con là một phần trong đó, còn Beatrice thường xuất hiện dưới hình thức biểu tượng. Một lý tưởng mà chính con không thể phân biệt, đã ám ảnh con. Con không biết con muốn cái gì – con chỉ biết là không có gì làm cho con thỏa mãn được; do đó con nối kết một cách mơ hồ các cảm giác này với tội lỗi, con nghĩ rằng con có phần nào phạm tội và vì thế tự hành phạt lấy mình. Như thế, sự tranh chấp giữa hai yếu tố đối nghịch trong bản chất con, thay vì được giải quyết nhờ tình thương dành cho vợ, chỉ tăng lên thêm; vì lẽ khi hành xử hung bạo trong mọi việc, thì sự đam mê và khổ hạnh này được kết hợp lại, khiến cho con trút đổ bao nhiêu nỗi sợ của con lên Beatrice và sinh ra ghen tuông dữ dội. Đã không đem lại tình thương cho Beatrice, thậm chí con còn vắng mặt nhiều tuần lễ vào lúc mà con lại buông thả trong các cuộc ăn chơi vì hối hận về những gì mà con tưởng là tội lỗi của con, tuy thế con lại mong đợi nàng giữ được trung thành và vẫn dành cho con các cảm giác yêu thương và tôn trọng ban đầu của nàng.

Tuy nhiên, nàng chán ngán và không còn một chút lo sợ đối với các con bốc đồng hầu như mất khôn của con, trong một lần con đi vắng, nàng đã gặp một thanh niên mà nàng yêu thương cuồng nhiệt. Không giống như con, chàng trai này hoàn toàn bình thường và được tính toán hoàn hảo hơn để làm cho nàng được hạnh phúc hơn là con, vì anh ta cũng có một mối liên kết chặt chẽ từ kiếp trước với nàng. Mức độ đạo đức lỏng lẻo của thời đó khiến cho việc nàng có nhân

tình là hoàn toàn hợp lý; một mã hiệu (code) được sắp đặt giữa hai người, nên bất cứ lúc nào con đi vắng, thì chàng thanh niên đó sẽ đến thăm nàng.

Nhưng do sự tình cờ, một mẩu tin (message) của hắn lại rơi vào tay con. Con nổi điên lên vì con ghen dữ dội. Mọi thói xấu tiềm phục trong bản chất con được khơi dậy. Các mãnh lực cũ xưa như hận thù, kiêu hãnh và độc ác bùng lên từ các tiền kiếp, một lần nữa lại lao vào con. Chính là qua các xúc cảm (emotions) của con người mà các mãnh lực phá hoại (powers of destruction) mới có thể kềm chế con người một cách dễ dàng nhất. Như vậy, do việc thiếu yếu tố có tính quyết định là sự quân bình, con trở thành con mồi dễ dàng cho hiện tượng ám nhập (obsession) và trong chốc lát thực sự bị làm cho trở thành điên cuồng (insane) đúng như điều mà người ta vẫn hay gọi.

Con không để lộ một dấu hiệu nào về việc con biết được chuyện ngoại tình của vợ con, mà với sự độc ác lạnh lùng, con bắt đầu bắt vợ con phải chịu một loại hành hạ tâm thần (mental torture) được tính toán kỹ để làm cho nàng cuống cuồng (unnerve). Con đùa bỡn với nàng như mèo đùa bỡn với con chim ⁽¹⁾; con bảo trước rằng bạn đi xa, rồi bất ngờ trở về, ăn nằm với nàng trong khi con biết nàng đang mong đợi người tình của nàng. Lúc nào con cũng sắp đặt cách đối phó với tình địch, đồng thời lúc nào con cũng đau khổ như một người ở trong địa ngục.

211 Con chờ đợi, con đặt bẫy cho cả hai. Để rồi, khi biết được họ đang gặp nhau, con vào phòng nàng bằng một cửa bí mật, kéo chàng ta ra khỏi giường của Beatrice, dúi dao găm

¹ Theo cách nói thông tục của người Việt : như mèo vờn chuột. (ND).

vào tay chàng ta, ra lệnh cho anh ta chiến đấu để bảo vệ sự sống của anh ta.

Ngay từ lúc đầu, cuộc chiến đã không tương xứng. Chàng trai còn non nớt, không thạo cách dùng vũ khí. Con đùa bỡn với tình địch, chế giễu chàng ta và người vợ ngoại tình của con tức là kẻ đang bất lực đứng chứng kiến số phận khắc nghiệt trớ trêu sắp đến gần (approaching doom) của anh nhân tình của cô. Sau rốt dưới sự thao túng của con, con đánh ngã chàng thanh niên – không giết, mà chỉ làm anh ta bị thương. Với thân hình đầm máu, anh ta ngã dưới chân của Beatrice, còn nàng, thay vì ngất xỉu hay khóc lóc, lại bật lên tràng cười ngậy dại. Cô đã mất trí.

Trước tiếng cười khủng khiếp đó, con choàng tỉnh ra khỏi cơn điên loạn. Nổi kinh hoàng chợt đến. Con ra lệnh cho đám gia nhân mang kẻ bị thương ra và bỏ bên ngoài tường thành, trong khi còn bàng hoàng do hối hận và kinh hoàng trước nhận thức về tai họa do chính hành động của con đã đem lại cho Beatrice, kẻ mà cho đến giờ con vẫn còn thương yêu; không biết nên làm gì hay nghĩ gì, con chạy về nhà mẹ con để hỏi ý kiến của bà.

Từ ít lâu nay, bà lâm bệnh nặng, sắp sửa ra đi, tuy nhiên, do không còn nghĩ được chuyện gì khác ngoài chính thảm họa của mình, con không từ nan cả bà. Chỉ sau đó, con mới nhận ra rằng sự hấp tấp ích kỷ của con có lẽ làm cho bà mau chết.

Nhưng lời nói của bà vẫn luôn luôn theo con. Được soi sáng bởi lòng bác ái và có lẽ bởi sự tiếp cận với cái chết – điều này rất thường làm cho tâm trí sáng suốt – bà đã chỉ ra cho con phần tinh hoa của mọi minh triết đơn giản mà cuộc sống đã dạy cho bà. Thậm chí bà không cho con ở lại với bà, mà còn bắt buộc con trở về để săn sóc cho Beatrice. Một cách

nghiêm khắc, bà chỉ cho con thấy đâu là nhiệm vụ của con. Phải tìm ra tình địch của con, mang về, chăm sóc và chữa trị. Bà tin tưởng rằng đây chính là cơ hội duy nhất của con để cứu chuộc lại tội lỗi của con. Không một lời biện hộ nào, cũng như không một phản kháng nào của con làm cho bà thay đổi quyết định này.

212 Lúc đầu con từ chối và la lên : “Nó là kẻ thù của con. Con ghét nó. Tại sao con phải lo lắng cho một người đáng phải bị như vậy, kẻ đã đánh cắp danh dự của con, làm tan nát đời con. Chính do hắn, chứ không phải con, mà Beatrice mới điên...”

Nhưng rồi từ từ, lời nói của bà kích động mạnh vào trí óc dễ uốn nắn (plastic mind) của con, một lần nữa khơi dậy nơi con khía cạnh kia của bản chất con mà sự đam mê và thù hận đã che khuất. Trước khi con ra về, mẹ con đã thành công khi làm cho con hiểu rằng đáng lẽ con cũng đáng trách nhiều như hai người kia trong bi kịch này; và mặc cho con có vẻ miễn cưỡng, bà bắt con phải trang nghiêm thề rằng từ đây về sau con sẽ không bao giờ bỏ rơi cả hai người mà mạng sống của họ đã bị tàn tạ vì con, do đó, con phải xem như chính con có trách nhiệm đối với họ.

Con không gặp lại mẫu thân con nữa, nhưng tinh thần của bà vẫn ở cạnh con trong những tuần lễ đen tối đầu tiên này, trong lúc chàng tình địch vật lộn với sự sống từng ngày, còn Beatrice vừa than khóc vừa lê bước như một bóng ma từ phòng này đến phòng khác. Ý nghĩa đầu tiên của con là cung cấp cho Beatrice những người trông nom và nhiều tôi tớ cùng mọi thứ cao lương mỹ vị (luxury), gửi chàng thanh niên đến một trang trại nào đó, trả tiền trợ cấp hằng năm (annuity) cho anh ta, còn chính con thì lẩn tránh, hoặc là bằng cách ẩn mình trong một tu viện để hành xác vì tội lỗi của mình – vì vào lúc

này con bị giày vò vì sự ăn năn mãi liệt – hoặc bằng cách đi ra nước ngoài, nơi mà không có gì nhắc cho con nhớ lại cái bi kịch. Nhưng chợt nhớ lại lời khuyên của mẹ, con đã mau chóng bác bỏ các dự tính này.

Đối diện với các vấn đề này và nhiều khó khăn khác, mà hành động tắc trách của con đã gây ra cho con, con bị thôi thúc phải lia bỏ thói quen than thân trách phận trước kia và nắm vận mệnh con chắc chắn trong tay. Lúc bấy giờ không một ai giúp con bằng lời khuyên bảo khôn ngoan nào cả. Lời khuyên đủ loại của bạn bè, những người trẻ tuổi nông nổi và nhẹ dạ đều vô ích đối với con. Con hoàn toàn đứng một mình. Và trong những tháng ngày này, thêm một lần nữa – chỉ dưới hình thức khác – con đối diện với các chỗ tối tăm của chính bản chất con mà không có được một cái gì để dẫn dắt con ngoài trừ ánh sáng leo lét của chính linh hồn con.

213

Một cách từ từ, trong những thời khắc dài tự vấn và nghiền ngẫm với nỗi dần vật, cái hạt giống minh triết của mẫu thân con bắt đầu bén rễ trong tâm trí con, được nuôi dưỡng bởi các dòng đen tối ẩn giấu của các kinh nghiệm đắng cay và các bài học chua chát vốn là cái di sản của con từ thời quá khứ xa xăm.

Mẫu thân con có nói: “chẳng hiểu sao mẹ thấy sự hối cải đó không bao giờ hoàn toàn đủ con à. Chúng ta có nên cố gắng hàn gắn lại vết thương mà chúng ta đã gây ra không? Chúng ta có nên tìm cách vá lại những gì chúng ta đã làm gãy vỡ không?” Những lời đó đánh mạnh vào tâm can con, dường như làm ngấm lên một nốt quen thuộc. Con không thể quên được các lời đó, cũng như không thể trốn khỏi hàm ý của chúng. Thật không phải là một chuyện dễ làm khi vi phạm một lời thề như là con đã hứa với mẹ con. Con hãy còn căm giận Neroccio – con vẫn còn rùng mình trước các lời nói

và cử chỉ man dại của Beatrice; nhưng bây giờ cán cân nghiêng về phía hối hận và xấu hổ. Con biết con đã phạm tội, thực sự không có cách nào thoát được. Tuyệt vọng vì không nhìn thấy một tia sáng nào phía trước, con đi đến quyết định rằng việc chăm sóc vợ con về sau này phải do đích thân con lo liệu. Có thể nào Beatrice khốn khổ đáng thương kia lại bị bỏ mặc cho những người xa lạ? Còn anh chàng Neroccio này thì làm sao đây? Hẳn là một thư sinh không nơi cư trú (wandering student), dường như không có bạn bè, cũng không có bà con họ hàng. Điều chắc chắn là không bao giờ hẳn có thể tiếp tục cuộc sống trở lại bình thường được, mặc dầu sức khỏe hẳn đang dần dần hồi phục, hẳn đã bị thương quá nặng đến nỗi y sĩ nói rằng hẳn không thể sống lâu hơn một năm hay tối đa là thế. Đối với hẳn, kẻ mà do bàn tay của con, con đã lấy đi tất cả mọi thứ, giờ đây con phải dành mọi thứ cho hẳn theo khả năng của con cho đến hết đời hẳn.

Vẫn còn những cuộc đấu tranh, những cơn bốc đồng giận dữ và sự phản kháng man dại, nhưng từ từ con lấy lại được sự thanh thản ít nhiều – tuy với cái giá của một ít tính chất nhạy cảm của con. Con tạo ra chung quanh nỗi đau của con, nỗi sợ âm thầm của con và cái cảm giác phạm tội cố hữu của con một lớp vỏ che chở mà nếu không có nó, con thực sự khó có thể chống chọi được qua những năm tháng đen tối này; bởi vì dường như chính cuộc sống đã quyết định thử thách con để xem xem các quyết tâm (resolves) mà con đã đưa ra được bền bỉ và sâu xa đến đâu. Chẳng bao lâu con nhận ra rằng Beatrice mang thai mà con không thể biết là với con hay là với Neroccio. Thoạt tiên, con sốc (shock) mạnh đến nỗi con cảm thấy không thể giữ nhân tình của Beatrice ở gần con như con đã sắp đặt. Con đã luôn luôn mong ước có được một đứa con hơn tất cả mọi chuyện, thế mà giờ đây chuyện xảy ra như

thế này quả là một hành động trớ trêu mà Số Mệnh có thể nghĩ ra cho con.

Con đã được cứu thoát, có lẽ nhiều hơn là con tưởng, bởi dần dần con hiểu ra rằng tình huống này không phải là không có một vài yếu tố hài hước; quả đúng là tiếng cười của con đượm vẻ chua chát, nhưng dù sao đi nữa đó lại là một dấu hiệu về sự tiến bộ của con rõ rệt hơn là con có thể biết; vì người nào có thể cười nhạo chính mình, điều đó hàm ý là người ấy đã bắt đầu có được ý thức về sự cân xứng (sense of proportion).

Con không nói cho Neroccio biết điều gì – vì e sợ rằng hắn có thể không nhìn tình huống giống như con, và do đó bị đè bẹp và trở nên suy sụp do cái gánh nặng của tình trạng phức tạp mới. Thái độ của hắn đối với con tạo ra một vấn đề mà con cần phải dùng mọi sự tế nhị, kiên nhẫn và thận trọng mới giải quyết được.

Thầy không cần nói nhiều về các khó khăn của cảnh gia đình đó trong giai đoạn này. Con có thể tự tưởng tượng ra. Đôi khi con cảm thấy không thể tiếp tục được con đường đầy sỏi đá (stony road) mà con đã chọn, nhưng con vẫn cương quyết giữ vững, do biết rằng con không còn sự chọn lựa nào nữa. Thế là lần đầu tiên con hợp tác với Đại Luật, cho dù vẫn còn chống lại nó.

Khi đưa trẻ ra đời, con cho mang đứa trẻ vào phòng ngoài (ante-room) gần sát với phòng mà Neroccio đang ngồi giữa các tủ sách của con, hắn vẫn còn hờn mát, nghi kỵ, tuy nhiên đã bắt đầu nguôi ngoai dưới sự ân cần và chăm sóc mà con đã bắt chính con cung phụng cho hắn, một kẻ vốn là cừu địch (rival) của con trong kiếp này, và thực ra, cũng là kẻ thù (enemy) của con trong nhiều kiếp khác.”



Tôi thấy màn cảnh đó thật rõ ràng. Một lần nữa tôi thấy chính tôi tự đồng hóa với một nhân vật xa lạ (alien personality) tuy vẫn phần nào có liên kết chặt chẽ với tôi.

215 Hoàng hôn xuống dần trong căn phòng dài. Qua các khung cửa sổ mở rộng, chàng thanh niên nằm dài trên trường kỷ, hai cây bách (cypress trees) vươn những cánh tay đen nhọn vào bầu trời sáng, nơi có vầng trăng treo giống như một quả bóng vàng nhạt vắt qua các ngọn đồi xa.

Tôi đang lưỡng lự, tự hỏi làm sao đi vào vấn đề theo cách hay nhất, thì đưa bé quyết định vấn đề ngay: nó cất lên một tiếng khóc yếu ớt.

Neruccio giật mình, hỏi:

– “Cái gì thế?”

– “Một món quà mà Chúa dành cho cả hai chúng ta đây, Neruccio.” Tôi nói một cách châm biếm, và băng qua căn phòng, đứng tựa vào cửa sổ, mỉm cười nhìn vào hắn. “Mới đây cuộc sống đặt tôi vào những tình huống lạ thường đến nỗi, theo sự tin tưởng của tôi, tôi bắt đầu thấy rằng nó thật lý thú (diverting).”

– “Tôi không nghĩ như thế,” chàng thanh niên lầm bầm.

– “Tôi biết, điều đó quá khó hiểu đối với anh. Ở tuổi anh tôi cũng không biết làm thế nào cho phải, tuy nhiên khi chúng ta trở nên già dặn hơn... Nhưng tôi ra ngoài đề rồi.” Tôi chạm nhẹ vào vai hắn. “Chúng ta thù ghét lẫn nhau – và mỗi bên đều có lý cả – đôi khi tôi hy vọng rằng cái tệ hại nhất của sự thù ghét đó cần được xoa dịu; nhưng hãy tin tôi đi, anh không bao giờ ghét tôi như tôi đã ghét chính tôi. Tuy nhiên mới đây thôi chuyện đó cũng bớt đi rồi. Tôi nghĩ hận thù không bao giờ tạo được điều gì tốt lành cho ai hết. Số phận đã đưa chúng ta cùng nhau đến con đường kỳ lạ này, giờ đây Beatrice đã chọn cách ràng buộc chúng ta bằng một

mỗi dây nữa.” Lúc đó, tôi trở nên nghiêm trang, nói tiếp “Và vì lẽ chúng ta được nối kết một cách bền chặt như thế, chúng ta hãy tìm cách xem xét các sự việc theo quan điểm của nhau – để nhận ra một ảo tưởng bù đắp lại trong đó – như vậy biết đâu chúng ta có thể thấy chuyện đó trở nên dễ chịu hơn.”

Tôi gọi bà vú. Bà này bước vào, bế đứa hài nhi trong tay. Đến bên cạnh Neroccio, bà đưa đứa bé và kéo tấm tả che ra.

Neroccio cúi xuống đứa bé, rồi chăm chú nhìn vào gương mặt tôi, để lộ ra các dấu vết của một nụ cười châm biếm.

216 – “Cái gì thế... cái gì thế...?” Hấn nói lấp bắp và chỉ vào đứa bé với một bàn tay run run

– “Nó mới được Beatrice sinh ra ngày hôm qua.”

– “Nhưng...” Neroccio trở mắt nhìn tôi, dường như không nói được.

Tôi lắc đầu:

– “Tôi không rõ đứa bé này là con anh hay con tôi nữa.”

Chàng thanh niên lấy tay ôm chặt đầu, trở mắt nhìn đứa bé với một vẻ mặt kinh hoàng.

– “Tôi không thể có lý do nào để vui mừng trong chuyện này cả”, sau một lúc hấn thì thầm như thế.

Tôi trả lời:

– “Thế đấy, trong mấy tháng qua tôi tìm ra rằng phương cách duy nhất để giữ được tỉnh táo trong cuộc sống là tìm ra được lý do để vui thích trong mọi việc. Tuy nhiên tôi nghĩ anh phải thừa nhận rằng tình huống này có phần nào thú vị đấy.” Khi thấy nét mặt hấn không thay đổi, tôi trở nên nghiêm nghị. “Đừng nên bi quan như thế. Một chuyện tốt lành đã đến do việc này: Beatrice tỏ ra vô cùng sung sướng. Tí nữa anh sẽ gặp nàng. Tôi rất khó lấy đứa bé ra khỏi tay nàng. Có một tia sáng mới và lành mạnh hơn trong ánh mắt

nàng, vẻ sợ hãi không còn nữa. Tôi tin là việc này có thể cứu được nàng.”

Neroccio giật nảy mình, hai tay buông xuống; một cách chậm chạp hắn nhìn quanh thư viện, đôi mắt lộ vẻ lo âu.

– “Thế thì tôi sẽ phải ra đi”, hắn chậm chạp nói.

– “Không cần đâu, vì tôi nghĩ rằng Beatrice sẽ không bao giờ nhớ rõ chuyện đã qua. Chúng ta đã có lý khi để anh ở riêng; thậm chí cô ta không bao giờ nhắc đến anh và tưởng rằng tôi là cha của nàng. Dĩ nhiên nếu nàng trở nên lạnh mạnh...” Tôi nhún vai. “Nhưng tôi nghĩ và hy vọng rằng tất cả các biến cố bất hạnh này đã bị xóa khỏi trí nhớ nàng và vẫn sẽ như thế và cuối cùng nàng sẽ tìm lại cuộc sống mới và hạnh phúc mới nơi đứa con”

– “Có thể được như vậy sao?” Neroccio sùng sốt.

– “Tại sao không; vâng, mọi việc đều kết thúc bằng quên lãng, ngay cả những việc chúng ta đã làm hư nửa cuộc đời chúng ta.”

217 Tôi nhìn xuống gương mặt nhẵn lại của đứa bé và kẻ đó nhìn vào gương mặt tư lự của Neroccio. Sau một lúc tôi nói:

– “Thực ra tôi bắt đầu tự hỏi, trên cõi đời này có đáng cho chúng ta tranh cãi về chuyện đó hay không.”



Tôi dẫn chứng các lời lẽ sau rốt này, chúng đến với tôi một cách rõ ràng. Tôi nhận xét:

– “Một kết luận hơi bi quan và tiêu cực đối với cuộc đời.” Thầy tôi trả lời:

– “Chắc chắn là thế, nhưng ít nhất điều đó cũng cho thấy có một sự đánh giá về các giá trị tương đối một cách đúng đắn hơn là trước kia. Chẳng phải ta đã nói rằng vấn đề khó

nhất mà con người phải học là đạt cho được đức tính phân biệt (discrimination) đó sao? Trong kiếp sống đó con không thể tìm ra được các sự vật nào có giá trị đích thực – tức là những thứ (things) cần phải có được bằng mọi giá và những thứ cần phải loại bỏ nếu muốn đạt được chân hạnh phúc. Thái độ thờ ơ (cynicism) thường là kết quả của hiện tượng vỡ mộng (disillusionment) và do đó chỉ là một nơi tạm dừng (halting place) của người đang tiến tới trên con đường trèo lên núi chân lý (mountain of truth). Đến một lúc nào đó người ấy phải bị vỡ mộng cũng vì sự thờ ơ, vì một thái độ tâm trí như thế chỉ thuần là có tính cách phá hoại. Trong kiếp tới đây, con áp dụng được tri thức đã đạt được qua các kinh nghiệm của kiếp này – nhưng không phải ngay tức khắc, vì con không có cách nào hủy diệt được các tàn dư (remnants) của các tà lực xưa đã có lần hoàn toàn ám nhập vào con.

Kiếp sống đó là kiếp đi trước kiếp này. Nó gần với con; các khoen nối của con với kiếp đó rất mạnh mẽ. Mặc dầu tương đối bình thản (uneventful, không có biến cố), kiếp đó lại đánh dấu một thời kỳ cực kỳ quan trọng trong bước tiến hóa của con, vì trong kiếp đó con bắt đầu phục hồi trở lại (recover) kiến thức huyền linh mà có lần con đã sở đắc, nhờ thế mở đường cho các phát triển ngày nay của con. Lúc còn trẻ, con còn nhớ được một ít điều của kiếp đó – hãy nghĩ lại và duyệt qua các ký ức này để tiếp xúc trở lại với kiếp ấy.”



Chương VII

Anh

Các ký ức mà thầy tôi đề cập đến là một chuỗi các giấc mơ đáng ghi nhớ mà tôi đã có được thuở bé, lúc đó tôi luôn luôn thấy mình là một nam nhân, mặc trang phục của thế kỷ mười tám. Toàn bộ chuỗi các giai đoạn đã đến với tôi như thế; nhưng điều làm tôi quan tâm nhất về các giai đoạn đó, đó là không phải các kinh nghiệm, cũng không phải các tình cảm có thể phát ra từ tiềm thức (unconscious mind) của một đứa trẻ, vì về cơ bản chúng là các kinh nghiệm và tình cảm của một con người già giặn (mature man). Tuy nhiên chúng cũng tác động đến những lúc tôi tỉnh thức, vì tôi quen sống một cuộc sống hoàn toàn kín đáo của riêng tôi trong những ngày đó, luôn luôn tưởng tượng chính tôi là nam nhân này, tạo ra chung quanh tôi một thế giới tưởng tượng trong lịch sử.

Còn nữa, thỉnh thoảng tôi có các giấc mơ như thế, và có một lần một người có khả năng tâm thông (psychic) thấy tôi thay đổi trước con mắt ông ta trong khi chúng tôi đang nói về một người của thời đó và bảo cho tôi biết rằng có một sự giống nhau giữa gương mặt người ấy với gương mặt tôi. Trong khi tôi đang viết quyển sách này, thì một người có tâm thông khác lại thấy một người đàn ông ăn mặc trang phục vào khoảng thời đó đang nghiêng mình qua lưng ghế ngồi

của tôi, và người có tâm thông này cho rằng người kia là bạn trong một kiếp trước của tôi.

219 Vì lẽ đó, tôi không chút ngạc nhiên khi Thầy tôi xác nhận sự kiện rằng tôi đã từng sống ở nước Anh vào thời đó. Tôi hỏi Ngài vì sao dường như tôi vẫn còn liên kết rất chặt chẽ với con người thuộc thế kỷ mười tám này và điều đó có nên hay không. Ngài giải thích rằng việc đó có một phần vì kiếp sống mới nhất này tương đối gần, còn tôi hiện giờ đang tham dự vào việc thanh toán một số nợ nần đã mắc vào lúc đó và đang cố gắng mở mang các tính chất mà tôi vẫn còn thiếu một cách rõ rệt; một phần cũng vì lớp vỏ phàm ngã cũ (old personality shell) – mà người đã chết sống trong đó qua các thời kỳ ngắn hoặc dài ở cõi kế liên kế với cõi trần – chưa hoàn toàn tan rã. Đồng thời Thầy tôi cũng nêu ra một số chi tiết liên quan đến “các lớp vỏ ở cõi cảm dục” (“astral shells”) thuộc loại đó như chúng thường được gọi, Ngài dạy rằng, các lớp vỏ đó có thể vẫn còn trong thời gian dài trên các cõi thấp, đặc biệt là nếu chủ cũ (ex-owners) của chúng là những người duy vật (materialists) và hướng sự quan tâm mạnh mẽ (strongly orientated) vào cõi trần. Đôi khi các lớp vỏ đó cũng có thể được sử dụng và ở một mức độ nào đó, được làm linh hoạt lại (re-animated) bởi những người có đủ kiến thức huyền linh để làm như vậy.

Điều không may là không phải chỉ có chủ thực sự, tức là người có thể sử dụng chúng sau khi chúng hoàn toàn bị thải bỏ và đang ở trong tiến trình tan rã, vì chúng có thể được làm cho linh hoạt bởi những vong linh vô định (wandering spirits, vong linh đi lang thang) đó là các vong linh còn dính líu đến cõi trần (earth-bound, lụy trần), hay là, còn tệ hơn nữa, bởi các thực thể hiểm ác và xấu xa (malicious and evil entities). Các thực thể này có thể kết thúc bằng cách ám nhập

(obsessing) vào đồng tử (medium) hay ngay cả người dự buổi cầu đồng (sitter) nào kêu gọi chúng. Đây là lý do giải thích tại sao có một số lầm lẫn mà nhiều người có nhãn thông (clairvoyants) và các đồng cốt (spiritualistic mediums) hay mắc phải, vì lẽ họ không được chỉ dạy thích đáng để phân biệt thực thể sử dụng lớp vỏ đó với chủ thật của cái vỏ.

Thầy tôi cũng cảnh báo tôi về các nguy cơ đối gạt khác chắc chắn phải gặp bởi những kẻ dẫn thân vào những gì thật sự là thế giới huyền tưởng; nhưng đây không phải là chỗ để bàn rộng về chúng.

Các giấc mơ mà tôi đã gặp này và ý thức tiếp xúc với thời đại trước làm cho nó dễ dàng hơn, nhờ đó ít ra tôi cũng ghép lại được một số các biến cố chính trong câu chuyện của nhân vật nam mà tôi gọi là Charles từ nét phác thảo do Thầy tôi đưa ra cho tôi.

Bề ngoài nó không hiện ra như một biến cố đáng đặc biệt chú ý hoặc như một bi kịch, ngoại trừ trong chừng mức mà các biến cố trong các kiếp sống với các nguồn gốc của một người, qua chính cái lạ lùng của các kiếp đó và bối cảnh khác nhau, dường như thường được phú cho một sắc thái và một huyền cảm thường không có trong kiếp sống đương thời của một người. Đúng ra trong kiếp đó có nhiều điều giống với người bình thường ở bất cứ nơi đâu, đây các vui sướng, khổ
220 đau, thất bại và mất mát thông thường đối với thế nhân.

Tôi lại phạm cùng các lỗi lầm như những kiếp trước, nhưng thái độ của tôi đối với các lỗi lầm đó, vì nhuộm màu của các kinh nghiệm cũ mà phần lớn tôi đã học cách đổi thành điều lợi (turn to account), đã được thay đổi.

Bắt đầu kiếp đó, tôi có một cuộc hôn nhân vội vàng. Một lần nữa bị lôi cuốn vì các lý tưởng lãng mạn (romantic ideals) và sự trộn lẫn của tính kiêu hãnh với đam mê mà tôi hiểu

nhâm là tình yêu. Cô gái xinh xắn, gọi cảm Elizabeth có một gia cảnh đáng thương. Chúng tôi trốn gia đình và kết hôn với nhau ở Gretna, mặc cho cha nàng nguyên rủa. Vốn là một người cuồng tín, tâm trí không bình thường (unbalanced), ông không bao giờ tha thứ con gái về việc kết hôn với một người mà ông coi là một kẻ phóng đảng vô thần (a godless libertine), đáng bị đọa vào hỏa ngục đời đời.

Thật ra, lúc đó tôi không thuộc hạng người như vậy. Hiên nhiên là nhờ tính hào phóng trong một kiếp trước và học được cách quản thủ tài sản một cách khôn ngoan, tôi hưởng được một lợi tức đáng kể để có được một nếp sống phù hợp với các tiêu chuẩn hơi hoang phí và khá phóng túng (dissolute) cần có của lớp thanh niên có địa vị xã hội như tôi, vì lẽ tôi không có gì đặc biệt nếu tính theo một cách chặt chẽ các qui ước vào thời tôi. Thật ra không có gì lôi tôi ra khỏi cái thông lệ vô công rồi nghề mà các bánh xe cuộc sống của tôi được đặt trong đó, trừ một số các va chạm bất ngờ của Số Mệnh.

Charles phải trở thành loại đất sét mà Chân Ngã tôi sau rốt phải tinh lọc đủ để tạo ra một cái lọ (vessel) để cho ánh sáng nội tâm có thể bắt đầu thẩm thấu qua đó. Tiến trình này chỉ có thể xảy ra bằng đau khổ.

Bất hạnh (blow) thứ nhất là cái chết của đứa con trai mà tôi rất mực yêu mến, bất hạnh thứ hai là việc thiếu trung thành (infidelity) của vợ tôi. Tôi sẽ viết lại các việc này tỉ mỉ hơn, vì mỗi chuyện đóng một vai trò rất quan trọng trong tiến trình giáo dục tâm linh mà với mục đích đó tôi được sinh ra. Trong khi ở những kiếp sống trước, các bất hạnh phần lớn xảy ra rải rác, nhưng ít hiệu quả, trừ việc khiến cho tôi càng trở nên phản kháng và cay đắng hơn, hoặc là đưa tôi trốn

221 chạy đến nơi nào đó, thì giờ đây mỗi biến cố đều có một ảnh hưởng tối quan trọng trong sự phát triển của tôi.

Tôi đang cưỡi ngựa đi xuống một con đường làng. Trời đang vào xuân. Tôi ngẩng đầu cao lên và hít thở một hơi dài luồng không khí trong lành. Ngang qua bầu trời xanh nhạt của tháng ba, những đám mây trắng lửng lơ trôi sau các cành cây sồi. Các thân cây phủ đầy địa y được kẻ ô vuông bằng ánh sáng dịu, những cây hạt dẻ phủ đầy sương mù, nhuộm màu tím với các búp hoa đang nở. Thung lũng con và khu rừng nhỏ nở rộ những hoa anh thảo và bạch đầu ông, đồng thời rộn ràng tiếng hót của sơn ca và chim sẻ ức đỏ, của sáo đen và sáo ức đỏ. Con đường, một con đường khá gồ ghề lồi lõm, đầy đất đen một nửa bị ngập bởi các cơn mưa mới đây, chạy quanh co xuống xuyên qua các khu rừng, để rồi chạy lên gánh lấy bầu trời mở rộng.

Bốn con đường gặp nhau trên đỉnh đồi, hai đường đi trạch qua thêm mấy khu rừng, đường thứ tư giống như một dải băng chạy giữa các cánh đồng mở rộng về hướng Kentish Weald. Tôi yêu miền quê này, mỗi gốc cây, mỗi hàng gài như trở thành một người bạn thân thiết. Khi từ thị trấn trở về nhà, tôi luôn luôn có thói quen dừng lại một ít lâu trên đỉnh đồi này, hít thở khí trời, tận hưởng cái thú của người làm chủ. Nhưng giờ đây tôi thấy mình đứng dưng với tất cả. Nhìn lại mấy cánh đồng và khu rừng cây hầu như với nỗi chán ngán, cho tay vào túi tôi nắm chặt rồi buông ra bức thư của Elizabeth từ Luân Đôn được gửi đến tôi.

Giờ đây tôi điên tiết lên khi nghĩ rằng Elizabeth sẽ làm hỏng niềm vui của tôi ngay cả trong thiên nhiên nữa. Nàng hoặc bất luận người nào có quyền gì để tác động đến tôi như thế, để lấy đi mọi sắc thái ra khỏi cuộc đời tôi?

222 Tôi giận dữ kéo mạnh dây cương, con ngựa tự rẽ sang trái. Tôi ngồi thẳng lưng, không chú ý đến gì cả. Trí tôi vẫn còn hơi đờ đẫn (numb). Tôi không thể hoàn toàn tin nổi sự thật là nàng đã hoàn toàn rời bỏ tôi, chạy trốn với một người xa lạ nào đó mà tôi chưa hề biết tên. Nàng, một cô gái ngoan ngoãn, khả ái mà tôi đã cứu vớt ra khỏi cuộc đời đau thương, một cuộc đời đầy tàn bạo và thất thế, người mà tôi đã dành cho chẳng những một cái tên danh giá và mọi lợi lộc vật chất, mà còn cả tình thương của tôi nữa. Tôi yêu thương Elizabeth, tôi nồng nhiệt bảo đảm như thế. Tôi đã lặp lại điều đó mãi từ khi tôi rời London, cho đến lúc này tôi vẫn còn tin rằng tôi đã yêu nàng như một ít phụ nữ trên thế giới đã từng được yêu và tất nhiên là tôi bị tổn thương ngoài sự tưởng tượng. Làm sao mà Elizabeth nỡ xem món quà hiếm có này như là hư không và cố tình làm cho tôi xấu hổ dưới con mắt chế giễu của người đời?

Đau đớn về ý nghĩ thiên hạ phải bật cười lên trước chuyện bị cầm sừng (cuckoldry) của tôi. Bây giờ tôi biết được sự thật, nhiều bạn bè của tôi có kể cho tôi nghe về những chuyện linh tinh (gossip) đã được lan truyền sau lưng tôi. Tôi nghiêng rằng lại, được rồi chúng sẽ không còn là đề tài để thiên hạ đem ra chế giễu nữa. Tôi đã chọn mọi giai đoạn thích hợp để cho một mình danh dự của tôi có thể được sáng tỏ. Có thể chỉ có một kết cục thôi.

Ngựa của tôi thành linh đình dừng lại và bắt đầu gặm cỏ. Tôi liếc nhìn quanh và thấy rằng, theo thói quen cũ, con vật đã đưa tôi đến cổng nghĩa địa (lych-gate) của nhà thờ. Gần như tự động, tôi xuống ngựa, quăng dây cương qua trụ buộc dây (hitching-post), đi bộ dọc theo nghĩa địa, đến khi tới một góc, chỗ cây trúc bá còn nhỏ vươn lên cái hình dáng dong dỏng

cao của nó giống như một cây nến đen cắm trên một nấm mồ nhỏ nhỏ hầu như ẩn dưới một mô đất đầy loại hoa mùa xuân.

Tôi dừng lại nơi đây và đứng đăm chiêu nhìn xuống chỗ mà hài cốt (remains) của kẻ mà tôi yêu khôn tả đang nằm vĩnh viễn. Đã năm năm qua mà nỗi mất con vẫn như còn mới, còn khủng khiếp như ngày con tôi mất. Elizabeth đã quên nơi đây rồi; tất cả các con giận và các nỗi xấu hổ của tuần qua đã bị xóa nhòa bởi các ký ức khác này, chúng dồn vào tâm trí tôi mỗi lần tôi đứng cạnh mảnh đất nhỏ bé này.

223 Tôi đã vô cùng yêu thương thằng bé bằng một tình thương gần như tôn thờ (idolatry). Từ lúc đứa bé được đặt vào tay tôi, tôi đã cảm thấy rằng sau cùng mục đích của đời tôi đã được hoàn tất. Tôi không chịu rời xa đứa bé; tôi ganh tị cả với sự tiếp xúc của các vú em và của mẹ thằng bé. Tôi từ bỏ bạn bè, từ bỏ các hoạt động thông thường (normal pursuits) của tôi, tự giam mình trong ngôi nhà ở miền quê của tôi, để dành thời gian chơi đùa với con tôi hoặc trù tính nghề nghiệp cho nó để sau này nó trở thành kẻ xuất sắc nhất trên đời. Tất cả các giấc mơ thất bại của chính tôi, các hy vọng, các tham vọng đều được chuyển qua cho con trai tôi; tôi bắt đầu cuộc sống riêng của tôi một lần nữa nơi thằng bé. Thậm chí tôi quên lãng Elizabeth trong nỗi đam mê cuồng dại, lời cuốn này, và bởi cái nức cười của cơ hội này mà tai nạn xảy ra cướp đi đứa con trai của tôi.

Phụ thân của Elizabeth không bao giờ tha thứ cho cuộc hôn nhân của nàng. Vào những ngày đầu lúc chúng tôi lấy nhau, ông luôn luôn tìm cách bắt buộc Elizabeth quay trở về nhà nàng, và thậm chí, trong những năm sau này, đôi khi ông bất ngờ tự xông vào chỗ chúng tôi ở, lầm bầm đe dọa và hăm he tàn sát, cho đến khi, vì mất kiên nhẫn, tôi hạ lệnh không

một ai được để cho ông ta bước vào điền trang (estates) của tôi nữa.

Nhưng vào cái ngày định mệnh ấy, sinh nhật thứ sáu của con trai tôi, trong khi Elizabeth đang cưỡi ngựa, còn đứa bé ngồi trên con ngựa nhỏ (pony) của nó, thỉnh linh từ trong bụi cây, Nathaniel xuất hiện, khoác trong bộ quần áo rách rưới, ông luôn luôn ra bộ tịch, vung vẩy cánh tay và cảnh cáo con gái ông ta về lửa địa ngục. Con ngựa nhỏ hoảng sợ trước sự xuất hiện của ông ta, quăng đứa nhỏ xuống đất. Đứa bé được đỡ lên, nhưng đã chết vì gãy cổ.

Đối với tôi, dường như chính cuộc đời tôi đã chấm dứt. Ban đầu, thành thật mà nói (seriously), tôi đã có ý định tự tử, nhưng một phần nhờ lòng thương vợ, một phần do sự ghê sợ bên trong cái ý nghĩ mà tôi không thể tự giải thích được, tôi đã kềm chế lại (refrained).

Thay vì giam nhốt nỗi đau buồn vào trong cái vỏ cứng của lãnh đạm và cố gắng quên đi, tôi lại lao vào các loại ăn chơi phóng đãng (dissipations). Biết bao cuộc trác táng rồ dại trong thành phố, nào là phụ nữ, cờ bạc, rượu chè. Khi không thỏa mãn được với các thú vui đó, thì tôi biệt tăm nhiều tuần lễ, tổ chức các cuộc đi chơi lâu, cuồng nhiệt, qua miền quê; buông mình theo các hành vi anh hùng rơm (bravado) một cách điên rồ khi tôi làm quen với tử thần bằng cách vật lộn với sức mạnh của thiên nhiên (battling with the elements), bão tố và biển cả, trong vòng tay băng giá (icy embrace) của những vùng đất hoang vu phủ đầy tuyết, hoặc tìm cách giao du với bọn lục lâm thảo khấu (highwaymen and footpads). Tuy nhiên tôi an toàn trở về không bị hề hấn gì, và tôi càng bị võ mộng với các ký ức về gương mặt nhỏ nhắn, xinh đẹp, với đôi mắt nâu háo hức, tươi cười, với trí óc linh hoạt, tinh tế,

trong sáng, không gợn một vết nhơ, tôi lại càng chua xót như chúng chưa bao giờ hiện hữu.

Không đâu, đâu cho nhiều năm trôi qua đi nữa, kỷ niệm vẫn không thay đổi hoặc trở nên lu mờ. Bạn không thể hủy diệt một điều như thế được. Khi tôi đứng đó trong cơn gió u buồn của tháng ba, nỗi cô đơn sâu sắc của tôi chợt hiện đến. Ít nhất cho đến bây giờ luôn luôn có Elizabeth đón chờ nỗi vui của tôi: duyên dáng ưa nhìn, mặc dầu có vẻ hơi bầu bĩnh; vui tính, tử tế; phù phiếm, có lẽ thế, thường có vẻ mệt mỏi, nhưng ít nhất có một người nào đó yêu thương tôi, kẻ có thể chăm sóc cho mọi nhu cầu xác thân của tôi và là kẻ mà tôi có thể yêu thương khi tâm tính tôi trở nên khả ái hơn.

Nhưng giờ đây Elizabeth cũng đã ra đi. Cuộc đời đã lấy đi của tôi cơ hội cuối cùng, cái hạnh phúc yên tĩnh, bền bỉ, mà mặc cho mọi tính chất cuồng dại của tôi, tôi đã luôn luôn thực sự mong muốn. Mọi chuyện đã kết thúc.

Bị khắc phục bởi một xung lực còn mạnh hơn cả tính kiêu hãnh của tôi, tôi quì xuống và áp mặt vào đất lạnh bên dưới dàn hoa thạch thảo. Mùi hương trong lành, mát mẻ của hoa bao bọc lấy tôi. Một sự mệt mỏi xâm chiếm lấy tôi; tôi không hề muốn đi đâu nữa, mà muốn nằm tại đây, vui mình vào nắm đất bên cạnh tất cả những gì đã bỏ tôi lại trên đời. Một mơ ước vu vơ vì không có gì bị bỏ lại – bất cứ đâu. Đứa trẻ nằm trong lòng đất lạnh – chấm dứt hoàn toàn; Elizabeth đang ở trong vòng tay của một người đàn ông khác, có lẽ đang chế giễu tôi, hay rất có thể đã quên tôi.

Tôi đứng dậy một cách nặng nề, leo lên yên ngựa, quay đầu ngựa về hướng Windstalls.

Ồ hay, lại xảy ra chuyện gì đây? Cuộc đời là một trò chơi may rủi mà bạn bắt buộc phải chơi dù muốn hay là không, còn Thượng Đế mà con người cầu nguyện và tôn kính, không

225 gì khác hơn là một kẻ lừa đảo (trickster) kẻ đặt bạn vào tình trạng bất lợi (who loaded the dice against you) khắp mọi nơi. Có lẽ đó cũng là trường hợp đứa bé đã chết. Đứa bé có thể cũng có các giấc mơ và các lý tưởng cao xa mà không cái nào được làm tròn cả. Đứa bé có thể cũng đã sống để tìm ra thành quả của sự sống đang trở nên cay đắng trong miệng nó. Đứa bé cũng có thể, qua hôn nhân trở thành thành viên trong một gia đình vốn là nỗi đau đày cho nó.

– “Được rồi, Elizabeth sẽ chịu hậu quả cho tất cả mọi điều đó” tôi lăm bầm một cách giận dữ. “Ta đã làm điều này với rất ít luyện tiếc – ăn miếng trả miếng sẽ là phương châm của ta trong tương lai.”

Tôi nghĩ rằng tên gia nhân đến chuồng ngựa để chọn ngựa cho tôi khi tôi đến Windstalls, hẳn đã nhìn tôi một cách giấu cợt; chắc chắn là những người giúp việc khác cũng đang cười tôi. Mất tôi quả là thiện cận; tôi có một nửa trí để bỏ qua số phận của họ.

– “Mọi việc đều trôi chảy cả chứ ?” Tôi hỏi một cách thình lình trong lúc cuối xuống vuốt ve bầy chó từ mọi hướng chạy ủa đến khi nghe thấy giọng nói của tôi.

Tên gia nhân lắc đầu và cong ngón tay cái chỉ về hướng gian nhà tranh vốn chỉ có thể nhìn thấy được qua rặng cây ở phía bên kia.

– “Bà ấy lại ở đó nữa,” hẳn nhắc nhở một cách khó hiểu. “Chúng tôi đưa thức ăn đến và để bên ngoài, nhưng chúng tôi không dám đi vào trong, bà ấy đang gào thét, kêu gọi ma quỷ và đại loại như thế. Chúng tôi nghĩ tốt nhất là để bà ta ở một mình.”

Tôi làm giảm nhẹ các cảm xúc được đè nén của tôi bằng một tràng cười rửa về tính nhát gan của tên gia nhân.

– “Bà ấy có thể chết mất đấy, hồi bọn hèn nhát kia. Bọn bây để tâm vào nhiệm vụ của bây như thế đó phải không ? Chính ta sẽ đích thân đi lo cho bà ấy đây, hãy đi tìm một ít thức ăn mới và đem theo ngay tức thì.”

Mẹ của Elizabeth sống trong một túp lều cách đây gần một phần tư dặm. Tôi không thể để cho bà ở gần hơn, vì quần áo của bà bẩn thỉu, còn khi nào bà say rượu thì đôi khi phải cần đến hai người đàn ông mới kèm được bà.

226 Bước vào căn phòng thấp, ngột ngạt, như thường lệ, tôi bị choáng váng với sự ghê tởm (revulsion) và sự thương hại trước tình trạng bẩn thỉu mà bà phải chịu, đến nỗi trong một lúc, tôi quên mất các nỗi bất hạnh của chính tôi.

Tôi gọi tên bà và một giọng nói khàn khàn lên tiếng bảo tôi chờ. Tôi không tiện ngồi xuống. Cái mùi thiu mốc của rượu mạnh và của các đồ vật khác hôi hám không thể tả làm cho tôi buồn nôn; sự khó chịu của tôi khiến tôi chùn lại không dám đứng đến cái gì ở đây.

Tôi thầm nghĩ, cuộc đời của Adela đáng thương kết thúc như thế này đây ! Bà đã từng là một người xinh đẹp, một người được thừa hưởng tài sản lúc còn trẻ, được bao người theo tán tỉnh và chiều chuộng trước khi Nathaniel Chalmers gặp bà. Giờ đây bà đã mất hết mọi thứ – tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ngay cả sự thông minh nữa.

Hễ bước vào đây là tôi nhớ lại cái bi kịch đó. Nathaniel, một gã đàn ông có đức hạnh khắt khe, ông ta như ngọn lửa đang cháy quét vào cuộc đời của cô gái này, ông lên án các tính phù phiếm nhỏ nhặt của bà, cá tính bông bột của bà, thậm chí sức khỏe của bà nữa, như là của quỷ. Tại sao bà lại thương ông ta, bà tìm thấy gì nơi người cuồng tín cuồng loạn này, không ai hiểu được; thế đấy, bà đã bỏ rơi mọi thứ vì ông ta, theo ông vào thế giới trơ trụi mà ông hoạt động trong đó,

đi với ông từ làng này đến làng khác, trong khi ông ta hô hào mọi người nên ăn năn hối cải (repent) để tránh khỏi cơn thịnh nộ (wrath) của Đức Chúa Trời.

Tôi không bao giờ nghe ai nói gì về lần đầu tiên Adela trở thành nạn nhân của việc ham mê rượu chè khủng khiếp như thế; tôi chỉ biết rằng Nathaniel tự đề ra cho mình nhiệm vụ xua đuổi tà ma mà ông tin rằng đã có được khả năng này qua người vợ yêu thương của ông; vì theo Nathaniel thế giới này đầy dẫy con người với vô số hạng người xấu xa muốn trục lợi (predatory). Thế nên, nỗi lo của ông ta muốn cứu vớt bà vợ thật là to tát đến nỗi không có sự độc ác nào, không có sự khắc khổ nào mà ông không bắt buộc bà hứng chịu để đạt được mục đích của ông ta. Còn bà, do tình thương của mình, bà đã hăm hở một cách đáng thương tuân phục hết mọi việc, mặc dù các hành xác để hối lỗi (penances) và việc phạt bằng roi của ông chồng chỉ làm cho thân xác bà yếu đi và hủy diệt ý chí của bà.

227 Nhưng rồi bà nhanh chóng trở nên suy nhược. Sau rốt Nathaniel cho rằng bà không trung thành và loại bà ra khỏi cuộc sống của ông với con ghen điên cuồng lên tới cực độ. Trong nhiều năm trời, bà lang thang đây đó trong vùng, ngày càng chìm xuống thấp hơn, như là làm gái (whoring), trộm cắp (thieving), lường gạt (lying), bán thân xác và linh hồn của chính bà cho bất cứ ai, dù là kẻ thấp hèn đi nữa, miễn là kẻ đó cung phụng cho bà chất rượu mà bà thèm đến cuồng điên. Sau cùng, với tình trạng dở sống dở chết như thế, bà đi đến Windstalls và từ đó trông cậy vào lòng nhân của tôi.

Tám ván trong căn phòng phía trên kê cót kết với một âm thanh đáng ngại. Tôi nghe một thân hình nặng nề đang đi xuống cầu thang hẹp. Gần đây bà trở nên phì nộn đến nỗi khó qua lọt lối đi. Bây giờ bà đứng trên ngưỡng cửa, chăm

chằm nhìn tôi một cách dần dần, mái tóc xám của bà thả bừa bãi xuống gương mặt nhão thịt và lốm đốm tàn nhang, bàn tay run rẩy đang giữ lấy một cái áo ngoài bẩn thỉu đi chung với chiếc lót có viền. Hiển nhiên là bà chưa phục hồi đầy đủ sau cơn say rượu gần đây.

Mặc dù cảm thấy ghê tởm, tôi vẫn bị ràng buộc với người phụ nữ này theo một cách lạ lùng nào đó. Tôi nghĩ bà có được một lòng nhân đạo (humanity) và một tính khoan dung (tolerance) không dễ gì tìm được trong đời. Cách ăn nói thẳng thắn và sự nhanh trí thô tục của bà được đổi mới so với cách nói màu mè gượng gạo của các phu nhân theo thời trang, tức những kẻ mặc dầu cũng tục tĩu (bawdty), tuy nhiên tục tĩu theo một cách khác. Cách sống lang thang và bi thảm của bà dường như đã dạy cho bà một ý thức kỳ lạ về sự cân xứng mà những người khác có thể không bao giờ đạt đến – sau rốt, đối với đa số, họ chỉ là những kỹ nữ thượng lưu (ladies-of-the-town) được đề cao quá đáng và cuối cùng cũng trở nên mỗi mệ.

Giữa chúng tôi cũng luôn luôn có một loại tình cảm; vì thế cho nên bây giờ, đứng đây đối diện với nhau, chúng tôi cảm thông nhau mà không cần nói một lời nào.

– “Thế ông cũng biết chứ...”, ngay sau đó bà lầm bầm. “Này, chính ông dẫn vợ ông đến nước đó, mọi người đều nói thế mà.”

Tôi hít một hơi thở nhanh :

– “Tôi à ? Bà điên rồi ! Nếu có ai nói như thế, thì tôi dám thề đó là chính bà; bà biết hết mọi điều về chuyện đó, bà đâu có quên làm cách nào để đóng vai mụ tú bà (procuress), tôi dám cam đoan thế.”

Bà ta phát ra một tràng cười khàn khàn và hạ mình xuống ghé một cách khó nhọc.

– “Ông có nghĩ là Elizabeth có thể giữ được lâu bất cứ cái gì thuộc về nó ư ? Dĩ nhiên nó nói hết với tôi tất cả những gì mà nó đã gây ra !

228 Bà nhào ra phía trước qua mặt bàn, ngược mặt lên nhìn tôi bằng cặp mắt lò mò; giọng nói bà chuyển thành đều đều; tôi biết rõ các tâm trạng này nơi bà, lúc ấy bà hầu như giống một bà đồng già (old sybil). Chúng luôn luôn làm cho tôi trở nên im lặng.

– “Ông có lý, chính tôi đã giúp nó đấy”, bà nói , “vì tôi muốn nó có hạnh phúc. Nó có thể được như thế vì nó mộc mạc. Cả ông lẫn tôi đều không tạo được hạnh phúc cho nó. Chúng ta cần quá nhiều –” Đầu bà hạ xuống. Bà nói tiếp, “Tôi biết, tôi biết chứ. Tất cả chúng ta đều đang tìm kiếm một cái gì đó; đó chính là bản chất của sự sống (what life is). Còn ông cũng vậy, dưới cái vẻ lạnh lùng, kiêu hãnh của ông, ông cũng giống như bao kẻ khác mà thôi. Cái mà chúng tôi cần chính là tình thương, tôi giả dụ, hay có lẽ đúng hơn có một cái gì đó to tát hơn là chính chúng ta mà chúng ta có thể phụng sự – hơn thế, tôn thờ nữa, một cái gì đó mang lại cho chúng ta hạnh phúc. Một số trong chúng ta biết chúng ta muốn cái gì. Tôi đã
229 tìm được cái đó – trong Nat – nhưng có lẽ tôi không đủ lớn – hoặc là ông ấy không đủ – tôi không biết nữa. Giờ đây Elizabeth đã tìm thấy điều đó nơi Basil, còn ông – “giọng nói của bà trở nên dữ dằn – ông đã làm cho Elizabeth mất đi điều đó bởi vì ông đã mất đi chính ông khi con trai ông chết đi...”

Vâng, bà quả thật có lý, tôi có thể thù ghét mãnh liệt cũng như tôi có thể thương yêu cuồng nhiệt và bên dưới cái mặt ngoài lãnh đạm thờ ơ và lạnh lùng mà tôi đã tập để che giấu các cảm xúc của tôi, tôi có thể đau khổ đến mức không thể chịu đựng được. Tôi nói với giọng đều đều và lạnh như băng :

– “Elizabeth sẽ học được từ lỗi lầm của cô ta và trở lại với bốn phận của cô ta là một người vợ biết vâng lời – nghĩa là, nếu sau này tôi chọn cách cho cô ta quay về.”

Adela nặng nề đứng dậy :

– “Sau này ư ? Ông định làm gì hỏi Charles ? Ông dự tính chuyện gì quái gì đây?” Giọng nói của bà lên cao trở lại trong khi tôi vẫn giữ im lặng. “Này Charles, ông sẽ không bao giờ kéo nó về ngược lại ý muốn của nó chứ ? Ông không bao giờ làm hại Basil chứ ?”

Tôi đáp :

– “Tôi đã sắp xếp đâu vào đấy cả rồi. Còn Basil – theo lời bà gọi – sẽ được học một bài học. Bấy nhiêu thôi.”

Adela giữ chặt tay áo tôi :

– “Ông sẽ không giết nó chứ, Charles ?”

– “Tại sao không ? Chẳng phải hắn đã bôi nhọ danh dự (shamed) tôi trước mặt mọi người sao ?”

Vẫn giữ chặt tay áo tôi, Adela lết về phía tôi; mặc cho tôi cố đẩy bà ra, tôi thấy chính mình bị khối thịt trơ lý (inert mass) của bà bắt buộc cúi xuống gần hơn để cho hơi thở hôi hám của bà quạt vào má tôi.

230 – “Rượu rum (rum)”, tôi chợt nghĩ, “lạ kìa làm sao bà có được thứ đó ? Tôi đã dặn bọn người nhà...”

Giọng nói của Adela kéo tôi trở lại :

– “Ông phải để cho chúng đi . Ông không biết được điều gì ông sẽ gây ra cho con nhỏ ấy đâu – vì ông không hiểu gì cả – nhưng ông phải hiểu – ông phải học. Đừng nhìn tôi bằng con mắt lạnh lùng đó. Ôi bọn đàn ông các ông đều giống nhau hết ráo, không biết dịu ngọt (hard), tự cho là đúng (self-righteous), chỉ nghĩ đến cái vui của riêng mình. Rồi đây ông sẽ làm cho Elizabeth những gì mà lão Nat đã làm cho tôi – nhưng con gái tôi yếu đuối hơn tôi, ông sẽ giết nó mất – giết

cả linh hồn nó nữa. Ông có quyền gì để làm tàn hại cả hai cuộc đời như thế – và nhân danh cái gì ? Danh dự của ông ! Ha ha, ông nói đến điều tốt lành quá, ông với các mệnh phụ xinh đẹp của ông và bọn đàn bà lang chạ của ông – ông, kẻ chỉ biết chọn Elizabeth dựa trên tính lãng mạn thất thường, tự xem mình như người quý phái. Danh dự! tất cả các ông đều giả dối cả, các ông tô điểm cho lòng ham muốn và lòng kiêu hãnh ích kỷ của các ông bằng những cái tên đẹp, trong khi chúng tôi...”

Thình lình Adela để cho tôi đi và gục xuống phía trước vừa lồm bồm vừa khóc trên bàn. Trong một chốc tôi nhìn bà trừng trừng, kinh tởm và giận dữ, quên cả đến lời nói, quay ngoắt lại và bước ra ngoài.

Suốt con đường trở về nhà, con giận sôi sục trong tôi; một vài tên gia nhân thấy tôi vội chạy sang một bên, chắc là chúng sợ hãi trước vẻ mặt trắng bệch của tôi, đôi môi mím chặt và cặp mắt quắc lên của tôi.

Văng vẳng trong đầu tôi là những lời của Adela....

231 Elizabeth, Adela, Nathaniel, cả ba đã cướp mất sự an tĩnh của tôi. Cầu cho số phận của chúng bị đọa! Chúng đã chẳng giết chết con trai tôi đó sao ? Giờ đã đến lúc kết thúc đây. Tôi sẽ tổng khứ hết cả đám: Adela trở lại cuộc sống đầu đường xó chợ của mẹ, Elizabeth có thể đi theo mẹ, về phần Nathaniel, nếu có được cơ hội, tôi sẽ giữ lời thề mà tôi đã thề trước xác của đứa con và bắt ông ta trả gấp trăm lần cái tai họa mà hắn đã mang lại cho tôi. Về phần Basil, tôi nghĩ: “Giết hắn ư?”, tôi la lên: “Ta sẽ làm hơn thế nữa, ta sẽ làm cho hắn tàn tật suốt đời, hành hạ hắn ! Ta sẽ dạy cho hắn bài học về tội cướp vợ của ta !” ...

233 Sáng hôm sau một người đưa tin chạy đến nói rằng cuộc gặp nhau đã được dàn xếp và rằng Basil Tremayne đã chọn

đấu súng. Tôi mừng rỡ, vì một phần tôi không thích đấu gươm.

Vài ngày kế đó tôi coi sóc trang trại, với bảy ngựa và đàn chó, sắp xếp mọi việc cho có ngăn nắp. Cuộc quyết đấu và những gì xảy ra tiếp theo từ lúc đó tôi đã cương quyết đặt ra ngoài tâm trí tôi.

Một buổi tối trong khi ngồi cạnh lò sưởi với đàn chó bao quanh, đang uống ly rượu vang sau bữa ăn, tôi tự hỏi có nên mời ông hầu già (old fool) của cha xứ đến chơi bài hay là nên trải qua buổi tối một mình, thì cánh cửa chợt mở ra và Elizabeth lão đạo vượt qua căn phòng tiến về phía tôi. Tôi trở mắt nhìn nàng, nói :

– “Chào mừng bà đã về, thế ra bà đã ăn năn rồi ư ? Tôi đoán thế. Có lẽ bà trở về để nói cho tôi biết bà đã nhận ra lỗi lầm của bà chẳng ? Tôi phải thú thật là có hơi trễ đấy.”

234 Nhưng thay vì xịu mặt xuống trước lời châm chọc của tôi như thói quen của nàng, nàng lại ngừng đầu lên nhìn thẳng vào tôi một cách mạnh dạn hơn là tôi tưởng.

– “Tôi không bao giờ trở về. Cuối cùng tôi đã tìm thấy hạnh phúc. Tối nay tôi chỉ trở lại để cầu xin ông đừng bắt buộc Basil đấu súng với ông, hỡi Charles.”

– “Kìa, thế ra “anh chàng” Basil bảnh bao của bà đã sợ để tôi rửa nhục (satisfaction) theo chính nhân quân tử (gentleman) nên đã gửi bà làm sứ giả thương thuyết đấy nhỉ ! Bà đã tìm được một anh tình nhân dũng cảm đấy nhỉ.”

– “Không phải thế đâu. Basil sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi nếu anh ấy biết được chuyện này. Nhưng tôi – “Giọng nàng yếu đi, “tôi không thể chịu đựng được cái ý tưởng về cuộc đối địch này. Tôi không thể sống qua được nỗi đau về việc đó. Tôi sẽ hóa điên mất...Tôi không thể trực diện đợi chờ để biết những gì ông đã gây ra cho Basil.”

– “Trung thành nhì, thật là các tình cảm đẹp để biết bao! Tình cảm đó làm cho bà đáng khen thật. Còn tôi, chồng bà, bà chả có một chút lo lắng, có phải không?”

Elizabeth nhìn tôi :

– “Ông ư?”, nàng nói nhỏ, “ông...” rồi bật khóc và ngoảnh mặt đi.

Lúc đó tôi chớp lấy cơ hội và tấn công nàng bằng lời mỉa mai cay độc mà tôi biết rõ nàng chẳng bao giờ có thể chống chế được, vì trí óc nàng chậm chạp bao giờ cũng kém linh lợi. Chúng tôi cùng trải qua những giờ phút không thú vị chút nào. Việc cãi nhau hiếm khi xảy ra đường hoàng, tôi luôn giữ bình tĩnh. Elizabeth không một chút bình tĩnh, để lộ ra những tính chất khác mà mãi tới lúc đó tôi mới biết. Elizabeth bình thường nhu mì, ngoan hiền, giờ đây trở nên hùng hổ, linh hoạt, vì thế sắc đẹp của nàng trở nên sống động và hấp dẫn hơn; trong khi lời nói của nàng càng trở nên sắc bén, tôi càng thấy ưa thích và thần phục tinh thần nàng hơn.

Tôi khiêu khích và đùa cợt với Elizabeth, quả là môn thể thao khá độc ác, tuy nhiên không hoàn toàn độc ác vì kết quả là làm nảy sinh nơi nàng một cái gì đó mới mẻ và tinh tế. Sau rốt nàng đứng lên rời khỏi ghế, chỗ mà nàng gục xuống vì kiệt sức. Nàng quay mặt về phía tôi, đỏ mặt, có vẻ thách thức giữa những hàng nước mắt.

235 – “Ông không bao giờ thương tôi,” nàng gào lên, “không bao giờ, dù ông luôn mồm nói thế. Tôi chỉ là con búp bê, món đồ chơi của ông thôi, đứa trẻ được nuông chiều trong lúc nhàn rỗi của ông thôi, đúng thế, và là kẻ giữ nhà, mẹ của bảy con của ông thôi, không bao giờ hơn nữa. Đó không phải là tình yêu! Tôi biết thế nào trong thâm tâm ông cũng có lúc khinh rẻ tôi. Ông không bao giờ nói những ý tưởng thâm kín của ông với tôi, mà là đi nói với các phụ nữ khác. Tôi có thể

kém khôn ngoan, nhưng ông không bao giờ bận tâm đến việc làm cho tôi khôn hơn. Ông không cần tôi được như thế. Nhưng tôi, tôi luôn luôn muốn đáp ứng được mọi điều với người mà tôi thương, và Basil..." giọng nàng ngưng lại khi nói tới cái tên đó, rung động thành các hài hòa dịu dàng đến nỗi lời nói khoác một vẻ đẹp không ngờ được, nàng tiếp "Basil yêu tôi vì trí óc tôi – chứ không chỉ vì thân thể tôi; anh ấy biết hỏi ý kiến của tôi, chúng tôi suy nghĩ giống nhau – thực ra chúng tôi tuy hai mà một. Tôi không thể mất anh ấy, vì tôi sẽ mất tất cả...tất cả..." Rồi thình lình, nàng quì gối xuống, van xin tôi tha cho mạng sống người tình của nàng.

Sau một lúc lâu, tôi xua nàng ra bằng những lời tàn nhẫn, nhưng khi nghe tiếng khóc của nàng yếu dần, tôi cảm thấy dâng lên một nỗi hối hận. Tôi bỗng dưng thắc mắc không biết Elizabeth đến đây bằng cách nào; không biết xe có đợi để đưa nàng về với Basil, hay là nàng sẽ ở lại với bà mẹ đêm nay. Tôi không muốn nghĩ đến việc nàng ở trong chỗ bẩn thỉu (sty) đó, nhưng trong tình huống này, không thể gọi nàng trở lại và yêu cầu nàng ngủ lại ở Windstalls. Ngoài ra tôi cảm thấy lo lắng rằng nàng có thể tấn công tôi và từ chối bằng sự khinh miệt nữa.

Tôi cảm thấy buồn cười; quả là một cảm giác mới lạ khi thấy chính tôi lại sợ Elizabeth.

Đêm đó, tôi không đi ngủ, mà thay vào đó, ngồi bên lò sưởi, thỉnh thoảng nhấp chút rượu vang và đặt Caesar, con chó con tai cụp, trên đầu gối. Có phần nào an ủi khi cảm thấy thân thể ấm áp, mềm mại đó, đầy lòng yêu thương không suy tính (blind devotion) đang ép sát vào tôi. Chán nản, tôi thầm nghĩ: "Ngựa và chó là những sinh vật duy nhất mà con người có thể tin tưởng một cách an toàn, mọi người đều nói tự bao giờ rồi."

236 Nhưng vấn đề của Elizabeth không dễ gì giải quyết. Tôi không phải là người có khả năng suy tư nội quán (introspective musings), mà là người tin vào hành động hơn là tin vào ý tưởng (thought) và coi thường người nào làm thì ít, mà đọc và mơ mộng thì nhiều. Nhưng tối nay tôi không có cách nào thoát khỏi việc suy tư. Lời nói của Adela trở lại với tôi, lại tăng thêm sức mạnh bởi những gì do chính Elizabeth nói ra. Hàng giờ trôi qua, tôi bắt đầu nhận ra khung cảnh sinh hoạt của chúng tôi theo một phối cảnh đúng đắn hơn (better perspective). Adela, tuy có nhiều tật xấu, nhưng có óc nhìn xa thấy rộng, nên bà lại có lý. Tôi đã yêu con tôi quá mức đến nỗi không còn đủ tỉnh táo, và do sự thu hút cuồng nhiệt này, tôi đã mất Elizabeth.

Nàng đã thú nhận rằng chính trong lúc tôi vắng nhà nhiều tháng để tìm quên lãng, nàng đã gặp được Basil Tremayne lần đầu. Khi nghĩ lại chuyện này, tôi bắt đầu thương hại nàng. Hẳn là Elizabeth đã đau khổ nhiều trong năm năm đó – các đau khổ về lương tâm cũng như về tình thương. Dần dần khi trí tưởng tượng của tôi bắt đầu hoạt động, lòng thương hại của tôi tăng lên. Tôi có nên làm tăng thêm nỗi đau khổ cho nàng bằng các hình phạt ở địa ngục khi làm cho nàng mất mát thêm nữa hay chẳng ? Hơn nữa, tôi có được lợi gì khi đẩy nàng vào cảnh khổ mới qua việc giết chết tình lang của nàng ? Và ngay cả nếu tôi đem được nàng trở về, thì có được lợi ích gì cho tôi khi chỉ có được cái xác không hồn (empty shell) trong vòng tay?

Các ý tưởng và cách giải quyết cứ thay nhau chi phối tôi. Lúc thì tính tự cao thắng thế, lòng tự phụ bị tổn thương không chịu chấp nhận tình huống này và đòi phục thù. Mọi tập tục mà tôi được truyền dạy, đều đảm bảo với tôi rằng cách hành xử của tôi là đúng, tuy nhiên có một cái gì đó trong

tôi thúc đẩy tôi nhìn sâu hơn, mặc dầu tôi phải hân hoan chuyển hướng nhìn và bịt tai trước một tin tưởng sâu xa hơn bất cứ qui luật nào và thông lệ nào vào thời tôi. Nhưng sau cùng khi quá mệt mỏi, tôi ngủ thiếp đi một lúc, tôi hình dung ra thằng con trai đứng cạnh đầu gối tôi, đang mỉm cười với tôi bằng đôi mắt nâu mở rộng của nó và nài xin tôi tha thứ cho mẹ nó – để cho mẹ nó tự do và làm cho bà được hạnh phúc. Tôi giật mình tỉnh dậy, lớn tiếng gọi tên con, chộp bừa vào khoảng không nơi chắc chắn có nó ở đó.

237 Có lẽ chính giấc mơ này sau cùng đã giúp tôi có được quyết định; có lẽ quyết định của tôi thực ra đã được thành hình từ lâu, còn giấc mơ này chỉ làm cho nó vững chắc thêm; tuy thế, tôi cũng còn phải đương đầu với một vấn đề mà tôi phải rất khéo léo mới giải quyết được.

Tôi không thể rút ra khỏi cuộc quyết đấu; tôi không đủ can đảm để đối mặt với các khinh bỉ, miệt thị, hoàn toàn mất tiếng tăm trong xã hội mà một hành động chưa từng có như thế sẽ đổ ập xuống tôi. Tuy nhiên tôi quyết định rằng chàng trai trẻ kia sẽ không bị tổn thương, và điều còn quan trọng hơn nữa là chính Elizabeth sẽ tránh khỏi mọi nỗi khủng khiếp của tình trạng không biết sẽ ra sao.

Nhưng sau rốt khi ánh sáng lạnh lẽo, chết chóc của bình minh len lỏi vào trong phòng, soi vào cảnh bừa bãi của ly, cốc, tro tàn của lò sưởi với những ngón tay lộ ra, thì tôi đi tới quyết định cuối cùng. Chỉ có một lối thoát, tôi biết tôi phải làm gì.

Sáng hôm sau, tôi chuẩn bị đi ngựa đến Thị Trấn (Town) gặp Luật sư của tôi và sắp đặt mọi việc; nhưng trước tiên tôi đi một vòng quanh nông trại. Tôi yêu nơi này vô kể; giờ đây tôi đang lìa nó, có lẽ mãi mãi, tôi mới hiểu ra nó có ý nghĩa

với tôi biết là bao. Tôi hy vọng Elizabeth sẽ coi sóc nó như tôi đã làm.

Vào cuối chuyến đi dài đó, tôi xoay mình trên lưng ngựa, đưa một cái nhìn nuôi tiếc về phía ngôi nhà với những bức tường gạch dịu dịu của nó, mấy ống khói duyên dáng, cái nền sẫm màu của rừng cây xinh đẹp. Một loạt mưa rào bắn tung tóe vào mặt tôi. Bầu trời cuộn cuộn những đám mây to. Những cây thông và cây tuyết tùng (cedars) đen biết bao! Hai con thiên nga bơi bồng bênh trên mặt hồ nhân tạo nho nhỏ. Mọi vật khuất sau bức màn mưa nhẹ và nặng hạt. Thật là một chốn xinh đẹp, được tạo ra trong thung lũng nhỏ của nó với những bãi cỏ, vườn cây, đàn bồ câu trắng lượn quanh các mái nhà, những con công xanh trên các thửa ruộng bậc thang, bầy chó và ngựa nhốt trong chuồng. Nhưng giờ đây nó cũng dường như không có thực, như thể bóng tối đã phủ lên thực tại của nó; nỗi buồn sâu xa từ chính đất đai tỏa ra.

238 Khi cái nhìn chăm chú của tôi đảo về phía mái lều của Adela, tôi nhìn thấy bà ta đang đang bước về nhà. Bà mặc cái áo choàng sẫm màu có mũ trùm đầu, các vòng gỗ của bà lắc lư trên thân hình thô kệch, ngẩn ngẩn mà tôi nghĩ là làm cho bà có cái dáng của một con vịt già mập mạp.

“Thôi rồi, bà ấy có thể uống say đến chết mất bây giờ”, tôi nghĩ thế khi quay lưng trở lại và rẽ cương ngựa ra khỏi công công viên. Tôi dừng lại nơi nghỉ địa và đứng một hồi bên cạnh nấm mồ của đứa con. Tâm trạng tôi giờ đây khác hẳn với tâm trạng khi tôi đến đây chỉ vài ngày trước, khác đến nỗi tôi tưởng chừng chính tôi không có thật, dường như tôi đang sống qua một giấc mơ.

–“Có phải con muốn cha làm như thế không?” Tôi hỏi nấm mồ nằm dưới đám hoa anh thảo, “có thật là đêm qua con trở về với cha không ? Nhưng con không thể về được, vì

con đã chết – chết giống như cha sẽ chết chẳng bao lâu nữa thôi. Cha tin rằng không còn gì cả sau khi chết. Những câu chuyện của cha xứ chỉ là chuyện dọa dẫm trẻ con. Nhưng cho dầu cha có sai lầm đi nữa, cũng chẳng hề gì. Hoặc là con sẽ gặp cha trở lại – đó là ý tưởng về thiên đàng của cha – hoặc là không có gì cả. Trong bất cứ trường hợp nào, đây sẽ là lối thoát của những gì vốn là địa ngục đối với cha trong năm năm qua kể từ khi con bỏ cha lại một mình.”

Viết thư cho Elizabeth đối với tôi quả không phải là chuyện dễ dàng. Tôi không muốn nàng biết những gì tôi định làm, tuy tôi muốn trấn an nàng, để cho nàng sẽ không chịu đau khổ trải qua những giờ mong đợi trong khắc khoải lo âu. Cuối cùng đó là một bức thư khá là vụng về, nhưng chỗ hứa rằng Basil không bị hề hấn gì thì đủ rõ ràng.

Thế rồi vào sáng tinh mơ, trong một cánh đồng hẻo lánh ngay bên kia Vauxhall Gardens, tôi đối diện cùng Basil với một khẩu súng trong tay; và một cảm giác nhẹ nhàng kỳ lạ lâng lâng trong đầu, kết hợp với cái trống rỗng của bao tử mà tôi xem như là một sự co rút lại rất tự nhiên trước sự hủy diệt hoàn toàn (annihilation). Tuy vậy theo sau đó có một nỗi vui quanh quẩn trong tôi, nỗi vui này theo cùng với tôi kể từ lúc tôi có được quyết định quan trọng cho đời tôi. Tôi giống như một người bước ra khỏi đám mây giá lạnh, đi vào ánh nắng trong sáng. Lần đầu tiên tôi biết được rằng, tôi thực sự không còn sợ điều gì nữa, ngay cả với chính tôi. Bạn bè tôi để ý đến cái thay đổi đó nơi tôi và bàn tán với nhau về chuyện đó.

Mặt trời nhạt màu như cái đĩa bạc đằng sau những cành cây trụi lá; sương muối phủ đầy trên cỏ xanh; một cơn mưa đang hót, giọng hót giống như những giọt thủy tinh lan vào không khí ngọt ngào lạnh buốt.

Tôi nhìn Basil, ngẫm nghĩ: “Còn trẻ quá, còn quần áo hần thì xấu xí quá”. Tôi nhìn lên trời, hơi mỉm cười. “Ta chỉ hy vọng”, tôi nói thầm “Elizabeth đáng thương của tôi sẽ không nhầm chán hần.”

Vào lúc đó Sir Harry Bellairs ra dấu.



Những cây quất (lime trees) bên ngoài cửa sổ tôi đã tỏa bóng xanh rợp thom ngào ngạt, tiếng ong bay vù vù khắp nơi. Một cảnh đã bị xén đi, để cho, qua khoảng không này, tôi có thể nhìn ra thế giới của tôi: một góc vườn có bờ viền bằng cỏ, trồng nhiều loài hoa; một cái hồ với những con thiên nga đang làm tổ; và bên kia là đồng cỏ trống chạy dài, nơi mà tôi không bao giờ có thể cưỡi ngựa lên đó nữa.

Tựa mình vào gối, tôi nhìn vào ánh nắng.

Chán biết bao! Cuộc sống quả là hết mức chịu đựng! Lẽ ra tôi nên chết vào buổi sáng quyết đấu đó, đáng lẽ có cái kết cục anh hùng và lãng mạn mà tôi đã sắp xếp cho chính tôi mới phải. Nhưng, dường như muốn mỉa mai hơn là lãng mạn trong việc sắp đặt số phận con người, Định Mệnh đã định đoạt: thay vì giết chết tôi, phát đạn của Basil chỉ làm tôi bị thương nặng đến nỗi trong nhiều tuần lễ tôi bị treo giữa sự sống với cái chết, chỉ phục hồi lại để sau đó lại hứng chịu các hậu quả kéo dài của vết thương.

240 Lẽ ra tôi nên chết sau cuộc quyết đấu đó, nhưng thay vì chết, dường như điều phi lý là tôi bị buộc phải sống, nhưng vẫn chưa đủ, khi tỉnh lại, điều tôi thấy trước tiên đó là gương mặt trắng bệch của Elizabeth đang cúi bên trên tôi.

Trong những ngày đầu, khi hầy còn quá yếu, không lưu tâm nhiều về bất luận chuyện gì, tôi chỉ cho là Elizabeth quay

về trong ít lâu do bởi lòng tốt; nhưng nàng lại không ra đi như tôi tưởng, chỉ sau đó, khi khỏe mạnh trở lại, tôi mới nhận ra sự tàn phá ghê gớm mà Định Mệnh thích làm những chuyện trớ trêu đã tạo ra đối với sự hy sinh có dự tính của tôi. Vì, theo sự tường thuật của các bạn tôi về cách hành xử của tôi trong cuộc đấu súng và những gì mà tôi đã viết ra trong bức thư gửi cho nàng, chẳng mấy chốc Elizabeth đã khám phá ra sự thật của vấn đề, sau đó bởi lương tâm cắn rứt và theo tôi, dường như bởi vô cùng ăn năn (hysterical regrets), nàng và Basil đã quyết định chia tay mãi mãi, Elizabeth quay lại với tôi, nơi mà nàng xem như bốn phận đã đặt để cho nàng, còn Basil lên tàu đi đến các Thuộc Địa (Colonies), có lẽ để làm cho mình quên đi chuyện cũ.

Sau rốt, không một ai trong chúng tôi được hạnh phúc cả. Vì chẳng bao lâu, tôi thấy rõ rằng sau khi trở về, Elizabeth đã làm hư mọi việc. Nàng đã hứa là phụng sự tôi và giúp tôi, nhưng với lòng nhiệt thành như thế và có ít vui tươi hóm hỉnh (humour) đến nỗi cuộc sống trở thành một gánh nặng đối với cả hai chúng tôi.

Nếu Elizabeth ở lại với Basil, hẳn là tôi sẽ luôn luôn nhớ đến nàng như là một con người nhỏ bé nhưng can đảm, dám tranh cãi với tôi quyết liệt và vạch cho tôi thấy các lỗi lầm của chính tôi. Qua nhiều năm, không còn nghi ngờ gì nữa là tôi đã mất Elizabeth thuở đầu trong đám sương mờ thi vị của tình cảm và biến đổi nàng thành một người được mền mọ và tôn thờ. Nhưng theo tình hình này, thì chẳng mấy nổi – thật quá sớm – Elizabeth đích thực có mặt trong nhà trở lại với câu chuyện tầm thường và giọng cười thánh thót như tiếng chuông ngân của nàng. Phải chi Elizabeth vật lộn với quả tim tan nát thì có thể tôi vẫn yêu thương nàng do thương hại, nhưng tôi thấy rất khó tha thứ tính dễ quên này – ngay cả đối

241

với một địch thủ. Sau cùng, điều đó cho tôi thấy rõ con người thật của Elizabeth: quá nông cạn ngay cả đối với thảm kịch làm u ám cuộc đời của nàng về lâu về dài. Basil đã có lý khi rời bỏ nàng, tôi đáng cay khi nghĩ thế. Bằng cách chôn vùi cuộc đời mình nơi các Thuộc Địa xa xăm, Basil đã giữ lại được giá trị đích thực (dignity) đối với bi kịch nhỏ của đời mình; còn theo tôi, Elizabeth đã nhanh chóng biến đổi mọi đau khổ của chúng tôi thành hài kịch (farce).

Ít lâu sau cuộc đấu súng, chính vị y sĩ riêng của quan Nhiếp Chính (Regent) bảo với tôi ông tin rằng vết thương cũ đã phát triển thành ung thư. Trong một thời gian dài, tôi hoàn toàn không tin lời ông ấy. Tôi cho rằng, thầy thuốc nào cũng là những tên ngốc vụng về, dốt nát thiếu kỹ năng, đoán mò và bòn rút đủ thứ. Chính ra chả có gì cả – ngay đến những gì không được chữa trị đúng đắn – chỉ cần chữa trị sớm – còn về ung thư, thật là nực cười, chắc chắn là họ gán cái tên đó cho những gì mà họ chỉ có thể biết rất ít về chúng mà thôi, nhưng tôi không bị lừa gạt bởi sự khoa trương của họ đâu.

Để tự chứng tỏ rằng tôi vẫn khỏe mạnh, chỉ trừ cái đau chết tiệt này, nó dường như cứ quay trở lại khi mà thầy thuốc cho là nó đã được chữa lành rõ ràng từ lâu rồi, tôi quyết tâm chọn lại cách sống xưa cũ đã xảy ra với cuộc chơi ở White và Boodle, đó là những cuộc đua ngựa quá lố, buộc tôi lao vào các cuộc đua, vào các dạ hội linh đình (routs), vào các cuộc vui hoang phí, trong khi đang chống chọi với sự quyết tâm thâm lặng tuy khốc liệt, kẻ thù này dường như đã chiếm được pháo đài phòng ngự của cơ thể tôi. Tôi đã luôn luôn tự hào về sức khỏe và mức chịu đựng tuyệt hảo của tôi, và tôi sẽ không chịu thua một cách dễ dàng như thế. Trong một vài tháng liêu lĩnh, tôi đã ngăn không cho bệnh đến gần, cho đến

một đêm tôi ngất xỉu vì đau ở nhà hát nhạc kịch (opera) và phải nhờ bạn bè đưa về nhà trong một xe ngựa, chiếc xe bị xóc đến nỗi tôi tưởng sẽ kết thúc cuộc đời.

Tôi bị đánh bại và nhận thức điều đó. Kể từ ngày đó cách nay hai năm dài, tôi từ từ trở nên tệ hơn, và giờ đây suốt ngày tôi chỉ ở trong giường với ít hy vọng đứng dậy được nữa.

242 Tôi được đặt tựa vào gối, mày cau lại. Đã hơn một giờ qua mà không một ai đến gần tôi cả. Thật là điều chưa từng xảy ra từ trước đến nay. Tôi kéo dây chuông rồi mím môi, đợi. Elizabeth đâu rồi? Trong lúc tôi bệnh, nàng không bao giờ để tôi một mình lâu như thế mà không giải thích lý do.

Một con bướm lượn quanh tua nhụy của hoa quất đã bị gió thổi lên tấm trải giường của tôi. Tôi nhìn một cách lơ đãng; bướm lại bay đi, ra ngoài ánh nắng. Tôi nhắm mắt lại, rên rĩ; kể đó nhận ra rằng vẫn không ai trả lời tiếng gọi của chuông, tôi nắm sợi dây giật mạnh đến nỗi nó rơi xuống giống như con rắn nằm trên gối của tôi, khiến tôi phải nguyên rủa nó, nguyên rủa bọn tớ gái, vợ tôi và cả thế giới một cách nghiêm khắc.

Tôi đã quen nhờ vả vào sự chăm sóc thường xuyên của Elizabeth, quen thấy cái hình dáng lạng lẽ của nàng ngồi khâu vá bên cạnh tôi, quen dùng nàng làm “vật tế thần” (whipping-boy) khi ác tính xấu xí tôi, mà thường khi vì thiếu hoạt động (inaction) và bất lực, tôi trở nên bần tính, cáu kỉnh. Bây giờ việc chênh mảng không thể giải thích này giáng vào tôi như là một sự xúc phạm.

Tôi đang nổi cơn giận, thì người tớ gái xuất hiện.

– “Bà đâu rồi?” Tôi hét lên.

Cô gái có vẻ sợ hãi :

– “Thưa, bà ..., bà đang khó ỏ. Bà bị ngất xỉu ở hành lang. Bà tỉnh lại một chút và dặn không ai được nói lại với ông, rồi bà ngất xỉu trở lại. Chúng con đã đưa bà vào giường.”

– “Khó ỏ à?”, tôi nhếch mép cười với vẻ khinh thường (sneer), “sao, bà cũng khỏe như mi kia mà ! Chắc chỉ là một cơn choáng váng (fit of the vapours) chớ gì...”

– “Con sợ bà ốm thật sự đấy”, cô gái nói nhỏ nhỏ. “Bà Langly đã mời thầy thuốc.”

– “Egad, bà đang đi quá mức rồi đó. Ta không còn là chủ trong nhà này nữa sao mà bà dám mời thầy thuốc không cần hỏi xem ta có bằng lòng không ?”

243 Có ai lên tiếng gọi bên dưới, cô gái tắt tả quay ra cửa.

– “Ồ cứ đi đi”; tôi gầm lên, “và bảo bà của mi đến gặp ta khi bà khỏe lại.”

Kiệt sức, tôi lại ngã vào đồng gối lót, bấu chặt tay vào chỗ cơn đau đang cấu xé tôi bằng những móng vuốt thép, ngày càng tăng thêm, chiếm lấy xác thân tôi bằng những cái đau mà không thấy nào, thuốc nào, không thứ gì có thể làm dịu đau được.

Thêm một giờ nữa trôi qua. Quá giờ ăn của tôi rồi. Tôi nằm nghe bao nhiêu tiếng ồn ào trong nhà, tiếng bước chân vội vã, tiếng nói văng vẳng; tiếng chó sủa bên dưới và con chó tai cụp (spaniel) trên giường tôi sủa trả lại. Tôi cảm thấy dường như tôi đã chết, một bóng ma, bị tách khỏi thế giới con người đang hoạt động. Chuông bị đứt dây, tôi dùng gậy nện mạnh lên sàn nhà, nhưng vẫn không một ai bước vào.

Elizabeth đau chẳng ? Tôi cảm thấy bức bối. Mụ đàn bà đàn độn không biết lo cho thân mình. Nhưng Elizabeth thì như thế đó, gây bức bối cho mọi người chỉ vì ý định tốt của mình thôi. Nỗi bồn chồn ngày càng tăng, xâm chiếm lấy tôi.

Tôi không dẫn nỗi sợ mất kiên nhẫn và hiếu kỳ được nữa. Tôi không thể chịu đựng được sự bất động nữa, và mặc dầu biết phải trả giá đắt cho sự bất cần của mình, cuối cùng, tôi cũng rời khỏi giường.

Khó khăn lắm tôi mới mặc được chiếc áo khoác vào, liếc mắt nhìn vào gương hầu như theo bản năng – vì tôi vẫn còn tự phụ (vain) về con người của mình – buộc lại khăn quàng cổ, chải lại tóc cho thẳng thơm và bắt đầu đến phòng vợ tôi. Sau cùng tôi cũng đến nơi, mặc dù khoảng cách dường như đã tăng lên kể từ lần cuối mà tôi đã đi theo lối ấy. Không ai nghe tiếng tôi, không ai thấy tôi vào. Mọi người đang xúm xít chung quanh giường Elizabeth, một số tôi tớ đang thì thào, viên thầy thuốc và người phụ tá ông ta với một cái chậu và quần áo đẫm máu, bà Langly, người đứng đầu đám tôi tớ và một con chó đang ngồi lo lắng đằng sau họ.

Con chó nhìn thấy tôi trước tiên, nó nhảy lên, chạy ủa về phía tôi. Khi tôi đẩy con chó ra khỏi tôi thì viên thầy thuốc bước lui lại.

244 – “Tôi e rằng...” hắn nói, rồi ngưng lại khi thấy tôi. Hắn tiến đến tôi, hai tay vịn vào nhau:

– “Thưa ông đây là một sự bất hạnh khủng khiếp, thật đáng buồn. Chao ôi, biết làm sao đây! Nhưng ai, ai nói với ông đấy? Ông đừng nên có mặt ở đây. Tôi không có ý kiến gì...”

Nhưng tôi không chú ý đến hắn. Nhìn qua vai hắn, tôi thấy gương mặt vợ tôi, bất động giữa đám gối chăn.



Giờ đây, ngôi nhà dường như rất tĩnh lặng vì tiếng líu lo tẻ nhạt của Elizabeth đã tắt mãi mãi. Hết ngày này sang ngày

khác tôi ngạc nhiên khi thấy nàng đã biến cho nàng thành tối cần thiết cho tôi biết bao nhiêu và tôi cũng nhớ nàng biết bao. Mặc dù đôi khi Elizabeth đã gây bức tức cho tôi ngoài sức chịu đựng, tuy thế Elizabeth đã thành công trong việc mang lại một thứ hạnh phúc thầm lặng (muted happiness) vào cuộc sống bị khuấy động của tôi. Thực ra tôi chưa bao giờ cảm kích các tính chất vĩ đại thực sự của Elizabeth nhiều như bây giờ khi tôi mất chúng: tính ân cần (thoughtfulness), đức kiên nhẫn, và bản chất tử tế của nàng.

Tôi trở nên cô đơn khủng khiếp, vì tôi có rất ít bạn bè ở Windstalls, và khi bị bệnh tật đánh ngã, tôi không còn giao du với ai nữa do tính kiêu hãnh. Tôi đã luôn luôn có một mối kinh sợ bệnh tật đến nỗi tôi tin rằng tất cả những bạn bè thuộc loại “khi vui thì vỗ tay vào, đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai” (fair-weather friends) xưa cũ ở London của tôi sẽ bị tôi chán ngấy đến cùng cực, nếu họ thực sự không quên chính tôi, cũng như tôi, tương tự như vậy, có lẽ tôi sẽ quên họ.

Nhưng nằm dài ở đây một mình, không có công việc gì, không có một chút gì, ngoại trừ viễn ảnh về một cái chết từ từ đến có lẽ vẫn còn xa: ngày tháng trống rỗng, quả thật không còn gì ghê sợ hơn nữa có thể hiện ra với một con người như tôi.

Về thực chất, tôi từng là một người ưa hoạt động; đàn ông đàn bà – nhất là đàn bà, đã là những quyển sách học tập (lesson books) của tôi, nhưng giờ đây, thành linh bị mất đi tất cả những gì từ trước đến giờ đã làm cho cuộc sống tôi dễ chịu – vì các bạn bè của Elizabeth cung cấp cho nàng tin tức về tất cả mọi chuyện phiếm mới nhất của thị trấn, và điều đó luôn luôn đã là hơi thở của sự sống đối với tôi, giờ đây tôi bắt buộc tìm khuây khỏa nơi những thứ khác.

Trong thư viện mà ông nội tôi – một người học rộng – để lại, có nhiều sách cổ chứa đầy các kiến thức lạ, chúng trở thành tài sản thừa kế chứa đầy minh triết và là niềm an ủi cho đứa cháu trai chưa ra đời này trong thời kỳ hoạn nạn của nó. Tôi bắt đầu đọc các sách này do hoàn toàn tuyệt vọng. Lúc đầu, trí óc tôi chưa quen, nên chẳng mấy chốc đâm chán, nhưng dần dà sự chú ý của tôi được khơi dậy. Nó bắt đầu hé mở cho tôi thấy rằng, mãi cho đến giờ, tôi đã bước đi trong cuộc đời giống như một người mù và điếc đối với thế giới thật sự quanh tôi. Tôi nghiệm ra rằng tôi biết rất ít hoặc không biết gì về các trào lưu tư tưởng vĩ đại và về các khám phá khoa học đang tràn ngập trên thế giới mà kẻ thường nhân không quan tâm đến. Tức tối trước sự phát hiện ra các kém cỏi của mình, tôi quyết định ngay tức khắc phải cải thiện sự thiếu kém của tôi mà tôi thấy rất không thích hợp đối với một người như tôi.

Giống như một con sốt, sự thôi thúc hướng về việc khám phá, sự thèm khát hiểu biết ăn sâu vào tôi, dường như là các cánh cửa mà Chân Ngã của tôi bị nhốt kín đằng sau đó, thành linh được mở tung. Chẳng mấy chốc giường ngủ của tôi được chất đống các sách cũ và mới. Tôi cố công trì chí đọc (waded through) tác phẩm của các triết gia Hume ⁽¹⁾ và Locke ⁽²⁾, vật lộn với các thần bí gia thời trung cổ (medieval Mystics)⁽³⁾ và vứt bỏ họ, kế đó chuyển trở lại với Aristotle ⁽⁴⁾

¹ David Hume (1711- 1776): Triết gia và sử gia Tô Cách Lan.

² John Lock (1632- 1704): Triết gia Anh.

³ Thời Trung Cổ (The Middle Ages): giai đoạn của lịch sử Âu Châu kéo dài từ lúc biến mất Đế Quốc La Mã (năm 476) đến lúc sụp đổ thành Constantinople (1453). (Tự điển Larousse 1994)

⁴ Aristotle (384 – 322 trước TC): Triết gia Hy Lạp, học trò của Plato, đứng đầu Phái Tiêu Dao (Peripathetic School, 355- 322).

và Plato ⁽¹⁾. Bacon ⁽²⁾ làm cho tôi say mê; về y học Browne không chỉ dẫn tôi được những gì mà tôi đã hy vọng. Đây đó đều có chỗ mơ hồ, khó hiểu, nhưng tôi không bận tâm lắm. Tôi quyết định tìm ra chân lý và cảm thấy rằng ở một nơi nào đó trong đám hỗn độn gồm các mâu thuẫn này tất phải có chân lý. Nhưng tôi luôn luôn quay lại với Plato, và đôi khi tôi dừng lại ở đó, hình dung ra Học Viện lý tưởng (ideal Academy) nơi mà bao con người cùng nhau bàn bạc các đề tài triết học một cách hòa nhã, lóe lên trước mắt tôi, và thấy chính tôi mong ước với một tiếc nuối phải chi tôi được sống ở đó và được tham dự vào việc thảo luận hữu ích đó.

Cho dù lúc đầu tôi khó biết được điều đó, trọn cả cuộc đời tôi đang thay đổi bởi các sách mà tôi đã tìm thấy này.

246 Khi Elizabeth còn sống, tôi đã thức dậy mỗi ngày với một cảm giác lo sợ với những giờ kéo dài lê thê trước mắt; còn giờ đây ngay cả những đêm mất ngủ cũng không làm tôi e sợ nữa...

Thực ra dường như mọi năng lượng bao la mà từ trước đến giờ tôi đã phung phí trong các cách dùng thông thường của đời sống, trong cảm xúc và dục vọng, không còn tập trung vào thân xác suy yếu của tôi nữa, mà từ từ được phóng thích qua nỗi đau và sự tan rã (disintegration) của xác thịt, để chuyển vào các sự việc trừu tượng, khó thấy hơn (more intangible) tuy nhiên lại bền bỉ hơn.

Tôi cũng bắt đầu ghi chép lại. Tôi thu thập ý tưởng mà mọi kiến thức này, tức là các suy diễn nhiều mặt này, nếu có

¹ Plato (427 ? – 347 ? trước TC): tên ban đầu là Aristocles, được đặt Plato vì ông có vai rộng. Triết gia Hy Lạp, môn đồ của Socrates, thầy của Aristotle. Điểm đạo đồ.

² Roger Bacon (1214 - 1294): Triết gia và khoa học gia Anh

bất cứ chân lý căn bản nào trong đó về bất cứ mặt nào, cũng sẽ có thể sàng lọc và kết nối bằng cách thức nào đó để cuối cùng các chân lý cơ bản – nếu quả thật có các chân lý đó – sẽ hiện ra. Tôi trở nên bị thu hút vào công việc này đến mức mà ý tưởng về ngày chấm dứt đời tôi mà nhiều lần tôi đã tìm kiếm và cầu xin cho mau tới, giờ đây trở nên không thể chịu nổi nữa (intolerable). Thực vậy, cuộc sống của tôi giờ đây là một cuộc chạy đua với thần chết. Trong nhiều giờ, đôi khi nhiều ngày liên tục, thần chết cười với tôi; lúc bấy giờ tôi trở nên trơ lì với sự đau đớn, chỉ mỗi chỗ thịt bị hành hạ mới thấy không thể dùng để suy tư được mà thôi. Tuy nhiên các khoảnh khắc mà con đau dịu đi mới quý báu hơn.

Có một lần tôi nói với con chó tai cụp, nó thường ở bên cạnh tôi khi nó không có gì lý thú hơn để làm ở nơi khác:

– Caesar này, mi có hiểu những gì mà hiện nay Basil đã làm cho ta hay không? Nếu không nhờ có hắn thì ta đã đi đến cuối cuộc đời mà không biết rằng vũ trụ này còn giữ được cái gì đó còn quan trọng hơn là Charles Carrington và bi kịch nhỏ bé của ông ấy nữa. Nếu biết được chỗ ở của Basil, ta sẽ viết thư tạ ơn hắn. Ôi chao – cái chuyện ta muốn chết!

Sau khi Elizabeth qua đời một thời gian, khi rừng cây nhuộm vàng và các cơn gió lớn quét qua ngôi nhà bằng những cơn thờ dài buồn bã, một ngày nọ, tôi đang đọc sách, nhưng lại bị quấy rầy bởi những tiếng la hét từ xa, tiếng gào của những gì dường như là đám đông giận dữ: chính là một âm thanh mà vì một lý do nào đó không rõ, luôn luôn làm cho tôi ớn lạnh xương sống vì sợ. Tôi cau mày, nhìn về phía cửa sổ.

– “Chuyện gì đây?” Tôi lo lắng nói thầm. Tôi kéo dây chuông, chờ đợi. Sau đó vì không có ai trả lời, tôi quay lại đọc sách, và chẳng mấy chốc chìm đắm vào việc suy tư đến nỗi

không để ý lúc cánh cửa được mở ra và một trong các người giúp việc bước vào phòng. Người này đến trước mặt và tôi nhìn lên.

– “Này,” tôi hỏi, “có gì mà ngoài vườn ồn ào thế kia? Chúng ta bắt đầu bắt chước người Pháp rồi sao? Có phải ta rất có thể bị treo cổ hay không?”

Tên người nhà đáp:

– “Đó là dân làng, họ đang đuổi theo một người đàn ông, ông ta đang trốn ở đây. Họ đang điên cuồng giận dữ—họ sẽ giết ông ta nếu tóm được ông ta. Ông ấy đang trốn trong bếp. Bà Langley để ông ta ở đấy. Ông ấy nói ông chủ biết ông ấy và cầu xin ông chủ che chở. Ông ta tên là Nathaniel Chalmers...”

Tôi đánh rơi quyển sách, chửi thề, trừng mắt nhìn tên người nhà.

– “Nathaniel Chalmers ư...?”

Tôi hít vào một hơi thở dài, nghiêng người về phía trước.

– “Người bảo sao, dân làng đang đuổi theo ông ta, họ sẽ giết ông ta à? Và ông ta đang có mặt ở đây à?” Tôi phát ra một tiếng cười nhẹ, “sau bao năm nay, và người ta bảo không có Thượng Đế nào đáp ứng lời cầu nguyện!”

248 Tôi cúi đầu, ngồi thừ ra một lát. Trước mắt tôi, hiện ra cái thân hình bé nhỏ mềm mại, nằm trên cánh giữa hai người khiêng, mặt mũi họ đầy nước mắt, còn Elizabeth gần như ngất xỉu dưới chân tôi. Nhưng tôi không khóc. Thay vào đó tôi khấn với đấng quyền năng nào đó đang lắng nghe lời nguyện của con người: “Xin cho con cơ hội để chính con trả thù; xin đặt mạng hắn vào tay con để con có thể lấy máu đổi máu.”

Việc đó xảy ra cách nay nhiều năm rồi; giờ đây lời nguyên của tôi mới được đáp ứng. Tôi ngược nhìn lên:

– “Người nghĩ rằng dân làng sẽ giết ông ta phải không?”

– “Tôi cho là họ sẽ xé ông ta thành từng mảnh nữa đấy. Tôi nghĩ chỉ cần vài cú đánh ông ta cũng đủ chết rồi; ông ấy giờ chỉ như là hình nộm bằng rom (scarecrow) thôi.”

– “Nhưng ông ta đã làm chuyện gì vậy?”

– “Ông ta thuyết giảng trước dân làng (preaching at ‘em), nhưng dân làng không ưa những chuyện đó. Ông ta hô hào tự do; dân làng cho là ông ta học đòi theo nước Pháp. Dân trong vùng không cần loại tự do đó ở đây.”

– “Tại sao họ phải đòi tự do chứ? Ta không bao giờ hạn chế họ kia mà.”

Tôi nhắm mắt lại, ngã người ra sau. “Xé lão thành từng mảnh ư?” Tôi nói thầm. Bị xé xác, ôi ta biết việc đó như thế nào rồi; nhưng bị đám đông...tay bấu chặt, da thịt vụn vụn vì đau đớn, tiếng hét kinh hoàng vì đau. Dường như tôi cũng có biết những thứ đó, những tiếng hét kinh hoàng (screams) này, nhưng làm thế nào mà biết được thì tôi đành chịu thua không thể nói được; đó là cảm giác quen thuộc đầy kinh hoàng, với tiếng hét khủng khiếp (blood-cry) của một đám đông hỗn loạn điên cuồng. Nó làm tôi ớn lạnh.

Thôi, đây quả là một sự trả thù đủ để làm vừa lòng bất cứ ai rồi. Trả thù – nhưng cho cái gì đây? Lạ thật, tôi không thể sống lại (recapture) cái tâm trạng cũ đó. Những gì mà Nathaniel đã làm – những gì mà có thể bất cứ ai đã từng làm – đủ tệ hại để xứng với bất cứ đau khổ nào rồi, chớ đừng nói là đau khổ như thế này, có phải thế không?

Chạy thực mạng với đám đông rượt theo bấn gót chẳng đủ thấy kinh hoàng sao...

Bất ngờ nổi thương xót lớn lao tràn ngập trong lòng tôi, nhấn chìm mọi cảm phần, oán thù của tôi xuống.

– “Hắn là ông ta đã dở sống dở chết rồi, ôi ông già khốn khổ,” tôi nhận ra mình buột miệng nói thế. “Mau gọi mấy tên giữ ngựa cho ta và bảo họ lấy roi lừa bầy chó dữ vào chuồng. Bảo với dân làng rằng nếu họ dám chạm đến một sợi tóc trên đầu của bất cứ người nào nơi đây, ta sẽ đuổi họ ra khỏi đất thuê (holdings) và nhà cửa của họ không chừa một ai hết (neck and crop). Ông Chúa, ta là chủ đất (landlord) của họ và có quyền làm điều đó! Hãy cho Nathaniel ăn uống và nghỉ ngơi đầy đủ, và nói với ông ấy rằng ta rất vui mừng mà gặp ông ấy khi nào ông ấy nghỉ ngơi xong.”

Nathaniel... Tôi đã thù ghét ông ta biết là bao! Tôi đã sống với oán thù. Còn giờ đây bất ngờ oán thù đã tiêu tan chấm dứt rồi. Và tôi biết rằng tôi trở nên sung sướng. Tôi nghĩ thầm ông ấy hẳn đã già rồi và đau ốm nữa. Có lẽ ông ấy đến đây với hy vọng gặp được Adela ông ấy cũng thương bà ấy đấy chứ, nhưng ông ta có hơi nông nổi (daft) – đó không phải là lỗi ông ta. Ông ta không biết rằng cả hai đều đã chết – hồi ông già khốn khổ (poor devil), muộn quá rồi, điều dĩ nhiên thôi, cuộc đời luôn luôn éo le mà. Rồi đây ông sẽ trở thành kẻ cùng hội cùng thuyền (company) với tôi mà thôi. Tôi còn nhớ, ông không phải là kẻ ngốc (fool), chỉ có tính dở hơi (1) mà thôi. Đôi mắt tôi nhìn xuống quyển sách rớt trước mặt tôi: Marcus Aurelius... Tôn giáo đã từng là nỗi ám ảnh đối với ông ta; kỳ lạ thay, giờ đây tôn giáo hầu như đã trở thành một với tôi. Nhưng là một thứ tôn giáo khác hẳn. Tôi cười với chính mình: “Tôi sẽ nói với ông ấy thế này: tôi tin rằng chúng ta sẽ sống trở lại trong xác thịt. Trong bất luận

¹ Madness: tính ngông cuồng, tính dở hơi, gàn dở, “mát mát”.

trường hợp nào đi nữa đó là một lý do cũng nhạy cảm như phần đông lý do đối với mọi cái ngớ ngẩn (stupidities) của số phận. Ông ấy sẽ phản đối lắm đây! Nhưng giá mà ông ta không phản đối (rant, chỉ trích) quá âm ỉ, thì có lẽ sẽ vui hơn. Có sẵn nhà tranh của Adela đây, nếu thích, ông ấy có thể sống ở đó, giá mà ông ta sẽ bằng lòng ở lại với tôi thì hay hơn. Tôi còn nhớ ông ta thuộc hạng người kiêu hãnh, nhưng ông ta vẫn có thể thay đổi, tất cả chúng ta đều có thể bớt gay gắt đi một chút, tôi tin thế, mặc dù hầu hết chúng ta đều quá tự phụ không thừa nhận điều đó. Tôi tin chắc sẽ có thể thuyết phục ông ta chọn cơ hội để có được đôi chút an nhàn và thư thái cho những ngày cuối đời...”



Ở một số mặt, tôi vẫn còn gần với nhân vật Charles biết bao, tuy vậy vẫn còn cách xa một cách kỳ lạ biết bao. Có một hố ngăn cách giữa tâm trạng (mentality, não trạng) của Charles và tâm trạng của tôi. Tuy nhiên khi tôi nghĩ đến thuở còn trẻ con trong kiếp hiện tại này, tôi dường như cảm nhận được đó là một tên Charles được tạo ra theo mô hình thu nhỏ. Các nhược điểm mà hắn đã trải qua tất cả vẫn còn quá rõ rệt, nhưng nhiều tính chất mà nơi hắn chỉ là các tiềm năng, thì nơi tôi được biểu lộ tức khắc vào lần này dưới hình thức các tính chất rõ rệt. Dù sao đi nữa cũng không cần đến một lần luân hồi dài khác đây đau khổ và lỗi lầm để giúp tôi nhận biết mục tiêu cần phải đạt của tôi là gì và những gì tôi phải quyết định học cho được ở lần này.

Ung thư! Phải cần đến nó mới biến đổi Charles từ một người vô tích sự, vô mục đích, nhìn cuộc đời bằng con mắt đắng cay, hằn học (embittered), trở thành một người đi tìm

minh triết. Ung thư (cancer)... Bất thành linh một hình ảnh về cảnh thấy được ở Ngôi Đền trong Động (Cave Temple) lúc ở Ai Cập lóe lên trong óc tôi làm tôi nhớ lại sinh vật kinh khủng giống hình con cua mà tôi đã thấy ở đó. Lúc đó tôi hiểu ngay rằng một ngày nào đó tôi sẽ phải thu hút sinh vật đó vào chính tôi nhưng không biết rằng khi cái ngày đó đến, nó lại trở thành một chuyện tốt lành (a blessing) cho tôi chứ không phải là một tai họa (a Curse). Quả thật có lần thầy tôi dạy : *“Không có điều gì xấu xa (evil) trừ những gì mà con người tạo ra do sự thiếu hiểu biết của chính mình”*, trong khi một Đức Thầy còn cao hơn cả Ngài có đưa ra cùng một chân lý khi nói rằng *mọi sự việc đều cùng diễn biến theo hướng tốt lành (good) cho những ai biết kính yêu Thượng Đế*. Phúc thật, tôi chưa biết rõ thế nào là yêu kính Thượng Đế, nhưng có lẽ việc tìm kiếm chân lý và minh triết là một hình thức của lòng yêu kính đó.

Lúc bấy giờ tôi nhớ lại có lần Thầy tôi dạy cho tôi biết về nguyên nhân nghiệp quả của một vài thứ bệnh và mối liên hệ giữa các bệnh tật với chu kỳ thời gian, mà tôi không có chỗ để viết ra đây, Ngài giải thích lý do về sự tràn lan của bệnh ung thư trong thời của chúng ta, nêu ra sự liên hệ chặt chẽ giữa loại bệnh đặc biệt này với việc dùng một vài hình thức tà thuật trong quá khứ. Ngài cũng dạy tôi rằng khi nào chất độc hại (poisonous substance) mà tà thuật tạo ra, chưa được thu hút và được chuyển hóa qua cơ thể con người, thì một số giai đoạn tiến hóa không thể đạt được. Ngài có nói hiện nay công việc này đang được tiến hành một cách nhanh chóng. Một số linh hồn tiến hóa cao, dưới hình thức hành động sùng tín, tình nguyện nhận lấy những chất như thế vào trong thể xác của chính họ để chuyển hóa chúng, như thế hy sinh cá nhân mình cho lợi ích chung. Chỉ khi nào tiến trình chuyển hóa

tổng quát này đã đạt tới một giai đoạn cao thì việc chữa trị thực sự bệnh ung thư mới được khám phá ra (discovered).

251 Về trường hợp tôi, không có động lực cao quý như thế. Chất độc hại (poisoned substance) do chính tôi tạo ra, chỉ khi nào tôi đưa hết chất độc hại đó vào tận vật chất hồng trần (physical matter) và ít nhất phải xua tan (dispersed) và thanh luyện nó tới một mức độ tối thiểu nào đó, nó mới không còn ở trong bất cứ thể nào của tôi nữa để tiếp tục tạo thành một chướng ngại và là nguồn gốc ngấm ngấm (potential source) của đau yếu và hoạn nạn.

Tuy nhiên, khi nhìn trở lại, tôi thấy rằng cho dù việc cố gắng này dường như có tính cách cá nhân, nó không chỉ có lợi cho chính tôi, vì xuyên qua các kết quả của việc đau khổ đó, chắc chắn là tôi đã có đủ khôn ngoan để hiểu được một Nathaniel kém may mắn, để tha thứ và có thể trợ giúp ông ấy nữa. Thấy tôi xác nhận điều này.

– “Thậm chí con còn mang lại cho ông ấy cái hương vị của triết học nữa, và nhờ thế giải thoát cho ông ta ra khỏi nhiều thành kiến, vì các thành kiến này sẽ ngăn trở ông ta lần nữa trong kiếp tới nếu ông ta không hóa giải được hết chúng trước khi qua đời. Thật là một thành quả lớn lao.”

Tôi hỏi với một ít ngạc nhiên:

– “Có phải người ta bước vào kiếp sống mới đúng ngay chỗ mà người ta rời bỏ kiếp sống cũ hay không thưa Thầy?”

– “Đúng vậy, không hề có các gián đoạn – cũng như không có các nhảy vọt trong cơ tiến hóa ngoại trừ khoảng thời gian tất nhiên phải để trôi qua trước khi xác thân mới đạt đến tuổi mà các năng lực đã hoạch định được trong tiền kiếp

có thể biểu lộ ⁽¹⁾. Nếu điều này được quảng đại quần chúng hiểu rõ, thì người lớn tuổi sẽ có một quan điểm hoàn toàn khác về những ngày cuối đời của họ và không còn phí rất nhiều thời gian đi ngược vào quá khứ, mà họ nên tổng hợp lại các kinh nghiệm của họ và tự mình hướng tới tương lai. Cả con lẫn Nathaniel đều làm được chuyện này và rút được kinh nghiệm một cách đáng kể vào những năm cuối cùng này, khi mà do hoàn cảnh bắt buộc, tự con *trở nên hướng nội*.”

– “Nathaniel có phải là một kẻ thù từ tiền kiếp của con không?” Tôi hỏi.

– “Phải, Adela cũng thế, nhưng ở một mức nhẹ hơn. Cả hai đã hợp tác với con vào việc tập luyện tà thuật ở thời Atlantis và cũng đang nỗ lực chiến đấu với các tinh linh (elementals) mà họ đã trục triệu về (invoked) vào thời đó, và các tinh linh này đang ám nhập (obsessing) vào cả hai người, đẩy (driving) Adela đến chỗ sa vào rượu chè (drunkenness) và đến chỗ phạm tội, còn Nathaniel bị đẩy đến tình trạng mất quân bình (unbalance condition) đến nỗi ông ta trở nên gần như thiếu sáng suốt (practically insane). Con phải thanh toán các món nợ cũ của con đối với họ vào lúc đó và Chân Ngã (Higher Self) của con nắm lấy cơ hội này và bắt buộc con phụng sự cả hai như con đã làm.”

– “Nhưng tại sao,” tôi hỏi, “một tinh linh thời Atlantis lại có thể đẩy một con người đến tình trạng cuồng giáo⁽²⁾”

¹ Theo cách giải thích của Chân Sư thì thời gian chưa đến tuổi trưởng thành không nên bị xem là thời gian gián đoạn nữa theo quan điểm thông thường– (ND).

² Cuồng giáo : tin vào tôn giáo đến mức quá lối, thiếu sáng suốt, thiếu phân biện.

(religious mania) như thế được? Dường như không thích hợp lắm (a little incongruous)."

– "Nathaniel thực tình cố gắng chống lại tà lực, nhưng thường thường khi có cái gì quá mức trong một kiếp sống, thì phạm ngã – vẫn còn khắc sâu vết nhơ trong quá khứ của nó – sẽ quay sang thái cực đối nghịch (opposite extreme) để cố gắng điều chỉnh lại mức thăng bằng, giống như con đã làm trong kiếp ở Ý. Những người như thế trở thành các nhà cải cách nhiệt tình nhất. Thí dụ các nhà theo chủ nghĩa xã hội mãnh liệt cuồng bạo (violent socialists) thường là những người đã từng chà đạp thô bạo giai cấp công nhân trong một kiếp trước, còn bây giờ – vì chưa có được tính phân biệt trong thời gian chuyển tiếp (interval) – trong khi quyết tâm trợ giúp người nghèo, họ sẵn sàng chà đạp (crush) mọi người khác cũng theo cách thô bạo như trước kia!

Những kẻ cuồng tín trong tôn giáo (religious fanatics) cũng có thể là những người phản kháng lại một loạt các kiếp sống phúng túng (licentious) và trụy lạc (immoral) trước kia của họ; hậu quả là họ cảm thấy bị thôi thúc phải cố gắng và ngăn chặn (deter) cho những kẻ khác khỏi rơi vào vào các lỗi lầm tương tự như lỗi lầm của chính họ. Nhưng điều không may là không phải luôn luôn như thế; thái độ cuồng tín (fanaticism) có thể là kết quả của tính cao ngạo (vanity) và vô minh (ignorance) vốn là cội rễ của rất nhiều sai trái, độc ác và hung bạo. Những kẻ cuồng tín như thế làm hại cho tôn giáo của họ còn nhiều hơn là kẻ thù của tôn giáo đó, do chỗ các Lực Lượng Hắc Ám (Dark Forces) sử dụng những kẻ cuồng tín xuyên qua các nhược điểm (weaknesses) của họ vào mục tiêu này. Vị Chân Tu cao cả (great Adept)⁽¹⁾ – mà xuyên qua

¹ Tức là Đức Jesus lúc chưa là Chân Sư – (ND)

Ngài, Đức Christ biểu lộ minh triết- đã mở ra hy vọng trước mắt cho mọi người trừ những kẻ đạo đức giả quá sốt sắng. Ngài biết rằng kẻ nào mạnh mẽ lên án những sai lầm của người khác thì thường là kẻ đó có các nhược điểm tương tự; bằng cách phê phán các nhược điểm đó, tức là người đó chỉ cố tách chính mình ra khỏi cái mà y vẫn còn ngấm ngấm bị thu hút vào. Có thể là trong kiếp tới, người đó sẽ trở thành nạn nhân của chính các tật xấu này và từ đó về sau sẽ phát triển sự cảm thông (understanding), lòng thương hại (pity) và tình thương bằng cách chính mình trở thành một người sống ngoài lề xã hội (outcast) và bước đi bên cạnh kẻ tội lỗi. Do đó, 253 tốt hơn hết là đừng bao giờ lên án ai, vì con không thể biết được loại nghiệp quả khó khăn nào mà họ dũng cảm quyết định thanh toán, cũng như không thể biết được các lực nào dàn ra chống lại họ trong những nơi sâu thẳm của bản thể họ, nơi mà con mắt của thường nhân không thể nhìn thấu.

Trên cõi hồng trần chỉ có một phần rất nhỏ của bản chất con người và của những gì mà con người đang nỗ lực để đạt cho được, là có thể nhận thức được, do đó bao giờ cũng cần có sự hiểu biết rộng rãi hơn để hướng dẫn trẻ con bướng bỉnh (wayward children). Các nhà tâm lý trị liệu (psychotherapists) của thời nay nhận thức được điều này và đang tìm cách mở ra cho nhân loại cánh cửa tự do thông qua công thức huyền linh vĩ đại: *Con Người – người hãy tự biết chính mình (Man-know thyself)*. Nhưng vẫn còn cần nhiều hơn thế nữa. Trong tương lai khi các nhà nghiên cứu sư phạm (educationalists) và các nhà chữa trị (healers) có thể mở được nhãn thông bậc cao (higher clairvoyance) và có thể nhận biết được tình trạng đích thực của các huynh đệ trong cơn hoạn nạn, thì một thay đổi lớn lao sẽ xảy ra vượt qua tất cả các phương pháp được dùng hiện nay, cả đối với việc chữa trị

bệnh nhân tâm thần, lẫn những bệnh nhân dễ có khuynh hướng phạm tội. *Nhưng điều thiết yếu cho việc phát triển này là Định Luật Nghiệp Quả và Định Luật Luân Hồi cần được công nhận và nghiên cứu một cách rộng rãi* hơn là từ trước đến giờ. Khi định luật đó được dạy ra – như nó sẽ được dạy sau này – từ lúc đầu của tuổi ấu thơ, và xem xét kỹ mọi hoàn cảnh của cuộc sống, thì con người sẽ không còn tiếp tục chịu đau khổ do mù tịt không biết được nguồn gốc của đau khổ, vì thế có tâm trạng phản kháng chống lại sự ép buộc bề ngoài có vẻ độc ác vì sống trong một thế giới mà họ cho là bị cai quản bởi định mệnh mù quáng, hoặc là bởi một Thượng Đế tâm tính hay thay đổi (capricious god).

Hãy xem lại kiếp sống trước của chính con và cái chết đau đớn của con trai con. Biết bao nhiêu cha mẹ đã nguyên rủa Thượng Đế trước sự mất mát như thế y như con đã làm lúc đó. Không có hai nguyên nhân nào có thể hoàn toàn giống nhau, nhưng đằng sau các nguyên nhân đó, tất cả đều theo Thiên Luật. Con trai của con là một linh hồn thuộc nhóm của con. Lần này con yêu thương nó thật là đầy đủ, nhưng đó là loại tình thương sai lầm, ích kỷ, có tính cách chiếm hữu (possessive), rất thiếu quân bình đến chỗ gần như có tính chất tội lỗi. Con sẽ không bao giờ để thằng bé sống một cuộc sống của riêng nó, không bao giờ để cho nó có cơ hội phát triển riêng của nó mà nó rất cần, vì thế ngay từ lúc đầu, hiển nhiên là các Đấng theo dõi con trong cuộc thử thách này thấy rằng, giống như rất nhiều cha mẹ khác, con định tâm sống lại đời

254 con xuyên qua đứa trẻ. Vì lẽ đó, thằng bé không đáng chịu đau khổ do sự thương yêu độc đoán, sự ghen tỵ như thế. Thêm nữa, vì con vẫn chưa thích hợp để được hưởng niềm vui và trách nhiệm của một sự tiếp xúc như thế, nên đưa bé

bị lấy đi, thật may mắn cho nó, đồng thời may mắn cho con nữa.”

– “Đó là lần thứ ba con đã làm hỏng nhóm của con bằng tình thương.” Tôi lên tiếng.

– “Đúng thế, đó là một trong các thử thách khó nhất, nó đòi hỏi sự gắng sức tối đa của một người. Nhưng cuộc thử thách phải được vượt qua. Vấn đề về tình thương này sẽ quay trở lại cho đến khi con nhất định giải quyết cho xong, vì không một ai được phép tránh né các khó khăn của mình. Hãy nhìn lại một vài kiếp sống mà con đã được thấy, con phải nhận thức là cùng một vấn đề mà nó cứ hiện đi hiện lại với con người biết bao lần. Thoát khỏi tình trạng nô lệ bằng cách bẻ gãy xiềng xích không hẳn là thoát; điều đó chỉ có nghĩa là chuyển tình trạng nô lệ (bondage) đến một thời điểm khác, khi đó nó có thể trở nên phức tạp và khó khăn hơn do có thêm sự kiện khác nữa; vì tình trạng nô lệ đó, – vốn là kết quả của tự do ý chí của con người – là một phần của Định Luật bất biến của chính bản thể của người ấy. Không một ai có thể thoát khỏi chính mình, như là con đã nhận ra ở Ai Cập – không, cho dù người đó trốn chạy đến tận cùng trái đất – vì cái ngã đó là một phần của Sự Sống duy nhất. Do đó càng sớm nhận ra điều này và đối mặt với Karma của mình thì càng tốt cho con người hơn. Trong kiếp sống ở thế kỷ 18 của con, con đã đối mặt với nhiều vấn đề của quá khứ và đã giải quyết được chúng. Con đã tha thứ cho người vợ lầm lạc của con, tha mạng người tình của vợ con và tỏ ra thương hại kẻ thù của con là Adela và Nathaniel, đó là một sự tiến bộ thực sự.

Lần này con đã quay lại quyết định trang trải càng nhiều càng tốt các món nợ cấp bách khác đã mắc phải trong quá khứ do sự chệnh mảng, tàn bạo hay vô minh – mà sau này

con đã nhận ra được một số. Chỉ khi nào công việc này được hoàn tất thì con mới có thể tiến tới theo cách con mong muốn.

255 Mỗi liên hệ của con với Elizabeth đã để lại sự bất toàn, thế nên con được sinh ra trong cùng gia đình như cô ta, và chính cô ta, dưới một hình thức mới, người mà con luôn luôn cảm thấy có một thôi thúc sâu xa phải phụng sự và bảo vệ. Lúc đó, cả hai đều làm thất vọng lẫn nhau, nhưng mặc dầu con tha thứ cho Elizabeth, con là người phạm lỗi nặng hơn, vì sự sa ngã của Elizabeth phần lớn là do sự chênh lệch của con; do đó lần này chính con, kẻ được kêu gọi thực hiện sự hy sinh lớn lao hơn.

Dù cho đôi lúc có xảy ra phản kháng (rebellion), con vẫn tin rằng việc phụng sự này là cách phát triển lớn lao về mặt huyền linh, đem lại các kinh nghiệm rộng lớn hơn và cái tự do mà con luôn luôn thèm muốn, may mắn cho con, lúc đó tình thương giữ con lại trong khi một mình nhiệm vụ có thể không làm được, chuyển nhiệm vụ (duty) thành tự nguyện hy sinh. Những gì mà con luôn luôn tưởng là chướng ngại, thực ra lại là chính cái chìa khóa đưa con tới cánh cửa mà con muốn mở. Nếu con không cố gắng làm hoàn thiện mối liên hệ này và tìm cách tạo ra sự hài hòa ở nơi mà trước kia có sự căng thẳng (tension), thì trong kiếp này, không bao giờ con được phép tiếp xúc với chúng ta. Vì hầu như luôn luôn một sự việc tầm thường (commonplace) và các sự kiện cùng các vấn đề thường bị coi thường (despised) của cuộc sống hằng ngày, lại được các Huấn Sư ở trên các Nội Cảnh Giới (Inner Planes) sử dụng để thử nghiệm những người tìm đạo muốn đi trên Con Đường Minh Triết. Người nào không thể đối phó một cách khôn khéo với các chuyện nhỏ, thì chưa thích hợp để đảm trách công việc cần có các nỗ lực bền bỉ hơn mà chắc chắn sẽ được đòi hỏi nơi y. Thực ra đôi khi các khó khăn

được cố tình đưa vào con đường của y ngõ hầu thử thách sức mạnh của đạo tâm (aspiration) của y và để khảo sát xem y sẽ giải quyết như thế nào để đạt tới mục đích của y mà không gì sẽ làm lay chuyển quyết tâm của y, cũng như không làm cho y bị chùn bước (falter).

Như vậy con có thể nhớ lại vì sao mà trong nhiều năm, con thực hành tham thiền mà không có kết quả rõ rệt nào; con gặp biết bao khó khăn để thu thập bất cứ thông tin nào về huyền học đến nỗi con bị bắt buộc tìm kiếm nó trong nội tâm, và làm thế nào mà trong cuộc sống hằng ngày, con phải tranh đấu dai dẳng mà không có sự trợ giúp nào và thường không có bạn bè. Đây là mọi giai đoạn luyện tập cho con và là một chuẩn bị cho những gì đã xảy ra thời đó, mặc dù con không nhận biết điều đó theo đúng nghĩa của nó. Vấn đề nằm ở chỗ là con người bị hoang mang bởi con xoáy của hoạt động ở cõi trần mà y bị chìm trong đó đến nỗi con người có khuynh hướng dựng lên một thang giá trị hoàn toàn giả tạo.

Thực ra con người giống như kẻ đang dệt một tấm thảm trên một khung cửi (loom) cực lớn; y đang làm việc sát với tấm thảm đó quá, y bị thu hút vào việc đưa con thoi (shuttle) qua lại trên cái khoảng cách quá nhỏ của y, đến nỗi y không thể nhận ra cái đẹp và cái vĩ đại của toàn thể tấm thảm. Tuy nhiên cái chính yếu là y nên làm như thế. Một trong các khó khăn mà tất cả mọi người làm việc mắc phải là họ bị trói buộc bởi các quan niệm sai lầm của thời gian và không gian. Tuy nhiên thậm chí các khám phá của các nhà khoa học ở thời của con sẽ giúp con thấy rõ rằng thời gian và không gian không còn tồn tại đối với kẻ nào có thể mở rộng tầm nhìn của mình, tách xa khỏi chi tiết làm rối trí và nhìn được cái tổng thể (the whole). Hiện tại, do chỉ có được cái nhìn từng phần mà các giới hạn của sự phát triển của con người đặt lên y, con người

vẫn còn thấy các kiếp sống, các nhân vật và các biến cố như là những mảnh vỡ rời rạc, có chút ít hoặc không có liên hệ gì với nhau. Nhưng không hề có chỗ đứt gãy nào trong sự liên tục đó cả, không hề có sự tổn thương (lesion) nào ở bất cứ nơi đâu. Chỉ có *một sự sống duy nhất, một tâm thức duy nhất, một biểu lộ tốt cùng duy nhất*. Muốn hiểu được điều này, không phải thuần về lý thuyết (academically), mà bằng một cách thức sao cho nó nhuộm màu toàn bộ quan điểm của y, thấm nhuần tất cả các hoạt động của y, tạo hứng cảm cho mọi tư tưởng, hướng dẫn mọi hành động, là mục đích tối hậu của con người. Chỉ khi nào con người đã làm được điều này, y mới không còn tiếp tục bị giới hạn bởi ảo tưởng tốt cùng của Tính Chia Rẽ (Separateness) và mới không còn bị ràng buộc vào Vòng Luân Hồi nữa."



Đoạn Kết

Tôi ngồi một mình dưới chân của thập tự giá bằng gỗ sồi sài đánh dấu một đỉnh núi ở Trung Âu. Chung quanh tôi là cảnh hoang phế với các tảng đá rải rác xen với những đám hoa rực rỡ vùng núi Alpes. Bên dưới là thung lũng hẹp trải dài đang uốn lượn xa xa...

Một lát bởi cuộc leo núi vất vả trong cái nóng nung người, tôi nằm dài yên lặng, để cho tư tưởng chậm chạp trôi đi. Chắc chắn là tôi ở đây có mục đích gì đó, nhưng giờ đây tôi biết do kinh nghiệm là chuyện đó sẽ đến vào đúng lúc chứ không sớm hơn được.

258 Tư tưởng tôi trở ngược về những tuần lễ khi nhóm chúng tôi đã tạo lại trong giây lát cái thế giới đã mất khi bị nước tràn ngập. Biết bao chuyện đã xảy đến cho chúng tôi kể từ thuở đó! Nhờ đã được thấy lại tiền kiếp, tất cả chúng tôi đều có những cách khác nhau để đối phó với nó, không phải theo cách kết hợp mà là riêng rẽ, vì trong thời Atlantis chúng tôi đã chọn con đường chia rẽ và chỉ có bây giờ mới bắt đầu hiểu được cái sức mạnh vốn nằm trong sự hợp nhất, nói cách khác là tình thương.

Nhưng các buổi gặp gỡ này trong một thời gian trở nên khó khăn hơn. Dĩ nhiên, mỗi người phải thanh toán nghiệp riêng của mình, phải chịu các thử thách và luyện tập khác nhau phù hợp với đường lối phát triển đặc biệt của mình. Mặt khác Karma của chúng tôi giống nhau một cách khác

thường. Tất cả chúng tôi đều có những giai đoạn bị bắt buộc cô đơn, nhiều chán nản, mất mát tiền tài, thanh toán qua dịch vụ nợ nần với các liên kết cá nhân khác nhau, cũng như có một số bệnh tật và căng thẳng tâm trí.

Vì tất cả chúng tôi đều bắt đầu một chu kỳ mới vào lúc đó nên các điều này tất nhiên là các mở đầu cho bất luận tiến bộ nào sau này.

Trong khi chú mục vào việc viết sách, tôi đã nhận được sự giúp đỡ không dám mơ đến và có được sự huấn luyện cật lực, tôi đã trở nên quen với việc tiếp nhận các mãnh lực này vốn được đưa vào để trợ giúp tôi... Nhưng đến một lúc tôi được cảnh báo rằng, đến lúc cần thiết, tôi phải thanh toán nhiều Karma một mình, đồng thời vận dụng các quyền năng mà tôi đã có, không được trợ giúp nữa, trước khi có thể được chọn bước xa hơn. Một cách từ từ, lúc đó các mãnh lực bắt đầu triệt thoái hầu như không thể nhận biết được, cho đến khi tôi thấy chính mình, không phải chỉ có một mình – nhờ những gì mà tôi đã làm, điều đó không thể xảy ra – nhưng chắc chắn là mất đi việc hiệp thông một cách hữu thức (conscious communion) với các huấn sư của tôi, do đó, một lần nữa phải trông cậy vào vốn liếng của chính mình. Thấy tôi có nói:

– “Từ trước đến giờ chúng ta đã cố gắng nhập xuống cõi giới của con và tiếp xúc với con, giờ đây con phải học cách nâng trí lên cao đến cõi chúng ta để tiếp xúc với chúng ta.”

Nhưng vào lúc đó, điều dường như khó hiểu nhất đối với tôi là quyền sách của tôi vẫn chưa hoàn tất. Làm gì đi nữa, tôi cũng không thể hoàn tất được tác phẩm mà tôi đã bắt đầu với nhiệt tình như thế và với sự tự tin như thế.

Như tôi đã nói, thời gian chuyển tiếp tràn đầy sự đấu tranh, thất vọng và các khó khăn. Thời gian chờ đợi dường

260

như quá dài và đôi khi tôi e ngại không bao giờ lại trải qua kinh nghiệm về cảm giác hợp nhất độc đáo đó mà không một mối thân hữu nào trong nhân loại có thể so sánh được bao giờ. Những gì tôi không hiểu được vào lúc đó là thế này, mọi sự việc đang hiện hữu đều được cai quản bởi định luật chu kỳ (law of cycles), cũng giống như các khuynh hướng bên trong (inner tides) của mức độ phát triển của con người; chẳng khác nào đợt sóng khi vươn cao tới đỉnh của nó (crest), lại tan vỡ ra thành bụi nước trải rộng ra và được nối tiếp theo sau bằng cách rút lui vào các chỗ sâu, sự tiến bộ của con người cũng giống như thế, sau khi tiến tới bằng một nỗ lực cực độ nào đó hoặc một kinh nghiệm quan trọng nào đó xuất phát từ một nguyên nhân trong quá khứ, rồi kể đó, làn sóng năng lượng đó tạm thời tan biến, rút lui vào cái mà đối với y, dường như là một thời kỳ ngơi nghỉ (rest) hoặc thậm chí bất động (inertia). Thực ra đây là một thời kỳ tạm ngưng để tích tụ năng lượng mới. Nó tuân theo nhịp điệu của sự sống vũ trụ. nhịp điệu của đêm và ngày, của sự sống và cái chết, của biến dịch vĩnh cửu (eternal becoming).

Những năm này là một thời kỳ thực nghiệm, trong đó tôi phải học cách làm thế nào để tổng hợp và áp dụng tri thức mà tôi đã nhận được trong cuộc sống thực tiễn. Sẵn sàng nhận và tỏ lòng biết ơn một món quà như giáo huấn này là một chuyện tương đối dễ dàng, nhưng áp dụng nó với sự phân biện, để điều chỉnh nó vào các tình huống hiện đại là một chuyện hoàn toàn khác.

Kẻ sơ cơ, thiếu kinh nghiệm và dễ bị nhầm lẫn bởi các tình huống mới mà y bị buộc phải đối mặt trong thời kỳ điều chỉnh này, phải bước đi một cách rất thận trọng, nếu y không muốn thấy chính mình ở trong cảnh khó xử...

Lúc bắt đầu giai đoạn này trong cuộc sống, tôi đôi khi nhận được thông tin sai, tôi chỉ có thể phát hiện sự chính xác bằng chính tôi.

Đừng nên quên rằng chính nhờ tiềm thức mà người ta có thể chịu ảnh hưởng dễ dàng nhất cho đến khi người ta học được cách tự điều hợp một cách hoàn hảo hơn với các rung động xuất phát từ siêu thức (superconscious mind) – nói rõ ra là từ linh hồn – và học được cách phân biệt giữa hai cái. Ở đây ẩn tàng nhiều nguy cơ, vì thực ra, tiềm thức chứa toàn bộ các yếu tố ngoài ý muốn bị bỏ quên từ các kinh nghiệm ở cõi trần trước kia của con người, không kể đến các kinh nghiệm mà chính con người gửi đến các vùng này (regions) của bản thể mình trong kiếp sống hiện tại, vốn chưa được đồng hóa (assimilated) và chuyển hóa (transmuted) do sự tác động của tâm thức cao.

Khi con người quyết tâm cố trèo lên cái có thể được gọi là ngọn núi tâm linh (spiritual mountain) và bắt đầu tích cực hợp tác với thiên luật thay vì chống lại, thì các nỗ lực của y thường có khuynh hướng làm kích động (galvanize) phần còn sót lại của quá khứ và đưa nó ra để được hóa giải. Giai đoạn này vô cùng cần thiết, bởi vì chỉ khi nào phần còn sót lại này được chuyển hóa ít nhất đến một mức độ nào đó, nó mới trở nên an toàn cho người tìm đạo để đạt tới minh triết thâm sâu hơn – và do đó đưa tới quyền năng cao siêu hơn – để tiến tới rất xa.

Được biết rằng trong một vài trường hợp, các mảnh lực từ quá khứ này có thể thực sự được những người có nhãn thông thấy được dưới hình thức một “kẻ trú ngụ” (“dweller”, tổng quả báo) như tôi được chỉ cho thấy ở Ai Cập. Nhưng thuật ngữ này có thể cũng có tính cách tượng trưng (symbolical) và thay thế cho các phức cảm chưa được giải

quyết và các hỗn loạn đen tối đang chi phối người tìm đạo từ vô thức. Tất cả chúng ta đều có các “tổng quả báo” như thế, như mọi bác sĩ tâm thần đều biết; các năng lực ở nơi các chỗ ẩn giấu của bản thể chúng ta lại thường tác động đến chúng ta nhiều hơn là chúng ta biết. Theo đó mà suy thì bất cứ cố gắng nào để gia tốc sự tiến hóa của chúng ta đều tất phải tạo ra phản ứng từ các mức độ còn sơ khai này (primitive levels) vốn chưa bị sát nhập vào phạm ngã chúng ta và đối kháng với các nỗ lực của chúng ta, khi chúng ta để cho linh hồn kiểm chế chúng ta.

262 Vào lúc hội nhập thì cố gắng này chuẩn bị cho một bước tiến kế tiếp đang xảy ra một cách rộng lớn hơn ngày nay, phần lớn nhờ bởi công việc của các nhà tiên phong trong tâm lý học, các vị này đang nỗ lực để thăm dò thế giới bên kia (underworld, thế giới của tiềm thức) này, đồng thời đưa các cư dân của thế giới đó vào ánh sáng nơi mà chân tướng của chúng mới có thể lộ ra, vì chỉ lúc bấy giờ chúng mới có thể được kiểm soát và được hướng dẫn đúng đắn. Khi điều này được hoàn thành thì chúng sẽ không còn có tính phá hoại và nguy hiểm nữa mà trở thành có giá trị khi liên kết với người tiến hóa. Chỉ khi nào con người học được cách biết và hiểu được chính mình, thì y mới có thể hy vọng thay đổi được chính mình, và chỉ khi nào con người thay đổi được toàn thể sự an trụ (polarization) của mình thì mới có được an toàn cho y khi dựa vào bất cứ năng lực ngoại cảm (extrasensory, vượt ngoài giác quan thông thường) hay là năng lực “huyền linh” (“occult” powers) mà y có thể phát triển, vì chúng tất nhiên sẽ bị nhuộm màu và bị lệch lạc bởi cái tiềm ngã (subterranean self) này mà y không biết làm cách nào kiểm soát hoặc kiểm chế.

Vì sự liên lạc bằng cơ bút này có ẩn mối nguy trong đó, nên việc triển khai phương pháp đó của tôi cần ngưng lại càng sớm càng tốt, vì đó là một trong các phương pháp mở ra cho các tà lực thâm nhập vào nhiều hơn bất cứ phương pháp nào khác, trong phương pháp này, thái độ thụ động hầu như là *một điều tối cần (a sine qua non)*. Đây là một sự mời gọi các tà lực xưa kia để cho chúng cố gắng lấy lại địa vị (footing) trong tiềm thức của đệ tử, mà một khi đạt được, chúng sẽ trở thành một đe dọa thường xuyên cho sự tiến bộ của đệ tử.

Ngay khi một người nào đó đưa ra một cố gắng thiết thực để làm cho chính mình thích hợp với việc phụng sự các Đấng Lãnh Đạo Tinh Thần (Spiritual Leaders) của nhân loại, thì tất nhiên người đó cũng thu hút sự chú ý của những kẻ đối kháng của các Ngài mà mục tiêu của chúng là ngăn chặn việc phát triển các phẩm tính cao trong con người.

Vì luật tác động và phản tác động có tác dụng trong mọi lãnh vực, suy ra rằng khi mãnh lực tích cực được tuôn xuống, tạo thành một xoáy năng lượng (vortex of energy) chung quanh vị đệ tử, tạo sự dễ dàng cho việc thông thương (communication) từ các cõi cao, thì một khoảng trống không (vacuum) bao giờ cũng theo sau, khi năng lượng đó được dùng hết. Trừ phi vị đệ tử biết được điều này và biết được biện pháp nào để tự bảo vệ lấy mình, các lực tiêu cực này (negative powers) – hay còn được gọi là tà lực – có thể biểu lộ và sự thông thương trong chỗ trống không được tạo ra như thế đó. Thậm chí chúng có thể tự tạo ra cái hình dáng của vị huấn sư cho những ai có thể thấy mà không thể kiểm chứng được linh thị (vision) của họ bằng cách cảm nhận tần số rung động đi kèm theo linh thị đó. Vì tốc độ rung động đặc thù cho thấy tính chất (character) của thực thể và không thể bị giả mạo (simulated).

Vì mỗi người đều có một huấn sư trên Chính Đạo (Right Hand Path), thế nên qua các lỗi lầm của y trong quá khứ, y hầu như luôn luôn vào một lúc nào đó tự mình nối kết với một ảnh hưởng nào đó thuộc tà phái (dark side), dĩ nhiên tà lực sẽ đưa ra mọi nỗ lực làm cho y bị lệch hướng, không đạt được thành công, và sẽ cố gắng làm lung lay đức tin của y và cám dỗ y vào những đường lối phát triển khác. Vì lý do này, thật là nguy hiểm cho ai chưa phải là đệ tử mà muốn giao tiếp được với một Đức Thầy. Hậu quả thông thường của các giao tiếp như thế – phần lớn được dựa trên sự vô minh và tính tự cao – là một “vị thầy” (“teacher”) sẽ xuất hiện, nhưng vị này có thể là một kẻ thù được cải trang, đem lại toàn là các phỉnh nịnh và hứa hẹn, sẽ có rắc rối cho người nào đại dột nghe theo một nhân vật như thế!

Do đó khả năng phân biệt giữa các tốc độ rung động tinh tế là điều đầu tiên mà một đệ tử cần phải học. Nhưng trước khi vị đệ tử có thể làm được việc này với một mức độ đáng tin nào đó, vị đệ tử cần phải phát triển một loại thiết bị (equipment) vốn có thể hoạt động như là một loại hộp cộng hưởng (sounding board) và có thể ghi lại các phóng phát (emanations) khác nhau này dường như là các độ dài sóng (wave lengths) của các Đấng Cao Cả muốn tiếp xúc với đệ tử. Việc nhận biết mức rung động của Đức Thầy là một trong các biện pháp an toàn lớn nhất trong công tác huyền linh, nhưng nó chỉ có thể được thiết lập khi đạt được một mức độ thành thạo nào đó trong việc kiểm chế thể trí đồng thời cũng có được năng lực điều khiển và nắm giữ nó tùy ý. Có thể cần một thời gian dài trước khi người ta có thể tuyệt đối biết chắc các tiếp xúc như thế, mặc dầu cái chắc chắn bên trong đó, vốn không thể chối cãi được, sẽ tăng lên theo việc thực hành.

264

Như vậy, mỗi giai đoạn phát triển của con người đều phải được trải nghiệm, thử thách và phán đoán dưới ánh sáng của kinh nghiệm. Lương tri thông thường, một sự quân bình về tình cảm, và trên hết một thái độ rất thụ nhận hướng về những gì được đặt tên một cách lỏng lẻo là “lương tâm” (“conscience”), là các chỉ dẫn tuyệt diệu xuyên qua bãi lầy của các khó khăn mà y bị lôi cuốn vào khi muốn vượt qua trong bất luận sự phát triển nhanh nào dành cho tính chất bén nhạy bên trong. Không gì đi ngược lại với sự hiểu biết bên trong của chính con người về cái đúng và cái sai mà nên được chấp nhận...

Đệ tử phải nên nhớ rằng mục đích của mình là làm việc cho nhân loại, không phải cho chính mình, bất chấp nhân loại, và trong khi đệ tử còn mang thể xác thì công việc này hiển nhiên là được dự định diễn ra trên cõi trần giữa các huynh đệ của y, một sự thật mà mặc dầu bề ngoài rất hiển nhiên, lại rất thường bị bỏ qua. Bất cứ thái độ nào có khuynh hướng làm giảm tầm quan trọng của cõi trần một cách quá đáng, để cho mọi biểu lộ ở cõi trần trở nên không thật và dường như kém giá trị, đều có thể chắc chắn xem như bị tạo ra (inspired) từ một nguồn cõi đáng nghi ngờ. Không một tri thức nào về các nội cảnh giới (inner planes), không một tiếp xúc nào với các tiền kiếp (past lives), không có các chuyến chu du nào (wanderings) vào các cõi ánh sáng (spheres of light), không có quyền năng nào, như nghe hoặc thấy, mà hữu ích tối thiểu cho vị đệ tử, trừ phi chúng giúp cho đệ tử có được sức mạnh lớn lao để làm việc lợi ích cho thế gian, trừ phi chúng giúp cho đệ tử đối phó một cách khôn ngoan với vô số các vấn đề nhỏ bé xuất phát trong chính cuộc sống của đệ tử và các vấn đề đó sẽ được đưa đẩy tới cho vị đệ tử ngày càng nhiều bởi những kẻ đang gặp sầu muộn khác; trừ phi

265 chúng dạy cho vị đệ tử biết tỏ ra dửng dưng (indifference) trước các tác động (blows, cú đánh) của Karma, và trên hết là vượt qua được sự bất hạnh (misfortune) và chuyển mọi kinh nghiệm thành tiến bộ và năng lực. Vị đệ tử có thể mất nhiều lần luân hồi trước khi y bắt đầu chiếu rọi ra một tia sáng huy hoàng của Ánh Sáng Nội Tâm (Light Within), trước khi sự luyện tập của y bắt đầu nhận được hiệu quả thực tiễn trong các lãnh vực rộng lớn hơn, nhưng các kết quả sẽ được thấy ngay trong phạm vi nhỏ bé của kiếp sống y trên cõi trần. Nếu y không thể trở thành một công dân có đức hạnh thì thật vô ích khi đòi hỏi chính y thành một nhà huyền linh học ưu tú. Mức tiến bộ về tâm linh và tư cách công dân kém đức hạnh không thể đi đôi với nhau.

Cái chân lý không thể bác bỏ của các nhận xét này mà Thầy tôi đã tạo ấn tượng cho tôi trước khi tôi được để cho, tạm gọi thế, tự giải quyết vấn đề của riêng tôi, tôi có được cơ hội để chứng minh nhiều lần.

Các nỗ lực của tôi để phát triển các năng lực cần thiết của thể xác và trí tuệ là nguyên nhân của nhiều khó khăn và một số lớn tình trạng sức khỏe kém cỏi. Nhưng không một ai có hy vọng tiến rất xa bằng cách phát triển một phần của chính mình nhờ vào bất cứ kẻ nào khác, và trong khi y có một dụng cụ không đáng tin ở cõi trần, y sẽ thấy chính mình bị cản trở ở mọi mặt; các nhóm chất (elements, yếu tố) yếu ớt và không ăn khớp (maladjusted) trong một thể xác luôn luôn là cội nguồn của nguy cơ tiềm tàng, nếu có bất luận sự căng thẳng quá mức nào đặt lên nó, mà trong huyền linh học, điều này rất có thể xảy ra, do đó trước khi bắt đầu công việc, điều rất thiết yếu đối với tôi là cố gắng cứu chữa các khiếm khuyết đó.

Có một lần Sư Phụ tôi nói: “Hãy nhớ rằng bất cứ nỗ lực nào cũng đều tạo ra kháng lực (resistance), và kháng lực trong cơ thể con người biểu lộ (register) dưới hình thức đau đớn (pain). Một phần lớn các đau đớn và sầu não xảy ra do bởi con người kháng lại Định Luật Nghiệp Quả và phản uất với các hoàn cảnh bắt buộc (necessities) mà luật ấy đặt lên con người. Vun trồng một tâm trí thẳng bằng và một nhân sinh quan hợp lý (reasonable outlook) sẽ làm giảm nhẹ tình trạng này rất nhiều. Khi một người đã thành công trong việc loại ra khỏi các hiện thể của mình mọi yếu tố thiếu hài hòa (discordant elements), để cho mọi nguyên tử thuộc tất cả các thể của y trở nên rung động hài hòa với Thiên Ý (Divine Will), thì không còn một hoạt động nào trên cõi trần hoặc bất cứ cõi nào khác sẽ còn có năng lực tạo ra bên trong y sự va chạm (friction) hoặc nhiễu loạn (disturbance) nào nữa. Đây là bí nhiệm của một sức khỏe hoàn hảo, an bình nội tâm và sức mạnh cực sung mãn (superabundant) mà Các Đấng Cao Cả (Great Ones) luôn luôn có được.

“Nhưng dĩ nhiên muốn đạt đến một tình trạng hài hòa như thế thì lúc khởi đầu, vị đệ tử, bằng một tác động của ý chí hữu thức, phải tìm cách thay đổi các thành phần bất toàn của cơ thể mình bằng cách chuyển hóa chúng. Tiến trình này thường đưa tới một giai đoạn có tình trạng đau đớn dữ dội, vì mọi việc có liên quan tới quá khứ mà chính y đã tạo ra, vì đó trở nên bị khuấy động lên tới trên mặt. Dĩ nhiên, con đã bắt đầu tiến trình này trong kiếp ở Ai Cập, nhưng cho đến nay nó vẫn còn ở trong vô thức hoặc nhiều hoặc ít. Nhờ con cam kết làm công việc này, mà nhân và quả phát triển từ đó – Thầy tạm dùng một thuật ngữ rất thiếu chính xác này – hầu như tự động được giải trừ với rất ít tự do ý chí về phía phạm ngã. Nhưng giờ đây con đã đạt đến một trình độ mà mọi thể

(bodies) phải tham dự vào qua tiến trình tác động tuyệt diệu của thể trí dưới sự dẫn dắt trực tiếp của Chân Ngã. Sự dẫn dắt này càng trở nên rõ ràng, thì các thay đổi trong thể xác con sẽ càng hiện ra nhanh hơn và thành công hơn, nhưng trong một thời gian, con có vẻ mất đi nhiều sức khỏe tráng kiện hiện tại của con. Đây là lý do giải thích tại sao rất nhiều nhà huyền linh học có xác thân đau ốm và yếu ớt, tất nhiên họ bị các nhà duy vật có đầy đủ sức khỏe đưa ra làm ví dụ để chế nhạo. Các nhà duy vật khỏe mạnh này chưa bắt đầu đối phó với phần còn lại (residue, cặn bã) của tiền kiếp – phải chi họ biết được điều đó – vốn đang được chứa trong nhà kho lớn của tiềm thức, chờ được xử lý sau này khi họ có đủ khả năng để làm như thế.”

267 Các cố gắng đặc biệt của chính tôi trong việc chuyển hóa trong các năm qua chắc chắn đã lộ ra bằng các con bệnh không bình thường đi đôi với nghiệp quả xấu dưới hình thức khó khăn tài chính, đã cản trở tôi rất nhiều trong công tác huyền linh mà tôi hy vọng đảm trách. Thêm nữa, khi việc huấn luyện gian khổ của tôi đã xong, tôi thấy chính mình có được một năng lực chữa bệnh nào đó, dĩ nhiên tôi có dịp sử dụng nó và như vậy được phép thanh toán thêm các món nợ nghiệp quả của tiền kiếp.

Năm mà tôi đang viết sách hiện giờ là một năm bận rộn đặc biệt theo khía cạnh này, vì cho tới nay tôi không đối phó có hiệu quả với chính thể xác của tôi, nó có khuynh hướng nhượng bộ dưới sự căng thẳng. Lúc bấy giờ có một người mà tôi có các liên kết thân ái trong nhiều kiếp đi đến và đề nghị đưa tôi lên núi để lấy lại sức.

Tôi cảm thấy rằng có lẽ có thêm điều gì đó ở sau đề nghị này, vì hiện nay tôi có thói quen tìm kiếm ý nghĩa ẩn giấu

đàng sau mọi sự việc. Chúng tôi đã tốn nhiều thì giờ cố tìm một chỗ thích hợp để ở lại...

274 Tôi chọn chỗ ngồi thiền và chờ. Sự im lặng ngày càng tăng lên, giúp tôi thêm nhạy cảm. Dần dần tôi nhận ra rằng toàn bộ thung lũng mà tôi tưởng chừng như trống rỗng, lại có biết bao là sự sống, trải dài từ các tinh linh thiên nhiên (nature- spirits) đến các đại thiên thần (great devas) đem lại sinh khí (ensouled) cho núi non và dường như lượn lờ (float) bên trên núi. Nhưng ngay sau đó tôi bắt đầu cảm nhận được các thiên thần khác còn xa hơn nữa, các Đấng tuyệt diệu đến nỗi không những một mình thung lũng, mà cả các vùng đất rộng của đồng quê cũng đều được ngập tràn bởi các phóng quang (emanations) của các ngài.

275 Trong các màu sắc lấp lánh của cầu vồng, có các dòng thần lực này tràn ngập, trải rộng ra như các gợn sóng khi một viên đá được ném vào ao, tụ lại và sau rốt hòa lẫn với hào quang của các đại thiên thần ở xa. Đôi khi các tuyến lửa chạy qua lại theo hình chữ chi (zig- zagged back and forth) dường như các ngài đang giao tiếp với nhau, và đôi khi một tuyến lửa bùng lên chói lọi giống như một mặt trời, chiếu rạng và tỏa rộng, cho đến khi mọi vẻ bên ngoài của hình hài biến mất và mọi thiên thần trong thung lũng đều rung động ngây ngất với tiếng dội của các hoạt động.

Từ ngữ “Thiên Thần Quốc Gia” (“National Devas”) hiện ra trong trí tôi, và bấy giờ tôi nhận ra rằng quả thực các đấng oai hùng này (mighty beings) chắc là có xuất hiện dưới một cách thức kỳ lạ nào đó để được ràng buộc – nếu người ta có thể dùng một thuật ngữ thiếu chính xác như thế – với quốc gia ở dưới (beneath) các ngài. Nhưng tôi cũng thấy rằng các dòng thần lực mà các ngài sử dụng, tuôn tràn ra, bất chấp các biên giới do con người tạo ra, để hòa làm một (unite) với các

dòng thần lực của các huynh đệ các ngài, các vị sau này là các thiên thần bảo vệ được chọn lựa (chosen guardians) của các lãnh thổ khác.

Công việc hòa hợp huyền bí có vai trò gì trong sự tiến hóa ở đây? Trên địa cầu mọi cái đều hỗn mang (chaotic); từ bên dưới một khối gồm các rung động xoáy tròn, va chạm tung lên, tối đen và đục ngầu giống như sương mù sát mặt đất; các hình tư tưởng về hận thù và ganh tị giữa các quốc gia, về biên giới và thuế quan (tariffs), về vũ trang và các âm mưu, với nỗi sợ hãi hàng đầu, cha đẻ của tất cả, tạo ra một xoáy lực, khiến cho những ai ở giữa đám xoáy đó không thể hiểu hoặc không thể kiểm chế được.

Nhưng cũng ở đây bên trên các xứ sở (countries), trong không khí khoáng đạt ở trên cao, nơi mà các Hình Tượng vĩ đại (great Forms) hoạt động một cách oai vệ và các Đấng Trí Tuệ dũng mãnh (mighty Minds) xem xét các vấn đề và các phức tạp (perplexities) của con người bằng các tiêu chuẩn khác xa, chỉ những gì tinh tế (fine), chỉ những gì mang tính lý tưởng và cao quý, chỉ có các hình tư tưởng có tính cách xây dựng (thought-forms of construction) được tạo ra bằng tình thương mới có thể thấu nhập vào. Đây là Kho Tuyển Chọn (Sorting House) vĩ đại của siêu thức con người mà con người chỉ đạt đến đó nhờ linh hứng (inspiration) và giác ngộ; vì ở đây mọi năng lượng sáng tạo (creative energy) đều được tích chứa lại, và tất cả những ai hoạt động cho lợi ích chung đều được sức mạnh của nó làm cho phấn khích.

276 Nhưng liền ngay đó tôi cũng nhận thức được rằng không phải chỉ có một mình các nỗ lực kiến tạo của con người trên địa cầu được các Thiên Thần Bảo Vệ Nhân Loại (Guardians of the Race) này sử dụng mà thôi. Các hoạt động hủy diệt cũng được dẫn dắt, trong chừng mực có thể được,

vào các đường hướng (channels) có thể phát triển về sau, và được dùng để làm gián đoạn các tình trạng hiện hữu vốn trở nên thoái hóa hoặc không còn sinh động (static), như vậy, sau rốt mở lối cho việc tuôn tràn vào (influx) của năng lượng đó, chủ nghĩa lý tưởng và đức tin (idealism and faith) vốn dĩ bao giờ cũng được phát sinh trong một thời đại có đấu tranh và thất bại ở bề ngoài. Tự do ý chí của con người không bị đưng chạm đến, nhưng giờ đây tôi cũng thấy rất rõ cách thức mà Đại Ý Chí (Greater Will), tức “Thiên Hựu un đức mục tiêu của chúng ta” (“Providence that shapes our end”) biến đổi mọi chuyện thành tốt lành. Cuối cùng cái Tổng Thể (Whole) sẽ không hứng chịu đau khổ xuyên qua các dẫn độn (Stupidity) và mù quáng của các thành phần (part).

Lúc đó tôi biết rằng Ngài đến gần. Ngài đứng bên cạnh tôi. Rung động của Ngài bao bọc tôi lần nữa trong sự thanh thản và chí phúc. Nơi đây, trong cái im lặng, một lần nữa giọng nói của Ngài thấm vào tim tôi. Ngài cất tiếng nói:

– “Không có gì bị mất mát cả, không có gì bị lãng phí hết. Câu hỏi thường được nêu ra là tại sao mọi sự vật (things) phải chịu đau khổ, phải đấu tranh, bề ngoài phải suy tàn và đi vào tăm tối (obscuration). Nhưng vì lẽ chỉ nhờ có ngã thức (self-consciousness) đầy đủ mới có thể đạt được Thiên Thức (God-consciousness), suy ra rằng các đơn vị nào một mình đã trải qua mọi kinh nghiệm, cả khủng khiếp lẫn đẹp đẽ, hủy diệt lẫn sáng tạo, vật chất lẫn tinh thần, và những ai đã góp nhặt được vào chính mình vô số trạng thái của sinh lực (life-force), mới có thể hiểu được các đấu tranh của mọi đơn vị khác và cũng có khả năng giúp cho chúng phát triển về phía lý tưởng.

“Hôm nay con đã được giúp đỡ để nhận thức được điều mà trước đây chưa bao giờ có, đó là tính duy nhất (unity) ẩn

bên dưới đang kết nối mọi biểu lộ của Sự Sống lại chung với nhau. Con đã nhận thức được công việc của các Thiên Thần Quốc Gia vĩ đại, các vị này đang nỗ lực đem lại hòa bình, hài hòa và tình thương giữa con người, đồng thời nỗ lực phá hủy các rào cản mà sự kiêu hãnh và sợ hãi từ lâu đã được dựng nên để phân chia họ.

277 “Hiện nay, thế giới đang trải qua những gì dường như là một thời kỳ khủng khiếp của hỗn mang và căng thẳng vu vơ ở bề ngoài. Thực ra các quốc gia đang nỗ lực thanh toán Karma và phát triển một ý thức trung thực hơn về bối cảnh và một hiểu biết rộng lớn về sự cần thiết sâu xa trong hợp tác. Vì đừng quên rằng các quốc gia theo cùng phương pháp tiến hóa như các cá nhân. Các quốc gia cũng có thời ấu trĩ giống như con người; chúng cũng có tuổi đam mê và lãng mạn lúc trưởng thành, thời chín chắn, lúc tuổi già, rồi thời suy tàn, tử vong. Đôi khi, giống như trong các kiếp sống của con người, có tình trạng hỗn loạn (anarchy), đôi khi thất bại; đôi khi dường như xảy ra phong trào thoái hóa; đôi khi ý muốn (will) tìm cách thống ngự thay cho Luật Pháp, và phản ứng từ các sai lầm trước kia trong việc phán đoán lại biểu lộ ra thành cuồng tín và chuyên chế. Mọi sự phát triển tự nhiên đều chậm chạp, và khi nhịp độ phát triển (pace) bị thôi thúc quá dữ dội thì hình thức gián đoạn nào đó hầu như luôn luôn theo sau. Nhưng khuynh hướng chung là hướng đến sự hài hòa và tình huynh đệ trong nhóm. Hãy nghiên cứu lịch sử bằng một trí óc giác ngộ thì con sẽ có thể phản bác (refute) lại các xác quyết của những ai cho rằng nhân loại đã không tiến tới. Dĩ nhiên con người còn có trong chính mình các tàn dư của những giai đoạn mà con người đã vượt qua; con người có những lúc té ngã trở lại, và càng trở nên hiểu biết nhiều chừng nào, thì hậu quả của các té ngã trở lại càng khủng

khiếp hơn. Nhưng qua các lần té ngã này, con người cũng học hỏi được nhiều, về mặt quốc gia cũng như mặt cá nhân. Qua việc thiền định, hãy tìm cách khám phá ra cho chính con Định Luật Tương Ứng (Law of Correspondence), luật này biểu lộ suốt cả Hệ Thống bao la (mighty Scheme) mà con là một phần trong đó, và cố gắng nhận thức rằng từ nguyên tử nhỏ nhất đến Tinh Quân Hành Tinh vĩ đại nhất (greatest Planetary Spirit), tất cả đều tiến hóa qua cùng hoạt động theo chu kỳ, lên mãi đến tình trạng mà chưa ai có thể biết được ngay cả chúng ta có suy đoán về nó, cũng chỉ vô ích.”

278 Tiếng nói của Ngài dừng lại. Tôi chăm chú nhìn qua rừng núi, và dường như trong thoáng chốc, tiếp xúc với các nhịp điệu bất hòa hợp (conflicting rhythms) của vô số sự sống. Các quốc gia này có vẻ gần gũi biết bao với các vấn đề khó khăn, các hy vọng, các ước mơ và các thôi thúc mù quáng của họ! Vâng, các quốc gia đó thực là giống như con người, chúng cũng có các tiềm thức ngập tràn các cấm kỵ cũ xưa (ancient taboos) và các khuynh hướng ban đầu; chúng cũng có tinh thần siêu thức (superconscious spirit), tinh thần này cũng tìm cách dẫn dắt, dạy dỗ và kiểm soát thể biểu lộ (body of manifestation) của quốc gia nữa. Tuy nhiên, vượt qua những điều này, tôi mơ hồ cảm nhận còn có một cái gì bao la hơn nhiều – một Sự Sống vĩ đại hơn: Chúa Tể Hành Tinh (Planetary Lord), mà có lẽ mọi sự sống khác nơi đây là một phần của Sự Sống vĩ đại đó. Còn Ngài, có phải là một phần của một Đấng còn vĩ đại hơn nữa chăng? Liên miên bất tận... Đầu óc tôi choáng váng trước ý tưởng đó. Quả thực suy đoán chỉ hoài công! Bao nhiêu đó cũng đủ cho tôi cố gắng và hiểu được đôi chút điều mà tôi đã được chỉ ra, để cố gắng giải quyết các vấn đề trước mắt và đóng góp vai trò của tôi, dù là nhỏ nhoi, trong việc tìm cách – như Thầy của tôi đã có lần nói

– mang lại một hài hòa nào đó vào trong cái rối ren của Kỷ nguyên Hỏa Tinh (age of Mars) này, tức Hủy Diệt (Destroyer). Tư tưởng của Ngài đáp lại tư tưởng của tôi.

– “Đúng vậy, chúng ta cần những nhà lý tưởng thực tiễn (practical idealists), chớ không cần những kẻ quen đắm mình vào các mê cung lồi cuồn của các suy diễn về vũ trụ, mặc dù việc đó giúp ích cho kẻ phụng sự (worker) nếu y có thể hiểu được những gì mà các Đấng Toàn Năng (Powers) đặt đằng sau y. Chúng ta cần những ai có thể hiểu được các kho tàng minh triết vô giá mà chúng ta đã trao cho nhân loại và diển dịch lại các kho tàng đó theo các nhu cầu của thời hiện đại.

“Vì tiếng kêu than của thế giới – một thế giới đang trải qua sự lạc hướng nhất thời (temporary disorientation) không thể tách ra khỏi một giai đoạn khi mà các giá trị mới đang được tìm kiếm còn các giá trị cũ bị đào thải (discarded) một cách nhanh chóng như thế, giờ đây, ánh sáng mới, sự dẫn dắt mới, các giải đáp mới đối với các vấn đề vĩnh cửu này vốn đang ở dưới lớp vỏ (guise) này hoặc lớp vỏ khác, luôn luôn là vấn đề mà nhân loại phải đối phó. Một số người nghĩ rằng phải có một chuỗi minh triết mới được đưa ra; một số tin vào sự giáng lâm (advent) của một Đấng Cứu Thế mới (New Messiah), một số khác đang đi ngược lại và tìm kiếm sự giác ngộ nơi các tôn giáo của các Kỷ Nguyên trước. Nhưng điều kỳ lạ nhất là đa số vẫn khẳng khẳng làm ngơ với chính thiên khai (revelation) được đưa ra đặc biệt dành cho việc phụng sự thế giới hiện đại. Dường như ít người hiểu được rằng nói chung, nhân loại chưa **bắt đầu** đồng hóa (assimilate) phần minh triết đã được đưa ra cách đây hai nghìn năm, cũng như không có bất cứ cố gắng thật sự nào được đưa ra cho đến nay để noi theo các giáo huấn này hầu đưa chúng đến kết luận hợp lý. Thế thì tại sao họ lại mong có được giáo lý mới?

279

“Ta muốn con xem xét vấn đề này: nếu thế giới đều trở thành Cơ Đốc nhân (Christian) theo đầy đủ ý nghĩa của thuật ngữ đó, nói cách khác, nếu mọi người trên trái đất, trong kiếp sống riêng của mình, đều có lỗi xử thế như Đức Christ đã dạy, thì liệu còn có vấn đề gọi là “các khó khăn hiện đại” (“modern problems”) hay không? Liệu thế giới có gặp bất cứ khó khăn nào như nó đang gặp ngày hôm nay hay không? Nền văn minh này mà một số người trong các con có vẻ hãnh diện vì nó, thực ra hãy còn sơ khai đến nỗi trong các lần luân hồi sau, con sẽ nhìn thấy nó bất quá như là văn minh của một vài quốc gia còn hoang dại (native states), đó là kết quả trực tiếp của việc nhân loại bất lực không hiểu rõ và đánh giá cao các cam kết thiêng liêng (divine promises) chứa đựng trong triết lý của Đấng Christ. Vì lẽ các giáo huấn được ban ra cho nhân loại luôn luôn được làm cho ăn khớp (synchronized) với các nhu cầu của thời đại và giống dân mà giáo huấn đó được truyền đạt; theo dòng tiến hóa, mỗi đại giáo chủ đều lặp lại và bàn rộng hơn (amplifies) các giáo huấn có trước, tìm cách hiệu chỉnh các sai lầm trong cách diễn dịch vốn đã len lỏi vào và làm lệch lạc chân lý. Cơ Đốc Giáo đã chịu đau khổ cũng do các lỗi lầm như thế; đạo ấy đã bị giảm giá trị (debased) và bị thay đổi bởi những người muốn bẻ cong (twist) đạo đó vào các mục đích riêng của họ – các công đồng (councils)⁽¹⁾ gồm các giáo sĩ e ngại cho thanh thế của họ gồm những kẻ tin mù quáng (bigols), những kẻ cuồng tín

¹ Công đồng: Đại hội tôn giáo, được tổ chức khi có sự thay đổi quan trọng trong tín lý của Thiên Chúa Giáo. Ví dụ Công Đồng Constantinople do Giáo Hoàng Vigilius triệu tập năm 553, ra tuyên bố rằng Luân Hồi là tà thuyết, vì từ năm 553 trở về trước, các Giáo Hoàng và Giáo Hội Thiên Chúa La Mã đã công nhận thuyết Luân Hồi trong hơn năm thế kỷ. (ND)

(fanatics), và những kẻ không biết mãnh lực bền vững của Ngôi Lời (Word). Nhưng Ngôi Lời không thể bị hủy diệt, cuối cùng chân lý sẽ thắng. Giáo lý của Đấng Christ là nơi tổng hợp của tất cả những giáo lý được đưa ra trước kia, giáo lý của Ngài là tiêu điểm (focal point), đỉnh của tam giác Minh Triết, chúc xuống tạm thời, giống như đầu nhọn của ngọn lửa chiếu sáng, chọc thủng cái tối tăm của thế gian. Ngài thuyết giảng cho nhân loại một Thiên Luật hoàn hảo và vĩnh cửu, không phải chỉ cho thời đại này và một mình nhân loại này, mà là cho mọi nhân loại và mọi thời đại. *“Hãy kính yêu Thượng Đế và yêu thương kẻ lân cận con như chính con.”*

“Người đo lường người khác như thế nào thì người sẽ bị đo lường lại như thế ấy.” Thế đấy, hai câu chí tình đó chứa đầy đủ Thiên Luật. Nếu mọi sự tôn thờ (cult) và mọi tôn giáo không còn tồn tại nữa, chỉ còn lại luật này thì cũng đủ rồi, vì đối với người tuân theo Định Luật này thì chẳng có một mảy may rẽ ngoặt, mọi việc khác, mọi tri thức, mọi minh triết, mọi quyền năng và lạc phúc tất phải được gia tăng.

280

“Bây giờ con nghĩ rằng không thể nào *sống* theo luật này, không thể nào xây dựng một nền văn minh dựa vào nó ư? Ta cho con biết điều đó *không phải là* không thể làm được. Qua bao kinh nghiệm đắng cay, sẽ đến một ngày nhân loại nhận thức được rằng nếu sống được một cuộc sống giống như Đức Christ đã dạy ra và đã thực hành, thì đó chính là phương pháp duy nhất để nhờ đó cá nhân cũng như nhân loại có thể đạt được hạnh phúc và hài hòa (harmony). Con người nói đến Thời Hoàng Kim (Millenium), thế mà họ không hiểu được rằng Đấng Christ đã trao cho họ chìa khóa đưa đến thời toàn hảo đó. Con người đừng để phí thời gian tìm kiếm một giáo lý mới, cũng như đừng tìm kiếm một kỷ nguyên mới sẽ đến với địa cầu; món quà thiêng liêng không

thể lọt vào những bàn tay còn nắm chặt. Kỷ nguyên mới phải bắt nguồn từ quả tim biết thay đổi của mỗi con người, nam cũng như nữ; sự Trở Lại Lần Thứ Hai (the Second Coming) sẽ là sự trở lại của *Tinh Thần Christ (Christ Spirit)* biểu lộ trong mỗi thể xác (body of flesh) qua nỗ lực và đạo tâm của chủ nhân của thể xác đó. Trước khi điều này có thể xảy ra, trước hết mỗi người phải tự xây dựng *chính mình* dựa trên kiểu mẫu hoàn hảo đó, vì chỉ khi nào cái bình không còn chỗ nứt nữa nó mới nắm giữ được chính Thánh Tể của Sự Sống (Wine of Life) phải không?

“Điều này vẫn chưa được hiểu rõ. Con người thích nhìn ra ngoài hơn là nhìn vào nội tâm để tìm các thiên khai (revelations) – điều đó dễ dàng hơn rất nhiều. Tuy nhiên cần phải hiểu rõ nếu nhân loại muốn được cứu ra khỏi các tai họa mới. Quần chúng hiểu biết về nghịch cảnh đáng thất vọng của họ và nhu cầu lớn lao của họ một cách lơ mờ. Đa số đều chưa có khả năng tái khám phá chân lý từ nơi vực sâu sai lầm mà họ đã lao vào; do đó các nhà lãnh đạo cần phải là những người phụng sự chân lý, những kẻ yêu thương nhân loại, những người nam và nữ được luyện tập theo kỹ thuật của các phương pháp diễn tả hiện đại.

“Bất cứ người nào như thế đều cùng lúc có được các tiềm năng lãnh đạo, hiện nay họ đang được giám sát rất cẩn thận bởi các nhà lãnh đạo trước kia của nhân loại, tức là các vị đã bước ra khỏi chu kỳ sinh tử, và nhờ đang hoạt động nơi các chốn cao thâm, các ngài có thể nhìn xuống các rối loạn của các quốc gia và con người, thấy được toàn bộ kế hoạch với các khuynh hướng và mục tiêu của nó, giống như con, từ đỉnh núi cao này nhìn xuống, có thể thấy được phương hướng nào đưa đến hàng trăm con đường nhỏ, trong khi đối

với những ai đang bước trên con đường đó, chỉ có những khó khăn ngay trước mắt mới có thể được họ nhận ra mà thôi.

“Công việc của chúng ta (tức các Chân Sư- ND) phần lớn có liên quan với sự phát triển này. Nhưng vì chúng ta không thể tiếp xúc trực tiếp với đa số người đang ở trong đám bụi phân tranh (dust of conflict) và vì quá bận rộn, quá ù tai và quá hoang mang bởi việc tranh chấp nên không thể nhận được các ý tưởng mà chúng ta muốn in sâu vào họ, hy vọng duy nhất của chúng ta là làm như thế một cách gián tiếp qua những người nam và nữ khác, họ đang tự nguyện trở thành khí cụ của chúng ta và sẵn sàng hy sinh mọi việc và tự luyện tập ngỗ hầu có thể liên kết sự hiểu biết về các mãnh lực tinh thần (spiritual forces) với các hoạt động tầm thường vô vị hơn này mà các huynh đệ của họ đang theo đuổi – thường thường theo cách rất mù mờ.

“Để làm cho công việc này được dễ dàng ở một khoảng thời gian không quá dài, một số Trung Tâm Tinh Thần (spiritual Centres) sẽ được lập nên ở các nơi khác nhau, đặc biệt là ở Phương Tây. Rải rác khắp trên thế giới có các địa điểm được truyền từ điển rất mạnh thích hợp với các mức độ rung động đặc biệt được làm cho ăn khớp với các giai đoạn nhất định trong bước tiến hóa của nhân loại. Thần lực được tích chứa lại trong các địa điểm này và các Đấng Cao Cả (great Beings) được ấn định để bảo vệ chúng, chỉ những ai hoặc ở trạng thái hữu thức trên cõi trần, hoặc đôi khi chỉ ở trong các thể cao có nhiệm vụ phải làm nơi đó mới được phép đi vào. Vào đúng lúc, các đệ tử sẽ được gửi đến các địa điểm này để sử dụng thần lực đó dưới sự chỉ dẫn của các đấng thầy của họ, các đệ tử sẽ được chỉ dạy cách sử dụng như thế nào. Các nhóm sẽ được thành lập, còn các trung tâm thiên định được chọn nơi mà các đệ tử này có thể làm việc bằng

cách tiếp xúc chặt chẽ với các nhóm và các đức thầy nội môn (inner groups and teacher) của họ, không bị phá rối sự yên tĩnh bởi các phóng phát hỗn độn (confusing emanations) không thể tách ra khỏi sự tiếp xúc chặt chẽ với nền văn minh. Rải rải khắp nơi trên thế giới, các nhóm này sẽ tạo thành các mắt xích trong dây chuyền huyền bí mà cuối cùng có vận mệnh là kết hợp nhân loại với các nhà lãnh đạo tinh thần của nhân loại và mở ra một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên hòa bình và phát triển về mặt huyền linh (occult development).

282 “Nhiều người đã và đang được luyện tập để gia nhập vào các nhóm này, nhưng tương đối ít người sẽ có khả năng vươn lên đến cơ hội lớn lao này trừ phi họ dùng hết ý chí cố hướng về mục tiêu, vì họ cần phải có các tính chất rất đặc biệt. Quá nhiều nhóm và phong trào trong quá khứ đã bị tan rã do thiếu năng lực dành cho vị phụng sự không vị kỷ và khuynh hướng nhấn mạnh vào sự quan trọng của phẩm ngã (personalities) vốn là đặc điểm của các nhà lãnh đạo cũng như của các thành viên. Điều này đã đưa đến sự ganh tị kiêu hãnh và tất cả các biểu lộ tình cảm nhỏ nhen của phẩm ngã (lower self) và sau rốt đã làm xói mòn và hủy diệt các nỗ lực giúp đỡ nhân loại của các Đấng Cao Cả. Do đó, lần này có sự đặc biệt kỹ lưỡng trong việc lựa chọn, chỉ những người được chứng tỏ đã vượt lên trên các nhược điểm như thế mới được chọn mà thôi. Lòng trung thành, biết đánh giá đúng các giá trị, có được đức tính vô tổn hại (harmlessness, không gây tổn hại) và có được sự quân bình tình cảm kết hợp với lòng ham muốn phụng sự nồng nhiệt và quyết tâm đến nỗi nó sẽ thiêu hủy hết bất cứ ý tưởng nào về sự thành đạt cá nhân, đó sẽ là các điều kiện tiên quyết (pre-requisites) cho công việc này.

“Nhu cầu trở nên cấp thiết đối với những người phụng sự như thế – cấp thiết nhiều hơn là con biết. Điều thiết yếu

cho việc cứu độ nhân loại là tất cả hàng rào chia rẽ giữa quốc gia với quốc gia, giữa cá nhân với cá nhân, cần được phá vỡ, ngay tức thì.

“Điều này chỉ có thể làm được bởi kẻ giác ngộ. Tín ngưỡng hoặc là chủng tộc của họ, họ khoắc lấy hình thức hoạt động gì, hoặc danh xưng mà họ đặt cho mục đích của họ là gì, tất cả đều không quan trọng. Nhạc sĩ, y sĩ, nhà khoa học, thi sĩ, nghệ sĩ, các nhà hoạt động xã hội thuộc đủ ngành, người nuôi lý tưởng, người mơ mộng cố biến các ước mơ của mình thành sự thực, đều là những kẻ cộng tác, các dụng cụ của chúng ta.

“Chúng ta đòi hỏi, chúng ta kêu gọi tất cả những ai yêu thương nhân loại, những ai muốn tham gia vào công việc chuẩn bị và tái tạo vĩ đại này, hãy đưa ra nỗ lực vượt bậc để chuẩn bị cho mình thực sự trở nên thích hợp để nhận được sự chuẩn nhận trong Kỷ Nguyên Mới.

283 “Chúng ta có lời khuyên cho những người nam và nữ như sau: “Hãy thuyết giảng hòa bình, tưởng nghĩ về hòa bình, không ngừng làm việc cho hòa bình.” Trước tiên, nếu phạm vi của các bạn có vẻ hạn hẹp, cũng đừng thất vọng, hãy bắt đầu bằng cách nỗ lực tạo ảnh hưởng của mình lên ngay trong giới của mình, và khi năng lực hành thiện tăng lên, nhờ thế vòng tròn sẽ được nói rộng chung quanh các bạn. Hãy thực hành sự tự tri, tự phán đoán và tự kiểm chế, nếu không có các tính chất này, các bạn sẽ không thể tạo được tiến bộ nào. Hãy suy tưởng đúng đắn, đừng để cho bị cuốn hút vào trong con lốc xoáy của sợ hãi, oán thù và tham lam vốn đang hoành hành chung quanh các bạn. Hãy tìm cách mang lại hài hòa vào mọi cuộc sống đến được với các bạn. Đừng bao giờ khơi dậy đám than hồng của nghi ngờ và ganh tị. Hãy dè chừng lời nói và hãy để cho tư tưởng các bạn luôn luôn tích

cực, hữu ích về tràn đầy tình thương. Mọi người hãy từ chối không nghe chuyện gây tai tiếng (scandal) hoặc đừng lặp lại chuyện đó, dù cho nó có liên can đến đời sống cá nhân hoặc quốc gia. Nên nhớ sức mạnh của lời nói mạnh mẽ biết là bao. Kẻ hay phao tin có khả năng nguy hại là gần với Tà Đạo và thường bị Tà Lực (Dark Forces) sử dụng nhiều hơn là họ biết được.

“Vì lẽ đó, hãy tránh việc lặp lại các lời đồn đãi vu vơ (idle rumours), các câu chuyện về tình trạng xung đột và về việc có thể xảy ra chiến tranh. Chúng ta đang dùng hết khả năng chúng ta để ngăn không cho một tai họa quốc tế khác khởi xảy ra bằng cách cố gắng tạo ấn tượng lên những kẻ dễ cảm nhận ảnh hưởng của chúng ta bằng sự tiên kiến và minh triết của chúng ta. Các bạn trên cõi trần có thể hoặc là trợ giúp chúng tôi trong công việc này, hoặc tùy bạn chọn lựa, giúp các tà lực vốn đang tìm cách đem lại xung đột cho nhân loại bằng cách gieo rắc các mầm độc (poison-germs) như nghi ngờ và oán thù. Hãy học cách sàng lọc cái chân ra khỏi cái giả. Hãy nhanh chóng nhận ra các nguy cơ, nhưng đừng nói đến chúng trừ khi cần thiết, kéo kẻ vô minh và kẻ nhút nhát thổi bùng các tia lửa của bạn thành ngọn lửa. Hãy chậm phán đoán mọi người nhưng đặc biệt là các quốc gia khác, mặc dù họ đi theo con đường khác với con đường của bạn, tuy vậy, họ cũng đang tìm kiếm cùng mục tiêu. Hãy nhớ rằng các bạn chỉ được ràng buộc trong nhất thời với bất cứ sự sống đặc thù nào của một quốc gia mà thôi. Các đặc tính xa lạ, các lỗi lầm, tật xấu mà các bạn lên án chỉ thuộc về riêng của các bạn trong quá khứ, và *do chính sự lên án đó, các bạn có thể bị ràng buộc chính các bạn vào chúng trong các lần luân hồi sau này*. Sự sống của một quốc gia chỉ là phản ảnh của một vài khuynh hướng phát triển của con người và các khuynh hướng này là

284 kết quả của vô số nguyên nhân vốn phải trả trong các quả đặc biệt ở trên mức độ rộng lớn bao la hơn là mức độ của một mình cá nhân; nhưng một quốc gia cũng nhận sự phán xét mà quốc gia ấy đã đối xử với các quốc gia khác, và khi quốc gia đó điều đứng vì tái sinh, chịu thống khổ vì sự bù trừ nghiệp quả (Karmic retribution), hoặc là do việc thiếu viễn kiến (vision), tạo ra nhân lần nữa, vì vậy quốc gia đó sẽ phải trả bằng trọn thời gian, chính là để cho các quốc gia tìm hiểu, thương hại, giơ tay giúp đỡ, củng cố và thương yêu – chớ không phải để kết án và trả đũa. Điều này có vẻ là một đòi hỏi quá nhiều đối với nhân loại ngày nay, nhưng cái tổng thể chỉ có thể tăng trưởng qua sự phát triển của các thành viên cá biệt của tổng thể đó và bằng gương sáng của các thành viên.

(1)* “Liên Minh các Quốc Gia (League of Nations) của con mà kẻ thiển cận coi thường bởi vì nhiều bất toàn của nó (quên đi chính mình) là nỗ lực thử nghiệm đầu tiên của nhân loại hướng về việc tạo ra một mô hình lý tưởng (ideal pattern) cho tương lai. Đó là mầm mống mà từ đó tàng cây vĩ đại của sự hợp nhất quốc tế, rốt cuộc sẽ nảy sinh, và mọi người, tức là kẻ sẽ mang lại cho nó sự khích lệ, kẻ suy tư và hành động với tình thương thuần khiết trong tim mình được thúc đẩy đến mục đích cuối cùng đó; vì các mơ mộng của lý tưởng gia ngày nay là các điều thông thường được chấp nhận của quần chúng ngày mai.

“Vậy nên hãy tiến tới, hãy nhớ rằng không có một giới hạn nào được đặt ra dựa vào sự thành tựu, trừ giới hạn của nỗ lực cá nhân, và tương xứng với nỗ lực đó sẽ là sự trợ giúp được tuôn đổ xuống từ Suối Nguồn vô tận của thần lực và

¹ Sách này được viết trước Thế Chiến thứ Hai (This was written before the second World War)

tình thương. Đối với mỗi người, sự thành tựu, sự giải thoát, quyền năng và chí phúc chờ đợi không giới hạn, chìa khóa cho cánh cửa đó vốn dẫn từ sự chết đến sự sống nằm trong chính bàn tay của con. Chúng ta nói với tất cả các con, hãy sử dụng nó ngay bây giờ, để cho những kẻ noi theo bước chân con có thể dễ dàng tiến nhập vào.

“Đừng sợ hãi gì cả. Không có quyền lực nào trong Vũ Trụ, không có sức mạnh hủy diệt nào cho dù hiểm ác đến đâu, lại có thể chạm đến người nào mà nhờ hành động chọn lựa, cân nhắc, y hợp nhất chính mình với Thiên Ý (Divine Will).

285 “Đừng bao giờ chịu thất vọng. Dù con có vẻ yếu đuối, quá khứ con có đen tối thế nào đi nữa, cũng không hề gì; nếu ước muốn phụng sự thực sự bùng cháy trong lòng con, nó sẽ được bảo vệ bởi các Đấng có hùng lực hơn là chính con, và mọi cơ hội phát triển sẽ được dành cho con. Không có một ai trên cõi trần, cho dù thấp kém đến đâu, cho dù không có được một tia sáng thánh thiện hoặc tia sáng hy vọng, mà không thể leo lên, nếu y muốn thế, tới Cánh Cửa Giải Thoát (Gate of Liberation), không thể thoát khỏi Vòng Luân Hồi và sau cùng đứng thẳng vào hàng ngũ các Đấng đã trải qua cùng các đau khổ tương tự và cuối cùng đạt đến tự do.

“Các Ngài chính là các Huynh Trưởng của con, con không tranh đấu chỉ một mình. Ngoài ra con mãi mãi tiến gần đến các Đấng đã hy sinh chính các Ngài để giữ cho tia sáng thiêng liêng đó nơi con được linh hoạt (alive) và các Ngài sẽ truyền vào tia sáng đó bằng hơi thở của tình thương cho đến khi cuối cùng nó bùng lên thành ngọn lửa, hòa lẫn vào Đại Linh Hỏa (Great Flame) mà các Ngài – tức các Chân Sư, Các Đấng Cứu Thế, Các Thánh Hiền (Saints, Sages) và

mọi đoàn thể huy hoàng gồm các Đấng Giải Thoát (all glorious company of the Liberated), trở nên hợp nhất.

“Chỉ lúc bấy giờ, hồi kẻ Hành Hương Thiêng Liêng (Divine Wanderer), khi con, tức *Con Người*, trở nên hoàn thiện, giống như người Khổng Lô (titan), bước ra khỏi quỹ đạo địa cầu, đi vào các cõi giới bao la hơn của hoạt động Vũ Trụ, bấy giờ sự hiểu biết về vận mệnh đích thực của con sẽ được khai mở. Vào thời điểm đó, quá khứ sẽ hiện ra như một đêm tối đi qua, còn tương lai là vinh quang khôn lường. Hết cõi này đến cõi khác, hết hệ thống này đến hệ thống khác, hết kế hoạch này đến kế hoạch khác sẽ mở rộng trước cái nhìn chăm chú của con khi con vượt qua con đường của con, mãi tìm *Cái Đó (That)* vốn vượt ngoài ý nghĩa hay sự tương tượng, tuy thế mãi mãi là chính con, Cội Nguồn của con, Sự Sống của con – và mục tiêu của con.”



VÒNG LUÂN HỒI

(The Wheel Of Rebirth)

VÒNG LUÂN HỒI

(The Wheel of Rebirth)

H. K. CHALLONER

Theosophical Publishing House London LTD
68 Great Russell Street London W.C.1